



tủ sách việt văn mới

văn học nghệ thuật

việt văn mới

số 1 tháng 7 năm 2013

nguyễn khôi . đàm lan . nguyễn ngọc tuyết . vũ lưu xuân
đình hương . nguyễn thị tuyết mai . vương hoài uyên . hà
nguyên tường . chu trầm nguyên minh . lê văn trung
nguyễn văn sâm . lý thị minh châu . nguyễn đoan tuyết
lê nam phương . cảnh cửu . triệu từ truyền . trần văn lệ
vũ quang tần . nguyễn thị di . từ vũ . nguyễn lệ uyên
quý thể . mai thực . huyền viêm . võ công liêm . tâm nhiên
đặng minh quyền . vũ anh tuấn . thiếu khanh . mang viên
long . từ kế tường . huy uyên . nguyễn minh . hồ chí bửu
bùi đức long . elena pucillo trương . emily carlier .

**tủ sách việt văn mới xuất bản
2013**

văn học nghệ thuật

VIỆT VĂN MỚI

số 1

15 tháng 7 năm 2013

**tủ sách việt văn mới
2013**

. nguyên khôi . đàm lan . nguyên ngọc tuyết . vũ
lưu xuân . đình hương . nguyên thị tuyết mai .
vương hoài uyên . hà nguyên tường . chu trầm
nguyên minh . lê văn trung . nguyên văn sâm . lý
thị minh châu . nguyên đoan tuyết . lê nam
phương . cảnh cửu . triệu từ truyền . trần văn lệ .
vũ quang tần . nguyên thị di . nguyên lệ uyên . từ
vũ . quý thể . mai thực . huyền viêm . võ công
liêm . tâm nhiên . đặng minh quyền . vũ anh tuấn .
thiếu khanh . mang viên long . từ kế tường . huy
uyên . nguyên minh . hồ chí bửu . bùi đức long .
elena pucillo trương . emily carlier .

nguyệt san việt văn mới
số 1 tháng 7 năm 2013

Lời mở đầu

Nguyệt san việt văn mới số 1 tháng 7 năm 2013 này được hình thành trong khuôn khổ tủ sách việt văn mới nhằm đáp ứng yêu cầu của độc giả yêu chuộng văn chương nói riêng , văn hoá việt nam nói chung và cũng để thích hợp với những phương tiện truyền thông hiện đại mới được phát triển mạnh mẽ gần đây như các máy loại đọc cá nhân ebook ...

Nguyệt san sẽ được ra mắt định kỳ mỗi tháng một số với những cây bút có tên tuổi đã và đang cộng tác trên newvietart việt văn mới.

Giới yêu chuộng văn chương có thể sử dụng 3 phương pháp để đọc tuyển tập :

1- bằng vi tính, ordinateur, như thường lệ.

2- thu ghi , download, về máy đọc cá nhân Ebook như Ipad, Amazone Kindle, Sony ... thuận tiện đọc khi phải di chuyển hoặc khi không mở máy vi tính .

3- tự in ấn để lưu trữ và đọc .

Người đọc tuyển tập này được hoàn toàn miễn phí , chỉ duy nhất một điều kiện :

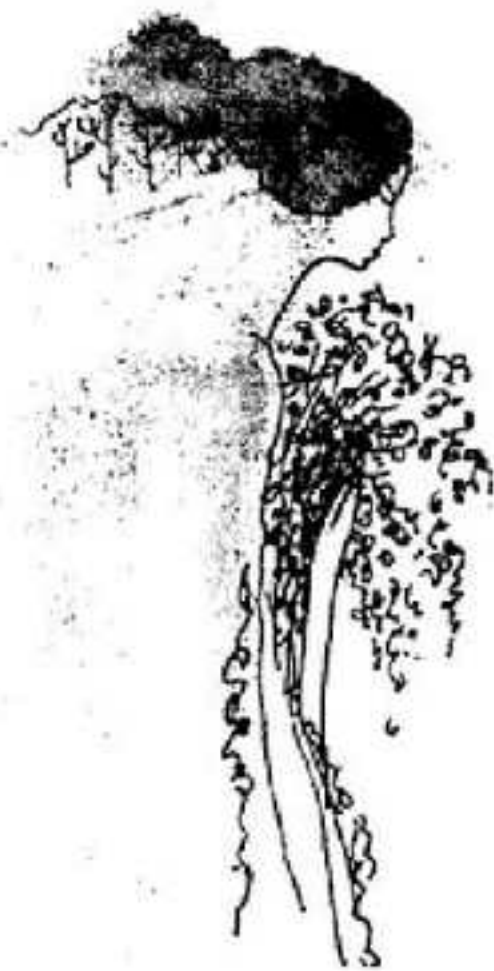
không được sử dụng với mục đích thương mại .

Chúng tôi, những người chủ trương hệ thống việt văn mới newvietart hân hạnh được trao gửi quý độc giả tặng phẩm văn hóa :

nguyệt san Việt Văn Mới – số 1 ngày 15 . 7. 2013

Từ Vũ

la Serénité, 01.7.2013



BẾN SÔNG HOA

NGUYỄN NGỌC TUYẾT

1- Nơi ấy, bắt đầu những hiểu biết của tuổi thơ tôi . Lần đầu tiên con bé chỉ quen với góc nhà, phòng lớp , những bạn bè thân thuộc đã mở mắt ra thấy được thế giới xao động bên ngoài . Và cái thế giới ấy bắt đầu từ khu chợ dọc bến sông này .

Trời mờ mờ sáng, cùng đưa bạn thân gần nhà, tôi đã chạy bộ ra bến Ninh Kiều, cái bến sông nổi tiếng của Thành phố quê nhà để xem chợ nhóm . Buổi chợ đông bao giờ cũng rộn ràng , náo động . Mặt trời vẫn chưa lên nhưng ghe xuồng đã đậu đầy bến , tấp nập lên hàng . Đứng bên trên nhìn xuống biết bao lần mà cảm giác trong tôi vẫn tươi rói, tinh nguyên của cái lần đầu mở to mắt nhìn ghe xuồng từ các vùng sông rạch tiến vào đây như những mũi tên rẽ nước nhẹ nhàng trên bến sông . Cảnh “Trên bến dưới thuyền” ồn ào, đông vui khiến ta nghe râng râng trong từng mạch máu, nghe nóng bừng trên khuôn mặt ngỡ ngàng ngây thơ . Chưa hết, những cần xé đầy cam quýt, bầu bí và trăm thứ nữa cứ từ từ chuyển động về phía chợ, những chiếc cần xé nặng trĩu che khuất cả người phu khuân vác gợi cảm giác chúng đang tự di chuyển một cách ngộ nghĩnh, lạ lùng trong mắt chúng tôi .

Rời mắt khỏi bến sông, khu chợ Cần Thơ lại hiện ra nồng nàn hương vị của buổi nhóm chợ . Đèn sáng choang, tiếng la hét, cười nói , tiếng người lục tục thức dậy sau giấc ngủ qua đêm ngay tại chỗ bán , tiếng ly tách chạm vào nhau cùng tiếng nước sôi xèo xèo trong mấy quán cà phê đầu chợ . Ai từng đến đây chắc sẽ không quên mấy quán cà phê ngay góc “Đền ba ngọn” . Hầu như quán bán suốt đêm . Một hai giờ khuya, có việc đi đâu sớm, người dân thành phố hay ghé chỗ này, làm ly “Xây chừng” cho tỉnh ngủ . Giống như tôi , bao năm lên Sài Gòn ăn học vẫn nhớ mãi cái hương vị nồng nàn , cái ồn ả của khu chợ sớm, nhớ mãi ly cà phê nóng uống lúc sớm bừng ở góc đền ba ngọn ... Khu chợ với tôi như một trái tim lớn , đập phồng nhịp thở ấm nồng , và ghe xuồng khắp nơi đổ về mỗi buổi sớm là những mạch máu tươi hồng đem máu trở về tim để sau đó luân lưu đi khắp chốn ...

2- Nơi ấy, bên kia sông tôi còn một tên bạn thân và rất nhiều kỉ niệm tuổi xuân thì . Bước xuống một con đò, cô lái đò chỉ quấy vài mái chèo là đã đến bờ bên kia . Lên cây cầu xi măng nhỏ , đi vài bước đã tới nhà bạn tôi . Hẳn nhỏ hơn tôi vài tuổi, học cùng lớp với nhỏ cháu tôi nhưng chúng tôi rất thân thiết vì cùng thích thơ văn . Chính trên cái máy chữ lọc cọc tại nhà tôi mà hai đứa cùng tập đánh những câu thơ đầu tiên . Đầu tiên cho cả một hành trình viết lách sau này của hẳn để trở thành nhà văn khá nổi tiếng rồi chết tức tưởi với “Trái tim nhà văn”, tên truyện ngắn cuối cùng của hẳn .

Bao giờ ngồi ở bến sông này, nhìn qua bên kia sông, tôi cũng nhớ tên bạn da diết . Vừa bước vào nhà, hẳn đã gọi nhỏ em đi kêu cà phê . Tôi biết thừa là cà phê ở cái quán gie ra đầu ngõ – “ Quán Thu Phong” của chúng tôi ! Rồi hai chúng tôi, cộng lại chưa đủ bốn chục tuổi mà ngồi đó , im lặng như hai ông bà già, thả hồn vào từng giai điệu êm ả, trầm buồn của nhạc tiền chiến, của giọng hát Thái Thanh, Lệ Thu, Sĩ Phú... Rồi uống từng ngụm cà phê đen, đặc quánh, ngọt đắng đầu lưỡi để âm hưởng đậm đà hơn, thơm tho hơn . Những phút giây ấy cứ trở về trong giấc mơ tôi sau khi tên bạn mất . Và lần nào tôi cũng rung rung, quặn thắt bất kể là bao nhiêu năm qua, bao nhiêu nước đã chảy qua cầu !

Những lúc tụ tập đông hơn , đám bạn văn nghệ của tôi sẽ kéo ra quán Thu Phong . Cô chủ quán như thường lệ sẽ pha cho mỗi đứa một “phin” đen để “ngồi đợi cà phê nhỏ giọt mà nói dóc cho lâu” – cô vẫn đùa như vậy bởi cô cũng rất thích cái tên mà bọn tôi đã đặt cho quán nhà.

Cái quán cà phê ấy bây giờ không còn, ở chỗ đó nay đã là một căn nhà hai tầng. Cô chủ quán cũng trôi dạt về đâu không biết. Tên bạn tôi thì sau khi trở thành nhà văn, xuất bản hơn chục đầu sách, cưới đến hai lần vợ đã đột ngột “rời bỏ cuộc chơi” bởi một căn bệnh cấp tính ngặt nghèo. Từ đó tôi ít qua lại bên kia sông, chỉ những lúc ngồi trên bến sông bên này nhìn chợ nhóm, chợ tàn tôi lại ngậm ngùi thương nhớ . Nhất là những đêm trăng , những cô lái đò ngang quấy mái chèo làm vỡ toé bóng trăng vàng trên sông , tôi lại nhớ chuyện “Đò trăng” của tên nhà văn thân thiết . Đò trăng kìa ! Bà có thấy không ? Kèm theo tiếng reo vui , tên bạn tôi thường vốc lên một bùm nước để xem trăng vàng rơi là tả xuống mặt sông . Khuôn mặt tên bạn cứ hay trở về lảng đãng theo những con đò trăng trên bến sông này, làm sao không nhớ ! Nhớ cả câu thơ dịu dàng dễ thương của một tên bạn trong nhóm mà hẳn thường đọc vào những mùa xuân nào xa tập :

***Tôi còn phở ối tình thân
Mùa xuân lá vẩy cho gần tay nhau...***

Ôi những mùa xuân thanh xuân , tôi còn để lại bến sông này !

3-Nơi ấy, cạnh khu chợ nhóm bên ngoài dọc theo bến sông còn có một “Nhà Lồng Chợ Cỏ”, niềm tự hào của người dân tỉnh Cần Thơ trước đây và TP Cần Thơ bây giờ . Khu nhà lồng chợ được xây sau năm 1915 , do chính nhà thầu Brossard và Mopin xây dựng sau khi đã xây chợ Bến Thành Sài Gòn , chợ Đông Ba ở Huế và chợ Phnom Penn ở Campuchia . Do được kiến thiết sau nên nhà lồng chợ Cần Thơ mang qui mô mới lạ, cấu trúc vững khoẻ, thanh thoát, kết hợp hài hoà hai nền văn hoá Đông Tây từ chất liệu, màu sắc đến đường nét . Trong kí ức tôi, bến Ninh Kiều luôn gắn với Nhà Lồng Chợ Cỏ và một công viên trải dài thoáng mát , nơi người dân TP có thể thư giãn, hít thở khí trời sớm sớm, chiều chiều và tiện thể đi chợ mua thức ăn trong ngày .

Nhà Lồng Chợ Cổ nay đã được phục chế, vẫn giữ nguyên hình dáng cũ với tên Chợ Cổ Cần Thơ như để lưu giữ cái danh hiệu một thời là “Nhà lồng chợ đẹp nhất Đông Dương” của vùng đất Tây Đô tuy có nhiều thay đổi nơi này . Khu chợ bên bến sông giờ đã giải toả, Nhà Lồng Chợ Cổ đã chuyển đổi phương thức kinh doanh, chỉ còn bán đồ lưu niệm cho khách , chỉ còn lại cái bến sông xưa, còn lại khu công viên đẹp để chạy dài theo bờ sông ...

4- Nơi ấy, bây giờ những ngày lập đông tôi hay ra ngồi ở một quán cà phê nhỏ gần góc đèn ba ngọn . Khu chợ với cảnh tượng đông vui “Trên bến dưới thuyền” đã không còn, những cô chủ quán cà phê bán suốt đêm năm xưa cũng mất hút . Và bên kia sông, nơi tên bạn thân tôi nằm xuống Quán Thu Phong cũng đã lạc vào vườn quên lãng, có chăng chỉ còn đọng trong hoài niệm của ai đó trong nhóm bạn văn nghệ cũ . Tôi biết, dù có đi đâu, làm gì, trong lòng chúng tôi vẫn mãi lấp lánh một góc quán nhỏ bên sông, một hình ảnh thân thiết của tuổi thanh xuân, của quê nhà .

Tôi ngồi đó, ly cà phê đầu ngày bốc khói trên bàn . Ngụm cà phê uống vào dường như đắng hơn khi ta không có bạn bè bên cạnh cùng nếm hũt hăng vì những thứ mất đi trên bến sông này . Cái không khí ấm nồng của phiên chợ họp, tiếng ồn ào cười nói, la hét, đáng những chiếc cần xè chất đầy cây trái miệt vườn lù lù di chuyển , tiếng lộp cộp của ghe xuống cập bến... Tất cả , tất cả nhịp đập gấp rút, hơi thở phập phồng của bến sông là vậy . Ôi , cái hồn chợ thân thuộc cũ, giờ trôi dạt về đâu ?

Nhưng tôi biết, cái bến sông yêu dấu của tôi sẽ bừng tỉnh giấc lúc xuân về . Lúc ấy, ghe xuống từ các vùng quê xa sẽ tập nập ghé bến và hoa, cơ man là hoa sẽ nở rộ nơi này . Những bông hoa đủ màu sắc, hương thơm từ bàn tay người lao động chắt chiu cả năm sẽ về đây tô thắm bến sông , mang không khí Tết về cho thành phố . Và tôi sẽ đứng trên bờ sông nhìn xuống, để thấy dòng sông trước mặt đã thực sự là một dòng sông hoa, bến sông của tôi sẽ là một BẾN SÔNG HOA . Hãy hình dung những ghe xuống chở đầy hoa, từ khắp nơi hướng vào bờ, những mũi tên giờ đã thành hình những cánh hoa, hồng vàng tím đỏ khoe sắc khoe màu dưới ánh nắng rực rỡ của mùa xuân .. Đẹp để biết bao ! ngây ngất lòng người biết bao !

Vì vậy, trong hồn tôi, cái bến sông xưa của tuổi thơ, bến sông của tình bạn xanh biếc tuổi xuân thì , của những con đò trắng lung linh, sóng sánh ánh vàng giờ còn là bến sông hoa, nơi tôi cảm nhận say sưa vẻ đẹp của đất trời, của mùa xuân đến sớm .

Bến sông, bến chợ, bến đò trắng, bến sông hoa ... Quả thật, nơi ấy quê nhà!

NGUYỄN NGỌC TUYẾT





MỆNH MÔNG CHIỀU VÀNG

ĐÀM LAN

Nằm về phía gần cuối con đường Nguyễn Công Trứ, quán cà phê có cái tên nghe thật êm đềm, hiền dịu “Yên Nhung”. Chủ quán quả là người có óc mỹ thuật. Dựa vào cấu thể địa hình, quán được bài trí thật đặc biệt. Khuôn viên chính của quán như rơi vào giữa thung lũng xanh. Ngăn giữa đôi bờ là một con suối nhỏ, dòng chảy thoai thoải, đôi khúc uốn khéo, đủ để tạo nên một âm thanh róc rách, rủ rỉ như một bản nhạc không lời. Con suối chia đôi hai sườn đồi. Tạm gọi Nam đồi và Bắc đồi. Phía Nam đồi, thẳng xếp từng hàng cây cà phê ngắt xanh, từ trên cao nhìn xuống, người ta sẽ dễ dàng liên tưởng đến một đoàn quân đang rùng rùng ra trận. Vào mùa hoa trổ, thì dù ai khó tính đến đâu, cũng phải nghiêng mình đánh rơi mảnh hồn giữa rừng hoa phô sắc khoe hương, chao đùa với gió. Nhất là vào lúc những tia nắng đầu tiên trong ngày xuất hiện. Cả vườn hoa không khác gì những nàng tiên nữ đang nhón nhơ xiêm áo vẫy vẫy. Mùa quả chín thì khác, thư khách có thể an nhàn ngồi nhâm nhi từng giọt cà phê đậm đà đặc quánh nơi Bắc đồi, mà thỏa thuê tận mắt chiêm ngưỡng bức tranh tuyệt bích của thiên nhiên. Bức tranh sống động ấy được phối màu một cách rất tài tình. Những chùm quả đỏ rực ôm tròn những cành nhánh, chập chờn giữa màu xanh của lá. Lấm chấm trong mảng đỏ xanh ấy là sắc trắng điểm của một vài nụ hoa dầy thì. Cả ba gam màu đều có sức mạnh tuyệt đối, nhưng khi được đan phối vào nhau thì chúng trở nên thật hài hòa, viên mỹ. Thiên nhiên quả là một họa sĩ đặc biệt tài hoa, tài hoa đến độ bất kỳ một bậc danh họa nào cũng phải buông lời cảm thán.

Phía Bắc đồi, đây mới là công trình đáng kể của người kiến tạo. Những dãy bàn được kê xếp theo lối bậc thang. Những mô hình “tổ ấm chim câu” được nhả ý ưu tiên vào những góc khuất lặng, đủ bảo đảm một thế giới riêng cho hai người. Xa xa hơn chút nữa là những chiếc bàn đôi, thanh thanh dưới bóng dù hoặc mái lá che tầm tầm vừa không khuất người. Những chiếc bàn này chủ yếu được đặt ở những tầng dưới cùng, nơi đối diện với toàn cảnh đồi Nam. Khu vực này hầu như dành riêng cho những vị khách ưa xuất hồn đi mây về gió. Đa phần họ chỉ ngồi đấy ưu tư một mình, nếu có hai người thì cũng phải có chung một cảm xúc, âm thanh chất giọng gần như ít có cơ hội được góp mặt nơi đây. Nếu đi với một nhóm bạn đông hơn, thì sẽ có một số vị trí có mặt bàn hơi tròn, rộng, bằng đá nhẵn hay một gốc cây to cắt ngang, chung quanh là những chiếc ghế mây thon nhẹ. Loại bàn chung này được kê đặt ở hai tầng trên cùng, vừa có thể thả tầm mắt quá cảnh toàn phần, vừa tự nhiên trò chuyện mà không phải giật mình, e dè vì những tiếng nói cười vô tư của mình làm khuấy động không gian riêng của ai đó. Xen giữa các lối đi là đư các loại hoa, cây cảnh, rất phong phú về cả màu sắc, kiểu dáng lẫn tầm độ.

Tôi thường đến quán vào lúc nắng chiều đã nhạt nhòa. Chỉ cần dựng xe xong, giờ tay chào cô chủ quán rồi đi về phía chỗ ngồi quen thuộc, là khoảng hai phút sau sẽ có một phin cà phê đang chậm rãi nhỏ từng giọt đen sậm, thơm nồng. Gu cà phê của tôi thường được cô chủ quán chú ý hơn những người khác. Đó là lượng cà phê bột phải nhiều hơn mức bình thường, sau khi chảy hết xuống ly, thì ly cà phê ấy lại ngâm vào nước sôi, vì thế, kèm theo phần cà phê của tôi là một chiếc bình thủy nhỏ. Không biết tôi có thuộc loại quá cầu kỳ hay không? Nhưng quả thật là vô cùng vô vị khi hớp phải một ngụm cà phê vừa loãng vừa nguội. Nếu cầm ly cà phê của tôi mà lắc khế, thì phải ít giây sau, lớp cà phê bám trên thành ly mới xuôi dần xuống hết được. Mỗi lần được nhấp một ngụm cà phê sóng sánh, đậm đậm vừa độ nóng, tôi thấy trong người thật khoan khoái dễ chịu. Vô cùng cảm ơn thổ nhưỡng của quê hương, đã đưa hạt cà phê thành cây công nghiệp mũi nhọn của tỉnh nhà, và hương vị thì bay xa tận ngoài biên giới.

Nơi tôi thường ngồi là dãy bàn đối diện với đôi Nam. Rất hài lòng với vị trí mình đã chọn, ngồi đây tôi tha hồ được tận hưởng những ưu đãi mà thiên nhiên ban tặng, tha hồ mặc mảnh hồn phiêu diêu đến tận cõi xa xanh nào. Nhất là vào cái khoảng không gian bằng lăng, tận mạn của trời chiều, trong sự tĩnh lặng gần như tuyệt đối ở chung quanh. Bởi vào cái giờ nhỡ nhàng này, chẳng mấy ai lại đi ném quỹ thời gian của mình vào chốn ưu trầm, tư tịnh như nơi đây. Họa chăng chỉ những kẻ trót mang một nghiệp chướng như tôi thì mới cảm thấy nơi đây, vào lúc trời chiều này là cả một thiên đường. Không gia như say, cảnh vật như say, ông mặt trời cũng như say, thì lẽ nào một kẻ luôn yêu thích, luôn chất chiu những nét đẹp của đời sống cho lằng lằng một cõi tâm hồn lại không say. Thường thì tôi ra đây để tìm cho mình một cõi riêng, dù tạm bợ, nhưng cũng đủ cho tôi hóa giải những ưu tư, băn khoăn hoặc rối rắm trong lòng. Thật quá rẻ khi chỉ bằng giá một ly cà phê mà lại mua được nhiều đến thế.

Mọi lần tôi vẫn thao túng sự tự do của mình cho đến khi chiều sẫm, khi bóng hoàng hôn đã dang rộng vòng tay ôm chèo vạt vật. Nhưng hôm nay, khoảng trời tự do của tôi bị phá vỡ, hay nói đúng hơn là cõi riêng của tôi có sự đột nhập của một kẻ lạ mặt. Óai oăm ở chỗ tôi không thể trưng ra cái quyền sở hữu đặc biệt này, lạ nữa là hình như tôi cũng không có tí ti ý định trục xuất hắn thì phải. Hắn ngồi hơi chênh chếch hướng tôi, nên tôi chỉ có thể nhìn hắn theo chiều nghiêng nghiêng. Tôi tò mò quan sát hắn, chỉ riêng một chi tiết ngồi nắm cảnh với một cặp mảnh chai màu rêu đậm sù sù rên mắt đã đặt cho tôi một dấu hỏi to tướng rồi. Ai lại phí hoài một cảnh quan thiên nhiên tuyệt mỹ thế mà lại nhìn qua một lăng kính tối sầm sầm. Vì sao thì chắc tôi có thể tìm được lời giải đáp sau.

Hắn có một mái tóc dài, tuy khoảng cách hơi xa, nhưng tôi vẫn có cảm giác là êm và mượt lấm, hẳn là hắn rất siêng xem chương trình truyền hình quảng cáo dầu gội đầu lấm. Khuôn mặt hắn, dù chưa có điều kiện ngắm chính diện, tôi vẫn có thể cam đoan rằng khá xinh. Nếu nhem bệnh nghề nghiệp một tí, chắc tôi sẽ tả mũi hắn cao, mắt hắn trong, và đôi môi thì chắc chắn phải hồng, vì thay vào cái màu hơi thâm thâm khói thuốc như tôi, sẽ là một chút son phơn phớt, nếu là loại son gió nữa thì khỏi nói, chỉ cần thoa nhẹ, khi gặp gió sẽ dậy lên một màu hồng tươi diệp đàn. Người hắn hơi mảnh, vì chiếc ghế hắn ngồi vẫn còn thừa một khoảng (chắc đủ chỗ cho tôi dấy nhĩ). Mảnh hồn hoang của tôi hôm nay lại ngoan ngoãn chịu ở nhà, và nó đang bận rộn giải trình hiện tượng. Lý do gì mà hắn có mặt ở đây vào giờ này nhỉ? Bởi là giờ cao điểm của “thiên chức” mà. Hay hắn có mẹ đẻ nhõng nhẽo, có chị đẻ cậy nhờ? Không lẽ hắn có cùng một lý do như tôi? Ờ mà sao tôi bỗng nhiên vô lý thế? Có thể nào thì cũng là việc của hắn, liên quan gì đến tôi. Chẳng qua cái tính tò mò và hay lan man tâm tưởng làm vẩn vúi cái thẳng tôi ấy mà. Nghĩ thế, nhưng tôi lại chẳng thể bứt khỏi sự suy tư về nhận vật lạ ấy. Bề gãy bao giả thiết, tôi vẫn không thể nào chọn được một sự lý giải mà có thể cho rằng hợp lý nhất, về thủ phạm phá vỡ cõi riêng và gieo cho tôi những vẩn vơ khó hiểu. Chỉ có mỗi một cách là nhấp nhấp đôi chân, băng qua những dãy ghế, đến gần với một lời hỏi han thật lịch sự. Nhưng cái ý định đó cứ chùng chình trong tôi, đường đột mà đi hỏi han một người chưa quen biết với những câu không đầu không cuối thì quá là vô duyên, vô lý. Vả lại người ấy dường như cũng đang có gì ngấm ngội lấm thì phải. Suốt bao lâu mà tôi chả thấy lác lác tẹo nào, cũng chả thèm nhích cái tia nhìn sau cặp “Rạng đông” kia sang hàng xóm tí

cho tôi có cơ gặt đầu chào làm quen. Mà thôi, đừng nghĩ ngợi vớ vẩn nữa, nếu người ta đã muốn tĩnh lặng một mình, thì sự quấy rầy, cho dù là rất lịch sự đi nữa, vẫn là điều không nên một chút nào. Với mình cũng vậy thôi. Nên những gì mình đã không muốn thì đừng nên đem đến cho người khác, đó là nét văn hóa ứng xử tối thiểu nhất đấy. Tự nhắc nhở mình thế rồi tôi bỗng bật cười, người kia mà biết những gì lung củng trong tôi này giờ chắc buồn cười lắm đấy.

*

Nắng chỉ còn sót lại vài tia lấp lóe, ông mặt trời đã ngà ngà, những cụm mây đã buông màn rủ trướng cho ông. Mọi lần thì giờ cũng là lúc tôi gửi lại bóng chiều cái chỗ ngồi của mình, nhưng hôm nay thì nán nán một tí nữa, ma ra chút cùng đường ra quây thanh toán sẽ tiện làm quen. Bỗng có một cô gái hiện ra trên lối đi, từng bậc bước xuống đến cạnh người ấy ghé tai nói nhỏ điều gì. Tôi như cảm thấy rất rõ sự miễn cưỡng của người ấy khi đứng dậy và đưa tay cho cô gái mới đến nắm. Tôi kinh ngạc đến sững sờ. Chúa ơi ! Hân – người kia – cô gái ấy là một người khiếm thị. Hai cô gái chậm chậm bước lên từng bậc, từng bậc, bước chân tôi cũng tự nhiên mà đưa theo. Con chóang qua nhan, không hiểu tại sao, ma xui hay quỷ khiến mà chiếc xe tôi cũng bon bon sau xe hai cô gái một đoạn, rồi tần ngần trước cánh cổng có một màu tím lênh loang của một giàn hoa. Đêm đến, tôi không thể nào dỗ mình vào giấc ngủ. Hình ảnh cô gái khiếm thị ban chiều cứ ám ảnh, bao câu hỏi cứ chập chờn truy vấn tôi. Có vẻ sự khiếm thị của cô ấy không phải là từ bé, có vẻ như cô ấy đã từng biết khuôn vên cảnh vật của quán cà phê ấy, có vẻ cô ấy có một cảm niệm hay ấn tượng gì khá gắn bó với cảnh trí ấy. Bởi nếu chưa từng, thì không thể nào cô ấy lại đến đây với một dáng vẻ đầy tâm trạng như vậy. Không chỉ do điều mà thường gọi là “bệnh nghề nghiệp”, mà từ bé, tôi luôn bồi hồi cảm trạng trước những hình ảnh không may của cuộc đời. Tôi trắc ẩn thương tâm cả trước cái chết của những con vật, mẹ tôi thường thờ dài bảo “Mày rồi đa đoan lắm thôi con ạ, đàn ông con trai mà yếu đuối tình cảm quá”. Tính tình cũng như những điều bắt đầu cho một đời sống con người đều không phải là sự tự lựa chọn, phải sao thì hay vậy. Cho dầu khi lớn lên, tôi cũng không đến nỗi ủy mị gì, nhưng so với các bạn trai, tôi sống thiên về sự trầm lắng nội tâm hơn. Đê rồi thâm lặng đi vào một loại hình công việc mà với những người giỏi tính toán luôn cho rằng viển vông, hoang tưởng, bênh bồng mây gió. Một thứ công việc không làm cho cái túi của tôi đầy đặn lên, nhưng luôn đem đến cho đời sống tinh thần của tôi những cảm xúc rất đẹp, những điều mà tôi biết, nếu có tiền cũng chưa chắc gì mua được, và tôi rất trân trọng nó. Còn suy nghĩ của mọi người tôi không quan tâm, vì họ không phải là tôi, làm sao họ hiểu được tâm tư, cảm thức của tôi là gì. Khi đã là một sự lựa chọn, lại là sự lựa chọn có phần mặc nhận của số phận, thì mặc nhận cả những buồn vui, hay dở, được mất của nó. Tôi vốn không tin vào những khả năng ngoài thực tế, nhưng tôi có một linh giác rất nhạy, trực cảm thường báo trước cho tôi những can hệ, không phải lúc nào cũng đúng, nhưng có thể nói là đa phần dự cảm báo đúng. Nên trong trường hợp này, tôi mơ hồ thấy có một cái gì đó không thể bỏ qua. Hay do sự mẫn cảm thái quá mà tôi cảm thấy vậy chăng ? Không, không hẳn thế. Chỉ với một góc nhìn đơn giản, một suy luận thông thường, cũng có thể hiểu được phần nào những trắc trở của một số phận, và vấn đề không chỉ từ những gì đã diễn ra, mà còn cả những gì đang tiếp diễn . Bởi bàn chân con người luôn quay những ngón về phía trước, và đôi mắt thì chẳng bao giờ mọc ở sau lưng.

*

Những ngày sau, tôi vẫn lại qua trước cửa ngôi nhà ấy mà không tìm được cách gõ cửa. Lấy lý do gì chứ ? Và hỏi ai ? Ngay cả một cái tên cũng đang còn mờ mịt. Hỏi vu vơ ngớ ngẩn khéo người ta tưởng mới ở bệnh viện tâm thần mới sống ra thì khốn. Mà cũng không thấy nhân vật ấy bước ra khỏi nhà để có cơ vờ làm người tốt bụng. Không lẽ chịu bó tay. Cũng đã có lúc tôi đánh rơi ý định, bởi cảm giác mình đang đi vào một chốn lênh đênh lăg đặng, không có ý nghĩa rõ rệt, không có mục đích rõ rệt, còn nữa, liệu khi có thể tiếp cận rồi, thì thái độ đối diện với vấn đề của nhân vật ấy sẽ thế nào ? Trong một phạm vi đơn thuần nhất, người ta vốn muốn tự điều chuyển lấy những vấn đề của cá nhân, không muốn có sự can thiệp, chi phối và tác động một cách trực tiếp và

cụ thể từ những người chung quanh. Một tâm lý cá nhân nhất trong bản thể con người, chỉ ngoại trừ những khả năng ngoài tầm chủ động, thì người ta mới buộc phải chấp nhận một giải pháp ngoại vi. Lại càng khó khăn hơn khi với một người hoàn toàn xa lạ, lại càng phải dè chừng với bao ý đồ bất hảo, nhất là với một tình trạng thiếu khả năng tự vệ. Nhưng vẫn cứ canh cánh trong tôi một hình ảnh mà tôi biết, tôi sẽ không thể tự giải thoát khỏi nó nếu không bắt tay vào một cái gì. Và rồi, trong cái khó tất lộ cái khôn. Tôi vui mừng tự thưởng cho mình một ấm trà ngâu thơm phức. Từ đó, mỗi chiều chiều đến quán Yên Nhung cũng có một vật biết lên tiếng theo tôi. Cô chủ quán ngạc nhiên :

— Anh định làm chàng nhạc sĩ lang thang đây à ?

— Thế cô có nhu cầu tận dụng không ?

Nụ cười thay cho câu trả lời. Vẫn chỗ ngồi quen thuộc với những chiều trông đợi, tôi có một niềm tin gần như chắc chắn sẽ gặp lại cô gái ấy. Sự kiên nhẫn luôn là một yếu tố cần thiết trong nhiều cảnh trạng, nhất là với sự chờ đợi. Thế rồi niềm tin và lòng kiên nhẫn đã giúp tôi đạt được kết quả. Một chiều, tôi khẽ reo thầm khi nhìn thấy hai cô gái trên những bậc thang đi nhau xuống, có vẻ họ là hai chị em. Khi đưa cô gái khiếm thị vào chỗ ngồi rồi, cô em ghé tai nói nhỏ câu gì với chị với chị rồi trở lên. Sau khi phục vụ đem thức uống đến, cô gái lại buông mình vào sự trầm mặc. Bảy giờ tôi mới từ từ nhả tơ. Tôi cố tình chọn những bản nhạc buồn, cổ điển, có giai điệu nhẹ và sâu lắng, những bản nhạc có âm giai rất hợp với guitar. Tiếng đàn tôi vẫn thường được bạn bè khen là rất có hồn, thì giờ là lúc tôi thử nghiệm chính cái hồn của nó. Ban đầu hầu như cô gái không buồn chú ý đến, tuy có hơi một chút động tĩnh. Có lẽ cô cho rằng một gã lãng tử dở hơi nào đem chút tài lẻ của mình ra khoe chẳng ? Nhưng cổ nhân đã đúc kết rồi “nước rên siên siết thì đá tảng cũng phải mòn” huống nữa là màng nhĩ mỏng manh của một con người. Mà cũng đổ ai thờ ơ được, khi trong chiều thanh tịnh, gió hiu hiu man mát, hương thơm dịu dịu từ các loài hoa tỏa nhẹ, tiếng róc rách khe khẽ từ con suối xa vọng lại, hòa âm cùng trầm bổng điệu đàn , thì tâm hồn không lao xao hoài mặc hoặc có là gỗ đá vô tri mà thôi. Phán đoán sự chuyển biến qua một vài biểu hiện cho dù khá kín đáo của đối phương , tôi biết tôi đang đi đúng hướng. Thế rồi, ngày một ngày hai, không một lời hò hẹn, không một câu nhắc nhở, nhưng gần như cô gái không vắng mặt chiều nào, điều này rõ ràng đã gây sự thắc mắc cho cô gái dẫn đường, và cô này ném cái nhìn hoài nghi, có phần nào như cảnh báo về phía tôi, khi nhận thấy khoảng cách của hai chỗ ngồi ngày càng cố tình ngắn hơn. Tiếng đàn của tôi ngày càng phát huy tác dụng, nó đang nghiêm nhiên được một sự chấp nhận thầm lặng, và hẳn nó cũng đang đặt ra một số câu hỏi trong sự chấp nhận ấy. Và rồi, cái gì đã trở thành một thói quen, thì khi vắng đi, người ta sẽ cảm thấy trống vắng và mong đợi.

Đề chiều nay, cây đàn vẫn đó nhưng thanh âm của nó thì nhường chỗ cho sự sắp đặt có chủ ý của tôi. Khoảng cách giữa tôi và cô gái bây giờ chỉ là một cái bàn, nhưng đâu sao nó cũng còn là một phân ranh đáng kể khi chưa được quyền vượt ngưỡng. Sau một lúc như chờ đợi, sự thông minh và nhạy cảm giúp cho cô gái đoán hiểu tình thế. Tôi chắc chắn điều đó qua khóe miệng khẽ cử động. Tôi vẫn cố tình nhường quyền chủ động cho đối phương. Khách đã gõ cửa, nhưng có mở hay không là tùy chủ nhân chứ. Và rồi...

— Nếu đã cố tình, sao còn ngần ngại ?

Chủ nhà đã mở cửa rồi, còn đợi chờ gì nữa ?

— Rất cảm ơn vì đã nhã ý tạo cơ hội cho tôi được làm quen. Nếu không có gì bất tiện, có thể cho tôi ngồi cùng bàn được chứ ?

Một cái gật nhẹ. Cây guitar bây giờ chiếm một mình một bàn. Câu chuyện rất mau chóng lướt qua cái cầu xã giao, mau chóng trở nên thật tự nhiên và cởi mở, có lẽ vì chúng tôi đã “nói” với nhau nhiều rồi. Thì ra, cũng như tôi, cô gái cũng cảm giác một điều gì đó như thân quen, nhưng không phải từ cái nhìn đầu tiên, mà là từ tiếng đàn đầu tiên. Con đường ngắn nhất để con người có thể đến với nhau là chạm được vào một sở thích của miền tâm cảm. May mắn cho tôi đã tìm được đúng đường. Nỗi niềm chất chứa đã bao ngày, nay mới có dịp được thổ lộ trong một tâm trạng đầy xúc cảm.

Cô tên là Diệu Anh, lẽ ra đã có thể là một họa sĩ tài năng trong tương lai nếu con đường từ nhà đến cổng trường Văn hóa Nghệ thuật không bị cắt ngang bởi một tai nạn giao thông. Mọi thứ đổ sụp trong cô khi biết mình đã qua cơn nguy hiểm tính mạng nhưng lại mất hoàn toàn khả năng thị

giác. Thế giới đầy màu sắc tươi tắn quanh cô đã vĩnh viễn khép kín. Dù gia đình cô đã cố gắng hết sức những sự phát triển của y học vẫn không giúp gì được trong trường hợp này. Đã nhiều lúc trong cơn tuyệt vọng, Diệu Anh nghĩ mình thà chết đi còn hơn, nhưng những người thân quanh cô đâu dễ dàng để cho cô thực hiện ý định. Tâm trạng cô bức bối, hoảng loạn tưởng chừng như đến phát điên lên, khi bản thân bất lực đến không thể tự quyết cho mình một việc gì dù nhỏ nhất. Không ít lần cô mất kiểm chế và đập phá tất cả những gì mà cô vớ được. Mọi sự an ủi, động viên đều không tác dụng. Cho đến một lần, mẹ cô đâu đón gào lên “Con ơi ! Giá mà mẹ mà thay con được thù mẹ cũng sẵn lòng. Trời ơi ! Mẹ biết phải làm gì cho con đây ? Nhìn con thế này, mẹ đứt từng khúc ruột, con ơi !”. Câu gào khóc của mẹ đã đánh thức cô. Cô đau xót nhận ra cô đang làm khổ tất cả mọi người, trong khi bản thân lại không giúp gì được cho ai. Một thực tế phũ phàng và khắc nghiệt, nhưng không còn cách nào khác là cô buộc phải chấp nhận nó. Khi nhận thức được điều này, cô thu mình vào lặng lẽ. Để tự hóa lấy mình, để người thân bớt phần lo lắng, và cũng để tìm ra cho mình một hướng tới, cô nhờ em gái thi thoảng dẫn mình đến quán cà phê này. Đây là nơi khi xưa cô rất yêu thích, và cũng là nơi cô dự định làm tác phẩm tốt nghiệp của mình.

Sau một chuỗi dài tự sự, Diệu Anh dừng lời, nơi khóe mắt run run hai giọt nước, tôi cũng lặng đi. Giây lát, Diệu Anh buồn bã nói thêm :

— Chắc anh cũng thấy nơi đây thật tuyệt phải không ? Ngày trước, ước mong lớn nhất của tôi là đưa được cảnh sắc nơi đây vào tranh của mình. Thế mà...

Tôi vẫn không thể nói gì. Trong cuộc đời nhiều long đong trắc trở này, con người ta không thể nào biết trước được những biến cố ập đến cho mình vào lúc nào, và hoàn toàn mất khả năng kháng cự khi nó ập đến. Để tiếp nhận và vượt qua được nó thật không dễ dàng một chút nào. Đôi mắt lại gần như đóng vai trò chủ động trong đời sống. “Thứ nhất đau mắt, thứ nhì nhức răng”. Chỉ mới là đau thôi, mà người ta đã liệt nó vào hàng thứ nhất của sự khó chịu, huống là mất hẳn, có khác nào một tấm màn đen phủ kín cả cuộc đời. Đôi mắt của Diệu Anh lại là một đôi mắt của người họa sĩ. Một đôi mắt biết cảm thụ vẻ đẹp của những màu sắc, biết ghi nhận những lung linh huyền ảo của cuộc sống, hẳn đôi mắt ấy xưa kia cũng đã rất sáng trong, nồng nàn khi gửi trao những yêu thương cuộc đời. Vậy mà... Với một cô gái coa vóc người mảnh khảnh, có cuộc sống nội tâm phong phú, có một trái tim luôn thiết tha những xúc cảm, thì làm sao tránh khỏi sự đột ngột trước một cú sốc quá lớn như thế. Nói gì với cô đây ? Những lời mang tính lên dây cót chỉ đem lại những phản cảm. Lại còn như khoét sâu vào vết thương khi người nghe có cảm giác là đang bị thương hại. Trong cô lúc này không còn sự tự tin, hy vọng, niềm tin yêu vào cuộc sống, mà chỉ có một áp lực tư tưởng rất lớn “Mình đang là gánh nặng cho mọi người”. Để cây lại cho cô niềm vui sống, yêu đời, là một điều hết sức khó khăn. Lấy gì làm chiếc gậy cho cô chống qua cơn bão lớn của cuộc đời ? Liệu tôi có làm được gì ? Hay rồi chỉ biết buông vài ba câu trắc ẩn ?

“Gặp gỡ là duyên, vương mang là nợ” Vốn dĩ con người ta gặp nhau trên cõi đời này thì phải có đủ cả nợ lẫn duyên. Một thời khác của định mệnh đã dẫn dắt phần số của những con người lồng vào nhau, để có thể đem đến cho nhau những buồn vui, khóc cười, những điều đã làm nên bản chất của cuộc đời này. Để tương hòa được với nhau trong bao lâu thì tùy thuộc vào độ dài ngắn của những nợ duyên ấy.

Nếu tự coi mình là một cái phao thì thật là một điều cần rõ. Nhưng tự đáy lòng mình, chẳng biết có gì thôi thúc, mà tôi tự hứa sẽ cố làm được cho “Em” một điều gì đó. Bởi nếu tôi quay gót, vội vàng thôi lui trước một chiếc thuyền con đang chòng chành con nước số phận, thì khác nào một con sóng có thể nhấn chìm, có thể dập tắt một chút lửa còn le lói trong một cõi lòng, ít ra tôi cũng xin được làm một thanh củi mục. Cho dù ngay lúc này tôi chưa thể nghĩ ra được phương cách nào khả dĩ, nhưng có lẽ rồi sẽ phải có, tôi tin chắc chắn là thế. Bởi đa số những phúc phận đời người không phải là vô nguyên bất lý. Nó đã từng có mấu chốt để khởi thủy, thì rồi nó sẽ phải có một đường diễn tiến, để tất yếu đi đến một kết cuộc nào đó, hay dở, nên hư, phần nhiều tùy thuộc vào khả năng nhận định và điều vận của mỗi người. Rốt cục, cây guitar một lần nữa trở thành điểm bấu của tôi, biến tôi thành một nhạc sư bất đắc dĩ cho em. Thường thì những ai có chút hồn nghệ sĩ đều khó bỏ ngoài tai cái âm giai trầm bổng, thanh thoát, trữ tình của tiếng đàn guitar. Em cũng không ngoại lệ, mà với người khiếm thị thì sự tinh nhạy gần như dồn hết cả vào đôi tai và đôi tay. Cũng may là trước khi bị tai nạn, Diệu Anh đã từng thử qua nhạc cụ này, nên một phần cơ bản em đã nắm được. Trí nhớ rất tốt của em đã có dịp phát huy tối đa. Chỉ khác loại hình thuật nhưng niềm

đam mê thì như nhau. Diệu Anh dần bị cuốn hút vào thế giới âm thanh cũng say mê không khác gì thế giới màu sắc của em trước kia. Nỗi vui mừng của tôi trào lên khi một hôm em cất tiếng hát hòa cùng cung đàn. Giờ thì không những tôi, mà cả em cũng quyết tâm tìm lại mình trong lĩnh vực mới. Khi vốn liếng âm nhạc hạn hẹp của tôi hết nhẵn, tôi đưa em đến một vị nhạc sư nổi tiếng về môn guitar. Vị nhạc sư này cũng hết sức chăm sóc trường hợp đặc biệt của em. Thời gian là con dấu đỏ đóng lên sự quyết định của mọi vấn đề. Lĩnh hội được tất cả những kỹ năng cần thiết của nhạc thuật, cộng thêm nét sáng tạo và sự nhạy cảm của riêng mình, tiếng đàn của em ngày càng điêu luyện. Khởi nói, những người thân của em vui thế nào khi thấy em dần trở lại là một Diệu Anh tươi tắn, yêu đời trước kia.

Cả hội trường đông nghẹt, lặng phắc theo tiếng đàn đầy ma thuật của Diệu Anh. Từng cung bậc biến tấu lúc cao trào, lúc trầm, lúc lặng theo những ngón tay nhịp nhàng thoăn thoắt của Diệu Anh lướt trên cần đàn. Đến lúc này tâm trạng tôi mới tạm bình ổn. Trước buổi biểu diễn, Diệu Anh hỏi hợp một thì tôi lo lắng mười. Bao nhiêu kỳ công có nên com cháo gì không là trông cả vào lúc này. Bởi chốt điểm cuối cùng để đưa em trở lại với tin yêu, hòa nhập cùng cuộc sống, vững tin vào tương lai của mình, gần như tùy thuộc hoàn toàn vào những tràng vỗ tay của quý vị khán giả này đây. Chỉ cần một sơ suất khiến em lỗi mất một nhịp nào đó, em mất bình tĩnh và tự tin thì tình thế không còn gì cứu vãn được nữa. Nhưng kìa, tràng vỗ tay đã nổi lên rồi, thật to và thật lâu. Và hoa, hoa nhiều đến nỗi em ôm không xuể. Phải đợi một lúc cho vòng người giãn bớt tôi mới đến được bên em. Vừa nghe tiếng tôi “Chúc mừng em”. Diệu Anh vụt òa khóc, úp mặt vào ngực tôi thổn thức “Anh ơi ! Em sống rồi” Tôi ôm chặt lấy em, chẳng rõ nước mắt em hay nước mắt tôi mà nhoe nhoret hết cả. Mẹ em đứng lặng sau cánh gà, nước mắt bà cũng ướt đầm hai má. Người mẹ nghẹn ngào chứng kiến phút hồi sinh của con gái mình. Tôi dìu em đến thả vào lòng người, một khoảnh khắc thình lạng, thiêng liêng và rất đời ngọt ngào ...

ĐÀM LAN

Đàm Lan tên thật Đàm thị Tuyết Lan

Sinh ngày : 22 - 5 -1966

Hiện sống và viết tại Y Jut – thành phố Banmêthuet - DakLak





LỬA HÈ

TÙ VŨ

Thân thể cực mịch, vụng về, khuôn mặt cháy nắng, Thanh vừa đi vừa đưa tay áo trái lên chùi những giọt mồ hôi đang chảy dài trên mũi mình.

Anh dừng lại nghỉ một chút ở ngã tư đường, đưa mắt nhìn phải, nhìn trái, nhìn những người qua đường. Với cái tiết đầu hè nồng nực này, mọi người ít ai muốn mạo hiểm đi ra ngoài cái bóng mát từ những hiên nhà chiếu xuống vỉa hè. Mặt đường nhựa hơi nóng hừng hực bốc lên như khói, thỉnh thoảng vài chiếc xe chạy qua làm tung lên đám bụi nóng ngột ngạt.

Bất động, lúng túng, lạc hướng, Thanh không biết hỏi thăm ai bây giờ. Anh có cảm tưởng hình như cũng chẳng ai muốn giúp anh trong lúc này. Lại đưa tay áo lên chùi mồ hôi thêm một lần nữa.

Chợt thấy một thanh niên có vẻ thông thả đi tới, vội vã nhưng cũng thật lễ độ Thanh lên tiếng kèm theo câu hỏi là cử chỉ bằng tay phải của anh:

- Xin lỗi! Anh có biết đâu là đường đến bệnh viện không?
- Đi đường này này.

Theo ngón tay của người thanh niên đã chỉ, Thanh lấy về hướng bắc.

Chiếc giỏ đeo càng lúc càng nặng nề làm anh cảm thấy đau nhói ở vai, mồ hôi tuôn dài từ trên lưng chảy xuống tận đôi mắt. Thở hào hển như đôi ống bễ lò rèn, Thanh hối hả bước, vừa đi vừa đưa ngón tay cái lên chùi mũi rồi quẹt vào chiếc cột điện bên đường.

Cảm thấy càng lúc càng khó thở hơn: anh ước ao trăm lần, ngàn lần, được quăng chiếc giỏ đang đeo nặng như cùm này rồi nằm dài dưới bóng mát của một lùm cây để nghỉ. Song anh lại chẳng có thể làm được điều ao ước, một cơn bực dọc tự dâng lên trong đầu anh để anh phải lầm bầm: "Chao ôi là nặng... đ.đ...!". Nhưng Thanh ngưng lại ngay vì chợt nghĩ đến người vợ thật đáng thương trong chiếc giỏ. Nuốt cơn giận, anh cầu nhàu một mình:

- Nóng quá trời!

Không còn thể nào chịu đựng được nữa.

Thanh cởi chiếc giỏ, đặt tựa vào một cây liễu xong, rồi phẩy phẩy đôi vạt áo để cho bụng, lưng anh được mát mẻ một chút.

Vẫn chẳng một ngọn gió nào thổi: đường xá nóng rực, nền cát dưới chân như nung lửa. Ngẩng đầu nhìn trời: chẳng có điềm gì báo hiệu một cơn mưa sẽ đến. Thanh liếm môi.

Một hồi chuông báo hiệu cho chiếc cam nhông phun nước tưới đường đi qua. Một chút nước mát bắn lên trên đôi chân anh, việc này cũng đủ để Thanh lấy lại tinh thần được một chút.

Đưa chiếc tẩu lên miệng, tay lục lạo trong túi. Chẳng còn lấy một chút thuốc nào, bực bội anh cất tẩu rồi quay lại phía vợ mình:

- Ngồi ở sau em có đau không?
- Được anh ạ, vợ anh lên tiếng trả lời bằng một giọng sù sùi yếu ớt.

Thanh động lòng trắc ẩn. Đã hai tháng trời nay vợ Thanh không được trông thấy mặt trời, người vàng hăn đi và yếu ớt ẻo lả như một tàu lá non. Vợ anh thực bé nhỏ mong manh, trong chiếc giỏ, làm anh có cảm tưởng là cô sắp biến mất. Thanh nhìn vợ một lát rồi nhẹ tiếng hỏi:

- Sao em lại khóc ?

- Ở nhà thương, chắc chắn em sẽ bị người ta mổ .

- Không phải cái gì người ta cũng mổ . Họ sẽ nghiên cứu vì đây là một trường hợp đặc biệt .

Thanh thử trấn an vợ mình. Việc mổ hay không mổ chẳng phải là điều anh bận tâm nhất mà điều lo nghĩ trước nhất là chuyện làm cách nào để vợ chồng anh sống .

- Em không nghe ông nội của thằng Kính nói hay sao ? Thanh tiếp lời.

- Có thực là nhà thương trả tiền cho người bệnh để chữa trị cho họ hay không ?

- Anh chẳng nghĩ đến ông lão đó, biết đâu chừng ông ấy nói dối mình . Em biết không, anh nghe nói có một bác sĩ đã giữ một đứa trẻ mười bốn tuổi ở lại nhà thương, vì đứa trẻ này phát triển hơn cả người lớn, mà việc này là một điều lạ lùng, vì vậy ông ấy giữ nó lại , trả cho nó mỗi tháng mười wons để có thể nghiên cứu trường hợp của nó, đã vậy họ còn nuôi nó ăn nữa chứ.

- Như thế là em sẽ phải ở lại nhà thương luôn à ?

- Việc đó còn tùy ở họ, lúc đó mình sẽ biết...

Thanh nói với vợ bằng một giọng quả quyết, nhưng thực tâm, anh cũng không tin chắc vào những điều anh vừa nói nhất là chính anh, anh cũng không biết gì về việc này cả, tin hay không nên tin lời ông nội của thằng Kính ?.

Cũng chỉ mới đây thôi, anh và vợ anh từ nhà quê lặn lội lên thủ đô này. Hi hục chờ đợi mãi anh mới có được một tấm giấy giới thiệu khám miễn phí, đó là tất cả những gì quý báu nhất của anh hiện tại. Thanh vô cùng tò mò và nóng ruột để biết bao nhiêu tiền một tháng anh sẽ được trả nhờ vào cái bệnh lạ lùng của vợ anh: người ta đã chẳng nói với anh rằng căn bệnh càng kỳ lạ thì tiền được trả càng nhiều hay sao chứ ? Nếu như người ta trả cho đứa trẻ mười wons một tháng thì chắc là vợ anh sẽ phải được mười lăm. Với số tiền đó vợ chồng anh có thể thay đổi cuộc sống cùng khổ hiện nay...

Trong lúc anh vừa thử tính toán như vậy thì đôi mắt anh bị hút theo những quả dưa hấu mà một cậu bé đang bày bán, những trái dưa tươi, một khi gọt vỏ, với thời tiết như thế này, thì nhất định là người ta sẽ phải ngấu nghiến ăn. Thanh quan sát từng trái một, nhưng nghĩ tới bốn wons mà anh đang có trong túi, đành đưa mắt đi chỗ khác. Nếu có thêm một wons nữa, Thanh có thể mua được một gói thuốc. Trong cái kỳ vọng mà anh đã có từ chiều hôm qua để mua được một gói thuốc nên anh đã thật cẩn thận để qua một bên bốn wons này. Chẳng xứng đáng gì mấy quả dưa hấu tầm thường này để mình phải phí phạm , Thanh tự nhủ và lên tiếng :

- Giữ cho chặt nghe em ! Mình lên đường.

Dứt lời anh ghé vai đeo chiếc giỏ trên lưng trong đầu Thanh với ý nghĩ một lát nữa anh sẽ có được mấy trăm đồng . Can đảm vì ý nghĩ này Thanh cất bước.



Theo đúng lời hướng dẫn của một cô y tá, vợ chồng Thanh đợi tới lượt họ trước cửa phòng phụ khoa .

Ngồi trên một chiếc ghế dài, nơi anh để vợ nằm, vợ anh thở thật khó khăn. Bàn tay cô ta đặt trên bụng, chiếc bụng căng phồng dưới chiếc váy của cô. Mỗi lần cô thở làm nhô lên những sợi gân nơi chiếc cổ gầy gò của cô.

Lúc vợ Thanh trông thấy một nữ bệnh nhân, nằm dài trên chiếc băng-ca từ trong phòng giải phẫu đưa ra, cùng một chiếc chậu máu , cô tái mặt hân và hàm răng bõng dựng rung lập cập.

- Em đừng sợ như vậy chứ, chính ở đây mà người ta cứu những người sắp chết...

Thanh thử an ủi vợ mình nhưng chính anh, anh cũng có những lo âu như cô vợ. Đó là một chứng bệnh lạ thường để cho phép người ta có tiền? bệnh có thể cứu chữa được hẳn hay không ? Hàng ngàn câu hỏi đang xảy ra trong đầu Thanh .

Vừa khích lệ vợ, Thanh vừa tự đề những câu hỏi quay cuồng trong tâm trí anh cho đến lúc chợt Thanh nhìn thấy một mẫu thuốc lá còn đang cháy dưới cái ống nhổ, trước mặt anh. Nhìn phải, nhìn trái, anh bước đến nhặt rồi lôi từ trong túi chiếc tàu nhét mẫu thuốc và trở lại ngồi cạnh vợ đợi. Đã cả giờ đồng hồ mà họ cũng chưa được gọi . Mãi đến khoảng hơn một giờ sau đó thì người nữ y tá mới gọi đến tên vợ Thanh.

- Dạ, chúng tôi ở đây! Thanh vừa lên tiếng đáp lại vừa vội vàng cõng vợ trên lưng đem vào phòng chẩn bệnh.

Hai nữ y tá cởi quần áo cho vợ Thanh. Cô vợ run lên bần bật, co rúm người thật nhỏ lại như một con thỏ bị mắc bẫy. Cô ta khiếp hãi vì mùi nồng nặc của thuốc, vì sự bóng nhoáng, oai nghiêm của những máy móc trang bị trong phòng. Nhìn cô vợ run bần bật như một con ngốc làm Thanh cũng phải sợ lây nhưng anh cũng nắm một cánh tay vợ, trợn mắt, bằng một giọng mà anh thường dùng lúc ở nhà mỗi khi mắng vợ, Thanh nói :

- Tại sao em phải sợ chứ ?

Cùng lúc , tiếng leng keng của những chiếc bình thủy tinh bị va chạm làm cho anh rung mình. Chính ngay lúc này, một người nữ y tá, lên tiếng trước một vị bác sĩ to béo, hỏi :

- Từ lúc nào mà cái bụng cô ấy như vậy hả ?

- Tôi cũng không nhớ rõ nữa...Thanh vừa trả lời vừa gỡ đầu rồi nói thêm rằng hình như từ mùa đông năm ngoái, lúc đầu anh nghĩ là vợ anh có thai, sau đó, khoảng mười tháng, vẫn không có gì thay đổi, tất cả hình như là mười ba tháng mà vợ anh vẫn như thế như vậy không phải có thai rồi phải không ? Nói xong, Thanh hỏi hân là anh đã nói đến chuyện mang thai trước khi vị bác sĩ mở miệng, Thanh cố đỡ :

- Không ai có ý nghĩ là như vậy, căn bệnh này, lần đầu tiên người ta mới biết.

Ý thức được rằng số mệnh của họ tùy thuộc vào lúc này, Thanh đưa mắt nhìn vào đôi môi vị bác sĩ, chờ đợi lời phán quyết của ông ta. Nhưng, sau đôi kính gọng vàng, người thầy thuốc hình như không muốn nói. Ông ta tiếp tục sờ nắn bụng vợ Thanh, vỗ vỗ, nghe nghe. Sau cùng ông rửa tay trong một chiếc chậu thau rồi, người phát ngôn của ông ta, cô y tá trẻ, khẳng định với một giọng uy quyền rằng :

- Trong bụng vợ anh có một đứa bé. Nó không thể tự thoát ra được vì cửa quá nhỏ. Nó chết ở trong đó. Nếu cứ để như thế này thì chỉ một tuần nữa vợ anh sẽ chết. Phải giải phẫu ngay, tuy nhiên chúng tôi không thể bảo đảm rằng sẽ thành công vì biết đâu trong khi mổ có điều gì không hay xảy ra. Nếu anh cam kết với chúng tôi rằng anh chấp nhận điều bất trắc thì ngày mai chúng tôi sẽ giải phẫu. Anh quyết định thế nào ?

- Tôi cũng không biết nữa...

Thanh lại đưa tay gỡ gáy. Về mặt dần dần hần ra , Thanh không biết nói thế nào. Mặc dù không hiểu được tất cả những gì mà người nữ y tá muốn nói nhưng anh cũng đoán ra được một phần lớn. Một bên anh hãi sợ khi biết được vợ anh đang trong tình trạng hiểm nghèo, phần khác anh cũng thất vọng vì đây chỉ là chuyện mang thai : chuyện này có nghĩa là một "căn bệnh" không đáng để người ta phải nghiên cứu. Chính vì thế mọi việc kể như văt đi, Thanh hỏi :

- Trong trường hợp này, ăn uống như thế nào ?

- Chúng tôi sẽ chữa trị và cho ăn uống tại đây, anh đừng lo ngại gì.

- Nhưng ...tôi muốn nói...

Dù rằng sự xấu hổ đã như đốt cháy hai gò má của Thanh , anh cố thu can đảm để nói :

- Chúng tôi sẽ được trả tiền hả ?

- Được trả tiền ? Tiền gì ? ...

- Hình như trong một số bệnh nào đó ... bệnh viện trả tiền cho những bệnh nhân được điều trị...

- Nhưng người ta đã sẵn sóc, chữa trị cho bệnh nhân : lý do gì, bệnh viện lại còn phải trả thêm tiền cho bệnh nhân nữa ? người nữ y tá sáng giọng đáp lại.

Khuôn mặt của Thanh trở nên tái xanh. Anh chợt hiểu được rằng giấc mơ của anh hoàn toàn sụp đổ. Anh cảm thấy tim anh như bị bóp nghẹt. Bằng bàn tay thô dầy của mình Thanh đưa lên lau mồ hôi đang chảy trên trán. Nhưng dù thế nào chăng nữa cũng phải cứu vợ mình, nghĩ thế anh cúi chào một cách thật lễ độ trước cô y tá và lên tiếng bằng một giọng kính cẩn hơi có vẻ quá đáng :

- Ngày mai tôi sẽ đưa vợ tôi đến.

Người vợ vẫn đang nằm trên giường khám và đã nghe được tất cả câu chuyện, cực lực phản đối :

- Không được! Tôi không để cho mổ bụng tôi , chẳng thà tôi chịu chết còn hơn.

Khuôn mặt Thanh trở thành vàng bệch, choáng váng :

- Nên mổ còn hơn là chết em ạ.

Tránh những cái nhìn mĩa mai của cô y tá và vị bác sĩ, Thanh dìu vợ dậy , đặt vào chiếc giỏ rồi ghé vai cồng và cả hai chậm chạp , do dự rời khỏi bệnh viện. Thanh có cảm tưởng lạ lùng rằng cái gánh nặng mà anh đeo trên lưng rời bệnh viện nặng gấp hai lần khi anh cồng nó đến.

Bước chân nặng như đeo đá, Thanh lại đi ngược con đường đã đến. Lúc này, trên đường ngược chiều đến đây là đường của hy vọng còn bây giờ Mặc dù không thể thực sự trông được mặt vợ anh trong lúc này

nhưng gần như anh nhìn được một cách thực rõ rệt : Vợ anh đang cố kềm hãm những giọt nước mắt. Vị bác sĩ là một người có học, nhất định ông ta phải biết nhiều điều hơn vợ chồng Thanh, phải tin lời ông ta nói về việc vợ anh chỉ sống được một tuần lễ nữa. Chỉ còn nước là tìm một cái lỗ tối tăm, lạnh giá nào nó rồi để vợ anh nằm dài chờ chết...

Bằng nắm tay, Thanh chùi những giọt mồ hôi to đang tuôn chảy làm nhòa cả mắt anh , anh suy nghĩ về cái tương lai đen tối đang chập chờn trước mặt anh. Vợ chồng Thanh đến thủ đô này với biết bao hy vọng, nhưng thật vô cùng cực nhọc anh mới kiếm ra được miếng ăn để vất vưởng qua ngày và bây giờ anh sắp mất vợ anh, người bạn đồng hành trong cuộc sống khốn khó của anh...Cuộc đời thật là chó đẻ!... Để tránh không phải nói ra câu này Thanh thở dài một cái thật mạnh rồi cắn chặt hàm răng lại.

Trời càng lúc càng thật nóng .

Thanh không còn chịu được nữa, anh đang muốn nổi cơn điên. Ngừng lại dưới gốc cây liễu khi này, anh vừa lau mồ hôi vừa nhìn vợ. Bỗng dưng anh cảm thấy vô cùng hối hận : Vợ anh chỉ biết những khổ nhọc khi sống với anh, chưa bao giờ được ăn no mặc đủ như nhiều người đàn bà khác. Nếu mà anh biết trước được sự thể sẽ như thế này thì anh đã không ngần ngại gì ngay cả phải đi bắt trộm gà của hàng xóm để cho vợ anh được ăn ...

- Đừng khóc em ạ...mấy người đó đâu phải cái gì cũng biết . Thanh giả bộ mắng vợ.

Mắng xong anh hỏi tiếp :

- Em muốn ăn dưa hấu không ?
- Không, em không thích dưa hấu.

Vợ Thanh trả lời và trở tay về phía người bán nước , đang ngồi bán dưới một bóng mát, bên kia đường. Vợ anh chắc hẳn đang khát nước lắm nhất là với cái thời tiết nóng nực đầu hè như thế này. Cô uống một hơi hết bát nước tuy có vẻ bối rối khi bắt chồng phải bung bát cho cô uống và nhất là đã làm cho chồng phải tiêu mất số tiền dành dụm được để mua gói thuốc trong trường hợp chồng cô kiếm ra thêm được một đồng nữa. Thanh đề nghị với vợ mua bát nước nữa nhưng vợ anh lại nói rằng cô thích được ăn một chiếc bánh gạo nhật bản hơn. Nghĩ rằng đây là lần cuối vợ mình ăn nên Thanh đã dùng hết số tiền còn lại để mua ba chiếc cho cô. Chăm chú nhìn cô vợ ăn. Vợ Thanh vừa nhai vừa để những giọt nước mắt tuôn ra đầy trên gò má gầy gò, rồi cô lên tiếng như vừa chợt nhớ ra được :

- Anh đừng quên trả lại cho em anh số gạo mình mượn, hai bầu gạo anh ạ. Nhớ nghe anh!

Thanh hiểu rằng vợ anh vừa nói ra lời trần trời cuối cùng của cô.

- Em đừng quan tâm!
 - Về quần áo của anh, bảo mẹ của Kim Dung giặt cho anh, anh cứ nói rõ hoàn cảnh của mình nghe anh !.
- Cô bắt đầu sụt sịt ở những tiếng cuối cùng mỗi câu nói, sự thôn thức đã làm miệng của cô bị biến dạng .

Thanh thấy rằng những tiếng vợ vừa nói thật vô cùng buồn thảm, nước mắt cũng bắt đầu làm mờ cái nhìn của anh.

Thanh đứng lên, đeo chiếc giỏ. Phải về nhà càng nhanh chừng nào càng tốt . Anh sẽ tìm mọi cách để cho vợ anh, ít nhất cũng một lần, được ăn một chén cháo thật ngon. Vai trò làm chồng đòi hỏi anh tối thiểu cũng phải làm được như vậy.

Trời thật nóng, vô cùng nóng...

Trong lúc Thanh, nước mắt dàn dụa, vừa rảo bước vừa đưa tay áo lên quệt mồ hôi tuôn ra ướt đầm khuôn mặt ; trên lưng anh, những giọt trần trời cuối cùng, hết điều này sang điều khác, liên miên, chập choạng trong những tiếng nức nở của người vợ.

Troyes, tối 05.10.2008 tại Sérénité .

TỪ VỮ

Phóng dịch từ truyện của KIM-YU-JONG .



TRƯƠNG CHI

MỸ NƯƠNG

VŨ LƯU XUÂN

Này Mỹ Nương, trong cõi người vô minh, nàng là ai? Ta xin thấp lên ngọn nến nhỏ, để một lần được thấp thoáng thấy khuôn mặt nàng

Vừa sải bước xuống thuyền, khách đã nghe một giọng già nua cất lên ở cuối khoang:

-Này Cẩm nhi, khách quan đã tới, con mau mau ra đón khách.

Đáp lại là một tiếng dạ khẽ khàng, tuy trong trẻo mà đượm chút gì mệt mỏi, chán chường.

Khách nhẹ tay vén rèm lụa mỏng, cúi mình bước vào khoang trước. Khoang thuyền rộng bằng hai manh chiếu, bài trí sơ sài mà trang nhã. Dưới ánh sáng bạch lập, khách đã bước vào tuổi vãn niên, tóc lấm tấm điểm bạc, khuôn mặt xương xẩu hơi khó coi, duy chỉ có đôi mắt sáng thật hiền. Còn kỹ nữ, nàng ôm chiếc đàn tỳ đứng nép vào một bên, vóc dáng mảnh mai, khuôn mặt thanh tú, trang điểm sơ sài, lớp phấn mỏng không che nổi dấu tích thời gian đã hằn nhẹ ở đuôi mắt thành những vết chân chim.

-Khách quan, mời ngồi.

Khách mỉm cười:

-Nghe lời bằng hữu, hôm nay tới quấy quả cô nương.

-Khách quan đã quá lời.

Kỹ nữ vén tay pha trà, nước xanh, trong suốt, hương không ngát mà đượm, trên miệng chiếc chén da chu quện một lớp khói mỏng như sương.

-Khách quan, gió lạnh, mời người dùng đồ cho ấm lòng. Sau tuần trà mới tới rượu nhạt tẩy trần.

Khách nâng chén, che tay nhắm nháp từng ngụm nhỏ.

-Trà ngon, pha khéo, đủ gọi được cái thú của cổ nhân.

-Một nắm vối xanh, chất quê, đâu dám học đòi lối pha của Lục Vực.

Khách sẽ sàng:

-Đã lâu nghe tiếng Cẩm nương là tay cự phách trong giới cầm ca, hôm nay mới có duyên may được gặp.

Giọng kỹ nữ đưa đẩy, nhưng không giấu được chút chán chường:

-Khách quan quá khen, tôi chỉ là một bóng mờ trong đám ca kỹ trên sông. Những mong người có thể tìm khuây trong tiếng đàn là tôi mãn nguyện lắm rồi.

Khách nhìn thẳng vào mặt người đối diện:

-Cô nương xin thứ cho một lời nói thẳng. Quả thật trong mắt bọn tục nhân, nàng chỉ còn là một bóng mờ, nhưng tôi tới đây, cốt để gặp một bậc tài hoa trong làng cầm nghệ.

Nét mặt người con gái thoáng chút rạng rỡ:

-Quá khiêm cũng là bất kính. Khách quan, chẳng hay người muốn thưởng thức khúc nào?

-Tôi trộm nghe khúc điệu làm vương tay bậc tài hoa. Trong cảnh giới tối cao của cầm nghệ, không gì bằng thuận theo tiếng lòng mà phỏ vào bốn giây.

-Khách quan, giữa đêm trăng lạnh còn nghe tiếng đàn buốt giá, nên chăng?

-Bỏ ra trăm quan tiền tốt để mua lấy tiếng đàn tuy điệu luyện mà vô hồn, đó là cái ngốc của bọn trưởng giả học đòi. Cô nương, tôi nửa đời phiêu bạt, cảnh ngộ nào mà chưa trải qua. Đêm nay tới đây, thân khoác một manh áo mỏng, những mong cảm nhận được hết cái lạnh lẽo của gió sông và cái giá buốt của cõi lòng.

Cầm nương cúi đầu, so phím, dạo một khúc đàn. Quan sát thấy vẻ mặt khách lạnh lùng, vô cảm, nàng dừng tay.

-Xin được nghe lời chỉ giáo.

Khách nghiêm giọng:

-Cô nương xin đừng gượng vui.

Kỹ nữ thở dài:

-Quả nhiên không thể mượn vải thưa che mắt người sành điệu. Khách quan, mười lăm năm bèo trôi mặt nước, tôi vẫn tự dặn mình: mãi nghệ bất mãi thân, mãi tiểu bất mãi tâm, e rằng hôm nay nguyên tắc thứ hai không thể giữ vẹn nữa rồi. Cảm ơn tri ngộ, đành đem chút lòng thành trang trải qua tiếng đàn để phụng bồi quân tử.

-Đa tạ cô nương đã vì tôi phá lệ một lần.

Kỹ nữ quay về phía tủ trà, trang trọng bưng ra một lư đồng nhỏ, đặt nhẹ xuống bàn, rồi lặng lẽ gảy lò trầm. Sợi khói mong manh tan loãng vào không gian cùng với hương trầm thoang thoảng. Ánh trăng nghiêng nghiêng chiếu chệch vào cửa khoang, nửa khuôn mặt người kỹ nữ khuất trong bóng tối mung lung. Phải chăng gió sông trở lạnh, mà sao nàng thoáng rung mình.

-Tiện nữ bêu xấu, xin người đừng chê.

Tiếng đàn chợt vang lên, đầm ấm như nắng mùa xuân, trong âm thanh rộn rã dường như có tiếng cười khúc khích. Bỗng nhiên giọng đàn chùng lại, đứt quãng, rồi chợt tan vụn thành một chuỗi nghẹn ngào. Âm thanh cao, sắc, đã không tạo thành cảm giác vui tươi, mà tưởng chừng tiếng nức nở của một cõi lòng bị xé nát.

Khách ngồi bất động, cau mặt, cúi đầu.

Tiếng đàn đang cao vút, sắc lạnh, bỗng đổ xuống cung trầm, thoang thoảng như vọng lại tự cõi nào, âm thầm chịu đựng.

Có giọng ngâm se sẽ, chất chứa nỗi sầu:

*Mười ngón ngả nghiêng điệu xuất thần,
Chờng khuya bừng tỉnh giấc tiền thân.
Vội vàng buông lỏng dây ân ái,
Mà vẫn mơ hồ dáng cố nhân.*

Tiếng ngâm dứt, cây đàn rộn lên vài âm thanh xôn xao, lạc lõng rồi cũng ngừng theo.

Có tiếng nhẹ như gió thoảng:

-Khách quan, người thấy sao?

Khách bàng hoàng chợt tỉnh:

-Nửa đầu là tiếng lòng thiếu nữ đang xuân gửi người tri kỷ, mà sao nửa sau lại khôn xiết ngậm ngùi.

-Quả là đôi tai Sứ Khoáng. Khúc này vốn của một bậc tài hoa bạc mệnh. Khách quan người có từng nghe nói tới cuộc tình Trương Chi, My Nương chưa?

-Trương Chi, phải chăng anh chàng đã trao lầm trái tim cho một tiểu thư bạc bẽo, đồng đành?

-Ngay cả người cũng nghĩ thế sao? Như vậy mới hàm oan biết ngày nào rửa sạch.

Khách gượng cười:

-Chẳng hay tôi có lời nào đường đột?

-Đường đột thì không phải, vì từ ngàn xưa tiếng đời mai mĩ vẫn lưu truyền. Vậy khách quan đã nghe được gì?

-Có một anh chàng Trương Chi xấu xí thổi sáo bên sông, làm say lòng tiểu thư con lão viên ngoại. Ba ngày không nghe tiếng sáo, tương tư trở bệnh, nàng ốm liệt giường. Viên ngoại chiều con, cho đòi tiêu lang mang sáo tới gặp. Khi thấy khuôn mặt xấu xa, quái dị, My Nương vỡ mộng, lạnh lùng xua đuổi. Từ khi gặp mỹ nhân, Trương Chi ôm mối hận lòng, héo mòn đến chết, trái tim chàng kết thành khối ngọc. Viên ngoại mua được, liền sai tiện thành chiếc chén nhỏ tặng con. Khi nước đầy, trong đáy chén phảng phất hình bóng chiếc thuyền nan, lênh đênh trôi dạt. Một phút chạnh lòng, cô gái bội bạc để rơi đôi giọt lệ xuống chén ngọc, chén liền tan vụn.

-Tuy phần cuối tưởng chừng có hậu, nhưng đây chính là thiên cổ kỳ oan. Cô gái không bao giờ gặp lại tiêu lang, khách quan có hiểu vì sao không? Ba lớp cửa phòng the, kể cả khung cửa sổ hướng ra sông đã bị viên ngoại sai người khóa chặt. Từ đó gây thành sự hiểu lầm oan nghiệt ngàn đời.

Cô gái bưng chén trà nhấp giọng.

-Khách quan xin theo tiện nữ.

Cô gái nhẹ tay vén rèm rồi đứng lui về một bên. Khách khom người bước ra vùng ánh trăng, manh áo mỏng lồng lộng bay theo chiều gió. Xung quanh thuyền, sông như một giải lụa uốn éo trải dài.

Cô gái đưa tay vuốt lại mớ tóc mai lòa xòa trước trán.

-Khách quan, đây chính là con sông đã xảy ra cuộc tình Trương Chi, My Nương. Còn kia là lầu My Nương thuở trước, căn lầu hoang phế thấp thoáng sau rặng liễu già. Đứng ở mũi thuyền có thể thấy một khuôn cửa nhỏ, cửa sổ lầu Tây đã đưa tiếng sáo Trương Chi lọt tới chốn phòng khuê.

Khách nhìn kỹ, ánh trăng đủ sáng để thấy mấy thanh gỗ đóng chặt phía ngoài.

Cô gái lại tiếp:

-Phía xa kia, khách quan thấy không? Sương mù, khói sóng dường như ngưng tụ ở cả một nơi. Tương truyền đó là chỗ con thuyền My Nương đã chìm sâu dưới đáy Trường Giang. Ngày nay thuyền gia vượt sông, thường lách sang bờ bên kia, một là để tỏ lòng kính trọng, hai là khúc sông đó có nhiều vũng xoáy, kẻ xấu ngoa truyền cho rằng My Nương đã tạo ra để bắt hồn khách thương.

Thoáng nghe một tiếng thờ dài, kỹ nữ ngưng kể, lát sau mới tiếp:

-Trở lại khúc đàn khi nãy, khách quan người có cao kiến gì?

-Tôi không dám lạm bình, đành mượn một sáo ngữ, đúng là vạn cổ sầu.

-Nỗi vạn cổ sầu đó một thiếu nữ hời hợt, đồng đánh có đủ khả năng cô đọng vào cung bậc trầm uất của bốn dây được hay không?

Khách dẫn đo:

-E rằng vạn lần không.

-Chỉ tiếc ngón nghề non nớt, tôi e chưa thể hiện được hết cái khúc mắc, tinh tế của bản đàn chứa chan tâm sự.

-Cô nương quá khiêm tốn rồi.

Kỹ nữ mỉm cười:

-Tôi lại nghe có kẻ không thích Ly Tao, Quy Khứ, chẳng phải là chê từ Khuất Nguyên, thơ Đào Tiềm, mà vì lòng đang sục sôi bay nhảy. Bởi thế cảm thụ nghệ thuật trước hết cần có sự đồng cảm, đồng điệu. Tương tư tiếng sáo đến nỗi bật vía, bay hồn, thân lâm trọng bệnh, hiện tượng ấy há chẳng phải xuất phát từ sự đồng cảm đã tới cảnh giới tối cao đó sao? Như vậy còn xá chi vẻ xấu đẹp bề ngoài.

Khách nghiêng mình:

-Quả là cao luận.

Kỹ nữ lại tiếp:

-Tiếng đời mai mĩa, chê My Nương là một tiểu thư xốc nổi, phù phiếm, bội bạc. Khách quan, người nghĩ sao?

Khách thờ dài không đáp, lặng lẽ rót đầy ly rượu, rồi trang trọng rải xuống mặt sông. Một lát sau mới ân cần:

-Xin rửa tai nghe lời trần tình.

-Miệng đời thế nào xin gác một bên, riêng ở vùng tôi, theo lời các bậc thượng trường từ mấy trăm năm nay...

*

-Gió đêm lạnh lẽo sao người lại nằm đây?

-Bạch cụ, tôi là một gã quê mùa xấu xí, dị dạng, mọi người vừa thấy đã cấm cớ chạy xa, chỉ xin ngả lưng dưới mái tam quan cũng đủ tốt rồi.

-Trước mắt Phật môn đệ tử làm gì có xấu đẹp, vào thôi.

Sư già nắm tay gã diu đứng dậy, dắt vào chùa. Chùa chẳng qua là ba gian nhà cỏ, gã bình thân bước vào gian chính giữa, nơi đặt bàn thờ Phật. Trên bàn thờ chỉ có ba cây nhang cháy đỏ cắm trong chiếc bát sành với một pho tượng nhỏ bảm đầy bụi bặm. Gã trở mắt đứng nhìn. Có tiếng sư già:

-Thấy Phật sao không lạy?

-Phật ở trong lòng biết lạy làm sao?

Sư già cười, dắt gã ra phía chõng tre kê bên khóm trúc:

-Ngươi có đói không?

-Hình như cả ngày chưa có hột nào trong bụng.

Sư già vào bếp lấy ra một củ khoai.

-Ta ăn với ngươi.

Ở miệng sư già, tiếng ngươi không hề lộ một chút khinh bạc.

-Nhà ngươi ở đâu?

-Hình như ở khắp bốn phương, lâu ngày cũng quên mất gốc, chỉ nhớ mang máng lúc nhỏ cha mẹ bỏ quên giữa chợ, mỗi người thương tình nuôi cho ít bữa, về sau theo hãnh một lão nghệ nhân lang thang đây đó. Lúc rảnh rồi lão cũng dạy cho ít chữ của bò với nghề thổi sáo. À quên, lão còn đặt cho một cái tên: Trương Chi.

-Lão đâu sao không thấy?

-Mấy năm trước, tôi đã vùi xác lão trong một nắm cát ven sông. Lão để lại cho tôi một gia tài

Gã vỗ tay vào bọc vải sau lưng:

-Đồ cụ biết gì đây?

-Vàng bạc ư? Quần áo ư?

-Mấy quyển Đường thi, dăm cuốn Tống từ, với một cây sáo trúc, tuổi cũng xấp xỉ bằng cụ.

Sư già cười hóm hỉnh:

-Vậy trong ba trăm nhà, ngươi chuyên trị nhà nào?

-Ồi chào, mở sách thấy câu nào hợp ý thì ngâm nga. Thần trí hồ đồ, lâu ngày chầy tháng đọc lên, chẳng còn phân biệt câu nào của lão Đỗ, lão Lý với của lão Trương tôi.

Sư già cười ha hả:

-Ta với ngươi cùng một giuộc, thỉnh thoảng vớ được mảnh giấy cũ, đọc lách nháp mấy câu, ý nào hay thì nghiền ngẫm, cũng chẳng rõ của Phật, của Lão, hay của Trang, đôi lúc dấm dớ lại cứ tưởng là ý của mình. Còn kinh với kệ, nói ra xấu hổ, ta chỉ thuộc mỗi một câu: Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

-Thế cụ không thuộc giới sao?

Sư già xoa xoa đầu trọc:

-Cũng không rõ nữa.

-Thế cụ có giới sát không?

Sư già tròng mắt: <

-Mỗi chúng sinh có một mạng sống, ai cho ngươi tước đoạt.

-Thế cụ có giới sắc không?

-Cặp mắt ta lèm nhèm, nhìn trước, nhìn sau, chẳng biết ai là nam, là nữ, cũng bắt phân xấu đẹp, cần quái gì giới sắc.

Nhìn cặp mắt già còn rất sáng, gã gật gù.

Hai người vừa nói lảng nhãng, vừa nhai nhồm nhoàm. Gã lựa một củ lớn.

-Củ lớn phần tôi, củ nhỏ phần cụ.

Ăn lưng một bụng, uống cạn một bát nước vôi, gã xoay tròn, vắt áo lên cành cây.

-Sảng khoái, sảng khoái.

Sư già cũng bắt chước gã, xoay tròn vắt áo lên cành cây, cả thân hình như bộ xương khô. Gã nhăn mặt:

-Áo của cụ vừa rách, vừa hôi.

Sư già thản nhiên:

-Nếu có ai bố thí cho khúc lụa hồng, ta sẽ may một tấm cà sa mặc khi mùa hạ, nếu bá tánh cúng dường khúc gấm Hằng Châu, ta sẽ may tấm áo cà sa mặc lúc mùa đông.

Gã cười sảng sặc, chỉ tay vào mặt sư già:

-Cụ đúng là một lão hồ mang.

Sư già cũng cười ha hả:

-Còn ngươi chính là gã tiểu khật khùng.

Cười đã, cả hai vắt chân nằm ngửa ngắm trời. Được một lúc, sư già vùng dậy, quay sang gã:

-Này tiểu khật khùng, hay là ngươi ở lại chùa ăn lưng cơm hẩm với lão hồ mang?

Đôi mắt nhắm nghiền, không biết gã đã ngủ chưa, mà không nghe tiếng trả lời...

*

Gã quyết định xếp áo ở lại chùa. Đêm đến gã cùng sư già ra sông, thả thuyền ngắm trăng. Hai bên bờ, từng rặng lệ liễu lòa xòa làm tăng thêm cảm giác mênh mông, cô tịch. Gã với tay lấy bầu rượu.

-Cụ có giới tửu không?

-Việc quái gì phải giới, có điều thực lòng tư nhỏ ta vốn không ưa mùi rượu.

-Thất lễ.

Gã nâng bầu rượu, tu ực một ngụm lớn, rồi hà hơi vào lòng bàn tay.

-Sảng khoái, sảng khoái. Có trăng, có rượu, không thể thiếu tiếng tơ, tiếng trúc.

Gã với tay rút ống sáo trúc giắt sau lưng, đưa lên môi. Tiếng trúc vang lên, mơ hồ, lảng đãng. Đầu gã nghiêng nghiêng, vai hơi lệch về một phía, cả tâm hồn như ngưng đọng. Một gã Trương Chi đời thường với một gã Trương Chi thời sáo, hình như chẳng còn gì liên hệ với nhau. Âm thanh vút lên, lạnh lẽo, cô độc, tiếng rung ở đầu lưỡi, tiếng láy ở ngón tay, tạo thành một cảm giác run rẩy, bồn chồn. Những âm thấp nghe như tiếng nghẹn ngào, uất ức. Tiếng tiêu của gã làm cho cả bầu trời cũng giá buốt thêm.

Sư già ngồi ở đầu thuyền, bó gối, lưng như còng xuống, đầu cúi gục vào vòng tay...

*

-Ngọc nhi, em có nghe thấy không, tiếng sáo văng vẳng đâu đây thật lạ lùng, âm thanh mềm mại mà sao chứa chan dẫn dắt, uất ức. Em mau gây cho ta lò trầm.

-Tiểu thư mỗi khi gây đàn lại đốt trầm, phải chăng là cái ước lệ của cổ nhân?

-Trầm hương có khả năng làm bình tâm, tịnh khí, gạt đục khơi trong. Giữa cõi vô minh mình lại gặp mình, như vậy mới mong trải hết tâm tình trong cái tinh tế của bốn dây.

Cung đàn dạo lên vài tiếng rồi bắt đầu quyện lẫn với tiếng tiêu. Tiếng tiêu khựng lại một chút, rồi cũng hòa lẫn với tiếng đàn. Một người thả thuyền giữa sông, một người ngồi bên khung cửa, dường như không còn ý niệm thời gian. Càng lúc tiếng đàn, tiếng trúc càng có vẻ hòa quyện âm áp hơn.

Âm thanh dứt hồi lâu, sư già mới bừng tỉnh:

-Quả là lạc vào cõi thần tiên.

Gã có vẻ suy nghĩ mông lung:

-Tôi chỉ thuận miệng mà thôi, chẳng theo khúc điệu nào, không hiểu sao tiếng đàn, tiếng trúc như quyện lẫn vào nhau, thanh âm hòa hợp.

Sư già trầm ngâm. Giữa khoảng trời cao lồng lộng, sư già hình như biến hẳn thành một con người khác, từ ngôn ngữ, cử chỉ tới dáng dấp đăm chiêu.

-Lòng người chớm nghĩ tới mây bay, tiếng đàn đã vút lên; người vừa nghĩ tới nước sâu, tiếng đàn đã lạnh tanh, trong suốt; người chợt nghĩ tới đôi lứa yêu thương, tiếng đàn đã đầm ấm, vui hòa. Đó chính là sự đồng cảm trọn vẹn của hai tâm hồn.

-Hai người chưa từng gặp mặt, đã có sự đồng cảm hay sao?

-Trong cõi thâm sâu, huyền nhiệm của nghệ thuật, sự đồng cảm đã từng xảy ra giữa hai con người sống cách nhau hàng trăm năm. Tiếng sáo của người há chẳng phải là tiếng lòng đó sao? Nhưng hiểu rõ lòng nhau, tiếc rằng thế gian này rất hiếm.

Trương Chi thở dài:

-Chả trách Tử Kỳ chết, Bá Nha đành phải đập đàn.

Sư già vỗ vai gã, chỉ phía bờ sông:

-Tiếng đàn vang lên từ nơi ấy. Ngươi thấy không? Cửa sổ lầu Tây, thấp thoáng một ánh trăng, một bóng ngọc, áo lụa bạch phơi phới, tóc xõa che gần kín khuôn mặt vốn đã mơ hồ, lảng đãng như gái liễu trai. Tiểu khật khùng ơi! Định mệnh của ngươi đã ở đó rồi. Này, ngươi có nghe ta nói hay không?

Gã giống như pho tượng, tay nâng sáo trúc, chưa chạm đến môi, bất động...

*

-Này lão hồ mang, đêm nay tôi lại muốn ra sông câu cá, cụ có đi không?

Sư già cười khoan dung:

-Người thật lòng muốn rủ ta ư?

Phương đông trời bỗng chuyển mây đen, sấm chớp ầm ầm, trận mưa ập đến thật mau, kéo dài bất tận, ba ngày ba đêm mưa không dứt hột, đêm đến mưa càng mau hơn. Vậy mà cả ba đêm liền, gã đều đội nón mê, khoác áo lá, lặn lội ra sông.

-Tôi đi kiếm ít cá tươi.

-Mưa đông cũng câu cá được sao?

Gã không trả lời, cúi đầu lầm lũi bước đi. Hình như ông trời có thù riêng với gã.

Sáng thứ tư, mưa dứt hột, trưa trệt gã mới khật khưỡng về chùa.

-May quá, đêm qua câu được con trắm to, tôi mang ra phiên chợ sớm đổi lấy chút rượu ngang...

*

Ba đêm liền cả trời vần vũ.

Đêm thứ nhất- Bên khung cửa đóng kín, My Nương giọng bồn chồn:

-Ngọc nhi, em mau mở cửa cho ta nghe tiếng sáo.

-Tiểu thư, mưa quá lớn, gió thổi ngược, tiểu thư không sợ ngã bệnh hay sao?

Đêm thứ hai- Trời vẫn đổ mưa, My Nương ngồi gục bên bàn:

-Ngọc nhi, mở cửa sổ, tiếng sáo đang đợi ta.

Đêm thứ ba- Trời mưa càng nặng hạt, My Nương co quắp trên giường, giọng thều thào:

-Ngọc nhi, mở cửa...

Đêm thứ tư- Trương Chi ngồi rũ trên ổ rơm ở góc nhà, cả người đông cứng như hóa đá. Có tiếng sư già:

-Tiểu khật khùng, viên ngoại cho người tới tìm người.

Mắt gã sáng lên:

-Vậy sao?

-Ngốc tử, người không mau đi đi.

Gã dắt sáo vào lưng, tắt tui bước ra.

Gã được dẫn vào một gian đại sảnh bài trí cực kỳ xa hoa. Trong phòng đốt hơn mười cây bạch lập, gã thấy mình lạc lõng, thừa thãi. Có tiếng lão viên ngoại:

-Người đây ư?

Gã quay lại hơi gật đầu. Ánh bạch lập chiếu hắt vào mắt gã.

Lão viên ngoại chột nhảnh mặt, hàng lông mày trắng sụp xuống. Lão vẫy gọi tên gia nhân, giọng khinh mạn không cần hạ thấp:

-Lấy mấy đồng tiền kẽm cho hắn, rồi bảo hắn đi đi.

-Nhưng còn cơn bệnh của tiểu thư?

-Thôi được, đưa hắn vào hậu viên.

Gã băng qua hoa viên, thẳng bước tới một ngôi lầu nhỏ xinh xắn. Gã leo vội mấy bậc thang, bước lên lầu hoa. Từ chỗ gã đứng có thể nhìn thấy mặt sông trải đầy trăng sao. Có tiếng nói nhỏ phía sau rèm:

-Tiểu thư, chàng tiêu đã đến.

-Thế ư, em đỡ ta ngồi dậy.

Gã đứng dựa vào cột lầu, ngẩng mặt nhìn trăng, rồi từ từ đưa sáo lên môi. Tiếng tiêu nhẹ nhàng vút lên.

-Em mau gây cho ta lò trầm

-Tiểu thư muốn họa đàn ư? E rằng còn bệnh.

-Ta khỏi hẳn rồi.

Từ phòng khuê vọng ra một giọng nhỏ nhẹ, êm ái:

-Tiêu lang đó ư? Xin được một lần cách rèm xướng họa.

Tiếng đàn, tiếng sáo lại quyện lẫn vào nhau. Hình như thời gian trôi rất chậm. Lúc tiếng đàn, tiếng sáo ngưng hẳn, toàn thân gã vẫn ngây ngất trong một cảm giác băng khuâng. Có bóng Ngọc nhi lấp ló sau rèm, rồi tiếng thì thầm:

-Chàng xấu xí quá, xấu đến kinh người.

My Nương giọng thản nhiên:

-Thế ư?

Lão viên ngoại đằng hắng phía sau làm gã giật mình.

-Người còn ở đó làm chi?

Lão vậy gọi tên quản gia:

-Mau cho hẩn ba quan tiền kềm thưởng công chữa bệnh, rồi đuổi hẩn đi đi...

Đêm đã rất khuya vẫn không thấy gã về chùa. Sư già men theo ánh trăng ra phía bờ sông. Gã đứng đó, đôi mắt mung lung, sư già tới gần vẫn không hay biết. Gã không xuống thuyền, gã không thổi sáo, gã đứng bất động hàng giờ, mảnh áo rách phơi trần da thịt trước ngọn gió cuối thu. Gã lạnh lùng, vô cảm, nhưng lòng gã dường như đang sôi sục. Sư già lặng lẽ về chùa, để mặc gã một mình gặm nhấm nỗi đau.

Sáng sớm vác chổi ra sân quét lá, sư già thấy gã nằm vật dưới mái tam quan, miệng lẩm nhảm, đút quăng, chẳng biết tiếng ngấm hay tiếng rên:

*Nàng như người ở chiêm bao
Ta như lạc tự thuở nào tới đây...*

Sau khi được đồ một bát nước gừng nóng, gã hồi tỉnh từ từ, hình như trong mắt có điều muốn nói. Cả ngày hôm đó gã không ăn, không uống, mắt mở trừng trừng, nhưng hồn như chìm vào cõi hôn mê. Ba ngày trôi qua, tình trạng gã càng tồi tệ thêm.

Sư già hết ra lại vào, nhìn gã xót xa. Tới ngày thứ tư, gã bừng tỉnh, run run níu chặt lấy tay sư già.

-Lão sư phụ, xin giúp cho một điều, làm ơn trao lại tấm lòng này cho người tri kỷ.

Gã nói như trong cơn mê sáng, không đầu không cuối. Sư già lặng lẽ thở dài, còn gã nấc lên, đôi mắt nhắm nghiền, khép kín lại một vòng trầm luân.

Sớm hôm sau, khi bầu trời còn lác đác sao thưa, sư già âm thầm khiêng xác gã tới bãi sông, đặt gã nằm trên một mảnh ván tạp, chất kín chung quanh từng bó củi khô. Sư già rót đầy một bát rượu, rưới lên mình gã, giọng trang nghiêm:

-Này tiểu khật khùng, ta vốn không thuộc kinh siêu độ, chỉ muốn hỏi ngươi một lời: liệu hồn ngươi đã siêu thoát hay chưa?

Sư già đánh hỏa liệu, chậm chạp mỗi lửa, lửa đỏ theo gió bùng lên, củi khô nổ lách tách, ngọn lửa liếm từ từ, rồi nuốt trọn thân gã. Sư già cúi đầu nhìn đất, mắt như đứng tròng, dáng như pho tượng. Thời gian trôi qua không biết bao lâu, sư già mới giật mình bừng tỉnh. Ngọn lửa đã hầu tàn, chỉ còn thoi thóp, thỉnh thoảng có vầng vẩy bùng lên.

Lửa lụn dần, sư già ngồi xồm, dùng đôi đũa tre bới đám tro xương.

-Này tiểu khật khùng, ta hỏi ngươi lần nữa: hồn ngươi thực sự đã siêu thoát hay chưa?

Sư già chỗi dậy, đứng sững bên bờ sông, mảnh áo cà sa bạc phếch bay phần phật trong gió sớm. Lặng lẽ hồi lâu, sư già mới chậm rãi rải từng nắm tro xuống mặt sông, tro tàn tàn mạn tung bay theo gió.

-Vật này vốn không phải của ngươi.

Cuối cùng dưới đồng tro còn sót lại một vật cứng bằng nắm tay, sư già lấy vạt áo nâu lau sạch lớp tro than bám bên ngoài. Vật cứng có hình trái tim, trong suốt, sắc hổ phách ngả màu nghệ già, bên trong vẩn lên từng tia máu đỏ. Sư già ngậm ngùi, mân mê khối ngọc, rồi thì thầm:

-Vật này là của ngươi. Này tiểu khật khùng, ta hiểu mà, cỡ như ngươi làm sao siêu thoát nổi.

Bỗng trong mắt sư già hai giọt lệ lăn dài xuống gò má nhăn nheo như hai quả trám khô, những giọt nước mắt già nua, rất hiếm, tưởng đã cạn kiệt.

Công việc hoàn tất, sư già vẫn bịn rịn không muốn rời, mãi tới lúc mặt trời lên bằng hai con sào, sư già mới lẩm lũi trở về. Tới chùa, vị sư ngậm ngập khối ngọc trong một tô rượu lớn.

-Này tiểu khật khùng, ta phá lệ đãi ngươi một chầu.

Sư già rót thêm một tô nữa, rồi ngửa cổ uống một hơi cạn sạch. Lặng đặng đầu đây, hình như trong khối ngọc, chợt vẳng tiếng sáo, tiếng ngấm:

*Nàng như người ở chiêm bao
Ta như lạc tự thuở nào tới đây...*

Lại thấy thấp thoáng bóng thuyền nan với gã lái đò gác chèo thổi sáo. Sư già thoáng rung mình, bừng hiểu lời trần trời có vẻ không đầu, không đuôi, liền xốc lại mảnh áo rách, bước thấp, bước cao tới gõ cổng hoa viên.

-Trưởng lão, người hạ cố tới thăm, hẩn có điều chi bảo ban?

-Chẳng dám, chỉ mong làm tròn lời trần trời cuối cùng của một gã rất ngu.

-Xin nói rõ hơn.

-Di vật này phiền cụ trao lại cho lệnh tiểu thư, được chăng?
Lão viên ngoại xăm xoi khối ngọc có hình trái tim, có chiều hoang mang, lão khẽ gật đầu...

*

-Tiểu thư, khối ngọc đẹp quá.
Không có tiếng trả lời, My Nương tay ôm khối ngọc, đôi mắt lạc thần tưởng chừng ngưng đọng trong cõi hư vô. Bỗng nhiên từ khóe mắt thâm quầng nhỏ xuống hai giọt lệ, lệ chảy dài trên gò má xương xương không tô điểm, trở thành nhợt nhạt. Hình như dòng lệ đã được nén lại kịp thời, hoặc đã chảy ngược vào trong, nên chỉ có hai giọt long lanh nhỏ đúng vào khối ngọc, những vẩn máu trong khối ngọc phút chốc đỏ rực lên, và đầu đây lại văng vẳng tiếng sáo, tiếng ngâm:

*Nàng như người ở chiêm bao
Ta như lạc tự thuở nào tới đây...*

Và hình bóng Trương Chi thối sáo trên chiếc thuyền nan lại dật dờ trong khói sóng, con thuyền lang thang trong cuộc hành trình không bao giờ cập bến.

-Tiểu thư, xin nén đau thương, u uất, coi chừng lại ngã bệnh.
Vẫn không có tiếng trả lời.
-Đã mười ngày qua cô không nói một câu, em làm sao trình lại lão gia.
-Ngọc nhi.
-Cô đã chịu nói rồi sao? Cảm ơn Trời Phật.
-Em mau tìm cách mở khóa cho ta.
-Tiểu thư, phòng khuê ba lớp khóa, luật nhà rất nghiêm, dù muốn em cũng đành bất lực.
-Em không muốn giúp ta sao? Xưa nay ta đãi em không bạc.
-Tiểu thư muốn đi đâu?
-Ta đi tìm tiếng sáo.
-Người thổi sáo chẳng đã chết rồi sao?
-Dẫu tới nghìn năm, ta tin tiếng sáo vẫn còn đọng lại giữa dòng sông...

Không biết sức mạnh nào đã giúp đôi chân nhỏ nhắn thoăn thoắt chạy tới bờ sông.

-Ngọc nhi, em hãy đi thôi, số nữ trang này đủ giúp em về quê sống đời thanh bạch. Xin nhận của ta một lễ tạ ơn.

-Tiểu thư...

Bóng cô gái lẻ loi chèo thuyền lặn khuất trong lớp sương mờ. Gió sông lồng lộng, khó lắm mới gây được lò trầm. Cô gái buông chèo, bỏ mặc thuyền trôi. Tiếng đàn chột vang lên trên mặt nước cuối thu rất lạnh. Thoạt đầu âm thanh riu rít, đầm ấm như tiếng lòng thiếu nữ đang xuân, từ lúc ngã xuống giọng trầm, khúc đàn như chất chứa cả một trời buồn, xót xa vời vợi.

Bên bờ sông một bóng già nua, còm cõi, chết lặng trong tiếng thở dài:

-Tiểu khật khùng ơi, sao người không về đây thổi sáo hòa với tiếng đàn?

Bóng trắng âm u làm trời đất tưởng chừng sâu thêm. Trên dòng sông lạnh, con thuyền rất bé, đơn độc, bồng bênh trôi dạt, lạc dần vào vũng dày đặc sương mù, khói sóng, con thuyền chòng chành, chao đảo, quay tròn rồi bị cuốn hút xuống đáy sông sâu. Tiếng đàn sắc lạnh bật lên lần cuối rồi tắt lịm.

Bên sông lại có tiếng thở dài:

-Mô Phật! Này tiểu khật khùng, hồn người liệu đã siêu thoát được chưa?...

*

- Gió sông trở lạnh, khách quan, mời vào trong cho ấm.
Khách không trả lời, lặng lẽ đắm chiêu, với tay rót đầy ly rượu nóng, trang trọng rải xuống lòng sông một lần nữa, rồi lại rót đầy ly khác, che tay uống hết phần ba. Khách quay lại mỉm cười, khom lưng bước vào khoang thuyền nhỏ.

-Khách quan, chẳng hay người muốn nghe thêm khúc nào?

Khách xua tay:

-Thịnh tình xin tâm lãnh, cô nương cứ nghỉ tay.

-Hay là ngón đàn còn vụng, làm khách rác tai?

-Khúc đàn tuyệt diệu, chỉ nên nghe một lần, đã nghe một lần, không còn muốn nghe khúc khác.

Khách nâng chén, che tay uống cạn phần còn lại, rồi gục xuống bàn. Đưa tay vén lại lọn tóc rối, cô gái thu mình, ôm đàn xiết chặt vào lòng, nhìn khách băng khuâng.

Chừng cạn một tuần trà, khách ngừng lên, sửa lại sống áo:

-Một đêm được hưởng thú thanh cao sông nước, lòng chợt nhớ tới Bạch Lạc Thiên, nên có mấy vần cảm tác Tỷ bà hành. Lời quê thô thiển, cô nương đừng cười. Giọng ngâm khàn đục khỏi thuốc với tuổi đời, tuy không hay mà vẫn khiến lòng người xúc động:

*Ta đi trong nắng hoàng hôn tươi,
Em về sơn phấn nhật môi cười.
Bèo mây vất vưởng phồn hoa lạnh
Còn một đêm này xin trót vui.*

*Trong cánh tay ta trời lãnh cung,
Dư hương phong kín vị phi tần.
Tháng năm em có buồn lên mắt,
Tóc xòa cho đêm dài nhớ nhung*

*Trăng cũ Tầm Dương, bến nào đây?
Hồn ta ý nhạc chớm vừa say.
Giao tình có động hồn thương nữ?
Lệ nhỏ cho buồn đọng ngón tay.*

*Áo xanh ta là Tư Mã xưa
Mà duyên bèo nước cũng ơ hờ.
Lòng ta một thoáng Trường Giang sóng,
Gió nổi không chờ phút tiễn đưa.*

Lúc ấy phương đông trời bắt đầu hừng sáng, khách vén áo đứng dậy.

-Mặt trời lên không phải là lúc ngâm thơ. Cô nương! Xin hẹn ngày tái ngộ.

Người kỹ nữ cúi đầu, ngập ngừng, giọng nhẹ như gió thoảng:

-Ở tận đáy lòng, người kỹ nữ không bao giờ dám nghĩ đến câu tái ngộ.

1996

VŨ LƯU XUÂN



NHỚ NHỮNG NGÀY

Trong ngôi nhà hạnh phúc
Có cha có mẹ tôi
Có anh em đông đủ
Ngày tháng lặng lẽ trôi

Mẹ tôi vẫn chăm chỉ
Chăm đàn con lớn khôn
Cha tôi lòng hoan hỉ
Từ quan trở về vườn

Tôi biết cha tôi nghĩ
Bon chen chẳng ích gì
Qua rồi thời sôi nổi
Lòng cha chẳng màng chi.

Ngoài trời có giông bão
Trong nhà vẫn ấm nồng
Tôi ngồi bên cửa sổ
Nhìn trời mưa giăng giăng.

Hạnh phúc là ở đây
Thời khắc đáng quý này
Mà tôi đâu có thấy
Bây giờ đã đổi thay

Cha ra người thiên cổ
Mẹ già buồn thán ngày
Anh em lìa mỗi ngã
Cuộc đời như lá bay.

ĐINH HƯƠNG



GIẤC MƠ CÓ KHUÔN MẶT ĐÀN ÔNG

NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI

Tám tuổi tôi mong ước có một người đàn ông cho riêng mình. Người đàn ông cao to, tóc đen bù xù, râu quai nón đậm tua tủa, làm nghề bốc vác bậm trợn nhưng hết sức dịu dàng lúc bế con gái, đặt nó ngồi lên đùi, tridu mền vuốt mái tóc lơ thơ, rồi hôn lên chóp mũi nhỏ xíu làm nó cười khúc khích vì nhột.

Chiều nào tôi cũng trèo lên cây mận bên hông nhà ngó qua sân phía bên kia, rồi nuốt nước miếng thờ dài. Suốt nhiều năm, nhiều tháng, trong những giấc mơ, tôi luôn thấy khuôn mặt người đàn ông ấy, thân thiết sống động và mơ hồ trong trẻo tiếng cười tôi âm vang.

Mười sáu tuổi tôi khát thèm có một người đàn ông trong nhà. Đóng một cây đinh, khiêng một cái cối, hoặc tôi hoặc ngoại phải chạy qua hàng xóm mượn nhờ. Ngoại già quá. Gánh hàng rong trên vai ngoại trĩu oằn khiến lưng ngoại đã còng lại càng thêm. Bán đất, bán nhà dưới quê lên ở con hẻm nhỏ trong lòng thị xã cho tôi tiện việc học hành, ngoại đâu biết đã vô tình thay đổi khuôn mặt người đàn ông trong những giấc mơ tôi. Người đàn ông phía bên kia con hẻm có khuôn mặt của Chúa Giêsu trên thập giá. Sáng đẩy xe bánh bao đi bán, trưa về nấu cơm; chiều nhồi bột chiên bánh tiêu, giò cháo quẩy để tối đi bán tiếp, người đàn ông là trụ cột của một mái nhà xiêu vẹo, có người mẹ mù lòa, người vợ tâm thần và hai đứa con còn đang tuổi đi học. Nụ cười hiếm hoi của người đàn ông lúc tôi đưa giúp người vợ tâm thần đi lạc về đến ngõ khiến tôi rung rung, bồi hồi:

- "Mình đừng đi đâu mà không có tôi. Đi lạc là người ta bắt đó nghe mình."

Đôi mắt người đàn bà trong tích tắc mất đi vẻ lạc thần khi nghe giọng nói ngọt như có đường. Đêm ấy tôi nằm mơ thấy mình là người đàn bà tâm thần đi lạc lúc ban trưa.

*

Ngoại mất lúc tôi mang bầu ba tháng. Đứa con tôi nếu được chào đời chắc cũng có mái tóc đen bù xù, râu quai nón xanh mướt phủ quanh mép tai cho đến tận cằm như ba của nó – một phiên bản mà tôi tìm thấy nơi giảng đường đại học. Có điều phiên bản không bế tôi đặt ngồi lên đùi, tridu mền vuốt tóc tôi, hôn lên chóp mũi đẹp như mũi Cleopat của tôi mà ôm siết tôi từ phía trước, hôn như điên dại lên môi, xục xạo, vò nắn hai bầu ngực căng tròn rồi lần tay xuống thấp.

- "Anh yêu em. Anh dành cả cuộc đời để yêu thương chăm sóc cho em."

Tôi mù mẫm trong vòng tay mê đắm. Tôi tưởng như mình đang nghe: "Con gái cưng của ba". Tôi muốn cười khúc khích nhưng không thể. Dòng máu ấm nóng chảy ra như ứa từ trái tim buốt đau.

"-Xin lỗi. Anh không biết em là con gái nguyên."

Tôi khóc. Trong mắt lệ mờ, khuôn mặt trong những giấc mơ thưở bé thơ nhập nhòa với phiên bản hiện đại thời @.

“ Ngoại bệnh nặng. Về ngay.”- Điện tín của người đàn ông có khuôn mặt của Chúa Jêsu trên thập giá.

Tôi đưa phiên bản về con hẻm nhỏ để chỉ kịp nhìn ngoại trút hơi tàn. Mở mắt ra tôi ngỡ ngác, hụt hẫng không nhìn thấy phiên bản bên cạnh.

“-Cậu ấy đi rồi. Đi lúc cô ôm đôi quang gánh của bà ngất đi.”

Tôi đọc những dòng chữ thân quen mà nghe cay đắng tận đáy hồn.“Xin lỗi em về tất cả. Tôi không muốn dối lừa em thêm nữa. Ba mẹ đã chọn người đính hôn cho tôi. Em hãy tự lo cho chính mình.”

Tiếng khóc của tôi tội nghiệp trong ngôi nhà lá tôi tàn nghe thê lương quá.Vì ngoại thì ít mà vì giấc mơ rách nát thì nhiều. Cũng may là ngoại đã ra đi trước lúc biết được khuôn mặt người đàn ông mà tôi mong ước suốt thời thơ ấu. Sao khuôn mặt giống nhau mà lòng dạ lại khác nhau?

*

Tường trắng, áo trắng, trần nhà trắng . Tiếng kim khí va loảng xoảng nghe như vọng từ cõi nào xa lắc. Trong mơ màng của cơn mê, tôi nghe những tiếng thầm thì xa lạ, rì rạc: “Hai mươi tuổi”. “ Cái thai lớn quá”. “ Cắt bỏ tử cung”. “ Vô sinh”.

Hai mươi bốn tuổi. Tôi bắt đầu từ những mảnh vụn góp nhặt sau cơn bão số hai. Cơn bão số một quảng tôi cút côi cho ngoại già nua. Giọt máu hình trái tim mà sao ai nỡ đoạn đành. Tôi khóc cười ngây ngô mặc sóng to gió cả, không biết không hay ngoại tím ruột, bầm gan. Sao tôi nỡ đoạn đành.....Tôi rút nước mắt, cười điên dại, bầm gan tím ruột thương đứa con chưa trọn vẹn hình hài.

Giám đốc công ty nơi tôi làm việc có gương mặt hao hao giống người đàn ông có vợ bị bệnh tâm thần. Nụ cười đắc thắng, mãn nguyện của giám đốc lúc gục đầu trên ngực tôi khiến tôi hoang mang lẫn lộn giữa thực và mơ.

“- Anh không hề yêu cô ấy. Anh không nỡ ly dị vì thương con gái anh. Nhưng có em rồi, anh phải hạ quyết tâm. Ráng chờ anh....”

Tôi chờ anh. Chờ mỗi sáng anh đến công ty thật sớm để kịp tóc vấy tôi, đề sắp xuống mặt bàn, đi vào từ phía sau. Chờ anh ở phòng trọ mỗi chiều, đề anh buông vôi cây vợt tennis lao vào tôi nhăm nháp, ngón ngấu.

Một năm. Hai năm. Đứa con trai cô ấy đẻ giống anh như tạc. Nụ cười hạnh phúc của gia đình giám đốc trong album mừng ngày sinh nhật quý tử chuyển tay từ nhân viên phòng này đến nhân viên phòng khác. Tôi chết lặng trong lòng, không phải vì ánh mắt giễu cợt, nụ cười bí hiểm của các đồng nghiệp trong công ty.

Giờ thì không còn khuôn mặt người đàn ông nào chập chờn trong chiêm bao tôi khi đêm về. Chỉ có những khuôn mặt trắng bách, đen sì, vàng ệch, đỏ ké.... tròn, dài....rất thật, rất ham hố, ngầu ngiến, chà xát khắp thân thể nõn nà tôi. Chuyện cổ tích ngàn lẻ một đêm với đoạn kết không có hậu. Tôi chợt thêm có được một khuôn mặt đàn ông trong những giấc mơ hiếm hoi vì đêm còn quá ngắn. Khuôn mặt một người đàn ông không đục vọng vò xé tận hưởng thân thể tôi, mà dịu dàng nâng niu ôm lấy trái tim tôi, tâm hồn tôi từ lúc thơ bé đến khi trưởng thành.Tôi vẫn khát thèm được nhìn thấy khuôn mặt người đàn ông ấy, dấu chỉ là trong những giấc mơ .

NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI

Sinh năm 1966 tại Long An .

Giáo viên Anh Văn.

Hội viên Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật Tỉnh Long An.

Hiện sinh sống tại Long An.



NẮNG CUỐI NGÀY

VƯƠNG HOÀI UYÊN

Giữa mùa hè, chị Tuyền về, nhà vui hẳn lên. Mẹ lại cùi nấu những món ăn ngon mà chị Tuyền vẫn thích để đãi đứa con đi học xa về. Lam chọc quê chị: “Nhà mình đang hưởng xái chị Tuyền”, chị cốc vào đầu Lam: “Đến lượt mi đi học xa rồi sẽ biết”.

Câu đầu tiên chị Tuyền hỏi khi vừa về đến nhà: “Hoa quỳnh nhà mình dạo này còn nở không?”. Ba cười: “Chưa có hoa nào nở, chắc nó đợi con về”. Chị Tuyền rất thích hoa quỳnh, loài hoa này hay nở vào mùa hè. Mùa hoa quỳnh nào chị cũng thức rất khuya, đợi hoa tàn rồi mới ngủ. Ba rất thích trồng hoa quỳnh, trong vườn hoa khá rộng của gia đình, hoa quỳnh chiếm đa số. Đêm nào có chậu quỳnh nở, ba mẹ hay pha trà uống thưởng hoa. Đó là khi những chậu quỳnh đầu tiên nở, về sau hoa nở nhiều quá, ba cũng chỉ thức đến khi hoa vừa bung cánh, mẹ thì kêu mỏi lưng, đi ngủ sớm. Còn lại hai chị em Tuyền và Lam, không nở bỏ hoa không người thưởng ngoạn, đành thức đến khuya – mặc dù có khi Lam cũng mắt nhắm, mắt mở, vừa thưởng hoa, vừa ngáp buồn ngủ.

Nghĩ cũng lạ, loài hoa đẹp đến nao lòng, mùi hương quý phái và quyến rũ như vậy, nhưng chỉ nở về khuya, âm thầm và lặng lẽ giữa khi con người đang say giấc như một lời nguyện của tạo hóa. Sáng ra khi con người mở mắt thì hoa đã héo rũ mất rồi. Tạo hóa thật bất công!

Lam cũng thích hoa quỳnh, nhưng chắc không nhiệt tình bằng chị Tuyền. Những khi chị đi học xa nhà, một chậu quỳnh bỗng nở cùng một đêm đến bốn bông hoa. Đêm đó Lam bận học bài rồi ngủ quên mất. Sáng ra chạy xuống vườn thấy bốn bông hoa quỳnh héo rũ xuống, những cánh hoa trắng khép hờn hờn như một bàn tay búp măng của một tiêu thư khuê các, tự nhiên Lam thấy ngỡ ngàng tiếc nuối, và thấy như mình có lỗi.

Bác Tư nói nhà có con gái không nên trồng hoa quỳnh, huống chi trồng cả vườn như ba Lam. Lam hỏi tại sao, bác lắc đầu không nói. Thái độ bí mật của bác càng thôi thúc trí tò mò của Lam. Về sau Lam gặng hỏi mãi ba mới nói người ta cho rằng nhà có con gái mà trồng hoa quỳnh thì con gái sẽ ế chồng. Vì hoa quỳnh chỉ nở muộn màng về đêm, nở trong tăm tối quanh hiu giữa lúc muôn loài đang ngủ. Không biết ba mẹ Lam có tin vào điều đó không, chỉ thấy hằng ngày ba vẫn chăm bón cho hoa, hoàn toàn không hề có ý định phá bỏ nó đi.

Rồi chị Tuyền tốt nghiệp ra trường, thay vì ở lại Sài Gòn làm việc như phần lớn bạn bè, chị về Đà Nẵng làm việc, chị nói ngoài lý do muốn về gần gia đình, còn một lý do nữa là vì muốn về lại vườn quỳnh xưa. Chị nói đã chán cái không khí xô bồ bụi bặm của Sài Gòn. Ở trong ấy dễ gì có được một mảnh vườn như mảnh vườn của gia đình. Ba mẹ nói chị Tuyền quyết định như thế là đúng. Lam không biết thế nào là đúng chỉ thấy vui hơn khi có chị Tuyền ở nhà, mà không phải dài cổ chờ đợi dịp tết hay dịp hè nữa. Những năm tháng đó, Du đến với gia đình Lam khi Lam đang còn học năm cuối của bậc trung học. Du làm cùng công ty với chị Tuyền, có khi hai người cùng làm chung một dự án nên họ thường xuyên gặp nhau ở nhà Lam. Đó là một chàng trai Hà Nội có giọng nói ngọt ngào mặc dù di cư vào Nam đã lâu, mặt mũi thư sinh, mỗi lần vào nhà chơi với chị Tuyền hay cười với Lam bằng mắt. Lam vẫn nghĩ đơn giản hai người hay gặp nhau đến thế chắc họ đang yêu nhau. Nhưng Lam cũng nghe phong thanh hình như chị Tuyền đang có người yêu ở Sài Gòn. Một lần chị Tuyền đi công tác, Du đến chơi nhà, Lam nói: “Anh Du đến chơi mà chị Tuyền không có nhà. Anh không biết chị Tuyền đi công tác sao?” Du cười: “Anh biết chị Tuyền đi công

tác chứ, làm cùng công ty mà. Không có chị Tuyền anh đến chơi với Lam không được sao? ". Lần đầu tiên Lam thấy bối rối trước cái nhìn từ đôi mắt sâu đen của Du. Lam còn thấy ánh mắt của Du nhìn mình có gì là lạ, không lẽ... Có lần Lam hỏi chị Tuyền: " Chị với anh Du là một cặp phải không?" Chị Tuyền trả lời : " Một cặp với Lam là thế nào?" . " Là yêu nhau ấy ". Chị Tuyền cốc vào đầu Lam một cái rõ đau – chị vẫn thường ý lớn cốc đầu Lam như thế - : " Rõ vớ vẩn, chỉ là đồng nghiệp thôi. Người yêu của chị đang học cao học ở Sài gòn. Tết này anh ấy sẽ về đây ra mắt ba mẹ ". Chị Tuyền là thế , rất kín đáo nhưng trong một lúc nào đó bỗng tiết lộ bí mật vào lúc bất ngờ nhất.

Những tháng ngày Lam mười tám ấy, Du đã đến với cô như một cơn lốc, cuốn Lam thật xa ra khỏi khu vườn tuổi nhỏ, đưa Lam đến với tình yêu bằng đôi hia bảy dặm. Chị Tuyền " hăm dọa " Du: " Cậu yêu Lam thật không? Nó là em gái cưng của tớ đây. Cậu mà làm nó khổ thì cậu không sống nổi với tớ đâu". Du làm bộ sợ hãi: " Tớ long trọng xin thề. Ai chả biết cậu là một tay karate có hạng!"

Những đêm hoa quỳnh nở trong vườn, Du hay nói với Lam về những dự định của mình. Nhưng anh nghĩ anh không thể thực hiện được những dự định ấy, vì cuộc chiến mỗi ngày một khốc liệt, Du nói anh có thể bị động viên bất kỳ lúc nào. Và đúng như vậy, mấy tháng sau, Du nhận được giấy gọi nhập ngũ, buổi chiều cuối cùng hai người ngồi bên nhau trên chiếc ghế đá trong vườn quỳnh, Lam thấy rõ là Du buồn. Anh nói: " Anh không tiếc vì những dự định không thành, cũng không tiếc nếu phải hy sinh nếu anh có một lý tưởng. Nhưng đằng này ..." Anh nhún vai bỏ lỡ câu nói. Trầm ngâm một chút rồi anh tiếp: " Biết nói thế nào với Lam nhỉ, Lam còn nhỏ quá để hiểu những điều trần trụi của anh. Anh đi, Lam cứ ở nhà học cho thật giỏi, và nhớ viết thư cho anh. Thế là đủ rồi." Hồi đó Lam mơ hồ không hiểu lắm những lời úp mở của Du. Sau khi Du đi rồi Chị Tuyền nói: " Du nó phản chiến ấy mà. Nó là một đứa có nhiều hoài bão mà chưa thực hiện được, chị hiểu nó mà, nó buồn lắm đấy. Làm thân con trai thời chiến đúng là khó khăn thật ". Rồi Du đi, những ngày vắng Du, Lam hay tự hỏi lòng mình không biết mình có thật sự yêu Du không, hay chỉ thấy thích khi có người con trai chịu chuộng mình. Tuy nhiên có điều Lam vẫn biết chắc là nỗi nhớ vẫn âm ỉ cháy trong hồn Lam những ngày mưa lang thang qua các ngã đường, một chút gì như tiếc nuối vẫn làm hồn Lam chùng héo. Những bức thư của Du vẫn cứ bay về từ những đơn vị xa xôi, hay giữa những chặng đường hành quân nào đó. Thỉnh thoảng nghe tin chiến trận phát đi từ chiếc radio, hay từ những trang báo, Lam lại thấy lòng cháy bỏng vì lo lắng. Ba mẹ thường nói: " Đúng là trong thời chiến để con gái như nhà mình lại hóa hay, có con ngoài mặt trận như bác Tư đúng là nóng ruột thật ". Không biết ba có còn ân hận vì chỉ sinh có hai đứa con gái nữa không. Những đêm ngồi với chị Tuyền trong vườn chờ hoa quỳnh nở, chị Tuyền thường hỏi Lam: " Du vẫn thường viết thư cho em đấy chứ? Lính tráng ít thời gian lắm, nếu có lúc nào đó cậu ấy chậm hồi âm, em cũng đừng có buồn ".

Mỗi tuổi lớn lên của người con gái là có thêm một tính toán nghi ngờ. Càng lớn lên Lam thấy mình càng đi dần từng bước xa Du. Lam ngoảnh lại nhìn Lam những năm mười tám như nhìn một nhân vật nào đó trong tiểu thuyết. Lam cũng ngạc nhiên về những đổi thay của chính mình. Những giờ triết đầy suy tư của những năm đại học đưa Lam về với những bến bờ xa lạ. Sân trường Văn khoa mệnh mông nắng vàng, mưa nắng Sài gòn cũng tấp nập hối hả như cuộc sống ở đây. Thành phố chợt nắng, chợt mưa như một cô gái đẹp đồng đánh thất thường. Những ngày mưa nhìn tàng lá me xanh mơn run rẩy bên kia trường đại học Dược khoa (*), Lam nghĩ mông mênh về đời mình: những ngày bé dại, những ngày mới lớn, và những ngày yêu Du ... Và Du – người con trai Hà nội đến với Lam đầu đời như để bổ túc thêm những gì cô nghĩ về Hà nội, những ám ảnh của cô về một kinh thành cũ bên kia – những ám ảnh tạo nên từ những trang sách Tự lực văn đoàn mà Lam đọc từ khi mới lớn, với những góc phố Hà nội mùa thu đỏ rực lá bàng. Ngày di cư vào nam, Du chỉ là một cậu bé mười tuổi, nhưng lòng ngưỡng vọng về Hà nội bắt Lam nghĩ anh đã trưởng thành ở đó, đã mang trọn vẹn " chất Hà nội" trong huyết quản. Trong khi Hà nội đối với anh nhạt nhòa như một bức hình thật cũ. Ký ức về Hà nội còn giữ lại trong anh không ngoài những buổi trưa trốn ngủ cùng bạn bè trèo cây hái sấu ngoài đường, và ăn lạc rang của ông Tàu già bên góc hồ Hoàn kiếm.

Lớn lên Lam nhận thấy hình như Du có nhiều thiếu sót mà lúc nhỏ cô không hề nhận thấy. Chị Tuyền thường bảo Lam hay đòi hỏi nhiều và có vẻ lý tưởng. " Chả ai hoàn hảo đâu bé ơi, ở đời nhân vô thập toàn, phải biết chấp nhận cái tương đối thôi. Lam lúc nào cũng như sống trên mây ấy, chả thực tế tí nào! ". Đúng là Lam hay đòi hỏi những điều tuyệt đối, cách nhìn của Lam về nhân vật văn học cũng khác hơn. Hồi học phổ thông Lam và bọn con gái trong lớp đều thích Kim Trọng vì cái " Phong tư tài mạo tót vời , Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa ", nhưng bây giờ Lam lại thấy anh chàng Kim Trọng có cái gì đó không tích cực. Khi biết Kiều đã bán mình thì chỉ còn biết khóc lóc vật vã, khi tỉnh, khi mê. Rồi sau đó chấp nhận lấy Thúy Vân, sống một cuộc sống vô vị với vợ đẹp con khôn, sách vở học hành , rồi thành đạt vinh hiển. Mãi đến mười lăm năm sau mới đi tìm Kiều. Tại sao không tìm sớm hơn, khi mà cuộc đời chưa vùi dập nàng đến mức phải liều thân? Cái gì cũng có thể làm được một điều gì đó, ngoại trừ cái chết! Trong khi đó Từ Hải đã bao dung và cứu vớt cuộc đời Kiều biết bao . Từ Hải mới đúng là người yêu lý tưởng và lãng mạn của đời Kiều.

Những đêm xa nhà, thao thức trong phòng phòng trọ, nhìn ra khung cửa sổ mở rộng, Lam như thấy rõ đôi mắt Du nhìn cô mê đắm một mùa hè nào đã xa khi cô vừa mười tám. Mùa hè và những cơn gió nồm thổi đi từ đại dương, cát vàng nắng cháy. Những cơn mưa lũ dầm dề phía chân trời, mưa sẽ nhạt nhòa từng dấu chân trên cát – dấu ấn của một mùa hè. Có một bóng dừa nào đó Du đã dành cho Lam, một bóng dừa không đủ che mưa. Hạnh phúc chỉ dừng lại ở đó một vài giây ngắn ngủi rồi chấp cánh bay xa. Bãi cát phẳng nằm im đến cuối chân trời, không còn một dấu vết.

Những tháng ngày sau mưa lũ không về nữa, trời đã sang thu. Mùa thu gọi Lam về lại với trường, với áo trắng xôn xao ngày đầu tiên đến lớp. Du đã đi rồi, cuộc đời lính chiến đưa anh trôi nổi khắp mọi miền đất nước. Những năm dài sau đó Lam chưa từng gặp Du một lần. Có một dạo vào cuối năm, Du đến Văn khoa Sài Gòn tìm Lam mà không gặp. Rồi Du lại phải đi ngay. Sau đó Lam chỉ nghe một người bạn nói lại. Cảm giác tiếc nuối mong manh không rõ rệt. Tình yêu đã chìm sâu như những nhánh rong xanh một mùa nước lớn. Nếu không có những bức thư Du gửi về, chắc Lam sẽ quên mất anh giữa dòng đời rộng lớn mênh mông.

Rồi những năm tháng sinh viên ấy cũng qua đi. Lam thật sự bước vào cuộc đời rộng lớn mênh mông ấy để làm một cô giáo. Những năm tháng ấy chiến cuộc ngày càng khốc liệt, đêm đêm đại bác vọng về làm rung rinh cửa kính. Lam mất liên lạc với Du một thời gian dài, lắm lúc không biết anh còn sống hay đã chết. Lam theo dòng cuốn của cuộc đời tấp vào một bến đỗ bình yên: lấy chồng sinh con. Những ngày giữa tháng 4-1975, với dòng người hồi hải từ Huế, Quảng Trị, từ các tỉnh miền trung chạy vào, Sài Gòn như một nơi ẩn náu cuối cùng đông đến nghẹt thở. Du đến công trường nơi Lam dạy, đợi Lam giữa dòng người nhốn nháo như đang sống trong giờ thứ 25. Sau nhiều năm không gặp, trông Du thật khác, vẻ thư sinh ngày xưa không còn nữa, trông Du phong trần dày dạn hơn, anh vẫn còn độc thân. Nhưng anh bây giờ chỉ là một người lính thất trận phờ phạc, mệt mỏi, chán nản. Du thuyết phục Lam cùng đi tản với anh. Anh nói chiến hạm một người anh ruột của anh đang đậu sẵn ở bên cảng Sài Gòn, mọi phương tiện đã sẵn sàng, chỉ cần Lam mạnh dạn ra đi. Lam hỏi: “ Thế còn con trai của em, anh nghĩ em có thể bỏ con để ra đi ?” Du hơi ngỡ ngàng, nhưng rồi anh lấy lại vẻ bình thản: “ Thì em cứ mang con theo, anh sẽ giúp em ”. Lam hỏi đùa: “ Còn chồng em nữa, anh không mời chồng em cùng đi sao ?”. Mặt Du thoáng buồn: “ Đừng chạm vào nỗi đau của anh, đó là một sự thật mà anh muốn quên. Lam không thấy là đã quá tàn nhẫn với anh sao?”.

Hai người ngồi trầm ngâm trong quán cà phê trước công trường. Ngôi trường bây giờ đã vắng tanh. Những ngày giữa tháng 4-1975, học sinh đến lớp rồi rạc, con số vắng mặt đã hơn nửa lớp. Các thầy cô giáo cũng không còn tinh thần đâu để giảng dạy. Lam nghe họ bàn nhau tìm phương tiện di tản sang Mỹ. Lam và chồng cô vẫn bình thản ở lại, cả hai đều muốn đợi những người thân từ phía bên kia trở về sau hai mươi một năm cách biệt. Điều Lam quan tâm nhất bây giờ là chạy đôn chạy đáo đi tìm mua sữa dự trữ cho con. Ý tưởng ra đi với Du làm Lam rùng mình. Chắc Lam chưa có đủ dũng cảm và lẫm lẫm để có một quyết định táo bạo như vậy. Rồi Du đi, Lam vẫn nhớ ánh mắt buồn thẳm thẳm của anh khi chia tay. Anh nói một câu cuối cùng: “ Anh xin lỗi, anh không trách gì em cả. Chúc em hạnh phúc”. Không hiểu sao lúc này Lam chợt thấy lòng nhói đau. Nhưng lý trí như một bàn tay vô hình đã kịp giữ cô lại. Lam quay về, nghe tiếng lá khô ven đường xào xạc dưới chân trong buổi chiều tắt nắng, và biết mình đang nhích dần từng bước xa Du vĩnh viễn.

*

Chị thức dậy lúc sáu giờ sáng. Theo thói quen thường mở đầu một ngày mới bằng nhạc mở nguồn của chiếc điện thoại di động. Khi đẩy nắp điện thoại chị chợt nhớ mình đang ở trên đất Mỹ, quê nhà bây giờ xa ngút ngàn, và chiếc điện thoại đã ở rất xa ngoài vùng phủ sóng. Chị đi xuống tầng trệt, mở mã số alarm (*) rồi mở cửa bước ra vườn. Ban mai yên tĩnh lạ thường, khu vườn cỏ xanh mướt được cắt tỉa cẩn thận còn đọng những giọt sương đêm. Máy chủ thờ hoang còn đang gặm cỏ đưa cặp mắt hiền lành nhìn Lam, không hề có chút sợ hãi. Ở đây con người và thiên nhiên hòa hợp lạ thường. Mỗi khi Lam ra vườn, từng bầy chim – phần lớn là chim sáo đen - sà xuống trên cỏ, quần quít bên chân, đợi Lam vãi cơm cho ăn. Chắc muông thú cũng biết đây là chốn bình yên, và con người là bầu bạn, là thân thiện.

Mọi sinh hoạt của người Mỹ thường diễn ra khá muộn nên giờ này ngoài đường vẫn còn vắng ngắt. Trong khi ở bên nhà giờ này ngoài đường đã tấp nập xe cộ. Đang là mùa hè nhưng vào sáng sớm không khí vẫn se lạnh. Nhưng khoảng mười giờ trở đi thì nắng bắt đầu gay gắt cho đến khi đêm xuống. Tám giờ tối mặt trời vẫn còn rực rỡ, hoàng hôn diễn ra vào lúc chín giờ đêm. Khi chưa đến Mỹ chị cứ ngỡ đây là miền ôn đới chắc mùa hè cũng mát mẻ chứ không nóng nực như bên nhà. Nhưng khi đặt chân xuống phi trường Los, chị ngạc nhiên thấy một luồng không khí nóng kinh dị phả vào mặt, như đang ở trong một cái lò bánh mì. Mặc dù Kim – con gái chị - đã nói trước: “ Bên này đang rất nóng, mẹ đừng mang theo áo lạnh làm gì cho nặng.” Nhưng quả thật cái nóng ở đây đã khác xa với tưởng tượng của chị.

Chị đẩy va ly đi theo chị Trâm – một người Việt nam mà Lam mới làm quen khi cả hai cùng quá cảnh ở phi trường Taipei (Đài Bắc). Chị Trâm trông giống người Trung quốc, khi làm quen, Lam hỏi chị

bằng tiếng Anh, và ngạc nhiên khi thấy Trâm trả lời bằng tiếng Việt: “ Minh là người Việt đây mà .” Lam buồn cười khi nhớ lại lúc xuống phi trường Taipei, chị đã hỏi đường một thanh niên (trông giống hệt người Việt), anh ta lại trả lời bằng tiếng Anh. Thì ra anh ta là người Đài Loan. Có lẽ người Việt và người Hoa là hai dân tộc có ngoại hình giống nhau nhất trong các dân tộc Châu Á. Có khi không thể phân biệt được.

Chị Trâm đã làm xong thủ tục hải quan, đang đứng đợi chị. Phi trường Los rộng mênh mông, nhưng nghe đâu vẫn còn nhỏ hơn phi trường Denver nhiều – nơi chị sẽ đến nhà con gái. Chị theo chị Trâm đến quầy nhận hành lý . Chị Trâm nói: “ Lần đầu tiên đến Mỹ mình cũng quỳnh quáng không biết nhận hành lý ở quầy nào, nhiều baggage claime (*) quá. May sao mình gặp một nhân viên người Việt, mình mừng quỳnh. Những lúc như thế gặp đồng bào thật không gì hơn. Bác ấy tận tình hướng dẫn cho mình đến đúng nơi nhận hành lý.” Giữa một đất nước xa lạ, giữa những con người xa lạ, được gặp một đồng hương như gặp một người thân. Nó len vào hồn ta cảm giác ấm áp và gần gũi.

Chia tay với chị Trâm, đưa cháu gọi Lam bằng dì ruột đón chị về nhà nó. Chị sẽ ở lại đây thăm thú Cali một thời gian ngắn trước khi bay qua Denver để về nhà con gái. Đưa cháu vừa lái xe vừa nói chuyện: “ Hè năm nay Cali nóng lắm dì Lam ơi. Đã có người chết vì nóng rồi – nhất là những người già. Có hôm nhiệt độ ban ngày lên đến 42 độ C. Dì đi du lịch Mỹ vào mùa này là bị thiệt thòi rồi.”

Bữa ăn tối diễn ra vào lúc chín giờ đêm, mâm cơm có nhiều thịt gà và chim cút quay vàng. Thức ăn hoàn toàn không phù hợp với thói quen thích ăn cá và rau của chị. Ăn xong đưa cháu trai dọn dẹp rửa rây chén bát soong nồi, còn đưa cháu dâu dẫn chị ra vườn ngồi hóng mát. Vườn có nhiều hoa hồng đủ màu sắc và một số cây ăn quả như cây trái ở Việt nam. Lúc ngồi trên xe về nhà chị đã đi qua rất nhiều nhà có trồng hoa trước sân, nhiều nhất là hoa hồng, nở rất to, gần bằng cái tô. Chị chưa bao giờ thấy hoa hồng nở to đến thế. Nhưng ở đây điều đó là bình thường. Nhớ lại vườn quỳnh của mình ở Việt nam, Lam hỏi cháu sao không trồng hoa quỳnh. Hân – đưa cháu dâu trả lời: “ Hoa quỳnh nở khuya thế, cuộc sống ở đây lại tắt bật, thời gian đâu mà thưởng hoa như ở Việt nam, dì ơi.” Lam hỏi Hân: “ Sao Hân không phụ rửa chén bát với Diên? ”. Hân cười: “ Dì hơi bị lạc hậu rồi đấy. Ở đất Mỹ này đàn ông cáng đáng đến 70% việc nhà. Đàn bà đi làm về nghỉ ngơi là chính. Không phải cứ quần quật như đàn bà bên nước mình đâu dì ơi ! Bởi thế có dạo bọn cháu định về Việt nam đầu tư làm ăn, ông ấy ủng hộ quyết định ấy hết mình. Dì biết sao không? Ông nói không gì sướng bằng làm đàn ông ở Việt nam, đi làm về là nhậu với bạn bè, mọi việc nhà đàn bà phải làm tất ”. Lam phì cười: “ Nghe thế Hân sợ quá không về nữa ?”. Hân nói: “ Không hẳn thế. Sau đó bọn cháu đổi ý định. Cái chính là chuyện học hành của bọn nhỏ. Về Việt Nam chúng sẽ làm sao hòa nhập với cuộc sống bên ấy với vốn tiếng Việt bập bẹ như dì thấy đấy.”

Hân nói đúng, Lam đã thấy bọn trẻ nói với mẹ bằng kiểu nói nửa Việt nửa Mỹ: “ Mom, help me rửa tóc.” Diên thì bảo con: “ You ăn đi, rồi you dọn bàn help me, ok ?”. Lam bảo Diên: “ Cháu cứ nói nửa Việt nửa Mỹ như vậy chẳng trách gì bọn trẻ gọi gọi đầu là rửa tóc”. Diên cười hì hì: “ Quen cái miệng rồi dì ơi!”.

Những ngày ở Cali, sau giờ làm việc, đưa cháu lại chở Lam đi thăm thú nhiều nơi. Chị háo hức đến khu Little Sài gòn trước tiên. Một đường phố chạy dài với những bảng hiệu bằng tiếng Việt,, một siêu thị mang tên Bến Thành super market, một khu thương xá của người Việt và các món ăn Việt nam thì hầu như không thiếu một thứ gì. Chung quanh Lam toàn là người Việt. Thỉnh thoảng thấy một vài người Mỹ, nhưng phần lớn họ đi với vợ Việt. Lam có cảm giác như mình đang ở giữa quê nhà. Trước khi đi Mỹ có ai đó nói với Lam rằng đến khu Little Sài gòn sẽ dễ gặp người quen. Lam chợt nghĩ không biết bây giờ Du đang ở đâu trên đất Mỹ này? Đã hơn ba mươi năm rồi từ ngày Du ra đi. Trái đất tròn, biết đâu Lam sẽ gặp lại Du khi hai mái đầu đã bạc. Cuộc đời qua rất nhanh, thoáng cái đã đến tuổi già. Một lần đi du lịch Sa pa, Lam nhớ có lần chị đã đọc ở đâu đó về một phiên chợ của người dân tộc Tây bắc. Phiên chợ có tên là Khau Vai – một phiên chợ đặc biệt không buôn bán gì, mà chỉ để cho những người tình cũ gặp lại nhau một cách danh chính ngôn thuận. Đến ngày đó người vợ và người chồng vẫn có thể đi gặp lại người tình cũ của mình để tâm sự nỗi niềm nhung nhớ. Lúc xe sắp vào thị xã Sa pa, người hướng dẫn viên du lịch cũng đã kể cho cả đoàn nghe về phiên chợ lãng mạn này, ai cũng ồ lên ngạc nhiên, thú vị. Có người còn bảo giá như người Kinh mình cũng tổ chức được một phiên chợ đặc biệt như vậy thì thú vị lắm nhỉ? Biết được chuyện tình của Lam, cô bạn thân ngồi bên cạnh trêu Lam: “ Ai chứ Lam thì mong có cái phiên chợ Khau Vai ấy lắm đấy.” Lam nghĩ giá như mình là người dân tộc Tây bắc thì hay quá, họ có những phong tục tập quán thật lãng mạn, thật hồn nhiên, phóng khoáng, và tôn trọng tự do cá nhân gần như tuyệt đối. Giá như trên đất Mỹ cũng có một phiên chợ Khau Vai để Lam được gặp Du. Ít nhất cũng là để biết Du đã sống như thế nào trong ba mươi năm qua – một thời gian dài biệt vô âm tín. Lam kiểm nghiệm lại lòng mình và nhận thấy rõ ràng mình chỉ mong gặp lại Du như gặp một người bạn, một người quen cũ . Cũng có những người bạn rất lâu không gặp, nhưng chưa có ai như Du – đến hơn ba mươi năm. Những ngày ở Denver, nhân đọc một tờ báo của người Việt trên đất Mỹ có mục nhắn tìm người quen, Lam chợt nảy ý định tìm Du qua cách này. Tin nhắn được đăng trên báo một tuần vẫn không có hồi âm. Lam nghĩ có hai khả năng: một là Du không phải là độc giả của tờ báo này, hai là có thể anh không còn trên đời này nữa. Một đêm, Lam chuẩn bị đi ngủ thì có tiếng chuông điện thoại reo, Lam cầm máy và nghe một giọng nữ rất lạ: “ Thưa, có phải cô là cô Thục Lam ?”.

Lam ngạc nhiên và hồi hộp: “ Vâng, tôi là Thục Lam. Xin lỗi cô là ai?”. Giọng nữ còn rất trẻ, pha lẫn giữa hai cách phát âm Bắc và Nam: “ Cháu là con của ba Du. Cháu tình cờ đọc thấy dòng nhắn tin của cô trên báo, cháu phôn cho cô ngay, nhưng hôm đó cô không có nhà. Hôm nay cháu gọi hơi khuya cho chắc. Xin lỗi đã làm mất giấc ngủ của cô.” Giọng nói dè dặt và rào đón. Lam nói: “ Không sao, cô chưa ngủ. Ba Du của cháu có khỏe không?”. Một giây im lặng ở đầu bên kia rồi giọng nói trầm hẳn xuống như cố gắng nhận chìm cảm xúc: “ Ba cháu mất rồi, mất trước khi cô nhắn tin ba ngày. Nếu cô nhắn sớm hơn một tí thì có lẽ ...” Câu nói bị đứt quãng nửa chừng, có vẻ như cô gái đang khóc. Lam bồi hồi xúc động, bàn tay cầm điện thoại bỗng run lên, mặc dù điều đó đã nằm trong tiên đoán, nhưng chị vẫn bị sốc. Năm nay Du mới ngoài sáu mươi. Lam cố trấn tĩnh nói tiếp: “ Cô xin chia buồn cùng cháu và gia đình. Nếu có thể cho cô được đến nhà để thấp cho ba cháu nén hương.”

Một tuần sau, Becky đem xe đến đưa Lam về thăm nhà. Thêm một điều ngạc nhiên đối với Lam là con gái của Du lại trùng tên với chị: Becky Lam Nguyễn. Không biết Becky có hiểu điều tế nhị ấy không, nhưng Lam thì hiểu rõ. Lam ngại điều ấy có thể làm vợ Du không vui, nhưng rất may là vợ Du vắng nhà. Sau hai giờ chạy xe trên đường cao tốc, Lam có vẻ mệt, nhưng Becky thì vẫn bình thường. Ngôi nhà hai tầng nằm trên một mảnh vườn rộng đầy cỏ xanh như phần lớn nhà ở Mỹ, vườn trồng nhiều loại cây nhưng không thấy cây nào có quả. Becky nói xứ này lạnh nên không trồng được cây ăn quả như Cali. Lam trầm ngâm trước di ảnh Du trong khi Becky tế nhị lảng ra ngoài hành lang. Kể từ ngày cuối tháng 4-1975, hai người đã trải qua một thời gian dài cách biệt. Lam nhẩm lại và chợt nhận ra họ quen biết nhau đến gần bốn mươi năm, nhưng số ngày gần nhau thì quá ít. Cuộc đời Du là một chuỗi dài phiêu bạt và tiếp đến là những năm tháng tha hương trên đất Mỹ, và bây giờ chỉ còn một bức di ảnh với những làn khói hương. Được biết Du không đau ốm gì, chỉ mất đột ngột trong một tai nạn xe hơi. Lam tiếc là mình không nhắn tin cho Du sớm hơn, nếu thế có thể chị đã được gặp lại Du một lần cuối đời. Lam nói thầm trước di ảnh Du: “ Em xin lỗi vì đã quá chậm chân. Có lẽ chúng mình không có duyên gặp lại nhau.”

Becky đưa Lam đi dạo trong khu vườn cỏ non xanh mướt. Những đàn chim sáo đen dạn dĩ bay xuống đậu bên chân người. Becky cho biết cô đang học dược, em trai đang học lớp mười hai, mẹ thì vẫn còn đi làm cho một ngân hàng cách nhà một giờ lái xe. Lam nghĩ là Du đã có một cuộc sống hạnh phúc trong những năm tháng trên đất Mỹ. Còn lý do lấy tên Lam đặt cho con gái có lẽ muốn giữ lại một chút kỷ niệm chăng? Hay do một sự tình cờ ngẫu nhiên nào đó? Becky nói rằng mẹ cô không biết những dòng nhắn tin của Lam. Becky cũng không cho mẹ biết rằng có một người bạn gái của ba nhắn tìm khi ba đã qua đời. Có lẽ cô bé này cũng khá nhạy bén khi nhận định mối quan hệ này, hay chỉ muốn thay mặt ba để gặp lại một người quen cũ, mà biết đâu khi còn sống ba đã tha thiết muốn gặp. Becky cho biết một ngày nào đó cô sẽ trở về Việt nam, nơi mà từ khi sinh ra, cô chưa bao giờ đến, vì tất cả bà con nội ngoại hiện đang sống trên đất Mỹ. Lam ngậm ngùi nhìn vào bức ảnh gia đình Du, thấy rõ trên khuôn mặt con trai Du là những nét của Du thời trai trẻ - những nét rất đặc trưng của một người con trai đất Bắc vẫn còn trong ký ức Lam một mùa hè nào đã xa khi Lam vừa mười tám. Becky đưa Lam trở về, những giọt nắng cuối ngày loang lổ dưới chân, đàn sáo đen hối hả bay về phía chân trời.

(*) Trước 1975, đại học Dược đối diện đại học Văn khoa Sài gòn.

(*) Alarm : Thiết bị báo động.

(*) Bagage claim : Quầy nhận hành lý.

VƯƠNG HOÀI UYÊN

Vương Hoài Uyên tên thật là Trần thị Minh.

Sinh tại Quảng Ngãi.

Cựu HS Nữ trung học Quảng Ngãi và Trần Quốc Tuấn Quảng Ngãi.

Tốt nghiệp Cử nhân văn chương và Đại học Sư Phạm Việt Hán.

Dạy Văn tại Trường Nữ Trung học Đà Nẵng (trước 1975) và THPT Phan Châu

Trình Đà Nẵng (sau 1975).

Hiện đang sống tại Tp Hồ Chí Minh .



CON GÁI NGƯỜI XƯA

HÀ NGUYỄN TƯỜNG

Ông trở mắt sững sờ nhìn và thốt lên khi cặp nam nữ đang bước vào phòng làm việc của mình:

- Ô! Trà Mi phải không?

Cô gái vẫn mỉm cười, một nụ cười tươi tắn nở trên khuôn mặt tròn trĩnh, Mái tóc cắt ngắn tựa nhẹ trên bờ vai làm cho khuôn mặt càng thùy mị, đoan trang hơn. Đó là Trà Mi ngày xưa của ông. Không phải. Đây là người đại diện của Tổng công ti mà ông đang chờ gặp

Cách đây ba ngày, một cú điện thoại từ Tổng công ty từ TP Hồ Chí Minh gọi cho ông. Giọng cô trưởng phòng tổng hợp sôi nổi khác với cái giọng từ tốn, nghiêm túc thường ngày:

- Chào bác! Ba ngày nữa, chị trợ lý Tổng giám đốc và anh Phó tổng giám đốc kinh doanh có việc lên trên đó, bác chuẩn bị đón nghe. Khi nào đến, họ sẽ gọi điện cho bác.

Và hôm nay ông ngồi chờ đại diện của tổng công ti.

Ông nghỉ hưu đã bốn năm. Năm đầu tiên thật buồn. Vốn quen chân ngày hai buổi đến trường, bây giờ lại ngồi không.. Những công việc có tên và không tên của nghề nghiệp đã lồi cuốn ông, liên tục suốt ngày, suốt tháng, kể cả những ngày gọi là nghỉ hè. Một mà vui. Vậy mà, bây giờ nghỉ hưu, rất rỗi rảnh sao lại rất buồn.

Trong những ngày như thế thì một người bạn cũ của ông ở thành phố điện ra kêu ông vào gặp. Và sau lần gặp gỡ đó là một loạt công việc làm thay đổi cuộc sống buồn tẻ của ông. Một siêu thị Sách và văn hóa phẩm được ra đời tại phố núi mà ông là giám đốc. Đây là một công ti con của một doanh nghiệp tư nhân lớn ở thành phố. Biết bao gian khổ, khó khăn buổi đầu: lo địa điểm, lo vốn, lo xây dựng rồi là tuyển dụng và điều hành đội ngũ nhân viên kinh doanh của mình. Một năm sau mọi việc đều hoàn thành, công ti khai trương và hoạt động đã tròn hai năm. Đến bây giờ nhớ lại ông vẫn còn có cảm giác như mình đang nằm mơ. Lần đó, Quang-tên người bạn học thời Văn khoa là đồng nghiệp với nhau ở phố núi trước 1975- đã dẫn ông đến tổng công ti siêu thị Phạm Trần. Tiếp và cùng ông thảo luận, quyết định cuối cùng mọi công việc là người đàn ông trung niên đang đi cùng với cô gái bây giờ. Phó tổng giám đốc Trần Thanh Hà đã thay mặt công ti quyết định mọi việc với ông. Một công ti chi nhánh của Phạm Trần sẽ được thành lập ở thành phố Pleiku. Hai phương án được thảo luận: Một là tổng công ti sẽ lo tất cả, ông sẽ là người đại diện tổng công ti phụ trách ở đây, Hai là mỗi bên cùng liên kết. Ông đã chọn phương án sau. Không thể chấp nhận kiểu chờ người ta don cổ. Mọi công việc khởi đầu diễn ra khá suông sẻ. Phía ông sẽ lo toàn bộ phần cơ sở vật chất: địa điểm, nhà cửa, con người ... Phía công ti mẹ sẽ lo khâu cung cấp sách, thiết bị, hàng hóa cho ông. Suy nghĩ, đắn đo rồi ông dứt khoát đồng ý và trở lại phố núi để chuẩn bị. May mắn thay ông có một lô đất khoảng một hecta ở khu vực Cầu Sắt, ngày trước mua lại với một giá rất rẻ của một người muốn bán tháo để về quê ở Bình Định. Nay bệnh viện Tỉnh được xây dựng, đường mới rộng rãi khang trang, khu công nghiệp mới cũng ở gần đó. Vì vậy, lô đất trở nên đáng giá mỗi tấc đất là một tấc vàng. Ông đem giấy tờ đất đến ngân hàng vay tiền là có điều kiện để xây dựng. May mắn lại đến khi ông mua được lô đất mặt tiền ở đường Phan Đình Phùng gần nhà mà giá cả có thể chấp nhận được. Thế là sau một năm chạy vạy, lo lắng, xây dựng, công ti đã hình thành. Tổng công ti thì kinh doanh đủ mặt hàng, nhưng ông chỉ chọn hai loại: sách và văn hóa phẩm. Nhờ mối quan hệ nghề nghiệp dạy học trước đây nên khách hàng của ông cũng khá đông, đa số là thanh niên học sinh đến mua sách giáo khoa, sách tham khảo, mua quà tặng người thân trong các dịp lễ lượt. Những người thích cà phê thì có thể lên tầng ba để vừa nhâm nhi li cà phê vừa nghe nhạc Trịnh hoặc những khúc ca tiền chiến quyến rũ. Ở đây, ông đã cố gắng tạo một không khí ấm cúng, thanh lịch như quán café Văn đường Phan Thanh Giản mà ông thường ghé đêm mỗi tối trước 1975. Ấy thế mà quầy bán bán cà phê lúc nào cũng đông khách. Không chỉ là đám thanh niên mà cả lớp trung trung làm ở các cơ quan, nhiều nhất là các thầy cô ngành giáo dục. Họ đến siêu thị một phần vì cà phê ngon, nhưng một phần cũng chính là vì ông.

Hai năm qua, hoạt động của siêu thị diễn ra trôi chảy, kết quả làm hài lòng cho cả hai bên: công ti và tổng công ti. Công việc bận rộn khiến ông không còn thời gian nhàn hạ để than thở như lúc mới nghỉ hưu. Chỉ có

một điều đặc biệt là trong mấy năm quan hệ làm ăn, ông vẫn chưa trực diện với tổng giám đốc công ti, ngay cả tên tuổi cũng lờ mờ. Ông chỉ biết vắn tắt vài dòng, đó là một phụ nữ Việt kiều tên Linda Trần. Mọi công việc ở tổng công ti ở thành phố đều do hai phó tổng giám đốc và một trợ lý tổng giám đốc giải quyết. Từ khi bắt đầu hợp đồng công việc đến nay ông chỉ tiếp xúc với phó tổng giám phụ trách kinh doanh đốc Trần Thanh Hà là người đàn ông đi cùng với người phụ nữ hôm nay.

- Chào bác! Cháu là Quỳnh Hà và đây là anh ruột cháu, anh Thanh Hà, người mà chắc bác không quên được

- Tôi xin lỗi. Nhìn cô, tôi lại nhầm tưởng đến hình ảnh một người con gái quen ngày trước. Cô ta cũng giống và rất giống với cô.

Cô gái vẫn mỉm cười, thông thả cùng ngồi xuống chiếc ghế đối diện với ông.

- Cháu có biết người đó.

- Ô sao cô lại biết. À mà hôm nay chúng ta gặp nhau vì công việc và cháu-à, cô- là đại diện cho tổng công ti mà?

Thanh Hà cười nhẹ và nói:

- Vâng gọi là công tác cũng được mà không phải công tác cũng chẳng sai. Hôm nay hai anh em cháu kết hợp việc công ti với việc riêng để đi Pleiku một chuyến

Ba ngày ở phố núi, cả hai anh em chỉ dành một buổi để xem xét hồ sơ sổ sách kế toán của cơ quan, quan sát cung cách hoạt động của công ti, thời gian còn lại là để đi thăm viếng các danh lam thắng cảnh của GiaLai, lên đến cửa khẩu biên giới Việt-Lào ở Kontum. Ngoài những lần gặp gỡ buổi trưa tại các nhà hàng ở Pleiku, các buổi chiều, hai vị khách đã được vợ chồng ông mời ăn cơm tối tại nhà ông bằng những món ăn đặc biệt của Huế. Những lần như vậy, cả hai anh em đều đến sớm, Quỳnh Hà thì xắn tay áo vào bếp giúp bà Long làm các món ăn. Điều đáng ngạc nhiên là Quỳnh Hà làm các món ăn Huế không thua gì bà. Chỉ cần đọc thực đơn, xem vật thực đã được bà Long mua sẵn là Hà dễ dàng nhập vai đầu bếp rất tài tình. Ông là người rất kén trong việc ăn uống mà vẫn không chê một chút nào được.

Công việc và các cuộc vui rộn rập nhưng không làm ông thôi bức rứt trong lòng. Quái lạ, tại sao Quỳnh Hà lại giống Trà Mi đến như thế? Nếu không phải vì những biểu hiện của tuổi tác trên khuôn mặt, không vì tên tuổi, nhân thân của Hà hiện nay thì ông tin chắc Quỳnh Hà chính là Trà Mi của ông ngày trước đang ngồi trước mặt mình. Không chịu nổi sự im lặng mãi, ông phải lên tiếng. Thế là tối ngày thứ ba, sau khi cơm nước xong, mọi người đang ngồi uống nước trà thì ông chợt hỏi:

- Này cháu Hà, hôm trước cháu có nói là có biết người con gái mà bác nhầm với cháu. Vậy người đó là ai, ở đâu?

Câu hỏi dồn dập, cử chỉ của ông Long có vẻ nôn nóng. Không khí chợt trầm lại. Bà Long thì chắc là không vui vì chồng đang nhắc đến một người phụ nữ khác của chồng không phải là mình. Ba mươi lăm năm lấy nhau, bà biết rất rõ về cuộc đời của ông, kể cả chuyện những cuộc tình của ông với những người con gái ngày trước. Ông không giấu bà một chuyện nào dù là song phương hay đơn phương. Bà cũng biết chuyện tình yêu của ông với Trà Mi. Bà không hề ghen vì nghĩ rằng trước khi có gia đình, ai cũng có một thời như vậy. Miễn sao giờ này ông là chồng của mình. Và quả thực, qua 35 năm là vợ chồng, ông luôn tỏ ra thủy chung với bà, dù trong thực tế, không thiếu các cô gái chưa chồng hoặc đã có chồng đem lòng say mê ông. Nhưng lần này khi nghe chồng đặt câu hỏi như vậy với Quỳnh Hà, bà ngỡ ngàng. Hóa ra có chuyện mãi ông vẫn không thể nào quên được. Vì vậy bà lại càng muốn biết rõ hơn.

Thanh Hà và Quỳnh Hà nhìn nhau và cuối cùng Quỳnh Hà trả lời. Giọng của nàng không còn hồn nhiên và khuôn mặt mất đi vẻ tươi tắn như lúc mới gặp ông:

- Đó là Trà Mi, cô bé Thượng Tứ trước 1975 phải không bác?

Ông Long đứng dậy chồm về phía trước rồi lại ôm ngực và thả người xuống ghế. Bà Long nhẹ nhàng đưa cánh tay phải đỡ nhẹ ông.

- Thế bây giờ cô ấy ở đâu, làm gì, có còn khỏe không cháu?

Ông hỏi dồn dập, khuôn mặt thiếu náo, đáng đáp của một kẻ đang ân hận về một việc làm không tốt của mình.

Bây giờ thì đến lượt Thanh Hà trả lời thay em:

- Thưa bác, bác cứ an tâm đừng buồn phiền. Bà ta tên là Trà Mi vẫn còn sống ở Mỹ, gia đình con cái hạnh phúc, cuộc sống kinh tế đầy đủ. Tuy nhiên, cũng như bác, bà vẫn còn một chút ray rứt về một người đàn ông trong cuộc đời của mình. Mẹ cháu là bạn rất thân của bà nên mới biết rõ câu chuyện. Lần này lên Pleiku, chúng cháu được bà ấy nhờ âm thầm tìm hiểu về người đàn ông đó. Nghe đâu, ngày trước ông ấy có thời lên Pleiku làm việc, bây giờ không biết đi đâu? Mấy ngày qua chúng cháu tin chắc mình đã có chút manh mối. Sáng mai cháu sẽ kiểm chứng lại một lần cuối rồi chiều mai sẽ trở lại thành phố.

Ông Long đứng dậy bước ra ngoài như muốn tìm chút không khí cho thoáng rồi lại thần thờ, lẩm nhẩm:

- Ở Pleiku này lại có một người đàn ông nào khác của bà ngoài ta ư?

Đêm đó ông Long trần trọc không ngủ được. Cuốn phim quá khứ gần 40 năm lại hiện lên đầy đủ trước mắt ông.

Ông quen bà Trà Mi khi ông đang học năm Dự bị Đại học Văn khoa và bà đang là một học sinh lớp đệ tứ trường Đồng Khánh Huế. Ngày hai buổi cùng qua chuyến đò Thừa Phủ khiến họ dần gần lại với nhau, đặc biệt, năm đó Long đang ở trọ tại nhà một người bà con ở thượng thành Thượng Tứ. Lúc đầu chỉ là những lần như vô tình gặp nhau, cùng đi một con đường, qua một chuyến đò. Rồi đến một buổi chiều đi học về, trên con đường đất nhỏ dọc bờ sông từ bến đò xuống cửa Thượng Tứ, Trà Mi đã để yên không rút tay về khi anh nắm bàn tay cô bé. Thế là cả hai đã đến với nhau. Hàng cây dừa dọc bờ sông vung những tàu lá trong gió chiều từ bờ sông thổi lên như muốn dấu điều chúng đã biết. Dù có xe đạp nhưng ngày nào anh cũng chờ trước ngõ xóm để cùng đi, và khi chia tay nhau trước cổng trường Đồng Khánh thì anh còn lội bộ lên giảng đường Văn khoa ở đầu đường Phan Đình Phùng gần cầu Ga.

Những năm sau khi Trà Mi đã lên học Trung học đệ nhị cấp, bảng tên có thay đổi từ màu xanh, màu hồng và cuối cùng là màu tím mộng mơ thì tình yêu của hai người vẫn như tờ giấy trắng. Ấn tượng sâu lắng nhất có lẽ là những nụ hôn ngọt ngào có gió rừng thông đồi Thiên An, lãng Tụ Đức chứng kiến.

Cho đến mùa hè năm 1972 đã làm thay đổi tất cả. Do ảnh hưởng của cuộc chiến ở Quảng Trị, nhiều người ở Huế cũng đã chuẩn bị tư thế vào Nam để lánh nạn, trong đó có gia đình Trà Mi. Lúc bấy giờ thì nàng cũng vừa thi xong Tú tài, hai em kế tiếp thì đang học đệ nhất cấp. Vì vậy gia đình nàng quyết định cho mọi người vào Sài Gòn vài tháng vừa như nghỉ hè, vừa đỡ lo chuyện đánh nhau. Hơn nữa, trong ấy đang có nhà của anh rể của nàng là sĩ quan thiếu tá làm việc ở Bộ Tổng tham mưu.

Một đêm cuối tháng sáu, như thường lệ Long đến nhà Trà Mi thì chỉ có một mình nàng ở nhà. Hỏi ra thì mới biết cả nhà đã vào Đà Nẵng sáng nay, chị Hằng của nàng thì đang về làng nhờ bà o lên coi nhà trong thời gian gia đình đi vắng. Trà Mi rung rung nước mắt vì phải xa nhau chưa biết tình hình thế nào. Còn Long thì đang chuẩn bị thi tốt nghiệp Đại học sư phạm vào giữa tháng bảy. Gia đình anh chưa có ý kiến gì về việc di tản. Chính vì vậy làm cho Trà Mi càng thêm nức nở. Những giọt nước mắt đó đã làm cho Long cảm động và tìm cách an ủi nàng. Lúc đầu là những nụ hôn say đắm của hai thân thể ôm chặt lấy nhau, bàn tay Long nhẹ vuốt ve mái tóc úp gọn trên bờ vai Trà Mi. Rồi sau đó, như một lực vô hình thúc giục, bàn tay Long xoa dần xuống bờ vai, ra trước ngực nàng và rồi chu du khắp thân thể nàng. Long đóng các cửa rồi diu Trà Mi vào trong giường của nàng mà nàng cũng không có thái độ phản đối. Tối đó Long ở lại với nàng. Cả hai thân thể thực sự đến với nhau nồng nàn, say đắm. Cả hai không còn nhớ đến chuyện phải đi đâu, ngày mai như thế nào. Hai người đã gần gũi với nhau trọn một đêm và một ngày thật đẹp cho đến tối hôm sau chị của Trà Mi và bà o lên. Hôm sau nữa, hai chị em đi vào Đà Nẵng với gia đình.

Tháng sau, Long thi tốt nghiệp xong thì tình hình chiến sự ở Huế đã ổn định. Long chạy xe Honda 67 vào Đà Nẵng để tìm Trà Mi, nhưng không gặp. Đến địa chỉ nàng cho thì chủ nhà cho biết hình như gia đình nàng đã đi vào Sài Gòn bằng máy bay quân sự mà anh rể của nàng đã xin được. Long trở lại Huế để làm các thủ tục tốt nghiệp, chờ nhận quyết định của Bộ Giáo dục bổ nhiệm đi dạy học. Từ đó anh không hề nhận được tin của Trà Mi và gia đình. Từ đó, đời anh gắn bó với nghề dạy học ở phố núi cho đến ngày ngày nghỉ hưu. Ba mươi sáu năm công tác, anh cũng đã kết hợp công tác đi nhiều nơi trên quê hương đất nước. Đến đâu, anh cũng cố ý tìm lại hình bóng người xưa, vẫn biệt tăm. Tìm em, em ở nơi mô!

Ấn hận, nuôi tiếc. Ông đã có trong tay, gần gũi trọn vẹn một người con gái yêu thương. Vậy mà...

Giờ đây, cái tin do hai anh em Hà cho biết đã làm cho ông ngạc nhiên là vì sao hai anh em Hà có vẻ úp mở? Người đàn ông nào khác trong cuộc đời Trà Mi ở phố núi này ngoài ông?

Chiều hôm sau vợ chồng ông ra phi trường tiễn anh em Thanh Hà vào thành phố. Buổi trưa ăn cơm, ông Long muốn hỏi kết quả công việc sáng nay của hai anh em nhưng thấy họ không thiết tha với chuyện đó nên đành thôi. Bất ngờ trước khi lên máy bay, sau những lời cảm ơn xã giao, Quỳnh Hà trao cho ông một phong bì nhỏ và dặn:

- Bác chỉ được mở sau khi máy bay cất cánh nghe!

Khi chiếc máy bay rời khỏi đường băng cất cánh bay lên bầu trời, ông mở chiếc phong bì của Quỳnh Hà vừa trao. Một cái cạt nhỏ với mấy dòng chữ nắn nót: : Thanh Hà và Quỳnh Hà, hai đứa là con anh đó. Evta!

Evta-Em vẫn thương anh (x). Ông thần thờ, đưa chiếc cạt cho bà mà không nói năng.

Chiều tối, một tin nhắn tới: -“Đã vào đến TP. Chúng con nhớ ba lắm. Ba ơi!”

(x) *Evta-Em vẫn thương anh*: Tác giả mượn cách chơi chữ của Trần Kiêm Đoàn trong tập bút kí *Từ ngõ Huế xưa* (NXB Thuận Hóa, 2006).

Ayunpa, tháng 5/ 2011

HÀ NGUYÊN TƯỜNG



CHU TRẦM NGUYỄN MINH

LỤC BÁT VIẾT TẠI PHÁP

1. VERSAILLES, LÂU ĐÀI LOUIS XIV VÀ LABYRYNTHE

Tặng: Bác sĩ Nguyễn Chí Thiện

Cuối đời bóng xế đến đây
Lâu đài đứng lặng như say giấc nồng
Kìa người, kìa tượng, kìa sông
Kìa dòng nước biếc nặng lòng trăm năm
Cuối đời, ngắm Labyrynthe
Ước chi trở lại cho mình tìm nhau
Trốn họa, tìm mãi, chẳng sao
Nhưng khi giáp mặt ta trao nụ hồng
Ta hề, phiêu bạt, lông bông
Lang thang theo gió bèo bồng áng mây
Càng sầu, càng uống, càng say?
Thơ vui từng chữ, rượu cay từng châu
Labyrynthe hỡi, về đâu?
Thôi em đến bến giang đầu chờ nhau...

Paris, 16. 5. 2013

2. NHÀ SỐ 10 MARCEL DOURET

Đôi nghiêng, nghiêng một góc trời
Gió im im thổi mưa rơi thì thầm
Gởi lòng về cõi xa xăm
Bóng ai vờn mãi bước chân lữ hành.

Villemomble 16/5/013

3.NHÀ SỐ 10 MARCEL DOURET 1

Trời cao, không trong, không xanh
Chân bon, bước mỗi quanh quanh sương mù
Buồn riêng một cõi miên du
Lá chao bay giữa vì vu mây ngàn
Đường dài một buổi lang thang
Cảnh xa, người lạ lòng mang mang sầu
Gợi thương gợi nhớ về đâu
một anh đứng đợi bên cầu nhớ thương.

Villemomble 17/5/013

4. CHỜ TỬ VŨ

Nao nao chờ đợi bạn hiền
Ngoài kia nắng đỏ nghiêng nghiêng bầu trời
Mây như mù tím trùng khơi
Duyên nào ta lại bên trời gặp nhau

Villemomble 17/5/013

5. NHÀ SỐ 10 MARCELL DOURET 2

Trời gần, xuống thấp, mây che
Bồng dung nhớ chút nắng hè phương nao
Xòe tay hứng giọt mưa mau
Lạnh lòng lũ khách nao nao đường về

Villemomble 19/5/013

6. NHÀ SỐ 10 MARCELL DOURET 3

Mù trời, mù đất, mù cây
Mù trong hiu quạnh, mù vay trùng trùng
Mù trong nỗi nhớ mong lung
Mù như xa mãi tận cùng hư vô.

CHU TRÂM NGUYỄN MINH



HOÀI HƯƠNG

Phương trời cũ nhớ ta chẳng
 Nửa đời ta bao nỗi chìm ngược xuôi
 Mà lòng ta mãi không nguôi
 Thương bông mua tím bên đồi chiều xưa
 Thương hình bóng mẹ trong mưa
 Lưng còng xuống gió lạnh lửa áo nâu
 Nhớ em một sớm qua cầu
 Lòng như nắng mới thắm màu thanh xuân
 Nhớ đường xa thương đường gần
 Lao xao lá rụng bước chân người về
 Phương trời cũ lộng hồn quê
 Nhớ ta chẳng? Lời hẹn thề thủy chung!

QUA CẦU AN CỰU

Về đâu? Thôi biết về đâu
 Ngồi soi bóng lẽ bên cầu tang thương
 Sông nhìn ta cũng chạnh lòng
 Không đành chảy
 Sông ngập ngừng buồn trôi
 Sông ơi bờ bến lỡ bồi
 Làm sao ta biết cõi người trăm năm
 Về đâu?
 Trời đất mù tăm
 Không đành chảy
 Một dòng thăm thăm sâu.

LÊ VĂN TRUNG



VIÊN NGỌC BALI

NGUYỄN VĂN SÂM

*Côn Lôn mờ mịt mấy ngàn,
Thầy đi để lại một đàn con thơ.
Rán nuôi dưỡng làm ngư nuốt thẳm,
Gánh gia đình đâu dám từ nan,
Dẹp buồn thẳm nén than van,
Đêm ngày con mẹ bế bồng cùng nhau.
Nào những lúc trước sân dưới gác....*

Đạm Phương nữ sĩ
(cháu nội vua Minh Mạng)

Bận bịu với cái ba-lô mang sau lưng và túi computer xách tay linh tinh tuột lên tuột xuống trên vai, Tuấn thở phào khi đẩy được cái va-li nhập vào đoàn người đang sắp hàng vô cửa. Sao người ta đi chơi cả tuần mà ai cũng hành lý gọn nhẹ, phụ nữ chỉ có bóp đầm hay túi xách nhỏ, đàn ông thì quá rảnh tay, có thể nói là không mang gì hết. Hình như có gì không ổn đây. Tuấn cười làm thân với người đi sau:

“Trông ông thông thả quá vậy?”

”Ông giao hành lý đằng kia, chỗ này chỉ xếp hàng vào làm thủ tục lên tàu, không cần mang hành lý nặng theo làm gì.” Người kia đưa cặp mắt xanh như da trời nhìn anh. “Chỉ những gì có thể xách theo người thôi, rồi người ta sẽ chuyển tất cả hành lý cá nhân tới trước cửa phòng cho mình.” Ông ta mỉm cười cuối câu để giúp Tuấn khỏi lúng túng.

“Tiện quá ha! Vậy mà tôi không để ý.” Tuấn nhanh nhẩu chữa thẹn rồi chào tạm biệt.

Vậy là mới bắt đầu cuộc hải trình đã bị xô nặng. Rõ ràng là chân què.

Lại hì hục đẩy hành lý xếp vào hàng mới. Phải chi có Hồng ở đây thì chắc là không bị què độ kiêu này, cô ta quan sát hay lắm và nhanh nhẹn ứng phó với hoàn cảnh. Nhớ tới Hồng, Tuấn giận ngang, người gì mà làm cho mình bức tức hoài, bao nhiêu năm vẫn ngang bướng, chứng nào tật nấy khiến gia đình không còn hòa khí, chẳng lúc nào vui. Ly dị có thể là giải pháp tốt nhất để tránh gánh nặng. Biết buông bỏ, biết xả trừ phải chăng là trường hợp này? Càng nhần nhịn, càng cố ôm giữ để còn nguyên vẹn cái gia đình đã bị ám đen hằn học thì càng khổ tâm hai người và cả cho đứa con bởi vì ai nấy đều phải ôm mang hành trang quá nặng do sự giận hờn đeo đẳng thường xuyên trong tâm.

Thủ tục gửi hành lý rồi cũng xong. Tuấn vào hàng cũ, nhích lần lần vào tiền sảnh để làm thẻ nhận phòng. Xong xuôi Tuấn thở phào nhẹ nhõm, tìm chỗ ngồi nghỉ, băng quơ quan sát hàng người mới đến tiếp tục xếp dài, dài thiệt dài. Nhìn đoàn người trước mặt ai dám nói dân xứ này thất nghiệp nhiều, ai nói kinh tế Mỹ đang trì trệ? Họ du lịch đông đảo, xài tiền không mấy đắn đo. Như là càng thất nghiệp người ta càng tiêu tiền sợ rằng khi có công ăn việc làm sẽ chẳng còn thời giờ cho riêng mình nữa chẳng?

Tất cả mọi thứ đều lạ lẫm với Tuấn. Những chiếc tàu du hành chiếc nào chiếc nấy như một tòa nhà mười mấy tầng, cao chót vót, đứng gần, ngược mắt lên từng trên cùng nghênh thiếu điều trật cổ. Khách du hành quá đông, tới mấy ngàn người, tràn ngập khu đại sảnh và đầy đặt sân trước, sân sau, lớp này vừa lên tàu lớp kia đã tiếp theo đến, liên tục, liên tục. Tuấn đưa mắt vòng quanh tìm

người Việt để làm quen nhưng không thấy, chỉ bắt gặp đôi mắt đẹp tròn của một phụ nữ Á Châu búi tóc theo kiểu người Miến, Nam Dương hay Thái Lan gì đó, búi tóc hơi to khổ, đẹp, không tròn như của phụ nữ Việt vùng quê Hậu Giang mấy chục năm trước. Thấy Tuấn nhìn mình hơi lâu, người phụ nữ trẻ mỉm cười xã giao rồi tiếp tục đẩy hành lý theo một lối đi đặc biệt dành cho nhân viên. Tuấn chép miệng: “Ước gì đôi mắt *“giết người”* kia là đôi mắt Việt Nam! Đáng dấp nọ thì chắc là không phải rồi, phụ nữ Việt cỡ tuổi này mảnh mai hơn, không mạnh mẽ như vậy.” Tuấn chợt mỉm cười tự hỏi không biết tại sao bỗng nhiên mình lại phân tích nọ về một bóng dáng phụ nữ vừa mới thoáng qua dưới mắt. Bậy quá! Bậy quá!

*

Hai ngày ở trên tàu, Tuấn mở lòng ra để ôm hết vẻ đẹp dễ sang trọng của cửa con tàu, sự phục vụ chu đáo của toàn thể nhân viên cũng như sự tổ chức hoàn chỉnh từng chi tiết và lịch sự. Gió biển mát lạnh, bầu trời xanh trong, thiên nhiên bao la, con tàu trở nên nhỏ bé nhưng vẫn ngang nhiên lướt sóng trùng dương. Trạm đầu tiên, thủ phủ của Alaska, Juneau êm đềm thơ mộng, rồi thành phố lớn nhất Enchorage với vùng êm ả cây cối bao trùm, núi rừng trùng điệp, đất nhiều người ít với thời gian ban ngày dài hơn ban đêm cả mấy tiếng đồng hồ.

Du khách khi lên bờ được chào mời tận tình tham dự tour này tour nọ quanh quần gần đó để biết thêm vùng đất mà mình mới đến lần đầu, Tuấn nhập vô đoàn người đi sang biên giới nước láng giềng, đến tỉnh địa đầu Yukon mà lòng đang buồn nên đứng đung như đá. Nếu có Hồng đi bên cạnh thì cuộc hải trình và lâm du này mang nhiều ý nghĩa hơn. Tới nơi, xuống xe, anh móc điện thoại định bấm số cho Hồng nhưng lại thôi, mở máy rồi tắt máy. Có cần thiết để đón nhận những chuỗi dài trách móc nặng nhẹ không? Có đáng để kéo dài cuộc đời với trái tim bị thắt chặt bằng những cầu nhàu quá đáng và vô lý không?

Bỏ máy vô túi lại, Tuấn đi theo đoàn người vô coi chó kéo xe chở du khách. Ôi tội nghiệp những con chó, khi bậm chân há mồm thè lưỡi rán sức để có cái lực kéo ban đầu. Sao mà tội tình, sao mà bất nhẫn! Tuấn xin chụp hình cô gái quê làm việc săn sóc tắm rửa đàn chó. Cô gái mạnh khỏe và yêu đời, có cái đẹp thiên nhiên dung dị của người đồng quê đầu sông ở xứ văn minh giàu có. Cô mỉm cười thiệt tươi và tự nhiên trước ống kính của Tuấn với câu nói như chữa thẹn:

“sao lại chụp hình một phụ nữ nhà quê?”

“Tôi muốn giữ hình ảnh của cô như một kỷ niệm về xứ này.” Tuấn cười nheo mắt. “Hình cô sẽ được treo làm đẹp phòng khách nhà tôi. Cô biết đó, khó mà có được lần thứ hai đến đây, càng khó hơn để lại được gặp cô.”

“Ông từ đâu đến vùng nghèo này?”

“Victorville, California!”

“Yukon, tỉnh nhỏ của Canada xin chào người đến từ California, Mỹ Quốc!” Nói rồi người thiếu nữ xách hai tay hai cái cái xô nặng trĩu, thoăn thoắt đi về phía mấy con chó đang sủa vang vì đói. Lại nhớ tới Hồng, nụ cười kia tươi tắn và trong suốt như những lần đầu gặp nhau ở quê nhà mười năm trước. Nụ cười đã biến dạng vài ba năm gần đây. Giá mà có thể kéo lại thời gian, giá mà con người ít bị hoàn cảnh tác dụng nhiều như vậy. Giá mà và giá mà... Tuấn bỏ đám đông ra chỗ vắng, nơi chung bày những vật dụng của người ngày xưa đãi vàng: máng lắng cát, những dụng cụ sắn, đãi, cái giếng lộ thiên, cây roi, yên ngựa, những vật dụng sinh sống thường nhật của người sống trong rừng núi thiếu thốn như nồi, niêu, chảo, ấm... Tất cả đều mờ mịt, cũ kỹ nghèo nàn của thời khó khăn khi mới lập quốc.

Tuấn chép miệng: Giống như mình trong những năm Kinh Tế Mới trên rừng. Chỉ có điều là họ tự nguyện và tự nhìn thấy viễn tượng huy hoàng chẳng cần ai phác họa, vẽ vời, mê hoặc.

Buổi chiều về lại tàu, Tuấn uể oải, chỉ muốn nằm dài trên boong tầng 12 lắng nghe máy tàu trôi nhịp đều đều bất tận khi rẽ sóng, nhìn ráng chiều ửng vàng khe núi và ngấm hoàng hôn tan dần giữa các áng mây, những dãy núi trùng điệp hùng vĩ như sáng lên trong màu tuyết phủ, hình như đêm không muốn hiện diện nên về rất chậm ở đây.

*

Đang nằm lơ mơ thì có tiếng gõ cửa phòng, rụt rè, nhỏ nhỏ. Chắc người dọn giường, Tuấn nghĩ thầm và khoác vội cái áo ra mở cửa. Giống như trong truyện cổ tích có cô Tấm hiện ra, nàng Bali đứng đó làm Tuấn bất ngờ, mái tóc dài bỏ xõa một bên ngực, bông bênh quyen rũ, gương mặt trang điểm thanh thoát nhẹ nhàng, cử chỉ ngập ngừng e ấp, tay ôm một cái giỏ xách ý chừng là quần áo hay khăn choàng để đi tắm nắng chiều. Tuấn hỏi bằng mắt vừa đưa tay bắt với nụ cười thân thiện, người con gái cũng im lặng, nhưng lách mình bước mau vô phòng, cánh cửa được khép nhẹ sau lưng.

“sao lại không mời khách vào?”

“Bàng hoàng còn hôn đâu để mời mọc nữa!” Tuấn thiệt tình.

“Ngồi xuống được không?”

“Cô có thể ngồi bất cứ ở đâu trong phòng này!”

“Có chuyện rất dài cần giải bày với anh. Tôi có thể mất việc vì đến đây, nhưng quan hệ quái gì chuyện đó.” Cô gái Bali ngó nghiêng qua phòng tắm và bước vào đó, thái độ mạnh dạn cả quyết làm Tuấn không đoán được nàng muốn gì. Chuyện lãng mạn khó gặp trong đời hay bấy rập được bữa giăng? Tuấn ngồi thừ thắc mắc. Hơn mười phút sau, một nàng tiên bước ra. Tóc đen huyền, đầm ướt, xõa xuống hai bên ngực he hé trắng ngần choàng ơ hờ bằng cái khăn lông lớn. Đôi vai trần rộng hờ hênh phía dưới đôi chút vẫn còn lấm tấm những giọt nước may mắn long lanh. Hình như chỉ có thế thôi. Tuấn nhích mình nhường thêm chỗ, cô gái ngồi lên giường, một tay nắm nhẹ hai mép khăn, một tay vói lấy gối. Tuấn vội chồm tới đưa ra hai cái gối lớn, chỉ giữ cho mình hai cái gối nhỏ. Người đẹp Bali ngả người thoải mái, kéo mền lên trùm tới cổ và vỗ vỗ chỗ trống kế bên. Tuấn vô cùng bối rối, chưa biết làm gì cho đúng...

Tiếng leng keng của máy đánh bạc tạo nên một bản nhạc không ngừng nghỉ nhưng hấp dẫn lôi kéo bước chân của Tuấn. Anh đi vòng quanh từ hàng này qua hàng kia, mắt liếc xem những con số xanh xanh ghi lượng credit khách thắng để tìm xem người nào có con số lớn. Cũng là cái thú, ké vào sự hồi hộp thắng thua canh bạc thiên hạ đặt, mình tham dự khỏi tốn tiền, khỏi xót xa.

Có cảm giác như ai đó nhìn mình từ phía sau, Tuấn quay lại. Ô! Đôi mắt Á Châu hôm nọ. Theo dõi cái chớp mắt hơi bối rối của người đối diện, Tuấn biết người kia cũng nhận ra mình, anh mỉm cười chào rồi rảo bước lại một bàn chơi blackjack cạnh nàng, ngồi xuống. Thì ra cô ta là floorwoman của sòng bạc. Ngon ha! Phụ nữ Á Châu lại làm chức này trên một chiếc tàu hải du. Nàng tiến đến trước mặt Tuấn hỏi thẻ phòng để làm thẻ sòng bài. Bỗng nhiên Tuấn buột miệng:

“Cô là người xứ nào vậy? Tôi ước ao cô là người Việt Nam.”

“Tôi sinh ở đảo Bali. Indonesia.”

“Cô biết không, sau chuyến đi này công ty sẽ đổi tên tàu, không còn là Viên Ngọc Bắc Âu nữa mà là Viên Ngọc Bali.” Tuấn tán.

Nụ cười nửa miệng nở ra trên môi:

“Cám ơn ông. Ông là người Việt Nam?”

“Vâng. Và tôi ao ước được vẽ chân dung cô! Hôm nào xin phép được mời cô xuống phòng tranh, tôi sẽ tìm dịp vẽ khuôn mặt đặc biệt của cô, nhất là đôi mắt.”

Chỉ có nụ cười xã giao mà không có câu trả lời hay câu hỏi thắc mắc.

Tuấn míc bốp và míc bốp. Khi có bài xấu, không biết rút hay ngừng, để trấn tĩnh mình Tuấn ngậm nhỏ nhỏ: Côn Lôn mờ mịt mấy ngàn. Thầy đi để lại một đàn con thơ.... Người dealer chia bài hỏi với nụ cười hóm hỉnh: Anh đọc bùa ấy à?. Cô gái đến gần bàn bài đỡ lời: Ông ta ngậm thơ Việt Nam đó. Tuấn đưa mắt cảm ơn. Những tờ giấy trăm lần lượt bay ra và biến mất trên bàn... Mỗi lần đưa thẻ cho cô gái ghi điểm, Tuấn thoáng thấy ánh mắt như tiếc tiền, như trách móc, ánh mắt của người vợ không bằng lòng chồng bài bạc. Tuấn áy náy đứng lên nói nhỏ vào tai nàng Bali: “Không rành đánh bài, chỉ muốn được dịp nói chuyện với cô thôi.” Lại nụ cười và ánh mắt chào nhau quyen cuốn không khí trong phòng, tự dưng Tuấn nghĩ là mình đang thắng đậm.

Vẫn thứ tiếng Anh lưu loát như từ trước tới giờ:

“Tôi hiểu hai câu thơ anh ngậm nga hôm qua. Bà ngoại tôi thường ru tôi ngủ khi tôi còn rất nhỏ. Nghe ru vài lần là hai bà cháu đều chìm trong giấc ngủ. Bài đó dài lắm, tôi nhớ lồm bồm thôi nhưng không tự mình nói ra được.”

Tuấn vặn nhỏ cái TV, cô gái nhích vào trong như nhường chỗ bên cạnh, Tuấn lấy hết can đảm giờ mền chun vô. Đôi mắt tham lam của đàn ông nhìn những gì có thể nhìn được. Mạnh mẽ, tuyệt trần. Màu trắng mịn màng của chút da bánh mật. Tim Tuấn đập mạnh liên hồi. Ngày xưa quen Hồng cả hai năm, bao nhiêu là hứa hẹn cũng chưa được cơ hội này, bây giờ không dung tiên lại hiện xuống trần gian, trước mặt Tuấn là cả một không gian đầy bí ẩn và lãng mạn. Một Giáng Kiều bước từ trong tranh ra nằm bên cạnh Tú Uyên nói chuyện kiếp tiên của mình!

Vẫn nụ cười và ánh mắt sâu thẳm dịu dàng:

“Tôi nay nghỉ làm, trưa mai mới có ca, mình còn nhiều thời giờ hàn huyên tâm sự. Không cần biết anh làm nghề gì, hiện sống ở đâu, tôi chỉ muốn nói chuyện đời mình cho anh nghe thôi. Và anh là người duy nhất có bữa gặp gỡ hôm nay cũng như câu chuyện anh sẽ nghe.”

Tuấn nằm im, dường như anh sợ cử động thì người đối diện sẽ biến mất, anh thử chứng nghiệm thật-ảo bằng cách ghi nhận cảm giác của cánh tay mình khi va chạm với cái hông mềm mại của người con gái lạ lùng nằm kế bên. Không khí gian phòng tỏa khí lạnh dịu hơn bình thường, như là mùi thơm da thịt có thể bay xuyên qua chăn để quyến trong không gian.

“...Bà ngoại tôi là người Việt Nam lai Bali. Tôi sống với bà từ nhỏ nên hiểu được tiếng Việt đầu không nói được thành câu. Ông cố tôi là người Vĩnh Long, chồng thực dân Pháp nên bị đày chung thân ra Côn Nôn đầu từ đầu thế kỷ 20. Ở đó chừng 10 năm thì ông cùng một số bạn vượt ngục thả bè rời đảo. Tôi không biết số phận những bạn bè của ông cùng đi trên chiếc bè đó. Tôi chỉ biết ông đến đảo Bali trong tình trạng gần như tuyệt vọng, cái chết cận kề vì đói khát và cơ thể mất nước quá nhiều. Ông được một gia đình thổ dân giúp đỡ săn sóc. Ông lấy lại sức, sau đó yêu và kết duyên với người con gái đã săn sóc mình.

Bà Ngoại tôi là kết quả của mối tình viễn xứ đó. Bà được cha dạy tiếng Việt và chữ Việt, dạy về nguồn gốc của mình, dạy về thi ca Việt Nam mà ông biết, ông nhớ. Và tôi được bà Ngoại dạy lại, nhưng khi đó bà cũng đã già, tôi thì còn quá nhỏ để hiểu được ngôn ngữ Việt. Bài thơ có hai câu ông đọc là của vợ một người bạn tù gởi cho chồng mà ông cố tôi đã thuộc khi còn bị giam ở Côn Nôn... Cuộc sống ở đảo, chút xíu văn hóa Việt của tổ tiên rơi rớt nơi quê người ươm mầm trong tâm hồn tôi không có dịp phát triển, càng ngày càng tàn rụi. Kỷ niệm với bà cũng mờ mờ, chỉ nhớ được câu dặn dò khi bà gần lìa đời rằng “Lớn lên con nên lấy chồng người Việt Nam.” Tôi chẳng hiểu gì, cũng chẳng thấy lý do chánh đáng trong lời yêu cầu nhưng ánh mắt bà lúc đó tha thiết quá nên tôi đã nhẹ nhàng gật đầu cho bà vui.

“Làm sao được! Đâu cần phải như vậy! Hôn nhân phải bắt nguồn bằng tình yêu! Dân tộc nào cũng thế thôi, quan trọng là con người cụ thể.” Tuấn nhận xét, giọng phản đối.

“...Vậy nên cách đây chừng 5 năm tôi đi thăm Việt Nam, có tìm đến Vĩnh Long nữa! Chỉ muốn ghi thật sâu vào tâm trí quê hương của ông tổ chính khí của mình thôi. Và tôi thất vọng, tôi bị giựt bóp, bị giựt máy ảnh, mất Giấy Thông Hành, té trầy mặt, lở đầu. Không ai giúp tôi. Người ta chỉ đứng ngó, có người còn cười. Vào chỗ khai báo thì chẳng ai hiểu tôi nói gì. Họ như không muốn tiếp mình. Lạnh nhạt. Sau cùng họ bắt tôi viết trên một tờ giấy khai báo sự việc, biểu một tuần trở lại với giấy tờ chứng minh rằng máy ảnh khai mất là của tôi. Làm sao tôi có thể ở đó thêm ngày nào nữa chớ?

Tôi trông đợi một người nào nói rằng tôi hơi giống Việt Nam để có dịp bày tỏ về nguồn cội xa xưa của mình mà tôi hằng hãnh diện. Chẳng ai nói, người ta chỉ chăm chăm trên những món nữ trang tôi đeo trên mình.... Cái Giấy Thông Hành sau đó có người gọi điện thoại đến khách sạn nói là anh ta lượm được và xin tôi đền ơn một số tiền lớn!” Người kể chuyện ngừng nói, Tuấn nhắm mắt nhưng nghe được tiếng cười mũi, anh thấy đau nhói trong tim.

“Tôi thông cảm với cô. Lòng thôi thúc được tiếp xúc với chút gì đó liên hệ xa gần với quê hương của ông tổ hào hùng lại bị thất vọng vì nhiều thứ khi đi vào thực tế.”

“Tôi đến đây với nhiều lý do, khó phân tích rạch ròi. Một sức đẩy từ bên trong lòng mình thì đúng hơn. Nhất là hai câu thơ anh ngâm nga khi đánh bài.” Tiếng kể ngừng lại, ánh mắt dò hỏi quay qua, lướt trên mặt Tuấn.

“Anh nói sẽ vẽ chân dung tôi, nhưng mình không còn thời gian nữa, ngày mai tàu cập bến rồi. Viên ngọc Bali của anh sẽ trôi theo dòng đời, ngoài tầm tay của anh mãi mãi.” Giọng cô gái xúc động. Tuấn làm gan choàng qua ôm và hôn tới tấp lên đôi mắt đẹp. Người con gái nhắm mắt, đáp

ứng. Cả hai đều lấy làm lạ là loạt hôn cuồng bão phần ngon ngọt của tình quê hương thuần khiết nhiều hơn phần thân xác gái trai.

Một chập sau, có bàn tay mát rượi đưa lên vai Tuấn, ở đó một chút rồi đẩy nhẹ ra, Tuấn buông mình về vị thế cũ.

“Nói chuyện viên ngọc mới nhớ lại lời bà Ngoại dặn ngày xưa: Ở đời có hai thứ ngọc. Thứ mọi người đều quý chuộng, trao đổi để chiếm hữu bằng tiền. Loại này tồn tại theo thời gian và thay đổi chủ nhân luôn, nó chẳng chung thủy với ai cả. Ai cũng biết đó là kim cương, ngọc thạch, ngọc bích... Loại ngọc khác chỉ quý với cá nhân nào biết giá trị của nó thôi, nó có đời sống vật lý rất ngắn ngủi nhưng trụ với chủ nhân mãi mãi, trung thành, ở luôn trong tâm hồn người chủ, tiền tài không làm nó đổi chủ về với ai khác hay bỏ đi nơi khác ...”

Cô gái Bali ngừng nói, day qua hôn lên môi Tuấn thật nồng nàn, trong cơn chênh choáng, anh đưa chun mình gác vào nơi không thể gác. Nghe từng cơn sóng gợn giông bão trong hồn. Một ngón tay đưa lên môi Tuấn như lời cấm đoán. Tuấn trở mình.

“..... Thứ ngọc đó chủ nhân phải có tâm hồn nhạy bén để đón nhận, nó là vật nắng chiều trên tàn cây, cơn gió nhẹ buổi sớm tinh mơ, tiếng dế kêu trong bụi cỏ, giọng ễnh ương cạnh bờ ao, hạt sương long lanh trên đuôi lá, giọt nước mắt chảy trên má người vợ, cái nhìn tình tứ của người yêu, câu nói chí tình của người mình không quen biết lắm, một bờ vai tựa khi thất vọng nào nê, nụ hôn thuần khiết ngoài xung động của thân xác... Nói tóm lại những viên ngọc này đầy dẫy trong đời sống hằng ngày nhưng phải tinh tế lắm mới cảm nhận được. Và lúc ấy tâm hồn người cảm nhận trở thành lớn hơn, đáng quý hơn nhiều.”

Im lặng thiệt lâu, Tuấn nghe được văng vẳng thông báo gì đó của tàu, anh nằm mơ màng để thẩm thía từng lời nói vừa rồi. Ngọc ngà thể gian là trang sức bên ngoài cơ thể và ngà ngọc tỏa sáng trong tâm hồn con người mới là bảo vật để trang điểm đời sống của từng người mà ai cũng có thể có.

Người con gái nắm tay Tuấn lay lay: “Đêm nay em sẽ ngủ lại đây, trong vòng tay anh ấm áp. Kể chuyện đời mình xong em thấy nhẹ nhõm lòng. Lời hứa với Ngoại coi như *đương thực hiện*. Anh có quyền... Tùy ý. Nhưng em muốn nghe lại mấy câu thơ kia thiệt nhiều lần, để nhớ lời ru ngọt ngào của Ngoại ngày xưa mà từ khi bà mất đi em không còn được nghe nữa.”

Má môi người nói hồng lên rực rỡ, Tuấn có cảm giác như đủ chiếu rọi vệt sáng long lanh trên tường. Tuấn xoa lên đôi vai trần mát rượi màu tuyết dưới nắng tà.

“Xin tuân lệnh! Ru em ngàn lần nghe....!”

*

Tuấn thức dậy mới biết rằng mình ru chưa đủ ngàn lần đã ngủ quên trong êm ấm mật ngọt. Cô gái giống như người kỳ nữ trong truyện liêu trai, hiện ra bất ngờ và biến mất như sương khói. Vậy là mình có một đêm ngủ chay bên viên ngọc Bali to lớn, hấp dẫn. Tuấn nghĩ thầm lòng mà lòng tỉnh táo, vui vui, không cảm thấy tiếc rẻ gì hết. Bài học được ban cho quý giá hơn thực phẩm bình thường của trần gian thập bội. Anh nhớ tới ánh mắt tha thiết ngày xưa của Hồng, những lời thủ thỉ dịu dàng tình tứ khi hai đứa mới yêu nhau, nhớ tới những giọt nước mắt ướt đầm trên gương mặt giận hờn của vợ gần đây, những viên ngọc trong tầm tay anh, có tí vết chút đỉnh nhưng vẫn là vật trân quý của riêng mình. Hạnh phúc chính là cái hiện tại mình đang nắm trong tay, cái mình tự tạo. Tuấn mở máy, gọi số, nói giọng thiệt ngọt ngào từ trong tim mình, đầu dây kia có tiếng khóc thúc thít, Tuấn chảy nước mắt vì sung sướng.

Cám ơn người đẹp Bali. Cám ơn viên ngọc Việt lạc loài xứ lạ.

Victorville, CA, June 2010 (một tuần sau chuyến hải du trên tàu Norwegian Pearl)

NGUYỄN VĂN SÂM



MÙA HOA CÚC BÊN SÔNG

LÝ THỊ MINH CHÂU

Chẳng biết cái tên đó ai đặt cho nó tự hồi nào hồi nào, chỉ nghe ông nội nó gọi nó là Đực rồi người ta cứ thế kêu theo. Đực tốt mã, bảnh trai nhưng hơi bị lù khù, tháo vát dữ lắm nhưng cũng chỉ ba cái chuyện đồng áng nhà nông. Người ta bảo nó có hiểu nhất nước hồng chừng, thời buổi này mà có đũa đạo đức vậy, quá hiếm.

Gần bốn chục tuổi đầu làm thuê cuốc mướn, một chữ rách cũng không có nói chi đến chuyện văn chương thơ phú. Ấy vậy mà câu ca dao nào nó cũng thuộc lâu lâu như máy tuốt lúa, nghĩ phục. Lụi cùi suốt ngày ngoài đồng, tối thui mới về tới nhà, lại chui vô bếp, lại phải nấu nướng, cực nhưng nó lúc nào cũng cười, cái cười như đóng kịch. Con Năm mê nó lắm, nghe đâu mẹ nó chửi cho mấy trận ra trò nhưng nhắm chẳng ăn thua gì : “ Bộ mày hết đường rồi sao chui đầu vô cái hộc bà tó đó, hờ con. Đất cát không có tí bụi, làm thuê quần quật, mai một thiên hạ mua máy nọ, máy kia thì làm gì ăn ? Mày nuôi nó chắc ?”. Con Năm chẳng nói gì, nó biết rõ mẹ nó như lòng bàn tay, “ bà nói chán rồi cũng huề “. Ở quê có tiền như bà không nhiều, nhưng mẹ nó đâu biết chính vì đồng tiền đó mà nó ở giá quá lâu rồi còn gì. Nó nghĩ chỉ cần có người biết ăn, biết làm thì sẽ nên chuyện cứ gì phải có nhiều tiền, có học thức cao. Khỏi gì người giàu sang ra đó mà con cái có ra gì đâu, vợ chồng thừa chấp dư vớ, chẳng qua chưa bỏ nhau là bởi cái gia tài quá kếch sù. Chê người ta hay người ta coi mình chẳng ra gì, liệu người ta có thêm để ý tới mình không mà tính tới tính lui, chỉ có đêm đen mới biết được lòng nó rối rắm thế nào.

Số là, thằng Đực thường ghé cái quán ốc tiêu của nó để mua vài ba thứ lặt vặt cho bữa cơm tối cho hai ông cháu. Khi thì miếng đậu, quả trứng vịt, khi thì chút đường, chút tiêu, chút hành ngò...Họa hoằn lắm mới thấy thằng Đực mua chút thịt cho ông nó. Nó nghĩ chắc ông thằng Đực bệnh, nó nhìn vào mắt thằng Đực chẳng thấy gì, chỉ một màu đen thăm thẳm. Chẳng có gì mà cả làng cứ râm ran chuyện nó với thằng Đực yêu nhau da diết đến thế, lẽ nào thằng Đực không hay biết gì. Chắc nó không biết thật, nó cứ phơn phỡn ra đó.

Con Năm lân la : “ Sao ông nội không đi hỏi vợ cho anh “ , “ Có ma nào thêm đâu mà hỏi “. “ Tại anh không để ý đó thôi “ “ Ủ, kệ “.

Đã vậy nó còn trêu con Năm đến tội nghiệp : “ Sao bà không lấy chồng cho rồi, lấy quách thằng nào cũng được, ai mà con gái bầm tới bầm lui hoài...nát bét “. “ Nè nè, ăn nói đàng quàng nghe ông kia, ông mới ế đó, không khéo mai một già vác xác lên giữ đình “.

Thằng Đực cười hí hí, khi nó đi rồi con Năm mới rơm rớm nước mắt, nó giận thằng Đực, nó giận cả buổi chiều đáng ghét phía bên kia sông. Nó nhìn ra mé lộ, cái lộ bé tẹo vừa lọt chiếc xe bò, hai bên gai bờ kết tua tua mỗi khi xe rơm kèn càng đi qua, rơm rắc đầy lên đó, gió phất phơ bay trông ngộ ngộ. Và cứ thế, chiều nào như chiều nào, nó đợi thằng Đực ghé qua quán nó.

Mấy hôm rồi chứ chẳng chơi, thằng Đực biệt vô âm tín. Con Năm lòng như lửa đốt, nó hỏi thăm hết người này tới người nọ, ai cũng tủm tỉm cười bảo thằng Đực đi cưới vợ tuốt làng trên rồi. Con Năm đánh liều, chạy xộc vô xóm trong. Gọi là xóm cho văn vẻ chứ lèo tèo ba, bốn nóc nhà lá tuềnh toàng, trong đó có nhà thằng Đực. Đường đi cha ời là cỏ dại, bông cỏ cao lút đầu gối, nó sợ dính quần, xắn lên, cỏ cắt da rát rạt, mẹ nó mà biết chắc rầy cho đã. Cầm đầu, cầm cổ nó chui lọt tòm vào nhà thằng Đực lúc nào không hay, lú quạ lú quíu như kẻ trộm. “ Năm đó hả “ tiếng ông nội thằng Đực dò xét. “ Dạ, ông bệnh à “ , “ Không...”, “ Sao ông nằm thừ ra thế kia “ , “ Ông bị rít

cẩn con à, sốt quá không dậy nổi, thằng Đực có rịt thuốc gà gù đó nhưng vẫn nhức lắm. Tội nghiệp nó xoay đầu ra tiền mà mua thuốc Bắc cho ông nữa đó. Nó mượn chỗ con phải không?”. “ Dạ không!”. Ông nhìn nó như muốn nói gì nữa, lại thôi.

Bây giờ con Năm mới định hôn, nó nghe mùi thuốc thơm thoang thoảng, siêu thuốc phun khói sè sè, lửa già quá, nó lấy chút tro bếp rắc lên chỗ mấy cục than rực hồng. Tiện tay, nó giờ mấy cái nắp nồi ra xem, cái này là cơm nguội chắc thằng Đực nấu từ sáng, cái này là nồi cháo trắng đến tinh khiết, lỏng bông nước. Chẳng thấy nồi thức ăn đâu cả, nó nhìn quanh quất, trông trơn một màu ám khói. Mẹ nó nói đúng, chẳng có gì ngoài cái bàn thờ kê giữa nhà lạnh lẽo và hai cái giường xập xà, xập xệ kê hai bên...Thằng Đực chắc chạy đi đâu đó. “ Bà ở đây mà tui tưởng...Tui tính mua cái trứng vịt đánh cháo cho ông ăn...” Ua, không có ai ngoài quán à? “ Không “ “ Sao anh không lấy đại đi, bộ không thấy hả “ “ Có, trong rổ mà, nhưng sao lấy được “ “ Thì cứ lấy, hồi nào...trà sau có sao đâu “. Thằng Đực không nói gì, nó rót cho con Năm ly nước trà lá nguội ngắt, hình như tay nó run run.

Ông Tó là ông nội thằng Đực, năm nay chắc gần tám chục, người khô đét nhưng rắn chắc. Ông không để râu như người ở tuổi này thường làm. Ông giỏi nghề thả lờ, chụp cá nên người ta gọi ông cái tên xấu xí đó chẳng? Con Năm không biết. Ông hiền tính, dễ cười, chưa hề mắc lòng ai bao giờ. Nhà ông có cây ôi Tàu sum suê những trái là trái, trẻ con thích lắm, miệng vừa xin “ ông Tó...” thì tay chúng đã bứt lia, bứt lịa ra rồi. Ông bảo chúng hái trái chín thôi đừng hái trái xanh chưa lắm, ăn không được bỏ phí của ông. Rồi trái xanh cũng chín, lũ trẻ chẳng bao giờ vắng và ông chẳng có trái nào ngâm rượu. Hình như đó là niềm vui của ông thì phải, ông cười, nụ cười rất Phật.

Ông Tó mê tuồng cổ dữ lắm, hôm nào có đoàn hát về làng ông cũng đi xem. Ông chuẩn bị một bó hoa vườn tươt tất để tặng cô đào nào hát hay mà trẻ đẹp. Phải đẹp nhất cơ!. Cả làng này từ cụ già đến trai tráng đều ngồi ngó ra, chẳng ai dám làm cái việc “ nho nhã “ ấy đâu. Họ kháo nhau : “ Bao nhiêu tài tật ông nội nó lấy hết cả rồi, chả trách thằng cháu cứ đồ như ngỗng “. Thằng Đực nghe mà vẫn cười híp mắt, trong lòng nó phục ông nội nó sát đất. Kháo nhau chán người ta đâm ra phục ông. Người ta biết ông mồ côi vợ từ hồi nào hồi nào, khăn gói tới đây lập nghiệp lúc thằng Đực bé tẹo, còn xin sữa bú thếp, vậy mà ông có lạo tẹo với bà nào đâu, nêu có thì giờ đã con đàn cháu đống. Ở đâu mà chẳng có bà góa. Xóm này góa hơi bị nhiều, chiến tranh có trừ ông bà nào đâu. Người ta càng phân tích, càng thấy ông bí mật. Trông vẻ ngoài xuề xòa của ông mà nhận định này nọ có khi hồng бет, hẳn là ông có một mối tình thật đẹp và cũng rất bi thương. Nhìn thằng Đực thì đủ biết, ba mẹ nó phải cao ráo, bảnh bao như thế nào! Ông bà nội nó chắc phải tuyệt vời hơn thế. Cũng có thể người ta ngại phải vất vả nuôi nấng thằng Đực mà từ chối ông chẳng? Chẳng ai biết, thằng Đực cũng chẳng biết cha mẹ nó là ai, khi hỏi ông ông chỉ lắc đầu, chết cả rồi, tuyệt nhiên không nói gì thêm nữa.

Bây giờ, con Năm mới có dịp quan sát ông thật kỹ. Bộ pijama tuy cũ nhưng phẳng phớn, tóc tai gọn gàng chứng tỏ thời trai trẻ ông có cuộc sống sung túc, ngăn nắp không vì cái nghèo mà nhếch nhác buông xuôi. Ông sống đạm bạc trong hoàn cảnh không thể khác được. Đánh bắt ven bờ bằng những phương tiện thô sơ nhất nước thế này thì rất nhọc, mà chẳng thể dôi dư tí nào. Vài ba con rô, con lóc... quanh quần chợ làng đổi gạo, đổi rau chẳng bỏ bèn gì. May mà thằng Đực trời thương không đau yếu, không cảm nắng cúm mưa nên cũng đỡ vất vả. Vừa nuôi cháu, vừa chạy ăn như ông, nhiều người mũi lòng. Xóm này nghèo từ muôn thuở, hun hút xa thị thành, rẻo đất mom sông nằm lọt thỏm giữa bạt ngàn lau lách, tiếng thùng gõ gọi nhau trong đêm là tiếng kêu cứu cuối cùng. Đợi thiên hạ đốt đuốc, vác gậy tới cứu mình thì đã cốt. Nghĩ mà rợn. Bây giờ người có đông hơn chút xíu, đường xá có khang trang hơn chút xíu nhưng là cái khang trang của nơi sơn cùng hải tận, muốn ra tới trung tâm huyện phải đi bộ mất nửa ngày đường. Muối là mặt hàng quý hiếm ở đây trong những năm chiến tranh, người ta không dám xa xỉ dùng nó để muối dưa, muối măng, muối cá. Tất cả sản vật nào đó muốn để dành thì phải phơi khô, treo giàn bếp là được. Khi ăn thì ăn luôn mùi khói khét lẹt, mùi thịt thum thum, mùi bồ hóng nhân nhần nhưng quen riết cũng đâm ghiền. Khi bắt được con cá to ông cũng không ăn một mình, khi bẫy được con thú dữ ông thường chia cho cả xóm. Thảo ăn như ông là vậy nên thằng Đực cũng được thơm lây. Khi nào có giỗ quây gì đó người ta cũng gói cho thằng Đực cái bánh, miếng xôi nhờ ông mang về. Ấy vậy mà mấy hôm rày ông đau chẳng ai biết, chẳng ai thăm hỏi, con Năm thấy mình có lỗi với ông nhiều lắm. Nó

nhìn ông, ông nhìn nó, chẳng ai nói gì nhưng trông ánh mắt ông, nó vừa gặp ánh mắt của một người cha đau khổ tột cùng đang muốn tâm sự gì với nó lại thôi.

Bữa đó con Năm bị bố nó nện cho một trận ra trò, hai mắt sưng húp, bầm tím. Thằng Đực biết tổng chuyện gì. Nó đau lòng lắm mà không nói, ông nội nó cũng im lặng, hai mắt ầng ầng nước trợn trừng. Chỗ rít cắn sưng tấy lên, đỏ mọng, sốt cao, ông rên hừ hừ đắp mấy chăn cũng kêu lạnh, thằng Đực chẳng dám rời ông nửa bước. Đêm nào nó cũng ôm ông thật chặt cho ông khỏi run, rồi khi nó ngủ thiếp đi, hình như ông chỉ chờ vậy, ông trút hơi thở cuối cùng.

Thêm hai mùa cúc quỳ vàng nữa, con Năm vẫn chưa lấy chồng, thằng Đực bây giờ như tảng đá độc không nói, không rằng. Nó chỉ về ngang qua quán con Năm khi trời đã tối kín mặt, đi nép sát bên kia đường, lăm lăm. Rồi ngày giỗ ông cụ cũng đến, bà con chòm xóm tíu tít rất đông lo chuyện chay đàn. Thằng Đực lảng xăng như gà mắc đề, ai bảo gì làm nấy, không thì xớ rớ đâu đó mà chẳng biết làm gì. Tội nghiệp. Con Năm có cơ mang hoa quả sang nhà.

Nhớ ngày nào, khi bàn hương án ông Tó vừa chỉnh tề, người ta bảo thằng Đực đọc tên họ và ngày tháng năm sinh của ông cụ để ghi vào giấy tiếp. Thằng Đực lắc đầu nguây nguậy, chừng như nhớ ra điều gì, nó mang cả chồng thư tín của ông cụ để lại và mấy cuốn sách đã cũ mềm ra lục lục, tìm tìm...

- Đưa đây tao xem nào. Ai đó đồng dặc.

- Chẳng thấy gì.

Rồi ông hạ giọng khi đã cầm xấp gì đó trên tay :

- Cháu đã đọc chưa ?

- Chưa ạ !

- Cháu đọc đi...

Thằng Đực ập ứng. Lúc này có trăm con mắt tò mò nhìn nó, người thì nghĩ ông cụ để lại của cải, người thì nghĩ ông cụ trần trời nợ nần, thằng Đực thì vãi mồ hôi hột, may sao con Năm nhanh nhẩu : “ Để em đọc cho “, thằng Đực mừng rơn.

Eo Gió, ngày...tháng...năm...

Ta là Tó, không, Phan Ngọc Núi ở Hòa Châu, Cẩm Lệ...Lưu lạc vào đất này từ năm 1955, mang theo đứa con trai bốn tháng tuổi, đứa con mà mẹ nó là người làm thuê của gia đình ta sinh ra. Nó tên là Đực là Phan Ngọc Đức. Gia đình ta vốn nhiều đời khoa bảng nên không thể chấp nhận ta đưa con trai thứ, hư đốn. Ta ra đi hai bàn tay trắng và một mầm sống vô tội...Bất đắc dĩ phải gọi con là cháu bởi lúc đó ta đã ngoài năm mươi. Nhìn đâu ta cũng thấy miệng lưỡi thế gian rằng nanh tua tủa, ta sợ...Ta sợ không ai đồng cảm, hiểu và thương mình. Càng sợ hơn nữa khi nghĩ liệu những người đàn bà trẻ đẹp kia có cho con mình bú nhờ, một khi biết mình là người cha không nên nét !

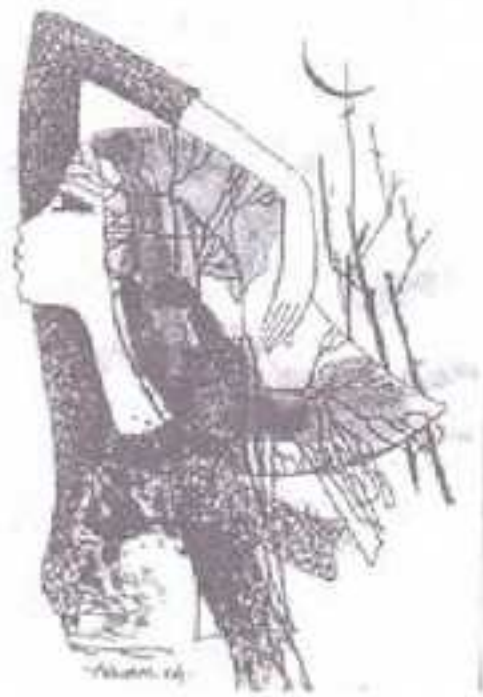
Và ta chọn giải pháp này : nhận con là cháu.

May sao ai cũng thương tình cho cha con ta còn có chốn dung thân...

Thằng Đực gục xuống nghẹn ngào, lần đầu tiên nó được gọi cha thì cha không còn. Con Năm nhớ lại ánh mắt của ông cụ nhìn nó hôm nào, cũng quỳ phủ phục xuống bàn thờ ông kêu gào thảm thiết. Mắt hàng xóm cũng rơm rớm đỏ. Bây giờ, họ mới thấy ông cao thượng đến nhường nào, chung thủy chung tình nhất mực, hy sinh cuộc sống giàu sang phú quý để giữ lấy hồn máu bé bỏng do mình tạo ra. Một nghĩa cử mà chỉ có tình thâm thiêng liêng mới làm nổi.

Bây giờ mọi chuyện đã an bài, thằng Đực hết buồn rồi. Nó đang vui lắm, nó tíu tít rót rượu mời mọi người, nó huyền thuyên đủ chuyện, hình như nó đang yêu. Thêm một mùa hoa cúc vàng chờ đợi. Con Năm liếc nhìn thằng Đực tình tứ, hình như bây giờ nó mới hiểu ra. Nó gật đầu.

LÝ THỊ MINH CHÂU



DƯỚI BÓNG THÙY DƯƠNG

NGUYỄN ĐOAN TUYẾT

Chiều xuống thật chậm ở một thành phố biển nổi tiếng cách Sài Gòn không xa. Tôi không theo mọi người trong đoàn để đi vào chợ, các trung tâm thương mại, tham quan phố phường hay các di tích lịch sử văn hóa mà tôi có lí do để tự tách ra. Tôi đi tìm những phút giây yên tĩnh - tìm đến thế giới của riêng mình.

Sau khi hỏi kĩ lộ trình, tôi thông thả men theo hàng cây dương trải dài theo bãi biển, xách dép đi chân trần trên lớp cát mịn và ấm. Và trước mắt tôi là một khoảng xanh ngút mắt đến tận chân trời. Biển đây rồi!

Tự nhiên tôi thấy lòng nhẹ hẫng, dường như bao nhiêu mệt mỏi sau cuộc hành trình, bao nỗi muộn phiền trong phút chốc đã tan biến đi trong biển nước mênh mông kia. Vẫn đi men theo hàng dương dọc theo bãi cát tìm đến một nơi ít thấy bóng người, tôi chọn một gốc dương lớn làm điểm tựa để ngồi nghỉ chân, ngắm cảnh và thả hồn trôi theo dòng suy nghĩ.

Muôn đời biển vẫn xanh. Từng đợt sóng bạc từ ngoài khơi xa xô đuổi nhau chạy vào bờ cát. Hết đợt này đến đợt khác hầu như bất tận. Chỉ khi nào nhìn dòng nước chảy xuôi dưới chân cầu hay khi thấy lớp lớp sóng biển nối tiếp nhau xô dạt vào bờ là tôi cảm nhận rất rõ bước đi của thời gian- chứ không phải thời gian có lúc ngưng đọng lại như ta nhầm tưởng. Cứ thế, tôi ngồi trầm tư dõi mắt theo từng “con sóng thời gian” trôi qua. Mà cũng thật kì lạ, thời gian cứ đi qua không bao giờ trở lại, còn dòng hồi ức của con người lại có thể kéo ngược thời gian lùi về quá khứ đã xa xăm- cũng tại thành phố biển này...

*

Vũng Tàu vào những ngày cuối cùng của sự kiện lịch sử 30-4...

Đó cũng là lần đầu tiên tôi đặt chân xuống thành phố biển xinh đẹp này.

Chạy dài theo các bãi tắm ven biển, từ Bãi Trước đến Bãi Sau, men theo các hàng cây dương liễu và dừa xanh ngát có không biết bao nhiêu là lều bạt che tạm của nhiều người dân tản cư từ các tỉnh miền Trung trôi dạt về đây. Trong khi đó những ngày này Sài Gòn cũng giống như một chảo dầu đang sôi, không một ai có thể ngồi yên cả! Các trường học chưa nghỉ hẳn nhưng ai cũng có mặt để cùng chia sẻ tình hình chiến sự “nóng” lên từng ngày. Và trong cái không khí nước sôi lửa bỏng ấy, tôi hòa vào trong số những sinh viên do trường đại học Vạn Hạnh tổ chức đi Vũng Tàu để “cứu trợ đồng bào chiến nạn”. Chỉ có một người biết rất rõ mục đích chính của tôi trong chuyến đi ấy-cho nên ngoài lí do muốn làm một điều gì đó để giúp người dân tản cư, người ấy cũng không thể để tôi đi một mình.

Thế là suốt ngày hôm ấy, tôi được phân công cầm theo túi xách đựng các loại thuốc: thuốc đau mắt, thuốc tiêu chảy và các loại thuốc cảm thông thường để phát cho đồng bào (gọi là cứu trợ cho oai chứ thật ra chỉ có phát thuốc và ...an ủi họ là chính). Đi tới đâu tôi cũng dò hỏi tin tức của gia đình ở Pleiku- lúc đó tôi đâu biết rằng hầu hết các cây cầu lớn trên QL1 đều bị đánh sập- giao thông đường bộ và cả đường hàng không dân sự đều bị ách tắc và hầu hết người dân Pleiku phải

trải qua những giờ phút kinh hoàng trên con đường tỉnh lộ số 7 từ Phú bồn đi Tuy hòa. Tôi không biết gì hết vì mọi thông tin liên lạc đều bị cắt đứt trước đó hơn một tháng rồi. Suốt một ngày rông rã đi khắp các lều trại mà hoàn toàn không biết tin tức gì của gia đình , không biết ba mẹ và các em sống chết ra sao , chỉ chứng kiến những khuôn mặt thất thần như vừa mới thoát ra từ cõi chết của người dân tản cư, những người vừa trải qua những mất mát tang thương và không biết những gì sẽ còn đến với mình? Tôi như rơi vào trạng thái lo lắng, hoang mang cực độ. Và không biết làm gì hơn tôi tìm ra phía biển.

Tôi cứ đi như thế và nhận ra cả ngày hôm ấy đã đi chân trần- lúc đó mới thấy đau nhức ở gan bàn chân nên ngồi lên cát xoa chân, thần thờ nhìn mông lung về phía chân trời. Biển vẫn xanh thẳm, sóng vẫn rì rào như vỗ về, như an ủi làm tôi thấy lòng dịu đi đôi chút.

- Người hùng đâu mà để cô bé ở đây một mình thế?

Một giọng nói pha chút giễu cợt vang lên từ phía sau, tôi quay lại nhận ra Kha- bạn cùng lớp với Hoàng .

- Làm sao mà em biết được, anh đi tìm anh ấy mà hỏi.

Thật ra tôi biết rõ Hoàng đang còn bận chăm cứu cho nhiều người trong các lán trại kia- những căn bệnh trong phạm vi hiểu biết thuộc chuyên môn của anh và chỉ đến lúc đó tôi mới hiểu tại sao có lần anh đã tâm sự ngoài thời gian học ở trường anh còn học chữa bệnh ở cơ sở từ thiện của một lương y. Nhưng với Kha, tôi biết không cần phải nói gì thêm nữa.

Tự nhiên Kha trầm giọng xuống buông một câu:

- Đối với bọn anh, người tình phải là con gái Huế, còn tìm vợ phải là gái Bắc thì mới là tuyệt vời.

Tôi ngạc nhiên nhìn Kha. Trong hoàn cảnh này, và với tôi, không là gái Huế - cũng chẳng phải gái Bắc mà anh ta nói một câu như vậy chẳng phải là khiếm nhã lắm sao! Thật là buồn cười với ý nghĩ nếu yêu ai, lấy ai làm vợ thì người đó phải thuộc vùng nào, miền nào. Lại còn chuyện thích yêu người ở vùng này nhưng muốn lấy người ở vùng khác. Có lẽ anh ta chưa hiểu thế nào là tình yêu ! ? Chẳng phải khi yêu nhau người ta đều muốn được sống bên nhau suốt đời đó sao? Nếu cứ suy nghĩ như Kha thì làm sao có được một thiên tình sử tuyệt đẹp như người anh hùng Nguyễn Huệ và công chúa Ngọc Hân - làm sao một người xuất thân từ “ chân đất áo vải” ở một vùng quê xa xôi có thể chiếm được trái tim của một nàng công chúa “lá ngọc cành vàng”- mà lúc ấy các bậc danh sĩ, vương tôn công tử đất Thăng Long đâu phải là thiếu! . Tôi thầm nghĩ, cái chính là yêu thương, cảm mến và hòa hợp nhau, đến với nhau một cách tự nhiên mới là phải chứ, nhưng tôi không muốn tranh cãi, cứ để mặc Kha với những quan niệm kì quặc, địa phương cục bộ hẹp hòi của anh ta. Cứ thế, mỗi người theo đuổi ý nghĩ riêng của mình, không nói gì với nhau nữa, cho dù Kha có ngồi cạnh tôi nhưng tâm hồn chúng tôi xa cách nhau như mặt trăng với mặt trời vậy.

Bất chợt một giọng reo vui vang lên từ phía sau lưng:

- Em ở đây mà anh đi tìm khắp nơi!

Tôi không dấu được niềm vui khi thấy Hoàng cũng vừa đi tới, tay cầm một túi nước trong trong có cảm ông hút có lẽ là nước dừa. Lúc đó Kha cũng đứng lên chào và đi về hướng khác.

- Anh mang ở chùa ra cho em đây, em uống đi.

Nhìn khuôn mặt tươi cười nhưng có vẻ mệt mỏi còn lấm tấm mồ hôi của anh, tôi lắc đầu:

- Chắc anh còn mệt lắm, thôi, em nhường cho anh đó !

- Hồi trưa bận quá nên anh chỉ ăn qua loa rồi làm việc tiếp chứ không được nghỉ.

- Ai biểu...tại anh mà!

- Tại anh làm sao?

- Ai biểu anh...mê “ cứu nhân độ thế “ làm chi !

Hoàng nở nụ cười rất hiền, không dấu được niềm vui sướng vì một lời khen tế nhị. Chúng tôi cùng nhau uống nước dừa, vị ngọt ngào thanh mát của nước dừa hay hương vị của những rung động đầu đời thấm vào hồn tôi –tôi cũng không biết nữa. Hàng dương lao xao trong gió hòa với tiếng sóng vỗ rì rào trong một buổi chiều biển lặng. Trong thoáng chốc tôi như quên đi bao nỗi lo canh cánh trong lòng . Bao giờ cũng vậy, chúng tôi có thể trò chuyện, trao đổi cùng nhau nhiều vấn đề nhưng thường là tôi nghe nhiều hơn vì Hoàng nhiều tuổi hơn, học trên tôi hai năm lại sống ở Sài gòn từ

nhỏ nên hiểu biết từng trải hơn tôi. Trong câu chuyện, nếu có lúc nào đó bất đồng ý kiến với nhau bao giờ tôi cũng tìm được một tiếng nói chung để tránh xung đột – nghĩa là vẫn luôn chiều ý nhau. Có một lần, Hoàng nhìn tôi nheo nheo đôi mắt hóm hỉnh sau cặp kính cận bảo:

- Trông em chẳng có vẻ gì là “Con gái Bình Định cầm roi đi quyền cả”.
- Tại anh chưa thấy đó thôi, nếu cần em cũng phải “dương oai điều võ” để tự vệ chứ!
- Ghê nhỉ! Chắc sau này anh phải đi học võ Bình Định để phòng thân mới được.

Cứ thế, trong câu chuyện của chúng tôi thỉnh thoảng xen vào những lời bóng gió xa xôi của anh và tôi thường chỉ che miệng cười như muốn dấu đi niềm hạnh phúc bất ngờ. Cái duyên có để tôi và Hoàng quen nhau lại cũng do viết lách. Tôi có bài viết trong Đặc San Xuân của phân khoa Giáo Dục Ban Việt Hán mà Hoàng lại ở trong Ban báo chí (BBC) của khoa. Thế là sau đêm hội diễn văn nghệ toàn khoa, vừa ló mặt đến trường đã gặp Châu Thi ở hành lang, cô bạn học cùng lớp vừa nhoèn miệng cười có vẻ bí hiểm vừa đưa cuốn tập san Xuân: “Của anh Hoàng trong BBC tặng cho người có bài viết đó.” Tôi mở ra ngay trang đầu có những lời đề tặng toàn chữ Hán nét rất đẹp, về hì hục tra từ điển mà dịch cũng không xuôi vì tiếng Hán rất khó chứ không như tiếng Pháp- tiếng Anh mà chúng tôi đã học thời trung học. Cuối cùng vì tể nhị, tôi phải nhờ một nhà sư giỏi chữ Hán dịch hộ chứ không dám mang vào trong lớp. Đại đề là “Tặng Trúc Viên với những lời chúc tốt đẹp nhất, hàng chữ bên dưới là người thay mặt BBC kí tên – chỉ có vậy thôi mà đã làm trái tim tôi xao xuyến, vẫn vương. Phải chăng đây là một cách mà người nam muốn “đối tượng” chú ý đến mình?

Sau đó, tôi mới biết là Hoàng đã “để ý” đến tôi qua các bài trắc nghiệm mà ông anh của Hoàng- vốn là một giáo sư của trường phụ trách môn “Tinh thần và phương pháp đại học” đã mang về nhà. Tôi biết là vì: “Anh thấy em thật không giống với nhiều người con gái khác”, “Vì em là con gái tỉnh lẻ quê mùa, không xinh đẹp và lịch thiệp như các cô ở đây phải không?” - “Không phải thế, phần đông con gái thích chưng diện để tìm người yêu, còn em- em lại thích đọc sách và suy tư”. Tôi chỉ mỉm cười vì không thể nói ra với anh những ước vọng thầm kín của lòng mình. Anh đã đưa tôi tới các quán ăn- những quán nhỏ nhưng luôn đông khách ở các hang cùng ngõ hẻm của Sài Gòn để thưởng thức những món Bắc như bún thang, bún ốc, bánh cuốn... mang hương vị quê hương anh. Còn tôi, không biết tìm đâu ra giữa chốn phồn hoa này một món ăn nào mang bản sắc quê mình nên chỉ biết tặng cho anh cuốn “Nước non Bình Định” của Quách Tấn để anh tha hồ mà “thưởng thức”. Cho đến một ngày Hoàng muốn đưa tôi về giới thiệu với gia đình nhưng khi gần đến nhà anh, thấy thấp thoáng một bà cụ đầu vấn khăn nhưng đen trong nhà là tôi rụt cổ lại không dám vào nữa- tôi sợ không biết gia đình, bố mẹ anh có chấp nhận một người con gái ở phương xa xứ lạ như tôi không? Tôi sợ giống như sợ một cái gì thật đẹp nhưng cũng rất mong manh dễ vỡ. Hoàng đành chiều lòng tôi và dời một dịp khác

Và lúc này đây, cũng vì thấu hiểu tâm trạng rối bời của tôi nên Hoàng chỉ yên lặng không nói gì, phải chăng sự đồng cảm sâu sắc đâu cần cứ phải nói ra - mặc dù giọng nói trầm tĩnh, âm áp của anh rất dễ đi vào lòng người.

Chúng tôi cứ ngồi ngắm hoàng hôn rơi dần trên biển cho đến khi sẫm tối mới rảo bước về ngôi chùa mà cả đoàn sinh viên cứu trợ xin nghỉ tạm qua đêm. Chùa quay mặt ra biển, tọa lạc trên sườn một ngọn núi có những bậc thang bằng đá để đi lên. So với những ngôi chùa nằm trong lòng phố náo nhiệt ở Sài Gòn thì những ngôi chùa nhấp nhô trên những triền núi ở đây có vẻ đẹp hùng vĩ, yên tĩnh và thoát tục hơn. Khi tôi và Hoàng đến nơi thì mọi người cũng đã có mặt đông đủ để chuẩn bị dùng cơm chay buổi tối cùng với nhà chùa. Cơm nước xong, dù cả ngày mệt mỏi nhưng hình như không ai muốn đi ngủ cả- cánh nam thì tụ tập dưới bóng cây bên hông của chánh điện vì các anh đã xin phép sư thầy mang ti vi ra xem ở đó để vừa xem thời sự nóng hổi vừa bình luận tình hình chiến cuộc. Đúng vào lúc đó, ông Thiệu lên ti vi lớn tiếng chỉ trích người “anh em đồng minh” đã rút quân bỏ đi về nước làm tất cả đều bàng hoàng, rung động! Thế là mỗi người đưa ra một phỏng đoán, không ai biết chắc chắn điều gì sắp xảy ra nhưng đều linh cảm một sự đổi thay ghê gớm sẽ làm thay đổi số phận của mỗi người và câu chuyện cứ thế kéo dài mãi không dứt. Bọn con gái chụm đầu vào nhau vừa chuyện trò vừa ngắm biển trời bát ngát dưới trăng cho vui đi tâm trạng âu lo trĩu nặng trong lòng. Người thì lo bố hoặc người yêu ở nơi chiến trận đạn lạc bom rơi! .Kẻ thì lo không biết người thân hiện đang tản cư về chốn nào, sống chết ra sao? Không biết rồi mai đây trường lớp, bạn bè sẽ đi về đâu?

Mảnh trăng hạ tuần chênh chếch về phía tây, dường như cũng héo úa nhạt màu không còn vàng thắm, mộng mơ như trước . Có lẽ không còn lòng dạ nào để ngắm cảnh nữa nên tôi tìm vào một căn phòng nhỏ cạnh gian bếp sau chùa để ngã lưng rồi thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn đầy ác mộng. Không biết bao lâu, tôi mơ hồ cảm thấy có ai đó áp bàn tay lên trán mình rồi vuốt ve nhẹ, một cảm giác mơn man khó tả khiến tôi choàng tỉnh và nhận ra khuôn mặt của Hoàng rất gần đang nhìn tôi đầy thương cảm. Hoảng hốt, tôi kêu lên:

- Trời ơi sao anh lại ở đây ?

-Không thấy em đâu cho nên ... Em có sao không?

-Em không sao. Chỉ mệt một chút vì đi nhiều quá thôi.

-Em hãy can đảm, mạnh mẽ lên! Vẫn còn hi vọng... Bây giờ thì nghe anh uống thuốc đi cung.

Hoàng cho tôi uống mấy viên thuốc an thần rồi lại ra ngoài tiếp tục câu chuyện thời sự đến thâu đêm, suốt sáng.

Có lẽ đó là một trong những đêm mà tôi khó quên nhất trong đời.

Thế là sau đó không lâu, tất cả đã bị cuốn đi theo dòng lốc xoáy của thời cuộc!.Tôi không còn điều kiện để tiếp tục vào Sài gòn học, còn Hoàng gia đình cũng lâm vào cảnh khó khăn, anh phải phụ với bà chị dâu- vốn cũng là một giảng viên tại trường- bán nước mía kiếm sống qua ngày rồi sau đó họ đã đi nước ngoài. Nhiều người cùng cảnh ngộ như thế cũng đã ra đi. Bạn bè tan tác mỗi người một ngả. Cuộc “đổi đời” đâu phải ai cũng giống như ai. Có người bỗng chốc như lên trên mây, người thì như rơi xuống vực, lặn đận lao đao hết cả một đời. Cuộc sống vốn mang trong lòng nó những thăng trầm dâu bể, những hạnh phúc và khổ đau, niềm vui và nước mắt...

*

Đêm đã buông màn đi ngủ từ lâu nhưng phố biển du lịch tràn ngập ánh trăng như phố biển Vũng Tàu vẫn còn đang thao thức. Những dấu vết cảnh cũ năm xưa vẫn còn đó, nhưng những con người cũ đã lưu lạc phương nào? Người ấy giờ đây đã cách xa đến hơn nửa vòng trái đất và đâu phải chỉ có khoảng cách của không gian vì lòng người cũng đã đổi khác lắm rồi. Không biết người ấy có bao giờ còn nhớ lại một chút dư hương ? .

Hàng thùy dương vẫn lao xao, thì thầm với gió, với biển xanh những lời tự tình muôn thuở...

6 - 2010

NGUYỄN ĐOAN TUYẾT

Nguyễn Đoan Tuyết tên thật là Nguyễn Công Tùng Sinh .

Sinh năm 1953 tại An Nhơn - Bình Định .

Giáo viên dạy Văn đã nghỉ hưu.

Hiện sống tại Thành phố Pleiku- Tỉnh GIA LAI



ĐÀ LẠT CỦA TÔI ƠI

Năm tháng thần tiên ấy
 tôi chân sáo lưng đồi
 mũ bê rê tung lên trời
 nấc nấc
 ha hả tiếng cười
 vỡ toang bầu ngực trẻ
 tôi ngất ngây
 trong cái nắng rộn ràng
 thảm cỏ xanh
 trái thông già gió đuổi
 gió nồng nàn
 tha thiết nhả lời ru
 ru tôi nhé
 tuổi hồn nhiên mơ mộng
 rạo rực những tình cầu
 phương trời xa lắc ấy
 tôi mơ .

Phiêu lãng một mình
 lặng lẽ năm tháng qua
 tôi bình bông
 giông bão cuốn tôi trôi.
 Dầu thế nào chẳng nữa
 tôi vẫn cứ là tôi
 mở lòng ra mà sống
 giữ vẹn nguyên thao thiết
 vồn vã với mọi người
 rạng rỡ tiếng tin yêu.

Thân yêu ơi
 em hãy cùng tôi nhé
 băng qua suối qua rừng
 đồi hoa vàng lưng biếc...
 Lại bắt đầu
 khúc ca hồng thuở ấy
 hối hả lên đường
 hoa bướm tuổi thần tiên.

Đà Lạt của tôi ơi
 tôi còn tôi mộng tưởng
 náo nức yêu đời
 chan chứa yêu em ...

BÙI ĐỨC LONG



MỘT NGÀY TÔI ĐÃ GẶP

LÊ NAM PHƯƠNG

“... Chúng tôi sinh cùng thời, gian nan vất vả giống nhau, khổ đau tủi nhục giống nhau, đứa nào cũng từng trải bể dâu. Nói gì cũng thừa... Tôi bước ra, đi trong bóng tối nhập nhoè của thành phố đang trong cơn ngủ chập chờn mộng mị, bỏ lại sau lưng căn nhà của một người bạn, một căn nhà chứ không là một gia đình. Liệu tôi có bỏ lại được sau lưng cuộc dâu bể tang thương mà bạn tôi đang gánh chịu trên cái đôi vai cằn khô như một cành cây khô mục?”

Chiếc xe chở khách cổ lỗ sĩ chạy bằng than củi nặng nề ịch ạch bò một cách khổ sở trên con đường 9 từ Khe Sanh về Đông Hà, con đường đã đi vào lịch sử đau thương của dân tộc, mang trên mình nó những vết hằn thù từ hai phía. Hai bên là rừng núi và vực thẳm, bên nào cũng đầy chứng tích của máu xương, của tàn phá, của những đổ nát, của nước mắt và của kinh hoàng. Rừng cây sau hai mươi năm nhuộm trắng thuốc khai quang không còn đủ sức để hồi sinh. Hình như suối khe cũng khô cạn. Suốt dọc đường từ Khe Sanh về tới cầu Đầu Mầu tôi cố gắng chú ý lắng nghe thử có thứ âm thanh gì, màu sắc gì chứng tỏ đất trời quê hương đang hồi sinh. Một tiếng chim kêu, một mầm xanh mới nhú, chẳng hạn. Không. Không nghe gì. Không thấy gì.

Mặc dù đang đổ dốc xuống cầu chiếc xe vẫn mệt mỏi lăn từ từ như sợ cái vực thẳm kinh hoàng dưới kia nuốt chửng lấy nó như đồng loại của nó đang nằm hoen rỉ ngổn ngang chen giữa những tàn cây khô rụi. Thình thoảng mới thấy một chiếc xe nhà binh chạy ngược chiều. Trong xe ló nhô những người lính mặc sắc phục nhàu cũ, xộc xệch khuất dưới những tàn lá nguyệt trang. Xe của họ cũng chạy buồn tẻ và mệt mỏi như chiếc xe chở khách này. Nếu không có cái âm thanh rền rĩ của động cơ ta sẽ có cảm tưởng như những bóng xe ma chở đầy oan hồn của bao nhiêu năm chiến tranh giờ trở về cái nơi mình ngã xuống rồi tìm kiếm để nhìn mặt nhau hỏi rằng tại sao lúc đó lại nhắm vào nhau mà bắn, mà đắm trong mối hận thù không rõ. Một toán người Thượng áo quần tơi tả, lớn có, nhỏ có, không phân biệt nổi đàn ông và đàn bà, lưng mang gùi, tay chống gậy, chân đất đầu cúi xuống, bước đi, im lặng.

Xe bỗng dừng xóc mạnh rồi dừng lại. Bên đường một phụ nữ ước chừng hơn ba mươi lăm tuổi, vẻ mặt phờ phạc, tóc rối, nước da trắng tái đôi mắt buồn bã, nơi hai khoé mắt áo nâu đó còn đọng hai giọt lệ chưa đủ sức chảy xuống khiến gương mặt chị chìm trong một nỗi khổ đau vô bờ. Đứng bên chị là một cháu bé gái khoảng tám, chín tuổi đôi mắt sáng mỗi lần ngược nhìn lên đều toát ra sự hoài nghi và lo sợ.

- Bà con xích xích vô một tí cho khách lên bà con ơi.

Tiếng bác tài la lên ở đầu xe. Có vài người chười thề, vài người khác chép miệng thở dài:

- Thời buổi thật là...

- Xe ngựa gì cái thời thấy mà khiếp! Nóng quá bác tài ơi!

Bác tài mở giọng nhân đạo:

- Thông cảm tí bà con ơi. Người ta đàn bà con gái lỡ đường lỡ sá mà.

Người phụ nữ khệ nệ tay xách túi hành lý, tay dắt con, khó khăn lắm mới lên được xe. Tôi nhìn chị ái ngại:

- Chị và cháu ngồi vào chỗ tôi đây.

Chị ngược mắt nhìn tôi như thăm cảm ơn nhưng vẫn chưa dám ngồi xuống. Tôi đông viên chị:

- Tôi ngồi lâu rồi cũng mỏi, chị ngồi xuống đi, đừng ngại.

Chị lí nhí trong miệng lời cảm ơn. Tôi nhìn chị, đôi mắt buồn u uất một nỗi đau tưởng chừng không bao giờ vơi được.

- Chị đưa cháu đi đâu mà đón xe giữa chỗ rừng núi hoang vắng này?

Chị bỗng sụt sùi, chị quay về phía khác, lấy tay áo lau dòng nước mắt vừa trào ra nghẹn ngào. Cháu bé thấy mẹ khóc cũng rung rung. Tôi thấy bàng hoàng và chẳng biết làm gì để an ủi chị. Nhưng hình như chị đã trấn tĩnh quay lại nhưng không nhìn tôi, chị kể:

- Em đưa cháu ra thăm ba cháu ...

Chị lại khóc.

- ... nhưng không gặp anh ấy, gần hai năm tôi không có điều kiện để ra thăm anh ấy. Không hiểu vì sao suốt mấy tuần nay cháu cứ đòi đi thăm, tôi càng chần chừ cháu càng la khóc và thúc dục. Lòng tôi cũng cảm thấy có cái gì bất an. Tôi mượn tạm của chị bạn ít tiền mua chút quà và cùng cháu ra từ hôm qua, mới hay anh ấy đã chết gần hai năm rồi. Tôi chưa hề nhận được tin. Hai năm nay tôi vẫn tưởng anh còn ở trong trại.

Tôi nhìn vào đôi mắt chị, đôi mắt đã ráo khô, lạnh ngắt.

Lòng tôi cũng lạnh băng. Nỗi đau như đã đông cứng lại. Tôi mong cho nó tan chảy ra. Tan chảy ra chắc lòng ta dễ chịu hơn.

Chị xuống xe ở Đông Hà. Tôi phải đón xe đi tiếp. Chị nhìn tôi tuy không nói gì nhưng tôi đọc được trong mắt chị sự biết ơn, còn tôi, thật vô tình, không hỏi chị tên gì, cả chồng chị nữa, biết đâu là người quen hay bạn bè cũ không chừng. Tôi đã lên xe khác, xe chạy đã lâu mà lòng tôi vẫn nao nao, và đôi mắt mắt buồn hun hút đó cứ ám ảnh tôi.

Xe đã thực sự lăn bánh trên đại lộ kinh hoàng, nơi bạn bè tôi, đồng bào tôi đã nằm xuống trong tức tưởi thảm thương. Máu. Xương. Thịt. Răng. Tóc. Khói bụi. Xăng nhớt. Mảnh pháo. Xác xe tăng. Tất cả trộn lẫn vào nhau tạo thành một quang cảnh rùng rợn như thế giới của quỷ ma. Nếu có một nơi gọi là địa ngục thì chắc không có cái địa ngục nào bằng cái địa ngục này. Ôi một thứ địa ngục do bàn tay của con người trần gian tạo ra. Và cũng vì cái địa ngục do con người tạo ra nên nó càng kinh khủng hơn nữa.

Bây giờ, hơn mười năm rồi, quang cảnh của cái địa ngục đó không còn nữa, nhưng hình ảnh của mười mấy năm về trước vẫn còn ám ảnh mọi người. Và khi đi ngang qua đây, tôi vẫn, hình như còn thấy rõ như in xác của của một bé thơ đã chết miệng vẫn còn ngậm bầu vú mẹ mà xác mẹ đã chường sinh thối đen đầy ruồi bọ

Xe vẫn ì ạch lăn bánh về hướng thành phố Huế. Không biết sau gần mười năm Huế đã thoát ra khỏi cơn mơ hải hùng của cuộc chiến tranh tàn khốc, hay di chứng của Mùa Hè Đỏ Lửa, của Mậu Thân vẫn còn mừng mủ linh hồn của Huế

Xe về đến bến xe Nguyễn Hoàng khoảng hai ba giờ gì đó. Qua một chặng đường dài trên một chiếc xe cà khô đầy bụi bặm, người tôi mệt rã rời. Tôi đưa tay lần trong túi nhằm tính có bao nhiêu đồng. Cuối cùng tôi quyết định đi bộ từ từ về An Cựu để mua vé xe vào Đà Nẵng. Vừa đi vừa nhìn cảnh vật chung quanh, tôi không còn nhận ra Huế nữa. Huế của ngày xưa thơ mộng thế nào thì giờ đây trông già cỗi thế đó. Những người ngược xuôi trên đường phố trông người nào cũng có vẻ hốt hải lo âu, người thì vai mang ba lô nhà binh, đầu đội những loại nón mũ kỳ lạ, hình như chiếc nón của Huế đã biến đi đâu. Tôi nhìn qua bên kia sông mong tìm thấy được tà áo dài tha thướt của Đồng Khánh ngày nào. Nhưng... Ôi Tràng Tiền, Thương Bạc. Những bóng người phờ phạc. Tôi đứng tựa trên thành cầu nhìn mông về phía Vỹ Dạ lòng nao nao nhớ đến "Rặng liễu buồn thiu hoa bắp lay", nhớ đến H và nhớ via hè Văn Khoa.

Bỗng một giọng phụ nữ nhỏ nhẹ sau lưng tôi:

- Anh có mua chi không ạ? Thuốc lá, Kẹo cao su nghe?

Tôi không quay lại;

- Chị cho tôi vài điều thuốc

- Lấy cả bao luôn đi.

Tôi vẫn nhìn dòng sông.

- Không, tôi không đủ tiền

Chị vòng tay chìa ra trước mặt tôi mấy điều thuốc:

- Đây thuốc của anh đây, cho em năm hào.

Tôi cầm thuốc quay lại định mượn cái hộp quẹt, nhưng tôi bỗng bàng hoàng:

- Trời ơi! Diễm.

Diễm cũng sững sờ nhìn tôi rồi nhìn xuống cái hộp đựng nào là thuốc lá, kẹo cao su, mấy lon nước ngọt.

- Thuy về hồi mô?

Tôi chưa trả lời, nắm tay Diễm kéo đi về phía An Cựu:

- Ta tìm một cái quán cóc nào rồi nói chuyện.

- Làm gì có quán cóc như ngày xưa nữa. Bây giờ đều là cửa hàng quốc doanh cả thôi. Thuy lạc hậu rồi.

Diễm nhìn tôi đôi mắt ánh lên một nét tinh nghịch nhưng không dấu nổi chua chát. Ngày trước tôi và Diễm học cùng trường, nhưng khác lớp. Diễm không đẹp nhưng là mẫu người dễ gây ấn tượng và rất quyến rũ. Khi ra trường chúng tôi mỗi người một nơi, ít có dịp gặp lại nhau nhưng những thông tin về nhau thì hình như không đến nổi. Ai lấy chồng, ai lấy vợ khi nào, chồng vợ là ai, có phải là những bạn bè cũ không, làm gì ở đâu..., chúng tôi đều biết rất rõ. Nhưng sau 75 phải nói là biệt vô âm tín, chẳng ai con thì giờ, điều kiện để có hỏi han nhau. Hoa hoàn lắm mới tình cờ gặp được nhau, như tôi và Diễm hôm nay. Chúng tôi ngồi tạm xuống bậc cấp bên vệ đường, nhìn qua chợ Đông Ba.

- Tân đã về chưa? Tôi hỏi Diễm.

- Về hơn năm nay rồi. Suýt chết. Chừ yếu lắm. Nhưng phải đi làm thủy lợi. Không đi không được. Ai cũng rứa mà. Còn Thủy rứa? Về hồi mô? Chừ làm chi? Ngọc chừ rứa?

Ngọc là vợ tôi. Diễm hỏi một thôi dài. Tôi chậm rãi châm thuốc, nâng lấy một gói thuốc nguyên nhét vào túi tôi.

- Thủy cắt mà hút.

Tôi lấy gói thuốc để vào trong hộp hàng của Diễm:

- Cám ơn, tôi bỏ thuốc lâu rồi. Khi đứng trên cầu bỗng dưng buồn nên định mua vài điều thuốc. Tôi về cũng được vài năm nay. Bà xã và mấy cháu đã chuyển vào Ninh Thuận. Diễm sao? Có ổn không? Bán như thế này làm sao đủ sống. Mấy cháu có đi học không? Bỏ dạy rồi à?

Diễm không trả lời. Tay mân mê mấy thỏi kẹo, đôi bàn tay hình như đã không còn trắng và mềm mại như xưa. Chúng tôi đều im lặng. Một vài người đi xe đạp vội vã đạp lên dốc cầu, vài ba người đi bộ chậm rãi mệt mỏi bước đi, chẳng ai nhìn về chúng tôi.

- Diễm đi dạy được nửa năm thì có quyết định cho nghỉ, không nói lý do gì. Tân không có nhà, một mình Diễm phải bươn chải, thôi thì làm đủ việc, không kể ngày mưa ngày nắng, rạng sáng ra đi, tối mịt mới về tới nhà. Đờ cái là mấy cháu gọi cho bà ngoại. Có lệnh phải đi vùng kinh tế, nhưng Diễm liêu, cứ ở nhà, bây giờ thì yên rồi.

Diễm nhìn tôi cười buồn. :

- Chỉ mong cho mấy cháu khỏe mạnh và không thất học. Từ ngày có Tân về, Diễm cũng đỡ vất vả hơn, nhưng hai đứa chạy cái ăn cho cả nhà cũng ê ẩm lắm.

Diễm lại nhìn tôi. Trên gương mặt của nàng vẫn còn phảng phất chút hương sắc của một thời con gái tuy đã nhột nhạt rất nhiều... Tôi nắm bàn tay Diễm, nói như nói với chính mình:

- Thế nào cũng cố mà sống và lo cho mấy cháu, đừng nản. Không thể như thế này mãi đâu. Trong hoàn cảnh khó khăn chung như thế này, bạn bè chẳng giúp gì được cho nhau, tôi chỉ mong chúng ta hãy nhìn về quá khứ mà sống, mà bước đi. Nếu gặp bạn bè cũ tôi gọi lời thăm. Thế nào chúng ta cũng gặp lại.

Diễm bóp nhẹ tay tôi, mắt rung rung:

- Diễm gọi lời thăm Ngọc. Bây giờ Thủy vào Đà Nẵng hả?

- Ừ, vào Đà Nẵng.

- Có dịp nào ra lại Huế không?

- Chưa biết. Chắc khó lắm.

Tôi muốn hôn vào đôi mắt Diễm như một lời từ biệt. Như đọc được ý nghĩ thầm kín trong tôi, Diễm buột miệng gọi:

- Thủy !

Tôi nhìn Diễm nhưng Diễm đã quay mặt đi nơi khác: Thôi Thủy vào đi. Diễm đi bán đây. Nàng bước đi về hướng cầu Tràng Tiền, dáng nàng nhỏ nhắn dưới bóng nắng xế trưa mang theo nỗi buồn của tôi trên từng bước chân rã rời.

Tôi lảo lảo bước về hướng bên xe An Cựu . Con Đường bỗng rộng ra và lạnh lẽo vô cùng.

Buổi chiều Đà Nẵng chuẩn bị lên đèn. Tôi đi về hướng Chợ Cồn. Vài người đi xe đạp ôm theo mời mọc. Tôi lắc đầu dù mệt vô cùng. Đói lắm người. Hình ảnh người phụ nữ và em bé trên đường 9 lại hiện về trong tôi. Hai giọt nước lệ đọng lại trên đôi mắt buồn hun hút chứa cả nỗi bi thương vô hạn. Và đôi mắt của cháu bé, sợ sệt , nghi ngờ.

Tôi mua một ổ bánh mì, một bọc trà đá đến ngồi trên bậc thềm trước rạp Trưng Vương. Đói cồn cào nhưng không nuốt nổi mẫu bánh mì khô cứng. Tôi uống hết bọc nước chỉ muốn nằm xuống trên bậc thềm. Hình như phố xá đã lên đèn. Những bóng người qua lại chập chờn, những tiếng gọi nhau í ới và cả những tiếng xô đẩy. Tôi đang nằm trên bậc thềm của nhà hát trong cái thành phố nơi tôi đã sinh ra cách đây gần bốn mươi năm, và cũng gần bốn mươi năm tôi không sống trọn vẹn với quê hương. Định mệnh khắc nghiệt của lịch sử đã đùn đẩy chúng tôi lưu lạc khắp nơi, để đến khi có thể trở về thì hình như mình chỉ là người xa lạ trên chính ngôi nhà của mình.

Tôi ngậm ngùi nhắm đọc mấy câu thơ của Bạch Cư Dị:

*Sinh trưởng tại Huỳnh Dương.
Thiếu tiểu ly hương khúc.
Thiếu thiếu tứ thập tải,
Phục đáo Huỳnh Dương túc.*

Bài thơ còn dài, tôi chỉ mang máng nhớ mấy câu. Không biết cái thuở tác giả bài thơ phải lưu lạc là do điều kiện gia cảnh phải xa xứ mưu sinh hay cũng vì như chúng tôi: bom đạn của hận thù từ bốn phía đã nổ tung chúng tôi ra muôn hướng.

Tôi đang mơ màng thì một em bé trai trạc tuổi con đầu tôi đến bên cạnh cất tiếng mời:

- Chú ơi chú, mua giùm cho cháu cái gì đi chú. Ngày hôm nay bán chẳng được chi cả.

Em chìa trước mặt tôi cái thùng giấy đựng nào là thuốc lá, kẹo, nước ngọt. Tôi bỗng nhớ tới Diễm. Hình như rất nhiều người nhất là phụ nữ và trẻ con, chỉ bán duy nhất những loại này. Có lẽ đây là loại dễ mua dễ bán, vì ít vốn và cũng ít bị cấm hơn, bởi vì trong thời buổi cái gì cũng quốc doanh, không ai có quyền làm ăn cá thể được.

- Cho chú một cái kẹo.

Tôi nói với cháu và cũng chỉ mua giúp cho cháu thôi.

- Cháu có còn đi học không?

- Dạ cháu học một buổi, buổi chiều cháu đi bán tới tối, có khi tới chín mười giờ khuya mới về.

- Thế ba mẹ cháu đâu?

Thằng bé trả lời hồn nhiên:

- Cháu ở với ba. Mẹ cháu đi lâu rồi. Chừ không biết ở mô nữa.

Tôi tò mò hỏi cho có chuyện để nói, và tôi cũng chưa biết về đâu trong đêm nay.

- Rứa nhà chú mô?

Thằng bé nhìn tôi từ đầu đến chân, nó đoán ra tôi là kẻ xa lạ vừa mới đặt chân tới đây.

- Chú ở xa đến phải không?

- Ừ.

- Ở mô lận?

- Xa lắm.

- Thôi chú không nói cháu cũng biết rồi. Chú ở trên núi xuống. Phải không?

Tôi đưa tay vuốt vuốt đầu tóc bờm xờm ngồi bật dậy. Thằng bé giật mình lùi ra một tí.

- Nè, mà ba cháu tên gì vậy?

Thằng bé không trả lời, đứng lên, hai tay bung thùng hàng.

- Thôi cháu về đây. Hôm nay ba cháu bệnh.

Đường phố đã thưa người, ánh đèn điện hiu hắt vàng vọt loang trên mặt lộ, chập chờn theo bóng người đi động, mập mờ trên những tàn cây, có tiếng rao hàng của ai đó yếu ớt mỗi một như tiếng vọng từ cõi âm ty.

Thằng bé bỗng nhìn tôi ái ngại:

- Nè chú, tối nay chú ngủ mô?

- Chú có người quen ở Nại Hiên, chắc chú sẽ về đó.

- Cháu cũng ở gần đó.

Tôi xoa xoa đầu thằng bé

- Vậy là chúng ta cùng đường rồi.

Tôi đứng lên theo sau thằng bé, cái bóng gầy tong của nó đổ xuống mặt đường trông tội nghiệp. Tôi nói với nó:

- Đưa chú bung hộ cái thùng cho.

- Cháu bung được.

Thằng bé tự tin.

Tôi bỗng thấy nhớ mấy đứa con vô cùng. Không biết sau gần mười năm xa cách, bây giờ chúng ra sao, có phải lam lũ như cháu bé này không. Nhưng mà tôi nghĩ: cũng vậy thôi. Hoàn cảnh chung mà.

Con đường Ông Ích Khiêm ngày xưa tôi thấy chật hẹp thế mà giờ đây nó như rộng ra mặc dù chẳng thay đổi gì, nó vắng ngắt và lạnh lẽo như những con đường Thành Nội mùa đông. Thằng bé bước đi thoăn thoắt như một chú sóc con, tôi gắng lắm mới theo kịp nó. Đến cuối đường nó dừng lại hỏi tôi:

- Đây là đường Hoàng Diệu, chú nhớ không?

Tôi gật đầu:

- Hồi nhỏ chú đạp xe trên con đường này hằng ngày.

Thằng bé vừa đi giật lùi vừa trò chuyện với tôi:

- Rứa chú người ở đây hả?

- Ủa! Chú sinh ra ở đây, nhưng lớn lên thì ở chỗ khác. Mười năm rồi chú mới trở lại đây.

- Rứa chú còn bà con ở đây không?

- Không.

Nhanh chân theo thằng bé, đến gần chợ Mới rồi. Cảnh phố xá vẫn có cái gì đó hoang vắng tiêu sơ, tôi phân vân không biết Tạo còn ở đó không. Đến đầu một con hẻm, thằng bé dừng lại:

- Cháu tới nhà rồi. Vào hết con hẻm này thì tới. Chào chú .

- Ủ, cháu về. Bóng thằng bé đã khuất trong hẻm, tôi vẫn còn đứng lưỡng lự chưa biết đi đâu. Cố hình dung ra cảnh cũ. Tôi cố hình dung ra những hình ảnh của khu phố trong quá khứ, và tôi mừng tượng nhà Tạo chắc gần đây đây. Tôi hỏi một bà cụ đang ngồi trước hiên nhà kế con hẻm:

- Thưa bà , bà có biết nhà của anh Tảo trước kia ở gần đây không.

Bà cụ nheo nheo mắt nhìn tôi:

- Tảo mô hề, Ở đây có hai ông Tạo lận. Một ông thì nhà ở kia kia, chết lâu rồi, còn một chú ở xế xế đây thì cái nhà bị lấy rồi. Chừ nghe nói ở sâu trong hẻm. Chú vô hết con hẻm hỏi nhà Tạo Liên đâu thì ai cũng biết.

Liên là vợ Tạo. Như vậy thì chắc rồi. Tôi hỏi hỏi đi vào trong hẻm. Con hẻm quanh co lầy lội , tối tăm. Mới giờ này mà nhà nào cũng đóng cửa im lìm, chỉ còn chút ánh sáng hiu hắt lọt qua khe cửa là tín hiệu của sự sống.

Tôi tới trước một căn nhà nhỏ, ọp ẹp, mấy tấm tôn trước hiên rỉ sét che thấp xuống, nếu không chú ý có thể va vào đầu. Tôi định nhấc tiếng gọi cửa để hỏi thì thằng bé khi chiều hiện ra ở hiên cửa:

- Ủa! Chú hả? Chú không tìm ra nhà hả?

- Ai rứa con?

Có tiếng đàn ông trong nhà hỏi vọng ra. Tôi nói với thằng bé:

- Chú muốn tìm nhà của ông Tạo, Tạo Liên ấy.

Thằng bé quay vào thăm thì gì với bố nó rồi chạy ra:

- Ba nói mới chú vào nhà đã.

Tôi bước vào nhà. Đúng là Tạo rồi, tôi nhận ra Tạo ngay mặc dù con người đang nằm đó chỉ là một cơ thể gầy guộc da bọc xương bất động trên tấm ván kê không rộng quá thớt hai. Tôi bồi hồi gọi:

- Tạo !

Tạo nghiêng người qua phía tôi giọng thều thào:

- Ai rứa hề.

- Thuy đây, nhớ không?

- Thuy Ngọc phải không?

- Ủ. Sao mà ra nông nổi này?

- Tui bị sốt mẩn tính ông à, từ khi còn ở tròng. . Tưởng bỏ xác trong đó rồi. Lấy nước bác uống con.

Tạo bảo con, rồi tiếp:

- Ông về hồi mô? Ngọc và mấy cháu ỏn chớ?

Tôi nhìn quanh căn nhà rộng chừng mười mấy mét vuông, chẳng có đồ đạc gì, thằng bé đem tới một cái ghế nhựa đặt bên tôi, không nói gì.

- Chúng tôi cũng ỏn cả. Ông về mấy năm rồi.

- Hơn ba năm rồi, yếu quá chẳng làm gì được, ngày nào khoẻ thì đi xe đạp thồ, thằng bé học một buổi một buổi đi bán dạo bầy bọ chi đó, nói chung không chết đói.

Tôi nhìn sâu vô trong bếp những mong tìm thấy Liên, dù trước đó thằng bé đã nói về mẹ nó rồi.

- Vì sao mà Liên bỏ đi? Ông có biết giờ cô ấy sống ra sao không?

Tạo cười mếu xệch:

- Vì sao bỏ đi hả? Chuyện thường thôi. Đây rầy. Thời buổi này chuyện đó đây. Ông có phúc đó. Ngọc nhan sắc thế kia mà còn trụ vững đến bây giờ. Ông có phúc đó.

Tạo im lặng giây phút rồi chua chát:

- Ông biết rằng không ? Liên bỏ tôi đi. Không sao. Tuổi thanh xuân của nàng không thể để uổng phí chờ đợi vô vọng, rồi những ức chế sinh lý, những thèm muốn , những nhu cầu ...Không sao. Cho dù nguy biến hay phân trần thế nào, việc đó cũng chưa đến nỗi oán hận gì. Nhưng! Ông biết sao không? Một người mẹ bỏ con là điều không thể chấp nhận.

Thua cả cảm thú

Tạo dừng lại để thở. Tôi chỉ biết im lặng để nghe nỗi đau gặm nhấm trong từng sợi máu. Ngồi xuống bên Tạo lòng nhớ về một cô Liên hiền thực, sáng chủ nhật nào cũng thướt tha trong tà áo dài trắng đến nhà thờ, làm con chiên ngoan đạo . Ở nhà là người vợ nhu mì, thương con chiều chồng. Tôi không biết con người tự nó thay đổi hay thời gian và cuộc sống làm nó thay đổi. Nhưng mà gì thì gì, những đổi thay mang lại bao bất hạnh cho con người thì đau thương quá.

Tạo đưa tay về phía tôi:

- Ông đỡ tôi dậy tí.

Tôi vòng tay qua cổ Tào đỡ ngồi dậy.

- Đêm ni ông ở đây với cha con tui. Bận cũ lâu ngày gặp nhau. Ăn một bữa cơm, mắm muối thôi, ông đừng từ chối. Con nấu cơm bác Thụy ăn với nghe. Chạy ra đầu hẻm bà Tư mua ít khô, nhớ mua xì rượu. Tào nói với con, nhưng tôi can:

- Thôi. Cháu nấu cơm đi. Bác đi mua cho.

Tôi ra đầu hẻm. Cái quán nghèo nàn chẳng có gì nhiều. Tôi mua mấy đồng rượu và ít khô cá hổ. Cơm nóng bốc hơi, mùi khô cá nướng thơm lừng, cả ngày nhịn đói, bây giờ tôi ăn ngon lành. Bận bề gặp nhau cũng vui nên Tào ăn được chén cơm và cũng uống vài cốc nhỏ... Ngồi bệt trên nền nhà ẩm, chúng tôi tiếp tục trò chuyện, nhắc tới mọi người. Bốn mươi năm trên đời, qua bao dâu bể, niềm vui thì mỏng manh mà khổ đau thì triền miên. Bao nhiêu đổ nát kinh hoàng đã ụp xuống thế hệ chúng tôi. Trách nhiệm thuộc về ai? Ai có quyền phán xét những lỗi lầm. Dầu trách nhiệm thuộc về ai. Dầu quyền lực thuộc về ai. Chúng tôi cũng chỉ là những vật hy sinh cho tham vọng bi thương của con người.

Thằng bé hình như mệt quá, ngồi ngủ gật bên cạnh bố. Tôi đốt một điếu thuốc, Tào không nhìn tôi, nói:

- Liên bỏ tôi, bỏ con chạy theo một thằng nào ông biết không? Thằng Huy đó.

- Huy nào?

- Thì thằng Huy cận chớ Huy nào. Sau 75, hấn phát lên như điên. Bận bề ai cũng sợ nó.

Tôi nhớ ra rồi. Thằng Huy cận. Gia đình hấn có công mà.

- Thôi cái số ông nó vậy. Biết đâu mai sau ông gặp may thì sao. Tôi an ủi Tào.

- Ôi trời! Còn sống đến cái ngày vận may nó tới không. Thôi thì còn sống ngày nào hay ngày ấy. Tôi chỉ lo cho thằng nhóc thôi. Ông còn ở lại đây bao lâu?

- Mai tôi đi. Hi vọng thế nào chúng ta cũng gặp nhau, tất cả.

Tôi vừa dứt câu thì bóng một người phụ nữ xuất hiện ở bậc cửa, Tào ngồi quay vào trong nên không thấy. Thoáng một chút ngỡ ngàng tôi nhận ra ngay mặc dù trông Liên đã khác xưa nhiều lắm;

- Ôi! Liên! Tào giật mình quay ra. Liên đứng sững nơi bậc cửa. Thằng bé giật mình tỉnh dậy. Chưa ai hận ra ai, chỉ riêng tôi.

Sau giây phút lưỡng lự, Liên chạy đến ôm chầm lấy con và tôi thấy nước mắt nàng ràn rụa.

Thằng bé vẫn chưa hết bàng hoàng. Tào thì im lặng đông cứng, ngồi như một tảng đá. Không khiÀ chùng xuống nặng nề. Tôi loay hoay không biết xoay xở ra sao, hết nhìn Tào rồi nhìn Liên, nhìn thằng bé. Liên nước mắt ràn rụa, ôm ghì con vào lòng tức tưởi gọi:

- Con!

Thằng bé như choàng tỉnh lại, vùng đứng lên, hét to:

- Không !

Rồi vụt chạy ra trước con hẻm, khuất trong bóng tối. Liên đứng lên định chạy theo con, nhưng Tào lạnh lùng:

- Để cho thằng bé yên.

Giọng Tào khô khốc, đanh cứng như một nhát búa cùn hoen rỉ vào một tảng đá, khiến người nghe thấy ghê ghê, gai ốc từ sau cột sống lan đi nóng hổi. Liên dừng lại, nhìn tôi:

- Chào anh Thụy, xin lỗi, em không cố ý.

Nhìn gương mặt Tào lạnh băng, nhưng tôi cũng phải hỏi vài câu xã giao:

- Liên đang ở đâu?

- Em đang ở Hải Phòng. Nhiều lần muốn về thăm cháu, thăm anh-Liên đưa mắt nhìn Tào-nhưng vừa sợ, vừa xấu hổ, không dám về anh à. Em mới vào chuyến tàu tối nay, vội tới đây, không ngờ được gặp lại anh. Em xin lỗi. Trăm vạn lần tội lỗi em xin gánh chịu. Em chỉ xin thỉnh thoảng cho em được gặp con em.

LÊ NAM PHƯƠNG





THƯ TỪ TUY HOÀ

CẢNH CỬU

Hắn chết được vài ba hôm thì có một bức thư gửi cho hắn. Thật là một sự muộn màng đáng tiếc. Phải chi sớm hơn chừng ba hôm thì hắn có thể đọc vào giờ hấp hối. Thật ra sự đọc trong cái khoảng giao thời sống chết đó không giúp hắn hiểu gì. Nhưng dù sao cũng có hắn đọc. Thế còn đỡ hơn. Đăng này thư không ghi địa chỉ người gửi, chỉ đóng dấu Tuy Hoà nên cũng không biết ai mà gửi trả lại. Bức thư thành ra cứ bỏ nằm đó mãi hăm một ngày sau mới được xé ra.

“Tuy Hoà ngày tháng. Anh. Nhận được thư anh hơn một tháng rồi nhưng vì đau không trả lời anh được. Hôm đau tôi tưởng chết rồi chứ, đau một tuần bớt rồi tôi đi dạy và đau lại nặng quá. Tôi định viết thư cho anh hay. Anh hay thì anh có khóc giùm cho tôi không. Chắc không vì anh bận đi chơi chứ thì giờ đâu mà nghĩ đến tôi.

Anh ạ. Tuy Hoà bữa nay gió nhiều, tiếc rằng không có anh ở đây để thương thức làn gió anh ưa thích. Tháng bảy gió nam gió nồm quay rần rật. Ra khỏi nhà là tóc rối tung thành ra lúc nào trên tay cũng sẵn một cái lược. Thật là phiền phức. Nổi bực dọc nữa là cát bụi bay mù mịt. Tôi phải đi mua một cái kiềng và một cái dù xếp. Tôi cẩn thận lựa chọn làn gió mà đi thế mà vẫn bực.

Anh có nói mùa xuân tàu chạy trên cầu cao, gió dũi dũi trên mặt sông mát lịm. Những con cá non tơ óng ả bơi trong dòng nước trong veo bình thản. Những con cá lúi đó kho măn măn với hành trên bếp mới nhắc xuống hơi nóng còn nghi ngút ngon lắm, nhút là ăn với khoai lang mới nấu. Thiệt là kỳ cục. Anh đã ăn lần nào chưa mà mô tả tài vậy. Ở đây tôi mượn những lời đó mà giảng cho tụi học trò. Chúng cười ngật nghèo. Chúng hỏi: Bữa nào cô dẫn tụi em đi. Tôi lúng túng quá.

Con sông Đà Rằng chảy qua cây cầu một ngàn hai mươi thước đó làm anh mê à. Mùa mưa nước lênh láng bao la thật. Cũng mùa mưa nước đổ dầm dề gió bắc cắt da chỉ còn con sông Đà và chòm núi Nhạn là tương phùng như trong chuyện Sơn Tinh Thủy Tinh. Cá ở ngoài biển dám chèo vào với bánh tráng trong thành phố đó anh ạ. Con tôm hùm to kinh khủng. Những con cua biển luộc đỏ au, gạch vàng choái, thịt ngọt lắm. Anh biết không: Nội một cái kẹp di động trên cái cang to đó cũng đủ mê rồi. Nó cong và nhọn như cái sừng trâu, trên đó có những răng cũng nhọn không kém. Gắn trong góc nổi lên một cái u no tròn hấp dẫn như con bò mộng đầy u hừng hồ vậy. Tụi trẻ con ở đây lấy những cái sừng ấy để đấu xảo với nhau và nhiều khi khích nhau bắn lộn đến chảy máu tay – Anh có thích trò chơi ấy không.

Anh có nói hồi đi ngang đó thấy người ta bán cục cơm vắt và cái đùi gà to tướng mười đồng. Sự thật cũng có như vậy anh à. Nếu anh muốn tôi ra ga mua gửi cho anh. Cục cơm đó không biết có ích dụng chi cho anh không, chứ ít ra nó cũng tố giác với anh vài điều về quê hương tôi.

Con sông Đà Rằng uốn khúc tự Cao nguyên xa. Nó mang về đây ruộng lúa đập Đồng Cam sau khi đã bỏ đất đen miền nhiệt đới Cheo Reo. Ruộng lúa có xanh tươi thật, bông trái có trĩu cành thật. Nhưng đó chẳng qua là một cái gì nhỏ bé của xứ Phú Yên này. Cũng như những lật vạt tôi vừa kể trên chỉ là để khô hải. Xe ra, sau khi đổ dốc đèo Cả thì bắt gặp ngay Hảo Sơn, đất bị úng phèn. Mùa hè khô cáu, đất lại chát cở cây

không mọc nổi. Nhà ga, đồn canh cũng phải bỏ đi. Tuy An những hòn núi trọc rơi vãi bê bồi khắp vùng. Nước cuốn đi chỉ còn sót lại những sỏi đá và gai găng. Nông dân đã hì hục nhặt những hòn đá đắp lại tam cấp để gieo những hạt bắp xấu đau, vàng như nghệ. Nếu anh muốn học “culture en terrasse” thì cứ ra đây. Nhưng chớ đừng ước có đất như vậy mà đem áp dụng kiến thức của mình, tội nghiệp lắm. Con sông Đà Rằng cũng đem đến nhiều xói lở ngập lụt thảm thương. Hồi hoà bình mới tái lập, cầu chưa có xe cộ bị bao nhiêu con phà ngăn trở. Nước đi rồi những màu mỡ mùa màng cũng bị kéo ra đại dương. Nhưng chán nhất là phải chịu đựng cái mùa đông. Mưa gió vùi dập tàn bạo làm tôi râu thúi ruột. Đi tới đâu cũng ướt nhem nhẹp; ướt mê mết. Chiếc áo mưa nào cũng vô dụng. Nước thấm ngày này qua ngày nọ làm nó nặng lên và mặc vào thì âm ỉ khó chịu. Thành ra nếu không đi dạy thì trít ở nhà không đi đâu được. Mà nằm nhà nghe mưa gió gào thét bên ngoài, nghe lạnh chạy dài từ dưới chân lên đến cổ. Cô đơn lắm tôi không chịu được. Buổi tối tôi không dám tắt đèn. Tôi sợ bóng tối, sợ những ám ảnh ma quái dị kỳ. Những con bọ rầy, những con phù du bu quanh bóng đèn làm tôi thêm sự liêu lĩnh của chúng quá. Biết là xem vào đó sẽ chết. Nhưng thà chết như vậy còn yên ổn ấm cúng mãi nguyện hơn là chết dần trong cái lạnh lẽo cô đơn trùng điệp này.

Đằng nào cũng chết, mùa đông không chết mùa hè cũng chết. Anh có thấy Tuy Hoà là bãi cát mênh mông những gai lười long và cỏ may lẫn lộn. Nắng nóng làm cát bỏng dưới chân. Gió nam quét mạnh làm bụi cát bay tứ tung. Những con đường phố, những đầu tàu, những mái nhà, những phụ xe, những con người nghèo khó áo đen nón lá và cát bụi vờ trộn quay cuồng thảm hại. Hãy tưởng tượng đến một thôn làng: Nhìn ngoài có vẻ phong phú dừa xanh lúa tốt. Nhưng bên trong, mùa gió cát bay như mây... Những đồi cao ngất lặn lặn tràn xuống xóm làng làm sự sống nhỏ nhoi vô nghĩa.

Mà thật vậy sỏi cát đã chiếm hết những thoi đất màu mỡ, cây cao lên không nổi, lá mỗi ngày một rụng tàn. Sự nghèo khó đến gõ cửa thường xuyên, cơm thì gạo ít mà ngô khoai nhiều. Đậu mè, đậu phụng trộn với muối ran là món ăn đắt giá. Chắc khi đọc thư này anh có ăn cục cơm và miếng thịt gà tôi gửi theo thì dù cho cơm đã thiu thiu, thịt gà đã dai nhách cắn không bẻ nhưng chắc cũng đỡ hơn cái sống ở đây nhiều. Nó là cái tinh hoa của xứ sở tôi đãi du khách đấy.

Buổi học chiều như thế là đã tan. Tụi học trò ra về gần hết. Mấy đứa nhỏ nhút la cà với mấy hòn bi chai cũng xách cặp vẹo người, lai rai trên con đường nhỏ đầy cát dẫn vào xóm nhà nghèo khó. Cát bụi chốc chốc lại làm chúng lão đảo. Tôi chống tay ra khỏi bàn thần thờ, không biết đi đâu. Bây giờ về nhà còn sớm quá. Tôi sợ phải đối đầu với căn nhà trống trải lạnh lùng đó.

Chiếc cổng trường dần dần cao vút qua khỏi đầu. Tôi sức nhớ cái cổng ra ga và tôi đi đến đó để mua cục cơm và miếng đùi gà gửi cùng cái thư này cho anh.

Sân ga thực ra là cái thêm ga cũ bị phá hoại hồi kháng chiến bây giờ chưa tái tạo nổi loang lổ tồi tàn. Con tàu mới chạy khỏi. Một làn khói đen bị gió thổi lên cao. Mấy người bán hàng rong uể oải ngồi bên thúng đồ. Có người soát lại những món hàng của mình rồi như nghĩ ngợi. Họ vui mừng với những con tàu đến để rồi buồn rầu với những con tàu đi. Lòng họ trống không, mất mớ như hồn tôi mớ theo con tàu hăm tám tết năm nay.

Buổi trưa tôi lên ở ga này thấy anh đang gặm bắp đó. Hồi còi run rẩy lia ga xép. Con tàu thì chạy anh thì nhai dễ thương chi lạ. Tôi đâm ra yêu cái thân xác run run của con tàu, tiếng động rêm rêm trên đường sắt và người đồng hành biết thưởng thức hương vị quê hương mình – biết đâu đó cũng là sự chung tình khả ái! Con tàu xa dần xa dần phố nhỏ và đi vào những vùng quê nghèo khó. Cái hãnh diện của tôi cũng theo vòng quay của bánh xe. Những ngọn đồi hiện ra trong tầm mắt làm tôi thấy buồn. Chúng trơ trọi, khô cằn, héo úa trong tâm hồn tôi bấy lâu. Tôi sinh ra trên đó đương nhiên phải thừa hưởng. Tuổi hoa bướm của tôi đã đi xa rồi và còn đi xa nữa như con tàu đang chạy.

Ánh nắng buổi chiều vào toa tàu oi bức quá. Con tàu uể oải dừng lại ở một trảng rừng thô để nhường cho một đám người đi qua. Sự dừng lại đó thật bất đắc dĩ – tàu hỏa có dừng như vậy đâu. Nó hậm hực phun những tàn lửa và thét inh ỏi, vang động núi rừng. Đám người đó khiêng một thầy người trên cái võng máu me loang lổ trên áo trên mặt trên thân hình. Ruột thì lỏng thòng thật dị hợm. Người ta ngơ ngác hỏi tại sao. Ai mà biết được. Hẳn là một tên giặc, một tiểu phu hay một người thường nào đó đi lại trong vùng núi kém an ninh, những người có phận sự kêu, hơi gió làm hấn không nghe (đó ích lợi của làn gió anh ưa thích đó) hay cố ý không nghe nên bị bắn. Tông tích hấn ra sao ai mà biết được. Vài người mũi lòng khóc xụt xịt. Thật là một sự thương tiếc chưa xếp loại. Nhưng dù sao đó cũng là một phần thương yêu của những con người trên cùng một quê hương. Tôi cố giấu những cảm xúc vì quen thấy rồi. Tôi chỉ ghi nhận rằng những người ở đây hiền lành chất phác lắm. Sự nghèo khó trên gương mặt họ cũng phản ánh đời sống cui cút chịu đựng ít tham vọng của họ một phần nào.

Con tàu vẫn lầm lũi. Cái thân hình be bét máu cũng lùi xa. Núi rừng trùng điệp. Mặt trời chiếu ngang thân một ngọn đồi phía đông. Dưới chân nó một làng nhỏ nằm kề. Người ta tưởng có một sự yên vui giữa chốn

thâm sơn cùng cốc này. Nhưng không. Những tiếng nổ loạn xạ phía trên sườn đồi phía trong ấp, vài viên đạn lạc bay vèo vèo. Con tàu phì phì khói chạy nhanh như sợ mình sẽ bị vạ. Người ta xông xáo sợ hãi. Vài người thành thạo nói: Có chúng xuất hiện, hai bên choảng nhau đứng trên tàu thấy vậy chứ còn còn xa không phải phục kích tàu đâu.

Và tàu đi trong lòng rừng núi. Ngột ngạt. Người ta ra hành lang nhìn cây lá. Tôi đứng cách anh bằng một ông cụ. Ông cụ bàn chuyện chiến tranh còn anh thì anh kể vụ tàu lật sóng qua ở Mương Mán. Đầu con tàu dí bẹp vào một ụ đá cao, hai hàng bánh xe phơi lên như những chân một con rít. Máu còn đọng vũng trên sàn xe. Có một cái mũ cối nát bẹp. Mấy đoạn đường rầy xe lửa cong queo và con đường hùng một lỗ to. Tôi nghĩ chắc anh nghe ai kể chứ thật như vậy sao anh ra được đây. Chắc là anh không biết gì về những vụ đó. Nhìn mặt mày anh người ta chỉ biết độ-nhảy-twist thôi. Ông cụ cũng không biết gì. Chiến tranh mà ông bàn đó nó khác bây giờ.

Con tàu ngược gió. Ông cụ đã vào trong. Tôi biết anh cũng muốn vào nhưng muộn rồi. Tôi đứng chận đây. Đầu đằng kia là cuối con tàu. Anh chạy đằng trời nào. Tôi khoanh tay ra sau tì lưng vào thành tàu ườn người. Ngực tôi lộ lộ. Gió tung vạt áo trước tôi đi xa thấy rõ hàng nút xẻ dọc trên quần. Gió càng mạnh làm vạt ở hai bên đùi tôi mỏng thêm và chiếc xi-líp dày cộm kinh khủng. Tôi biết nhưng cũng chẳng buồn sửa lại. Cuộc chiến tranh nào bị đất bằng cuộc chiến tranh này.

Con tàu chui qua dãy Cù Mông. Hầm tối đen. Hơi lạnh làm tôi rợn người. Tôi muốn ôm chặt lấy anh cho ấm chút đỉnh. Tàu ra khỏi hầm. Khói tàu làm anh cay mắt. Anh lấy tay dụi dụi. Tôi đưa chiếc khăn tay cho anh.

Hoàng hôn đổ xuống núi rừng. Tàu chạy ngày càng sâu trên đất Bình Định. Tôi chỉ cho anh vài tên vùng đi qua: Vân Canh nhiều thương. Diêu Trì ngã ba. Cầu Đôi nước đứng. Tháp Chăm gạch đỏ và núi Qui Nhơn lở lói. Nhưng chắc anh không thấy gì.

Cục cơm và miếng đùi gà nặng trong tay tôi. Sên ga vắng tanh. Một con chó đứng giữa đường rầy người người vào những thanh sắt rồi hình mũi ngó mong, buồn rầu. Trời chạng vạng tối. Tôi quay mặt trở về thành phố. Mắt tôi nhòa đi vì nước mắt hay vì gió hoét cát bụi tung mù mịt. Có lẽ đủ thứ và cả những lũng tối đen phủ lên những mái nhà trước mặt. Tôi cố tìm một ánh đèn thật sáng để tin rằng đây là thành phố Tuy Hoà – ít ra nó cũng như Qui Nhơn chứ.

Tối đó đáng lẽ tôi thay kệ anh, mình về nhà tắm rửa, ngủ một giấc cho khoẻ. Nhưng thấy anh làm lủi tôi thương quá. Tôi hỏi anh đi đâu. Anh nói vào ga chứ đi đâu nữa. Vào ga sao lại đi tuốt đằng này. Anh chỉ cái nhà cao có đèn nê-ông xanh đỏ: Không phải ga đó sao. Tôi rùng rờ: Rạp xi-nê KK. Anh không thấy chữ đó sao. Anh nói tưởng đó là chữ quảng cáo li nhi quá. Tôi lại buồn nhà ga thì thấp hơn con tàu, tôi ôm anh không biết đâu mà đến. Còn rạp xi-nê thì diêm dúa màu mè, cái điểm chính không hiện rõ làm người ta phải lầm tưởng. Thành phố những miền này như thế cả. Nó chấp nói, vay mượn không ra cái thể thống gì. Chiến tranh dày vò, dẫm đạp nó quá nhiều làm sao nó giữ được một truyền thống. Nhưng Qui Nhơn còn hơn Tuy Hoà tôi nhiều.

Tôi hỏi anh về đâu. Anh nói về nhà một thằng bạn đường Võ Tánh. Tôi hỏi anh đã đến lần nào chưa. Chưa. Tôi sợ anh lại một lần nữa lầm lạc nên tôi đã đưa anh đi tìm. Té ra nhà bạn anh ở sát nách đường Gia Long, con phố chính của Qui Nhơn. Tôi đâm ra chung hững khi đứng trước căn nhà ấy. Phải chỉ một căn nhà nào khác khó kiếm tôi sẽ chui anh vào một phòng ngủ nào đó để bẹp anh ngạt thở chết cho rồi. Nhưng thôi được. Nghe người nhà của bạn anh nói: “Nó vừa ra mua báo đây, cậu đưa tôi cất đồ cho, vào sa-lông nghỉ đi”. Tôi nảy ra ý định dẫn anh đi phố và tôi thực hiện liền. Anh bằng lòng. Tôi mừng ngoan đấy. Hay là anh sợ cô đơn trong căn nhà xa lạ, bộ sa-lông xa lạ. Nhưng tôi cũng xa lạ sao anh chịu đi. Ý nghĩ đó làm tôi mừng rơn.

Anh đi bên tôi như một tin đồ ngoan đạo. Thành phố Qui Nhơn không có gì làm anh kinh ngạc. Tôi ức nghẹn cổ. Chốc lát con phố Gia Long đã cụt. Những phố khác không đèn. Biết đi đâu bây giờ. Tôi thương tiếc tôi. Tôi thương tiếc cái thành phố này. Chỉ còn cách dẫn anh xuống bến tàu trần nước cho ngộp thở bỏ ghét chứ đi đâu nữa. Không hiểu sao tôi lại đưa anh vào một hiệu kem đường Phan Bội Châu, khúc gần Võ Tánh. Có lẽ vì đã gần nhà bạn anh rồi, kéo dài ít phút cũng chả sao. Tôi kêu một ly nước trái cây còn anh thì nằng nằng uống chai nước ngọt. Anh lơ đãng nhìn một cặp đang ngồi góc phía trong. Tôi trả tiền. Anh đòi về. Tôi biết anh khó chịu khi ngồi với tôi. Anh thích đi phố với những đứa học trò của tôi hơn là tôi. Anh lại nằng nặc đòi người chủ quán lấy thêm một lần tiền nữa. Thật anh không chịu tôi một tí nào. Tôi đưa anh về. Anh nói giã từ mai đi Đà Nẵng. Tôi đề nghị anh ghé lại tôi chơi một tí. Về nhà tôi thuyết

phục anh định lại chuyến đi một ngày để thăm Qui Nhơn cho biết. Tôi vui mừng một lần nữa và đêm về khó ngủ như con học trò tuổi mười lăm.

Không biết đêm nay tôi về có ngủ được không. Chắc là gió sẽ đập mạnh vào cửa. Và buổi sáng dậy không còn là buổi sáng Qui Nhơn. Tôi chưa kịp chải tóc anh đã ập vào nhà lôi tôi đi. Tôi chỉ kịp nói với người chị: Em ra phố chút xíu. Tôi hỏi anh đi đâu. Anh nói đi đâu cũng được. Tôi nhớ đêm qua mình đề nghị. Tôi do dự một lát, đi đâu bây giờ... Thành phố này chỉ có một cảnh được: Gành Ráng. Tôi đành đưa anh tới đó. Cũng là một dịp cho anh biết đất nước quê hương. Tuổi anh cần phải học, học thật nhiều đủ thứ – tôi nghĩ như vậy. Lâu đời mới có một chuyến xe ra Trung hi hữu. Anh chỉ mới biết xe lửa lặt ở Phan Thiết, chết chóc ở Phú Yên và thành phố tối tăm này. Anh phải học vài điều nữa. Chừng ấy thả anh đi chưa muộn.

Gió buổi sớm lành lạnh. Biển xanh dưới sâu. Trên gành cây lá còn nắng sương mai. Tôi thấy run ở hai hàm răng mình. Rồi nắng lên óng ánh. Anh đọc vài câu thơ tôi nhớ đăng trong mấy tờ báo trẻ. Anh nói chuyện trời mây non nước. Ý thức tôi mơ hồ về thời gian không gian. Và anh dang hôn tôi dưới nắng chói chang. Tôi kinh ngạc. Tôi đâu dễ dàng để anh hành động như vậy. Tôi xô đẩy anh và bỏ chạy. Anh đuổi trong đám rừng cây. Cuối cùng tôi nghẽn lối, chênh vênh trên một chòm đá cao. Dưới kia là hồ biển sâu. Tôi đòi nhảy xuống đó. Anh khổ đau quì dưới chân tôi. Anh nói gì nói gì. Gió biển thổi vào lồng lộng. Những cuộn mây đâm vào núi cao như con chim mù đâm vào ghềnh đá. Thành phố Qui Nhơn xa lắc và thấp bẹp. Tôi biết kêu ai. Tại sao tôi dẫn xác đến đây và giờ gào kêu cái gì. Tôi bủn rủn chân tay. Tôi sụm xuống sụm xuống cho đến khi mềm nhũn trong tay anh. Anh đã hôn tôi không sót một khoảng thịt da. Buổi sớm tôi còn mặc thêm một áo lót mà sao cái hôn anh vẫn thấu suốt. Chiều hôm qua tôi trông gió nâng vạt áo thật xa, thật cao và vạt quần được ép thật sát vào da. Lần chiếc xì-líp nổi kinh khủng mà tôi vẫn chưa thấy hài lòng. Sao bây giờ những thứ nghi trang của tôi tan biến đi đâu mất.

Khi buổi chiều tôi lớn cao già dặn còn anh thì ngu ngơ mười chín tuổi. Buổi sáng anh vụt cao lên đè bẹp tôi. Anh ăn gian với cái tuổi hăm ba ấy. Những cử chỉ anh vùng thoát tự đam mê sâu thẳm. Anh đam mê buổi sáng. Tôi đam mê buổi chiều: Mỗi người đam mê ở một lúc khác nhau, phải chỉ nó trùng lại một thì đỡ khổ biết mấy. Nhưng dù sao anh cũng đã lấy hai cái tuổi đó để đóng khung cái tuổi hăm một của tôi. Tôi thấy ấm êm lạ thường. Anh siết chặt tôi đến nghẹt thở muốn gãy xương. Anh ôm giữ tôi chờ mặt trời lặn. Nhưng rồi mặt trời đã lặn và anh cũng không được gì. Tôi biết, tôi hiểu và tôi thương anh. Nhưng tôi cũng thương tôi chớ. Đó là cái quyền có ở mỗi con người.

Anh đưa tôi về. Gió thổi mát. Trời hoàng hôn đẹp chi lạ. Tôi bằng lòng tôi. Tôi vịn vào anh mà đi những bước đi nhỏ. Anh hỏi xin tôi cái hình để mai đi. Tôi hẹn anh tối đó. Buổi tối tôi chờ anh. Những giờ khắc qua đi qua đi trên cái đồng hồ nhỏ xíu nơi tay. Tôi không thấy anh đâu cả. Tôi thương cái đồng hồ và cườm tay tròn nhỏ của tôi. Tôi ước ao có anh đến để anh hôn tôi dưới bóng cây này hay mình vào xi-nê hôn nhau trong bóng tối. Tôi thích như vậy. Những chiếc phi cơ lên xuống ở phi trường đèn đỏ chớp chớp nhoè nhoè như những con bướm lửa. Bầu trời mênh mông và một màu đen khảm kín. Sân ga vắng tanh. Đèn phố có chỗ không. Tôi cô đơn quá. Tôi khóc một mình.

Tôi nhớ sáng anh đi Đà Nẵng. Tôi ra ga chờ đón. Nhưng cũng chẳng thấy anh đâu. Tôi buồn tủi trở về và tôi đã xách đồ ra ga về Tuy Hoà chuyến xe mười giờ. Chị tôi hỏi: Sao em nói ra ăn tết với chị bây giờ lại về. Tôi không biết trả lời sao. Bây giờ là hăm chín tết. Chiều nay họ trước ông bà. Tôi vẫn đi.

Những ngày tết đã qua nhanh. Tự trường đã hai, ba bữa gì rồi. Tôi giảng bài, những khuôn mặt quê mùa ngờ nghệch. Người tùy phái gõ cửa nói có thư cô. Tôi đón nhận cảm ơn nhiều. Tôi đọc qua tên tôi và không thấy tên ai gửi. Những con dấu Sài Gòn làm tôi biết thư anh. Tôi ép nó vào giữa hai trang sách. Tôi hỏi hộp quá chừng không biết anh nói những gì. Lời giảng tôi cố hiền lành dịu ngọt mà những cặp mắt chúng ngờ ngác như lạc trong bãi sương mù, tôi không biết mình ngu hay chúng dốt. Tôi mong cho hết giờ. Anh hờn trách tôi, tôi hiểu. Lẽ ra anh không nên hờn trách tôi mới phải. Anh có nói ngày vô. Tôi tính giờ khắc con tàu đến và lấy vé Tuy Hoà – Nha Trang cùng với người chị. Anh nhận ra tôi trên tàu. Tôi ra dấu anh dừng lại. Chị tôi biết rồi. Anh cũng dừng oán trách chị. Chị không muốn tôi trở về như hôm ở Qui Nhơn vậy. Chị có quyền thương em gái chị cũng như anh có quyền thương thân xác anh. Suốt mấy trăm cây số con mắt tôi không nói được gì. Con tàu chạy qua Vũng Rô. Biển dưới sâu xanh biếc phẳng lặng như bản thủy tinh, phản chiếu ánh mặt trời. Nó yên lặng quá, đắm đuối quá. Nhưng mắt tôi có phản chiếu được gì như nó chẳng. Tôi thấy hoàn toàn lẻ loi đơn độc như hòn đá Mẹ-bồng-con chói lọi giữa vũng để năm tháng đi nhanh trên vai tóc khác nào lôi nhanh vào những ký ức nhớ thương.

Sao anh không xa hơn một tầm tay mà tôi không bắt được. Sao anh không đọc hết niềm yêu thương trong

ánh mắt tôi. Tôi yêu anh yêu biết nhường nào như quê hương yêu anh yêu mê mết mà anh đứng đưng, nguội lạnh. Tôi buồn như những đám dương vùng Đại Lãnh. Tôi khóc như mưa chiều về với núi Vọng Phu. Anh thấy tôi xuống ga Nha Trang, anh vội vàng xuống xin trường ga nghỉ vài giờ. Tôi nhận được lời hò hẹn của anh nhân khi chị tôi không để ý. Tôi ra xe không kịp cho anh biết. Tôi khó lòng mà đi với anh đêm nay. Sao anh hờ hững rồi lại đam mê. Tôi thì bị đóng khung chịu tháng ngày đốt cháy. Chắc anh giận vì hôm đó không gặp anh. Tôi cũng không biết sao cả.

Buổi sáng ở Nha Trang tôi đi dạo ở Cầu Đá, bên kia núi cao chót vót làm biển bên này sâu thăm thẳm. Tôi đứng trên những hòn đá con con, nước lấp lém bao quanh, rong rêu mọc dưới đó. Những con cá bé tí ti xanh đỏ bơi qua bơi lại trong khe. Mặt nước biếng nhác. Biển mở rộng ra đại dương. Cầu tàu từ đất liền trườn dài chúi mũi xuống nước sâu. Trên trời những cụm mây trắng lang thang. Tất cả đều không nghĩ đến tôi. Tôi cô đơn như biển sâu, như núi cao, như mây trời trắng bệch. Có anh ở đây không. Anh ở đâu bây giờ? Buổi chiều tôi ra bãi biển. Gió làm lá khô lăn lăn. Những đợt sóng ra vào liếm ướt viền cát, xoá đi công trình của những con dã tràng hay dấu chân hai người mới in song song. Vài con còng xanh đỏ như những nhân vật tuồng tàu xiêm y rực rỡ, rụt rè ở cửa hang. Người ta nhờn nhờn nhiều quá làm chúng hoảng sợ hay người ta tươi trẻ quá làm chúng thấy già nua ngượng nghịu. Tôi ngồi thu hình với con cháu bé đầu óc rỗng không. Ý thức gần như loãng theo sóng nước ra khơi. Có tiếng hát từ một cái bar: Who's sorry now, who's sorry now. Tôi nghĩ: Where are you? All alone, I'm sorry.

Rồi một ngày qua một ngày lại. Hương khói mùa xuân còn nghi ngút ở Tháp Bà. Tôi đứng trên những tam cấp nhìn xuống cầu Xóm Bóng cong cong. Nước dưới cầu lặng lẽ. Chị rủ tôi sang Hòn Chồng. Tự dưng tôi thấy rừng mình: Cũng như cầu Đá là nhiều. Tôi mỗi một quá chừng. Tôi muốn xuống an nghỉ nơi chiếc cầu và nước sông kia.

Mùa xuân đã đưa đẩy tôi vào bóng tối.

Tôi bỏ thành phố chết đó sau hai ngày. Tôi lại chui vào mái trường chật hẹp, nhỏ nhoi và bị đóng khung trong đó như thành phố Tuy Hoà nhốt trong tỉnh Phú Yên và tỉnh Phú Yên nhốt giữa đèo Cả và đèo Cù Mông. Bên này là đại dương, bên kia là Trường Sơn tù túng. Tôi tiếc đã xum xoe chạy ra phía bắc, chạy vào Nha Trang phía nam để cuối cùng cũng hoàn lại đây.

Ngày tháng đem lại cho tôi những mơ hồ: Quê hương hiền lành chất phác mà sao mãi chém giết hận thù. Anh là người Qui Nhơn mà sao không biết một tí gì về thành phố đó. Tôi thì yêu anh mà sao không được dự vào một phần đời sống anh. Tại sao chúng ta bị đưa đẩy vào những nghịch lý như vậy để rồi đơn độc trong những cuộc hành trình không mấy chi đẹp đẽ: Quê hương đang đi dần vào cái đói khổ, điêu tàn. Tôi đang đi dần vào cái già nua, nhục nhẽ. Còn anh, anh đang đi dần vào cái gì? Tôi nghĩ là anh đang đến thăm tôi. Con đường từ trong đó ra đây chắc không gì nguy hiểm?"

Lá thư sau đó được đem đốt thành tro, những cánh tro mỏng manh ném theo gió bay đi dọc con đường ngắn, không có gì nguy hiểm cả.

CẢNH CỬU

đã đăng trong tạp chí Văn số 45, 1.11.1965



GỬI BẠN XỨ ĐOÀI XA XỨ

Tặng Dương Từ Vũ
N.K.

Mình chưa trở lại đồng Bương Cấn
Ngắm núi Sài Sơn mây trắng bay
Ba Vì đèo dốc tình hoang vắng
Ai người cứ ở mãi Sơn Tây ?

Rượu rót ra rồi ... mình độc ẩm
Nâng ly mời bạn tận chân trời
Sông Đáy trơ lòng ... mình soi bóng
Nỗi sầu cạn chén cũng đầy vơi.

Thôi rồi còn mãi là đôi mắt
Ở miệt Phú Yên tắt ánh chiều
Thăm thẳm trông về nơi Phú Quốc
Dập dờn mây trắng một trời yêu.

Ba Vì 26.8.2005
Hà Nội 20.3.2006

NGUYỄN KHÔI

TRIỆU TỬ TRUYỀN

VŨ NỮ-KỸ NỮ

Cây trơ trụi đợi hết đông
trời Séoul chói nắng trong gió hàn
nhánh cành gục nhớ lá vàng
chờ xanh lại kiếp hợp tan luân hồi
chim treo tổ ngọn chọc trời
ngoài quanh buốt giá trong tươi giọt hồng
hộp đêm vũ nữ lạc chồng
còn nguyên kỹ nữ ẩm nồng khách xa.

NĂM NGÀN NĂM TRẮNG MẶT

Chuông đồng đen cuộn lại tháng năm
Bên vườn tùng xanh thâm
vọng âm năm ngàn năm lan tỏa
cội tùng đội tuyết
gù lưng
rắn chắc đâm chồi bốn phương
thưở xưa
em bán mình
anh bán máu
trang sử xanh rụng theo lá mùa đông
còn cành nhánh gùn-sien
triền đồi gió xoáy
nhà chọc trời
xe hơi
đường cao tốc
chỉ trái tim kỹ nữ
không đổi thay
năm ngàn năm trắng mặt

TRIỆU TỬ TRUYỀN

Nguyệt Cầm

Kính tặng Họa Sĩ Hồ Thành Đức

Em ôm đàn Nguyệt ngó trăng. Trăng trên mây ngó em nằm, ngẩn ngơ! Hỡi ơi tiếng Nguyệt Cầm chờ, tôi còn hơi thờ còn mơ tưởng nàng. Con trâu ngủ với tiếng đàn, con tim tôi thức đêm tàn muôn đêm!

Đêm tàn, trăng vẫn mông mênh và em non nước thác ghềnh bao la. Trăng non ai bảo Trăng Già? Núi kia ngàn tuổi cứ là Núi Non! Bao lâu nổi nhớ tôi mòn sẽ như con suối trên nguồn cạn khô? Em ôm đàn Nguyệt ngân tơ nghe chẳng tấm khóc bên bờ ruộng dâu?

Cuối cùng: nước chẳng về đâu, con trăng lạnh lẽo bên lầu quạnh hiu. *Lệ không lau với khăn điều, Quê Hương tôi gửi về nhiều tương tư...Quê Hương, thuở đó, bao giờ? Quê Hương, sau nữa, xin nhờ cây em!*

Em ôm đàn Nguyệt, ngó lên; cái hôn tôi gửi cho ghềnh thác reo...*Em à em rất mến yêu, câu thơ trên tấm khăn điều, Trời ơi!*

Mai Mốt Tôi Về Thăm Hậu Nghĩa

“Mai mốt tôi về thăm Hậu Nghĩa, thăm Trảng Bàng, thăm xóm đạo Tha La, thăm con sông chảy qua thành phố, Vàm Cỏ Đông ơi, nhớ lắm mà!”.

Từ núi Bà Đen tôi ngó xuống, mơ hồ Hậu Nghĩa dưới lùm mây, mơ hồ ai đứng bên song cửa, tóc mượt vô tình con gió bay...

Tôi nói gì em? Tôi mới nói. Tôi đang đâu nhỉ? Ở quê người! Hai mươi năm chẵn xa non nước, còn tấm lòng đây chưa bốc hơi!

Còn tấm lòng đây, tôi nhớ em, nhớ người con gái má hoa sen và chân hoa nở theo từng bước và nụ cười như trăng mới lên!

Còn tấm lòng đây, tôi với thơ, giấy xanh, giấy đỏ đã bao tờ, thả bay theo gió về vô tận mong đậu bên nàng một giấc mơ!

Một giấc mơ màng Hậu Nghĩa đâu? Củ Chi hăm hố có lên lầu? Xương thù, xương bạn, xương nào mục, Vàm Cỏ ơi chìm đi nước sâu!

Vàm Cỏ ơi về trong chiêm bao, một mai mưa nắng áo phai màu, tôi mà về được, tôi hay gió, em lạnh chiều nghe chắc hụt hao?

Nhớ quá. Thơ tôi bỗng rất buồn. Ai kìa hiển hiện giống như sương...Hai mươi năm chẵn tôi mừng tượng: ai đó chờ tôi ở cuối đường...

TRẦN VĂN LỆ

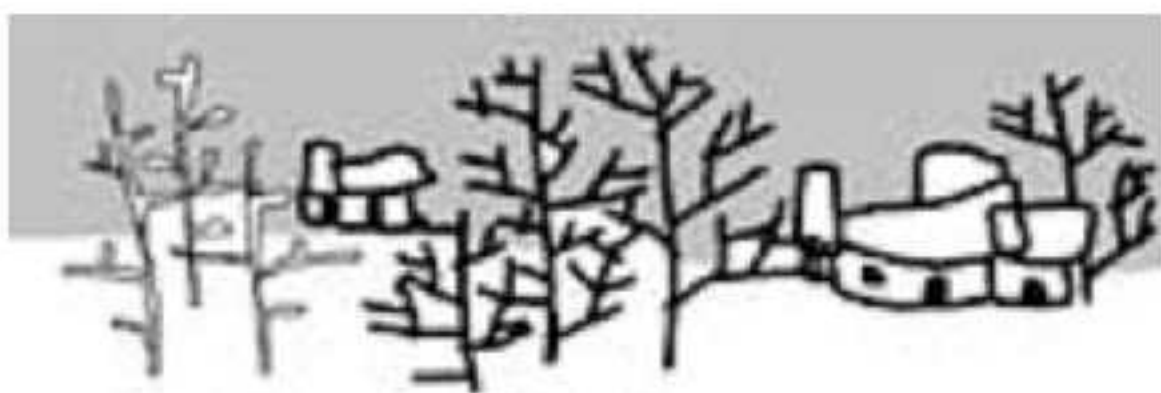
NGƯỜI GÁNH NẶNG TRƯA

*Vai tròn người gánh nặng trưa
bán rong loáng loá mưa mưa vô tình
giọt chân dẫm bước lên mình
Tôi chờ bóng xế mua hình xiêu diêu.*

ÔNG LÃO XE BÒ

*đầy hàng ngược dốc lắc lè
oằn vai bò kéo bánh xe lăn dừng
ngọn roi lơ vút ngang lưng
nước ràn mắt lão tay chùng đau roi*

VŨ QUANG TÀN



CANH RAU QUÊ HƯƠNG

truyện ngắn

NGUYỄN THỊ DI

Như một nén nhang để tưởng niệm anh LÊ QUANG THIỀU , qua đời ngày 08 tháng 4. 2008 tại Paris.

Đầu năm 1985 ông xã tôi thuyền chuyển về Saint-Aulay.

Saint-Aulay nằm gần như ngay giữa 3 thành phố lớn Périgueux (khoảng 50 cây số), Angoulême (khoảng 60 cây số) Bordeaux (khoảng 90 cây số) . Sau 3 ngày thăm viếng nhà máy trở về, ông xã tôi kể cho mấy mẹ con nghe : nơi đây có gần 2000 nóc nhà , có bác sĩ , nha sĩ , nhà thuốc tây , viện dưỡng lão, một siêu thị nhỏ, một cửa hàng bán thịt của con trai vị thị trưởng, bạn học rất thân của ông François Mitterand ... nhưng lại không có bệnh viện, trường học từ lớp vỡ lòng đến trung học cấp 1 (lớp 9) lên lớp 10 (cấp 2) học sinh phải chọn đi Ribérac(Périgueux) hoặc Coutras (Bordeaux), bằng xe bus đưa đón .

Được thành lập từ năm 1903, nhà máy Lafarge Réfractaires Saint-Aulay là cơ sở kỹ nghệ của tập đoàn Lafarge Corporation chuyên sản xuất các sản phẩm gốm chịu lửa (réfractaires) như các khuôn mẫu để đúc tiền, đúc vỏ đạn hoặc đúc những dụng cụ trong hệ thống điện tử... với hơn 500 nhân viên mà đa số là dân địa phương của Saint-Aulay và các làng phụ cận. Họ là những nông dân , ngoài giờ làm việc về nhà làm thêm nghề thứ hai như trồng rau , lúa , trồng nho... Mùa đông ở đây thỉnh thoảng mới có tuyết ...và chỉ cách biển Royan (Bordeaux) hơn một trăm cây số như Sài Gòn Vũng Tàu vậy ...

Mấy đứa nhỏ nghe nói tới "biển" hồ hởi phấn khởi thi nhau hỏi :

- Chùng nào mình đến đó ba ?

Ông xã tôi nghiêm giọng :

- Tháng 2, ba đến Saint-Aulay nhận việc , các con chờ tháng 3 nghỉ học 2 tuần mùa xuân ba về đón và đi cùng lúc xe dọn nhà về , mấy mẹ con lo thu dọn những thứ không cần thiết thì vứt đi , quần áo cho vào thùng carton gọn gàng , và nhớ ghi tên ngoài thùng là thứ gì để tiện khi mình mở ra ...

Tôi tò mò hỏi :

- Nhà cửa như thế nào hả anh ?

- À ông giám đốc trước để căn nhà ông ấy ở cho mình ! nhà khá lớn , một "maison de maître" em ạ, có một tầng lầu với 5 phòng ngủ nằm giữa khoảng đất hơn 1000 mét, tầng dưới là 2 salon, 1 thư viện, 1 phòng ngủ, bếp nhìn ra sân sau và couloir rộng thênh thang đủ để cu Mỹ nhà mình đá banh, còn bên garage có thể đậu được 4 chiếc xe ... lại ở đối diện với nhà máy, anh chỉ cần đi bộ khoảng hơn 300 thước là sang đến sở làm !

Nghĩ đến ngày từ giã Nancy, thành phố gia đình tôi đã chọn để định cư từ khi đặt chân trên đất Pháp , dù ở đây mặt trời chỉ ghé chơi đôi ba tháng, nhưng nơi này đã cho gia đình tôi nhiều kỷ niệm buồn vui của những ngày đầu xa quê hương ... Tôi thở dài xua đuổi những suy tư vẩn vơ trong tâm trí quay về thực tại : Điều quan trọng là công việc làm của ông xã , nguồn tài chánh duy nhất cho gia đình !



Xe chuyển bánh rời Nancy , mặt trời mới vừa nhô nửa đầu với ánh vàng dịu dàng không đủ hơi nóng để đánh tan lớp tuyết còn nằm im trên những nụ non vừa nhu nhú chào đời , chúng tôi đi từ miền đông (Nancy) đến miền tây (Bordeaux), ngang qua những thành phố lớn nhỏ , đến Saint-Aulay 19 giờ chiều mặt trời vàng còn rực thức như đợi chúng tôi để hơn 10 đêm mới đi ngủ.

Tôi không biết gọi Saint-Aulay là : quận hay làng với dân số hơn 3000 người ? vì nếu làng thì không có trường trung học , quận thì phải có bệnh viện .

Trong nhà tạm ngăn nắp, nhìn kỹ bao gạo, chai nước mắm mang theo từ Nancy đến đây cũng sắp cạn, tôi thấp thỏm lo không biết mua ở đâu , thiếu hai thứ này ông xã tôi chắc không "sống nổi qua con trăng này" nhất là thực phẩm Á Châu chỉ bán ở những thành phố lớn như Périgeux, Angoulême hay Bordeaux, nhưng cửa hàng ở đường nào khu phố nào thì tôi chịu thua. Tại Saint-Aulay chỉ duy nhất gia đình chúng tôi là người Việt , biết tìm ai để hỏi thăm bây giờ ? Sau khi lủn quẫn suy nghĩ cả ngày trời , tôi chợt nhớ thời gian sắp rời Nancy tôi có điện thoại từ già vài người quen thân trong số đó có bác sĩ Hiền ở Paris, nghe tôi kể sẽ về Saint-Aulay Hiền nói ngay : " anh chị xuống vùng Bordeaux , gần làng Hồng của Sư Nhất Hạnh , hằng năm vào mùa hè mở khoá học thiền , nhiều người khắp các nước đến tham dự đây , năm rồi tôi có đến hai tuần ", nếu có dịp anh chị sang thăm làng cho biết , tôi ghi địa chỉ với mong ước gặp được Sư Nhất Hạnh , tác giả bài thơ được phổ thành nhạc " Bông Hồng Cài Áo " ... những bông hồng cho những ai còn mẹ hiền " giọng hát nhẹ nhàng đầy truyền cảm của người ca sĩ đã làm xoáy đau tim tôi, tìm một cô gái đang còn mang tang mẹ !

Cuối tuần đó ông xã tôi lái xe mang gia đình sang thăm làng Hồng , trên đường vòng quanh những khu nông trại , thăm thăm màu xanh non mướt đồng lúa mì, ruộng bắp, đồng cây mù tạc (mourtarde) vàng rực trải dài từ ngọn đồi này sang ngọn đồi nọ nối tiếp với chân trời . Máy đưa bé đề nghị ông xã tôi ngừng xe chụp vài tấm ảnh kỷ niệm để gửi bạn bè ở Nancy. Tôi đi dọc theo bờ ruộng hít thở không khí thiên nhiên, chợt đập vào mắt tôi một cụm "cỏ" xanh mướt nằm cạnh những chân hương dương đang tuổi lưng chừng , tôi xắn quần bước xuống , ông xã tôi la lớn :

- Em định làm gì đó ? coi chừng chủ họ gọi police bây giờ !

Ông xã tôi tưởng tôi định hái hoa, tôi ngắt ngọn rau xanh đưa lên mũi "đúng rồi" , để chắc ăn hơn tôi vò vò thân cây , hít ngửi rồi cúi xuống hái hơn nắm tay , cầm đến đưa :

- Rau dền anh à !

Ông xã tôi nhìn nghi ngờ :

- Phải không đó ?

- Em ăn rau dền mơn gòn nửa răng làm sao mà em làm được ?

Tôi đưa ông xã tôi ngửi , nhưng ông lắc đầu :

- Một loại cỏ có mùi giống ! rau dền mọc xứ nóng , làm sao sống nổi nơi xứ lạnh dưới độ O hả em ? Vứt đi , nghe anh vứt đi !

Tôi làm thinh đem đến sau cốp xe:

- Lá rau dền rành rành như vậy mà anh cho là cỏ ; em sẽ ăn một mình !

Ông xã tôi phân trần với mấy đứa nhỏ :

- Ba thì không rành lắm , rủi ro không phải là rau dền mà là rau gì đó ăn vào đó lưỡi ... ông đòi giọng nói đờ đờ , làm mấy mẹ con phải bật cười !

Sau khi đã qua khỏi Sainte-Foy-La-Grande và đến gần khu vực được chỉ dẫn trên bản đồ, chúng tôi bắt gặp 2 bảng chỉ dẫn bằng chữ Việt viết theo lối thư pháp : Làng Hồng : xóm Hạ , xóm Thượng...

Ông xã tôi nói ngay :

- Mình vào xóm Hạ trước , vì có Hạ rồi mới lên Thượng chứ , từ Thấp lên Cao theo thứ tự ... "*thiên Thượng, địa Hạ, duy ngã độc tôn*"

Trên đường tìm đến xóm Hạ, một chiếc máy cày đang chạy cà rịch cà tang phía trước , ông xã tôi chạy nhanh vượt qua mặt .

Ngoảnh nhìn người lái xe : một thanh niên da vàng độ 20 , tôi quay sang nói với ông xã:

- Người lái xe là người Việt anh à !

Cho xe ngừng lại bên mé đường , ông xã tôi bước xuống ra đầu đón xe máy cày .

Cậu thanh niên ngừng xe máy cày lại, nhanh nhẹn nhảy xuống xe máy cày , cười toe toét :

- Dạ , chào anh chị .

Ông xã tôi vào đề :

- Chào em, em ở trong làng Hồng phải không ? Chúng tôi từ xa đến tìm thăm xóm Hạ !

- Dạ dạ anh cứ lái xe thẳng đường này , tới ngã tư thứ 3 anh quẹo tay phải rồi chạy chừng 3 phút , anh sẽ thấy một chòm nhà xưa tường bằng đá , anh chạy thẳng vào ... gặp anh chị cô chú chắc vui lắm ! em chào anh chị , lát nữa gặp lại anh chị há! Em tên là Dũng.

Xe tới đầu ngõ , hai đứa bé từ trong nhà chạy ủa ra sân ngoái cổ vào nhà kêu lớn :

- Ba ơi có khách !

Người đàn ông đứng tuổi, dáng cao gầy từ trong nhà bước ra, trong tay một bó rau xanh , bàn tay trái che trán , nheo nheo mắt nhìn, ông xã tôi cho xe từ từ lại gần , người đàn ông để rau trên chiếc bàn đá nhỏ , thông thả bước tới , ông xã tôi ngừng xe bước xuống tự giới thiệu :

- Chào anh , tôi là Vũ , gia đình tôi từ xa mới đến Saint- Aulay, cách đây hơn 50 cây số , bác sĩ Hiền có cho chúng tôi địa chỉ làng Hồng...

Người đàn ông đưa bàn tay định bắt nhưng vội rút ngay lại :

- Xin lỗi, tay tôi bẩn đất , tôi là Thiều .

Từ trong nhà, một người đàn bà gương mặt trắng như sữa tươi , vội vã bước ra đi nhanh về phía chúng tôi gật đầu chào với nụ cười thật hồn nhiên!

Anh Thiều nói ngay :

- Bà xã tôi đây

Tôi cười :

- Chào chị !

Anh Thiều gọi hai đứa bé trai lại gần :

- Tý, Miêu chào hai bác đi con !

Tý và Miêu khoanh tay kính cẩn cúi đầu chào vợ chồng tôi.

Mấy đứa con của chúng tôi cũng đã lục tục từ xe xuống , tôi gọi 5 trẻ lại chào anh chị Thiều.

Anh chị Thiều vồn vã mời chúng tôi vào nhà , chị Thiều mở lời :

- Xin lỗi anh chị nhà hơi bừa bộn, vì tụi này đang chuẩn bị bó rau để ngày mai đem giao bán cho cửa hàng thực phẩm dưới Bordeaux.

Chị vừa nói vừa đẩy những đồng rau qua một bên , tôi cầm tay chị :

- Tôi phụ chị một tay vừa làm vừa nói chuyện được mà !

Anh Thiều kéo chiếc ghế :

- Chị lại ngồi đây, rau bó một lát xong ngay , em vào pha bình trà đi em .

Tôi xin phép theo chị vào bếp , hỏi thăm qua lại , hai chị em cùng cười nức nở , chị mang bình trà đặt trên bàn tròn hơn hờ nói với chồng :

- Trái đất tròn ghê anh à, chị Vũ dân Bến Tre với em , nhưng chị ở tại tỉnh lỵ .. còn em ở Chợ Giữa cách quận Trúc Giang hơn sáu cây số.

Chị vào nhà mang bánh kẹo nước ngọt cho mấy đứa nhỏ đang ríu rít chạy theo trái banh , sau đó rủ tôi ra sân ngồi trên chiếc băng đá nhìn xuống giải đất đang khai hoang để trồng Prunes (mận), chị nhìn tôi ánh mắt rạng niềm vui ...

- Nghe chị dân Bến Tre, nhìn chị em nhớ những cây dừa xiêm nặng trĩu những trái nhỏ màu vàng , dừa lửa đỏ chị , những tàn lá giang rộng tay che kín khoảng không... Chị nói như trong giấc mơ , rồi thở dài tiếp : Không biết bao giờ em được trở về thăm ba má và cây dừa lửa ngọt ngào ấy ?

Đôi mắt chị Thiều ửng đỏ , tôi ôm choàng bờ vai chị nói nhỏ :

- Tôi tin sẽ có một ngày nào đó mình trở về thăm quê hương , hy vọng và ước mơ sẽ cho mình quên ngày tháng nơi xứ người , hãy cố giữ ước mơ để sống nhen chị !

Tôi chuyển sang đề tài về những cô thầy, trường trung học cấp 2.. chị gật đầu lia lịa thì ra lúc tôi lên Sài Gòn học thì chị mới vào cấp 2 , tôi nhắc đến quán chè , tiệm sinh tố trái cây của anh Biểu Ký , tô bún xào của chị Hai ...

Gương mặt chị im lìm , chị nhìn tôi thoàng nét buồn :

- Năm năm sống nơi đây, quanh quẩn chỉ có vợ chồng em với mấy đứa bé và chú Dũng lần đầu em gặp lại người cùng quê xứ dừa !

Tôi bóp nhẹ bàn tay chị không nói nên lời vì chính tôi cũng lao đao trong nhung nhớ!

Chị nhìn tôi ánh mắt rạng vui :

- Chị 9 Phụng cũng là dân Bến Tre đó chị , nhưng chị Phụng không học cùng trường với chị em mình ,chị ấy sang du học Pháp lúc mình còn học tiểu học .. chị Phụng là em gái của ca sĩ Cao Thái đây !

Anh chị Thiệu mời gia đình tôi ở lại ăn cơm trưa. Nói đến cơm , tôi sực nhớ đến bao gạo nên nhờ chị Thiệu chỉ dẫn địa chỉ cửa tiệm thực phẩm Á châu. Chị lấy viết ghi rành rẽ đường đi , vì Bordeaux là thành phố lớn thứ 3 của nước Pháp , chị đãi chúng tôi canh rau tần ô nấu thịt heo nạc xay nhuyễn, thịt gà kho gừng , món hấp khẩu ông xã tôi : cà pháo ...dầm muối !

Tôi nhớ lại mấy cọng "rau cỏ" nằm sau cốp xe nên chạy ra cầm vào hỏi chị Thiệu . Chị cười ngất :

- Rau dền chớ còn rau gì, bên này lần đầu em thấy thì em cũng như chị , tưởng nhìn lầm , chị đem về nấu canh tôm ăn hết nồi cơm luôn...

Ông xã tôi thắc mắc :

- Làm thế nào mà giống rau dền này có thể sang đây "định cư" nhỉ?

Anh Thiệu giải thích :

- Có thể lúc những người Việt sang đây đi lính thời đệ nhất thế chiến họ mang hạt giống theo để trồng , sau đó gió mang hạt giống đi khắp nước Pháp ! nói xong anh cười lớn ...

Mặt trời nghiêng bóng khi chúng tôi từ giã , chị Thiệu quyến luyến :

- À , ngày mai em theo anh Thiệu giao rau ở Bordeaux , anh chị muốn mua gì nói em mua hộ cho , cuối tuần tới anh chị sang lấy ...

Tôi im lặng nhìn ông xã tôi đang làm bộ như không nghe , tôi ngập ngừng đáp :

- Cảm ơn anh chị , nhưng tôi cũng muốn biết mặt mũi Bordeaux như thế nào , chẳng lẽ nhờ anh chị hoài sao ??? ...

Chị Thiệu vừa ôm bó rau cải đủ loại để vào cốp xe làm quà cho chúng tôi, vừa như than thở , vừa như nỉ nài:

- Cuối tuần anh chị rảnh sang này chơi nhen, ở đây chỉ vồn vện có gia đình em là người Việt thôi !

Tôi gật đầu hứa và chào từ giã anh chị Thiệu. Từ đây, ở vùng này, chúng tôi đã có những người đồng hương, những người bạn và cũng là những người xác định để tôi chắc chắn đó là rau dền quê hương .



Tôi đi "sưu tầm" rau dền nhất là mỗi khi đi ngang những ruộng bắp nơi rau dền ưa mọc nhất ... Có những lúc trên con đường xe chạy, chung quanh một cột trụ đèn , tôi chợt gặp một đám xanh mướt đang đong đưa vẫy gọi tôi , tôi ngừng xe lại bên mé đường, bước đến nhìn rồi định hái , nhưng lại phân vân : rồi có người nào đó ở Saint-Aulay chạy xe ngang nhìn thấy thì kỳ quá , à mà cũng không nên vì nhớ lại điều ông xã tôi có căn dặn "em hái nên cẩn thận để ý xem có thuốc xịt trừ sâu bọ hay không ? có bị mấy con chó giở chân "tươi" lên đó không ?... Tôi quay lại xe, trở về nhà mà lòng tiếc hùi hụi !

Điều đáng nhớ cho tôi là người dân ở Saint-Aulay mộc mạc, hiền hoà như khí hậu ở đây, như những giòng suối nhỏ bao quanh thị trấn này . Buổi đầu khi mới đến, xe dọn nhà của chúng tôi vừa ngừng trước cổng , một số nhân công trong nhà máy đến tiếp tay, phụ khiêng đồ đạc , họ còn mang thêm cả bánh trái, nước uống cho gia đình tôi cùng hai người thợ dọn nhà , trước khi bắt tay từ giã ra về họ còn căn dặn nếu chúng tôi cần gì thì cứ đến gõ cửa nhà họ , cửa luôn mở chờ chúng tôi .

Câu nói đó đến nay, hơn 20 năm sau khi đã rời xa những người Pháp ở đây, vẫn còn văng vẳng bên tai tôi .

Rồi những bất ngờ của nhiều buổi sáng khi mở cửa để đi sang nhà máy làm việc: chồng tôi và tôi lại trông thấy món "cadeau" (quà) treo trên tay vịn cửa nhà : một giỏ nấm cèpes khoảng 2, 3 kí lô hoặc một cây chou - fleur (súp lơ) tươi rói hay một chai rượu pineau ngọt lịm đặc biệt của vùng Saint-Aulay hoặc những trái cerises chín mọng ... Quà của ai ? cho đến nay chúng tôi cũng không thể biết được mà chỉ biết một điều do chồng tôi thuật lại khi từ nhà máy trở về để ăn cơm trưa : chồng tôi có hỏi một số trong những người thợ làm việc , họ đều vừa cười vừa trả lời: chắc của mấy người lối xóm đó ông à ! .

Một kỷ niệm khác nữa không thể phai nhòa trong tâm tưởng của tất cả gia đình chúng tôi , những người Á châu, những người Việt Nam đầu tiên đến ngụ cư tại Saint-Aulay : Khi chồng tôi lại phải chuyển về một nhà máy khác của công ty Lafarge ở Vendeuvre-Sur- Barse - Troyes , chúng tôi đã thật vô cùng xúc động vì tình cảm của những người đã làm việc với chồng tôi mặc dù chỉ một thời gian ngắn ngủi 19 tháng : họ đã chạy xe theo để tiễn chân cho đến lúc xe chúng tôi sắp ra khỏi địa phận Saint-Aulay mới chịu dừng lại và rồi lại những màn ôm siết nhau, hôn má nhau... trong những đôi mắt của họ, của chúng tôi đều mờ đỏ vì nhoe nước mắt ...

Giã từ thị trấn nhỏ đáng yêu Saint-Aulay là tôi cũng tạm biệt gia đình anh chị Thiều, chú Dũng của xóm Hạ làng Hồng, những người đã chia sẻ với gia đình chúng tôi những cọng rau quê hương mỗi dịp qua lại và giã từ những buổi chiều thanh thản, khi mặt trời còn rực sáng đi dạo trên những con đường quê yên vắng .

Phần tôi và hai con gái lớn trong những buổi chiều đi dạo đồng quê như thế cũng là những dịp để "sưu tầm" rau cỏ .Chúng tôi đã tìm được rau cần nước, rau cải xoong (cresson) trong những con suối nước trong suốt cạnh những cánh rừng sồi và hiển nhiên là những cọng rau dền nồng mùi vị quê hương.



Rời Saint-Aulay, chúng tôi lại lên đường đến thành phố Troyes , cách Paris đúng 186 cây số .

Theo ngày tháng các con tôi như những con chim với đôi cánh vững chắc , lần lượt bay đi khắp nơi : Paris , Orsay , Toulouse , Bucarest , ...

Ở Troyes có nhiều cửa hàng thực phẩm Á châu và bây giờ trong nhà chỉ còn lại hai người "hơi lớn tuổi" với những chiếc răng luôn luôn hăm dọa vĩnh viễn ra đi nên việc ăn uống cũng giản dị trở thành "ăn để tạm sống qua ngày" . Nhu cầu sưu tầm rau dền không còn "nhộn nhịp" như thưở nào. Chủ nhật , đầu mùa hè, khí hậu ấm áp hình như 20 độ, tôi đang đọc trang báo net Newvietart , bỗng chuông điện thoại reo vang, nhắc lên :

- Alo, Alo ...

Bên kia đầu giây, giọng lạnh lút của cô con gái lớn ở Orsay :

- Mẹ à , vợ chồng con vừa đi mua rau ở vườn Bio (*) , mình ra vườn hái loại rau nào mình muốn , sau đó đưa họ cân ký tính tiền ...mẹ biết không ?

Tôi nhẹ nhàng trả lời :

- Dĩ nhiên là không rồi !

Với giọng cười ròn tan cô con gái tiếp :

- Khi con tới mấy luống radis (một loại cải củ), con thấy rau dền màu tím , con rủ tai chồng , đầu sao Tây với Tây nói chuyện dễ hơn... chồng con vào gặp người chủ vườn nói với ông này :

- Ông có thể đi tới luống radis với tôi được không ? vì nơi đó có loại cỏ mà mấy con thỏ của tôi rất thích ăn , nếu ông đồng ý cho chúng tôi nhờ .

Người chủ vườn theo chồng con ra xem , buồn cười ghê, chẳng những ông ta đồng ý cho mà còn phụ nhờ với tụi con , ông ấy còn sang bên vườn trồng cà chua nhờ thêm một bó nữa đưa cho tụi con , sau đó còn nói cảm ơn tụi con đã nhờ cỏ dùm họ ... vì nhờ luôn cả rễ nên con phải lật từ này tới giờ , nhớ mẹ con phone kể cho mẹ nghe ! hi..hi...

Tôi mỉm cười , qua điện thoại nói với con gái :

- Con nhớ nấu với canh tôm cho thỏ cha, thỏ mẹ, thỏ con của con ăn con nhé !

Tôi đặt điện thoại xuống , nụ cười vẫn còn trên môi, nghĩ :

Hai mươi bốn năm sau : Rau Dền , món Canh Rau Quê Hương .

(*) Bio : phương pháp trồng không sử dụng phân hoá học.

Viết xong đúng vào giờ 100 ngày của anh Lê Quang Thiều - Troyes ngày 16 tháng 7 năm 2008.

NGUYỄN THỊ DI



ĐỒNG LÀNG

truyện ngắn

NGUYỄN LỆ UYÊN

Trông tre buổi xế trưa gió hiu nhẹ như chiếc quạt to phẩy mát cho các bà ngồi túm lại hóng mát, làm những chuyện vặt. Nhưng hơn hết là cái có để dòm ngó vào đời tư kẻ khác như một trò giải trí không mất tiền. Đám phụ nữ đó trên dưới bốn mươi đâu chừng bảy tám người. Trước, họ là những nông dân rất. Nay thì cái “mác” nông dân của họ đã thực sự lùi sâu vào quá khứ. Họ đã được tách bỏ bao nỗi nhọc nhằn ra khỏi cuộc đời. Những thửa ruộng sinh không còn chỗ gieo sạ cây lúa, không nơi đào ao nuôi tôm cá mà là những nhà máy sừng sững cao ngất, đè tất cả quá khứ khốn khổ bên dưới những ống tròn xịt khói nhuộm đen cả xóm làng. Những cột khói ấy đang từ từ giải phóng họ. Và những con người ấy đang trở thành những kẻ nhàn hạ ngay chính trên mẫu ruộng nhỏ giờ nhô cao hơn nền đình làng. Món tiền được đền bù là khúc rẽ cuộc đời của làng Nam Thổ, nằm kẹp giữa khúc sông rộng và quốc lộ chạy xuôi theo hướng bắc-nam.

Có lúc Chèo đứng soi mặt mình trước tấm gương to bằng cuộn vở học trò, móc trên cột gỗ góc nhà và bỗng khám phá ra rằng da mặt mình giờ mịn màng, trắng trẻo hơn. Những sợi lông tơ phơn phớt nhuộm đôi gò má ửng hồng, khác với mấy tháng trước, khi hai chân cô còn thọc sâu dưới đồng ruộng sinh, chia mặt hứng những ngọn gió nam khô khốc, tấp chấy da; những sợi roi mưa theo gió mùa đông bắc cửa quạt buốt mặt mũi, tay chân. Bất giác cô đưa mu bàn tay cọ lên má. Một cảm giác nhột nhạt, gây gây rung lên. Bàn tay tự rơi xuống cổ. Chiếc cổ dài và trắng. Nhưng chiếc cổ ấy có vẻ như không chịu đựng nổi những cái cọ vuốt nhẹ của đôi tay làm cho khuôn mặt cô lúc nghiêng bên này, nghiêng bên kia trước tấm gương soi. Cuối cùng bàn tay của chính cô thả xuống ngực. Bộ ngực phập phồng qua lần vải dày sắp nhảy ra ngoài với đôi tay. Chèo đỏ mặt, buông tay quay đi chỗ khác. Chèo không còn thấy khuôn mặt mình nhảy múa trong gương soi. Sự tách đôi đột ngột che khuất cái nhìn nhưng có sức hút khuấy trộn để cô trộm nghĩ về nhan sắc mình: Nó cũng dễ coi. Nó không đến nỗi nào.

Nó chính là cái có để bà Tư Bèo, thốt lên kinh ngạc trong lần về quê ăn tết, bất ngờ nhìn thấy cô đang thờ thần ngoài ngõ: “Trời, con Chèo đó hử? Đẹp chi mà đẹp nảo đẹp nùng. Con mẹ mày hồi xưa đẹp nhất làng. Mẹ mày mất, giờ thì mày đẹp nhất làng chớ còn ai vào tranh. Mày cứ ở mãi xó này lại phí cuộc đời”. Những lời khen ngọt lim lép kèm theo những ngón tay trái chuối trôi trên bàn tay Chèo, trôi vào cõi lòng Chèo với cảm giác rất lạ: ấm áp và lạnh lẽo trộn lẫn. Cô cúi đầu không trả lời. Mà cô cũng chẳng biết phải trả lời sao cho phải khi nhìn thấy cái nguýt dài và nhọn như lưỡi mát dưới đuôi mắt bà Tư. Cô giật nhẹ tay khỏi lớp mỡ màng của người đàn bà tròn như đôn bánh tét, bước lui ngượng nghịu, tai nghe với mấy lời vói theo: “Con nói chiều cô qua thăm anh Năm ghen”.

Bà Tư mất hút đầu đó trong kiệt nhỏ. Chèo thở phào như vừa tránh con rắn dưới gan bàn chân trần, trở vào nhà cầm chiếc rổ tre ra vườn ngắt những cọng bồ ngót, rau dền, bình bát, đầu óc lớn vờn những hình ảnh của sự gặp gỡ xanh lè ngoài ngõ với bà Tư lúc nãy.

Con mụ - cả làng đều gọi bà Tư Bèo là con mụ - bỏ làng mấy năm sau mới quay về. Bà rực rỡ, loá sáng giữa giữa đám dân làng xóc xếch, vàng xuyên đầy tay, dây chuyền kéo trĩu xuống tới bộ ngực chảy xệ, đồ sộ. Con mụ che chiếc dù đỏ, môi son đỏ hoét, mắt mang kính đen, vắt chéo chân từng bước từ kiệt tre vào nhà. Con mụ nói giọng chót chả, cười rung đôi má, rung chiếc bụng đầy mỡ khiến những đứa con gái như Chèo vừa sợ hãi vừa thèm thuồng.

Dân làng kêu: Không biết con mụ làm cái giống gì mà chỉ ba năm sau người dất đầy vàng? Người độc miệng nói: Mả cha con mụ phát đấy!

Sự “phát” của nhân vật kỳ lạ, hành tung không bình thường này, bữa nay đột ngột xuất hiện và được bà Hai Côm vêu mỏ lên với đám chị em, chắc như đinh đóng cột:

- Bộ dạng ấy không làm dĩ thi cũng dất mỗi, tú bà.

Người đàn bà ngồi trước rổ hột điều, hai tay thoăn thoắt lột lớp vỏ lụa, bày bộ ngực nhão, phơi lòng thông ra bên ngoài để thẳng con nhỏ trườn lên, miệng mút chùn chụt núm vú nhăn nheo, một tay giữ chặt núm còn lại như sợ có đứa nào lấy mất, hắt cằm lên, cãi:

- Già khụ. Bốn năm mươi còn dĩ điểm cái giống gì, đâu như thời còn Tây còn Mỹ?

Một bà khác tay đập chành chạch những con bồ hóng bay vo ve trên mắt, cười hềnh hếch:

- Nghe nói nay Tây ba lô qua mình nhiều.

Bà Hai Côm:

- Ủa, có thể lắm.

Chèo đặt chiếc rổ tre lên đùi, lật lại những cọng rau xanh, khép nép nghe những lời bình phẩm, không tham gia.

Câu chuyện bất ngờ chuyển qua hướng khác. Chị đàn bà có chiếc vú mướp bỏ trần ra ngoài xoắn những hột đào trong chiếc cảo bung vành, thành nhiều vòng:

- Đời này sướng thiệt đấy. Thằng cha Tám Cận goá vợ nhận cục tiền đèn sào ruộng đầu bảy triệu, liền xuống phố tậu ngay chiếc xe máy Tàu chạy mù trời.

- Mấy bà không biết gì sao? – Bà Ba Vịt lộn kêu lên - Thằng chả đêm nào cũng mò xuống con mẹ Bình bánh trắng làng dưới. Có bữa ghé lại chỗ tôi mua cả chục.

- Vịt lộn để nhử hả? - Tiếng the thé của ai đó như tiếng bà Năm Dây Sên cất lên bốn cột, bới móc. Chị vú mướp trề môi:

- Nhử gì nữa mà nhử. Để tâm bồ mấy bà ơi! Thằng chả bảy mươi, con mẹ sáu mươi. Hồi xuân. Sung lắm.

- Mà thử rồi sao biết sung? – Bà Vịt lộn thêm.

Câu nói vừa rơi vãi ra quanh chỗ bọn họ ngồi, bay lả tả, lập tức những tiếng cười ngật nghẻo tràn ra kèm theo những tiếng “quỷ, quỷ” đầy lỗ tai. Và phụ họa vào những tràng ngật nghẻo quỷ kia là những âm thanh phát ra từ những chiếc loa thùng quanh xóm, xoắn theo gió bay về. Những âm thanh lạc quạc, ngọng nghịu, những ca từ kéo dài, thu ngắn từ những chiếc miệng móm người già, chưa tròn chữ của trẻ con phát ra ong ong, vương vীu lên tận đợt tre cao.

- Nhà bà Năm Sinh mới tậu dàn *raoke* hôm qua. Chính mắt tôi thấy. Xịn lắm!

- Chỉ là chức trưởng ban con con, sao bằng của ông bí thư huyện?

- *Chời ơi!* của công nập, bòn rút mà đi so bì?

- Nghe thằng chả mèo mỡ với con Châu bỏ chồng, đi lại với nhiều cán bộ. Lão mua chiếc *Pa Xy* mới cứng tặng *con dĩ* đó đó?

- Hèn chi cứ thấy thằng chả chiều chiều dạo qua truông Dâu rồi mất hút...

- Toàn lũ điểm thúì, thúì từ con dĩ tới thằng quan – Giọng nói của ai đó văng ra cùng với bãi đò nhỏ toẹt ra bên hông.

Đúng lúc này thì bà Tư Bèo đột ngột xuất hiện trước những cặp mắt ngỡ ngàng, soi mói. Đám đàn bà quê như muốn lột trần con người đàn bà kỳ lạ kia ra. Mọi con mắt đều đổ dồn về phía bà Tư đang vắt chéo chân từng bước ngẩn về phía đám người ngồi lê. Chuyện riêng tư của các cán bộ được bọn họ lập tức xếp gọn trong cổ họng.

Bà Tư Bèo cất giọng chả chót:

- Chào mấy chị. Mạnh giỏi há? Mà làng mình nay giàu quá hén? Nhà nào cũng xe máy, cũng karaoke. Chẳng bù hồi tui còn ở làng, nghèo mốc đít.

- Giàu chi – bà Hai Cóm vầu mỗ lên – có chút tiền đèn bù mới ra thế. Giỏi ca hát ba tháng là đôi *danh bánh*.

- Đói đâu chưa thấy, nhưng giờ nghe ca hát vang trời là thấy vui rồi – Bà Tư Bèo nói vừa nhún nhẩy, ư ừ: *Sáu mươi năm cuộc đời... Hai mươi năm đầu vui sướng không bao lâu, hai mươi năm sau ừ ừ ừ ừ...*

- Phước đức nhà chị đi làm ăn xa giàu có, chớ ở làng như bọn này có ngày xách bị đi ăn xin.

- Sao vậy? – Bà Tư Bèo ngạc nhiên.

- Sao nữa? Ruộng đất sạch sẽ. Trên thu hết của dân rồi đưa cho thằng giàu mở nhà máy này, xưởng chế tạo kia. Mà chế tạo con khỉ mốc. Chúng nó sang tay nhau ăn chên lệch. Làm dân thời chó nào cũng khổ như trâu bò. Máy móc ai người ta dùng đám khu đen này? Quét rác đổ thùng đâu phải dùng đến trăm người?

- Vậy sao? – Bà Tư Bèo thốt lên bằng cái giọng vô cảm, rồi nhìn xoắn vào chỗ con Chèo đang ngồi thu lu, núp sau lưng bà vú mướp - Chèo à, con dẫn cô vào chào anh Năm đi con.

Không đợi Chèo trả lời, bà xắn lại, xốc cổ tay cô lôi dựng dậy, kéo đi. Rổ rau trên tay Chèo chao đi mấy vòng, suýt rơi xuống đất.

- Chào mấy chị ghen.

Ông Năm Thọt trước kia là anh thợ cày giỏi nhất làng. Đêm ra nọc rom rút rom cho đôi bò, bị du kích địa phương bắt lên núi, ấn cho cây súng và biến thành anh Việt cộng một cách dễ dàng, trơn tru. Năm Thọt có tên cúng cơm là Tầm, Võ Văn Tầm. Sau trận càn năm 72, ông bị trúng mả phát đạn vào chân, không chạy được, bị bắt làm tù binh, bị giam ngoài Côn Đảo đâu hai năm rồi trả về địa phương với chân trái lệch đến mười phân nên dân làng lấy tướng đi đặt chết tên cho ông. Nếu chỉ dừng lại ở đây thì ông còn may mắn hơn nhiều người khác (nói về số phận). Nhưng đời không phải vậy, không suôn sẻ. Mấy tay ở xã ngắm nghía tướng mạo ông sao đó, bèn đề nghị lên quận bắt ông làm ấp phó. Cái chức ấy chẳng mùi mẽ, quyền lực, cũng không cơm cháo gì trong cái xóm nhỏ chỉ còn lèo tèo vài người già. Thanh niên lớp lên núi, lớp xuống biển rồi gặp nhau ở chỗ nào đó phang vào nhau ầm ầm, cứ như hồi còn để chỏm chia phe đảng giặc giả. Có điều đám giặc giả ngày nào giờ thành thiệt rồi: Một bên cầm súng Nga xô, Tàu; một bên cầm súng Mỹ nhắm vào nhau mà bắn. Bắn đến lòi ruột, phọt óc, tan nát thịt xương mới thôi, cho dù trước đó chúng đã từng chia nhau trái ổi, cắn chung cục kẹo nổ, rủ nhau đi hái trộm me... Năm Thọt trong số đó. Ông từ chối thế nào cũng không xong, bèn tự nhủ: Ấp phó trong cái làng chỉ còn hàng tre và mấy con chó ốm chạy rông thì tội nợ gì. Cứ từ từ ít tháng rồi tìm cách! Là nghĩ bụng thế thôi, chứ cách gì thì nghĩ mãi mà không tìm ra. Còn chân cao chân thấp chạy lên núi lần nữa, sao leo gộp được? Với lại... Đúng, cứ lì dưới này coi bộ sướng.

Đám đông những người như Năm Thọt chỉ có thể nhìn thấy đường gần mà không thể tính nổi đường xa; chân chỉ có thể chạm mặt đất chứ hai tay không thành cánh mà bay lên trời cao, nên chỉ hai tháng sau là các đồng chí cũ tràn về làm chủ. Ông bị liệt vào hàng ngũ địch. Làm tay sai cho địch. Lại vác tay nải, lương khô đi cải tạo. Đủ hạn lại trở về như bao người khác, mặt cảm xuống đồng sinh, chống dít lên trời như kêu oan!

Giờ chỉ còn hai cha con trong căn nhà gạch ba gian. Tuy cũ kỹ, rêu mốc nhưng không đến nỗi nào. Không làm cán bộ thì nông dân, mát mát chi, ông nhiều lần tự nhủ như vậy. Khổ tâm là cốt nông dân bị lột trụi như người ta nhổ lông con chim cu hơ lên lửa: lớp da đỏ hỏn phút chốc đen thui, mỡ chảy xèo xèo. Và như bao dân làng khác, bọn ông chỉ có dùm chữ, chẳng nghề nghề, biết chuyển đổi làm thứ gì? Ngay cả chuyện ông viết đơn xin chân bảo vệ một nhà máy trong khu công nghiệp, người ta liếc ngang nhìn dọc tấm lý lịch, rồi lịch sự: “Dạ có người rồi, thưa bác!”. Chỗ nào cũng một giọng ấy khiến ông ngán ngẩm quay về, lật tung lớp đất cần trong mảnh vườn nhỏ, trồng các thứ rau kiểem đồng chợ.

Bữa gặp Chín Phước – cựu chủ tịch mặt trận xã, người rất hiểu hoàn cảnh ông – đang thả bò trên gò Dinh, ngoắt ông lại:

“Hết biết rồi anh Năm ơi! Cái làng này rồi đến loạn mất. Nhà nào cũng hò hát. Nhà nào cũng xúm nhau mua xe. Nhà mua sau phải mua xe đắt hơn nhà mua trước. Còn bọn thanh niên rượu chè thâu đêm suốt sáng. Âm âm như đám giặc, chẳng chịu làm ăn!

Năm Thọt cười khẩy:

“Đám ve sầu đó hát bã họng, bụng tóp teo sẽ chạy đi kiếm ăn, lo gì?

“Không thể được. Không thể nào ăn không ngồi rồi mãi được. Anh tính coi: mười triệu bạc đó có thấm tháp vào đâu. Ăn nhậu ca hát đã đời rồi lẫn ra chết chắc?

Năm Thọt khoát tay:

“Thôi, hết đường rồi anh Chín. Tôi cũng khuyên giải nhưng họ bỏ ngoài tai, kêu tôi là đồ khùng. Thân già bọn mình... - Ông bỏ lửng câu nói.

Năm Thọt bật cười khùng khục khi nhớ lại mấy lời qua lại bữa đó với Chín Phước. Thằng cha, đúng chứng nào tật đó. Chuyện làng xóm chả coi như chuyện nhà, bút rút không yên. Trước khi đi dự họp tướng mạo hùng hù hỏ hỏ; tan buổi mặt mũi ỉu xiu, bước đi không muốn nổi. Bộ mặt Chín Phước lộ rõ vẻ thất vọng nào nề.

- Năm ơi, anh Năm!

Tiếng gọi thẽ thọt làm ông giật nảy người, rút vội tay ra khỏi háng khi con ngựa chưa thiết đã. Ông bỏ chân xuống khỏi chiếc đầu nhựa quơ chân tìm đôi dép cùn, vịn tay lên mặt bàn nhóng cổ ra hỏi:

- Ai kêu tôi đó?

- Em đây. Em Bèo đây anh Năm!

- Trời đất, cô đi những đâu mà nay mới mò về làng? Về hồi nào?

Vẫn những bước chân vấp chéo, bà Tư bỏ tay mình ra khỏi tay Chèo, cởi chiếc kính đen ra khỏi sống mũi, dòm Năm Thọt gần đụng mặt.

- Mới. Khoẻ chứ anh Năm?

- Khoẻ. Còn cô? Chà, thay đổi dữ he. Nhìn bộ dạng này đã biết đổi đời rồi, giàu hung rồi? – Ông nói vừa nhìn bóng con Chèo mang rổ rau ra giếng nước.

- Đổi cái con khi. Giỡn hoài. Mần như trâu như bò ấy chứ!

- Cô mần cái giống gì mà cực nhọc dữ vậy?

- Huầy, có nói anh cũng không hiểu đâu. Về lần này trước thăm anh, sau bàn với anh cho con Chèo đi với em vào trồng. Em hướng dẫn nó làm ăn. Nhan sắc như nó biết đâu lại quơ được thằng chồng giàu?

- Dòm thân hình cô chắc cũng đang quơ được thằng chồng giàu có? Mà làm thứ gì: may vá, bán xôi, hủ tít, bò kho, vé số...? Từ ngày làng này hết ruộng, lũ trẻ con cũng bỏ học vô trong đó bán vé số, đông có đến trăm!

- Đâu cực nhọc vậy anh. Số là em có quán cà phê: sáng bán tới 9 giờ nghỉ, tối đến 10 giờ đóng cửa.

- Cô kêu nó làm những gì?

- Dạ, ngồi quầy tính tiền cho khách.

- Chỉ vậy thôi?

- Vậy thôi.

- Coi bộ dễ ăn quá hén?

- Chẳng dễ gì đâu anh. Hay là anh bán quách căn nhà vào với em?

- Giỡn hoài.

- Thiết đó.

Năm Thọt ngẩng người, nghĩ bụng: “Con mẹ này định quơ luôn mình chắc. Hồi xưa nó bám theo mình như đĩa bám chân trâu khiến bà vợ cứ ghen lồng lộn lên. Vợ mất nó lại ám như ma quỷ ám, nay thấy đơn chiếc định giờ trò gì nữa đây?”.

Háng ông lại nổi ngứa. Lúc đầu chỉ mới lẩn tẩn. Ông nín thở để kéo con ngựa xuống, nhưng càng nín hơi, nó lại càng bùng lên thật dữ dội. Ngứa hung rồi. Ông chỉ muốn thọc ngay tay vào cào xoáy cho đã cơn, ngật nổi con Tư ngồi cạnh ông luôn chồm về phía mình mỗi khi nói. Con ngựa chạy

lên mặt đỏ rần, tê cứng trên các đầu ngón tay, cắn nhéo trên vành tai... Chỗ nào trên thân thể ông cũng nhột nhột khó chịu. Tư Bèo ngó chăm chăm Năm Thọt. Cô thấy khuôn mặt ông có vẻ khác, các mạch máu dẫn đỏ về vòng y như những anh thanh niên tuổi mới lớn. Không kềm được lòng, cô trườn bộ ngực đồ sộ lên mặt bàn, cầm tay Năm Thọt:

- Anh chẳng mất gì đâu. Tình muộn là đẹp nhất! – Nói và cô nhoèn nụ cười duyên. Nụ cười đỏ lòn son môi và lửa tình.

Năm Thọt trân người gần như cong quít lại, mắt hoa lên. Ông không còn chịu nổi cái cảm giác nhột nhột kia nữa, không thấy nghe gì nữa, thọc tay vào háng gãi ròn rợn, gãi thật mạnh như những lúc ông ngồi một mình dạo chân gãi ngựa. Những móng tay cào chạy tới đâu cơn ngứa điên cuồng kia bị đẩy lùi tới đó. Ông híp mắt mê mẩn. Giấy lát thần kinh như dịu lại để kịp nhìn thấy bộ mặt hốt hoảng nhìn sững ông.

- Chuyện gì vậy anh Năm?

Rõ ràng trước mặt ông là Tư Bèo, người đàn bà son phấn đã biến mất trong cơn ngứa khắc khoải vừa qua, giờ trôi lên. với cặp mắt đờ đẫn, ngây dại. Ông nghe rất rõ từng hơi thở dồn dập của cô ta, hơi thở của người phụ nữ bám đuổi theo ông trên cánh đồng làng mấy mươi năm trước, giờ lại có dịp rượt ông chạy hụt hơi trên chiếc giường nhạ.

- Không. Cô Tư, đừng làm thế!

Nói và ông giật mạnh tay, thiếu chút nữa là mặt hai người dính chặt vào nhau.

Ông đứng lên, thở hắt ra. Tư Bèo cũng đứng lên thở sượt như quả bóng xì.

Đồng làng hun hút phía sau. Trông tre chổng ngược thành những con đường khói bụi, ồn ào; vò nước mọc lũng lảng chiếc gáo dừa quay tròn cạ đáy bắt đầu lột lớp vỏ xơ cứng biến thành những ly bia, bọt tràn nhóp nhóp. Đó là những lớp bọt phun xối xối từ chiếc miệng những con cua đồng trước cửa hang, lớp bọt của những con lươn trơn chúi dưới mà sâu.

Quán toàn những mùi lạ từ những con người lạ hoắc mang vào. Đó là mùi khói thuốc thiu, bay vất vưởng, mùi bia vãi tung trên nền nhà toè ra ung úng khó chịu. Nó không như mùi phân bò, mùi bùn non, mùi khói đốt đồng và rơm khô lẫn trong mùi cua đồng, cá nướng mà cô từng cất tiếng cười trong vất... Chèo bắt đầu lạc vào thế giới khác bằng những thứ mùi lạ ấy, quán chặt lấy cô. Chèo ngập lún trong mớ nhóp nhóp mỗi lúc như dày, cao thêm làm cho đêm dài và sâu hơn. Đêm sáng trắng và dập dềnh hỗn độn. Đêm vỡ loảng xoảng những mảnh nhỏ găm vào đầu óc, cửa xoáy ruột gan. Đêm nào Chèo cũng mơ thấy cánh đồng sinh, những bước chân vất chèo và bộ mặt đầy mỡ của bà Tư Bèo. Cánh đồng làng thì tí mù xa, còn bà Tư thì thật gần, sát bên cô, luôn thăm thì, nhỏ to ngọt xót: “Bắt đầu cuộc đời là những khó chịu nhưng riết rồi quen con ạ!”. “Nhưng hồi ở nhà cô kêu chỉ ở quày thu tiền?”. “Con nhỏ mới lạ, ngồi với người ta có mất mát cái gì đâu nè? lại được *boa*. Khoảng tiền ấy còn gấp chục lần lương cô phát cho cháu ấy chứ?”. Chèo hốt hoảng khi thấy bà Tư nhất mực bắt phải lột bộ bà ba để tròng vào chiếc robe màu đen: “Da con trắng, mặc màu đen sang trọng lắm” bằng cái giọng thễ thọt ru ngủ. Trong bóng tối nhờ nhờ, cô như cái bóng ma. Đôi vai trần, cánh tay trần lạnh ngắt. Từ chân lên đến háng là khối da thịt phơi ra trần truồng. Cô cảm thấy như cả thân thể mình bị lột sạch sẽ những mảnh vải che. Chèo thu người lại, nhưng càng cố, cơ thể cô càng trương phình lên. Những chỗ kín cần che giấu của phụ nữ bị lật tung, toang hoác. Nước mắt cô chảy ra. Những giọt nước mắt phút chốc thành những cơn rần trườn khắp người lạnh ngắt. Bọn con gái tứ xứ và cả cô nữa, tất thấy mười bảy người. Mười bảy con rần ngo ngác dưới chiếc đèn điều khiển, rất lạnh lùng của bà Tư.

Cả trong giấc mơ lẫn ban ngày mắt mở thao láo Chèo luôn nhìn thấy cánh đồng sinh của cha con cô, của người dân làng Nam Thổ bị đè bẹp bên dưới những khối bê tông đồ sộ của những nhà máy im lìm ngủ bên dãy núi phía tây.

Đồng làng hun hút xa.

NGUYỄN LỆ UYÊN



MỘNG BÁ VƯƠNG

QUÝ THỀ

Vào thời đó người ta gọi ông là ông Hoàng, có người bẩm ngải ngữ, cũng có người kêu bằng ‘Mẹ’. Tên ông là Hoàng Thiên Hóa. Tôi không hiểu đây là họ Hoàng hay ông là Hoàng Tử. Ông xây cái rạp hát bội gọi là rạp hát ông Hoàng, trước cửa chợ Đông Ba. Ông mời các gánh hát bội từ Quảng Nam, Phú yên đến hát. Có nhiều gánh hát bị cái mùa mưa lê thê xứ Huế cầm chân lại phải ăn dầm nằm dề cả mấy tháng liền ở rạp ông Hoàng.

Lũ trẻ con chúng tôi mê hát lắm, chiều nào cũng phải học bài sớm, kêu mẹ nấu cơm ăn, tắm rửa, cuộc bộ tới rạp ông hoàng. Học trò chẳng có tiền, muốn xem hát phải chờ thả giàn, cũng còn một cách nữa là vào rạp sớm xin làm chân kéo quạt kéo. Quạt kéo đan bằng nan tre phát giấy, to như chiếc chiếu đôi, treo gần nóc rạp, có dây kéo đong đưa tạo ra gió mát. Chỗ kéo quạt rất gần với nơi đặt bàn thờ tổ. Trong am thờ bày biện tượng các nhân vật trứ danh của ngành hát bội, luôn luôn nhang khói âm u. Thuở ấy tôi chừng mười mấy tuổi, rất nhát gan, sợ ma. Tôi không dám xem mặt mấy thằng tướng Phiên, nhất là thằng Dương Phàm mặt vẽ rắn rợn như ma quỷ, hắc bào hắc giáp, áo quần đen thui, lưng giắt mấy cờ hiệu. Tôi sợ nhất cảnh Khương Linh Tá bị chém bay đầu hóa thành cây đuốc đưa đường. Xem mấy cảnh này, ban đêm về nhà tôi không dám bước xuống bếp. Thuở đó người ta hát bằng chữ nho, lâu lâu mới có vài câu nôm na “*Như ta đây là...*”. Thế nhưng chúng tôi cùng với mấy người nhà quê đều hiểu tuồng tích và rất mê.

Tôi không nhớ vé vào cửa là bao nhiêu, hình như rẻ lắm, cho nên đêm nào có tuồng hay, gánh hát có tiếng đều bán hết vé. Khán giả gồm đầy đủ thành phần già trẻ, sang hèn. Giới công chức ăn lương nhà nước, có tiền, ngồi ghế hạng nhất. Lớp bình dân ngồi đầy những hàng ghế sau. Họ coi rạp hát như cái chợ, xước mía, bóc đậu phụng, ăn trầu hút thuốc, nói cười tự do. Không khí trong rạp đầy mùi nước tiểu, mùi thuốc rê, mùi dầu dừa bốc lên từ mái tóc dài, tóc búi. Trong rạp hát đầy sự hỗn độn, tiếng trống tiếng, kèn hát bội nghe như kèn đám ma. Ánh đèn măng sông thấp rất sáng, lâu lâu có thằng chạy hiệu theo lên sân bắt cái ghế đứng bom, đèn cháy kêu phù phù. Trong cái không khí rạo rực đầy chất hát bội đó mấy anh lính lệ, các chị sen trốn chủ nhà đi chơi, lòng xuân phơi phới tha hồ sờ mó, ngắt véo nhau la ối ối, cười rúc rích.

Ông Hoàng tuy là bậc vương giả không phải người trong nghề nhưng rất sành, ông thuộc tuồng tích, hát được, điệu bộ gọn gàng. Ông ngồi cầm châu, thường phạt phân minh, đào kép trẻ

đứng trên sân khấu không sợ khán giả, mà sợ ông phát run hát không được. Thời đó, y trang, râu ria, áo mão ông vẽ kiểu đem ra chợ Đông Ba thuê thợ làm. Có mấy người thợ chuyên làm đạo cụ cho gánh hát với tụi lên đồng ở điện Hòn Chén, thượng nguồn con Sông Hương. Đào kép phải biết son phấn, vẽ mặt theo đúng tuồng tích, vai diễn. Nhiều thằng kép nghiện thuốc phiện, gần tới giờ lên sân khấu còn chạy tới tiệm hút ôm bàn đèn, lúc về vẽ vờ qua loa lên sân khấu bị ông chửi. Hạ vai tuồng có khi còn bị đá dít, bạt tai.

Mấy con đào trước giờ lên sân khấu, kiểm cái xó ở hậu trường, thấp ngọn đèn sáp lấy cái gương soi mặt nhỏ như bàn tay, điểm trang. Họ thoa phấn hiệu ‘Cô Ba’ hai hào một lọ. Phấn khô, giống như phấn mấy ông đánh giày bata mũ vải cối liege, khi đánh trộn với nước thành chất bột nhão bôi lên. Mấy chị đào già khuyên: ‘bôi mỏng mỏng thôi, đừng cố trét như quét nước vôi, chưa già mà da đã hư, mốc meo nhăn nhúm như da voi’. Mấy chị này khuyên chị em ra chợ Đông Ba tìm tới hàng mụ Tôn mua phấn nọ về dùng. Phấn nọ mịn và mát, có hai màu trắng và hồng, dùng không bị hư da. Son thoa môi có hiệu con Bướm hai màu đỏ ót và đỏ cánh sen. Son đựng trong lọ chưa đúc thành thỏi như bây giờ. Hồi ấy đàn bà con gái thường tô son theo một hình trái tim. Muốn có má hồng, quý bà quý cô dùng phấn nọ màu hồng. Lên sân khấu phải có màu đậm hơn. Họ chấm son lên má, lấy gan bàn tay miết nhẹ về phía thái dương, kiểu như màu hồng quả đào tiên. Mấy thằng kép cũng đánh phấn thoa son. Họ còn dùng lọ nổi trộn với dầu dừa để vẽ mặt. Mặt đào kép bôi đủ thứ lên trên ấy, rất khó chịu, chỉ mong diễn xong chạy ra giếng lấy cục xà bông Cadum rửa đi cho nhẹ.

Khôi giáp xiêm y áo mão hát bội nhiều người dùng, chẳng mấy khi được giặt giũ, hôi hám vô cùng và đầy chỉ với rệp. Nhất là mấy bộ râu rất bẩn, đeo vào có khi ngạt thở. Đào kép ai cũng mong hạ vai, chui vào hậu trường, thoát bào thoát giáp, cởi bỏ áo xiêm cho nhẹ người ra. Mấy con đào non còn mắc cỡ lấy chiếc chiếu con quần lại mà thay quần. Đào kép già không sợ sệt gì cả, ngang nhiên trút bỏ xiêm y, chạy trần truồng tòng ngỗng ra giếng xối nước ào ào. Họ trút bỏ phấn son cùng với nỗi nhọc nhằn quân thần phụ tử, tranh bá đồ vương, chạy ra cửa rạp húp tô cháo gà cho khỏe người. Thường thường lúc đó trời đã hừng sáng, họ chui vào xó xinh nào đó đắp chiếu đánh một giấc tới xế chiều, thức dậy ăn uống qua loa rồi gây sòng đánh bài xệp, bài tứ sắc, tới chạng vạng lại tô điểm lên sân khấu, đắm mình trong ánh đèn, sống theo hí nộ ái ố, trôi theo vận nước trôi đời, ngày qua ngày theo dòng chảy cảm ca, cha truyền con nối không làm sao thoát khỏi cái “nghịch” cho được.

Ông Hoàng thiên Hóa bắt cái đôn bằng sứ ngồi nép sau cánh gà thả hồn trôi ngược thời gian trở về cái thuở xa xưa, nghĩ tới thân phận mình, rơi nước mắt...

*

Chiều hôm qua nhân tết Nguyên Tiêu, rằm tháng giêng ông Hoàng được Tôn Nhon Phủ, tra cứu sổ Hoàng tộc mời vào cung dự yến. Tuy ông là bậc cha chú hoàng đế đương triều nhưng vì không có phẩm hàm chức tước gì nên ông bị xếp ngồi chiếu dưới với mấy người làm quan nhỏ, thất bát phẩm. Ông tủi thân và tức lắm. Trong bàn tiệc chẳng ai biết ông, bọn này thuộc hạng phẩm phu tục tử, ăn uống xô bồ, chẳng kiêng nể gì ai cả. Ông Hoàng cầm đũa lên, chẳng gấp miếng nào. Ông với tay kéo chai rượu Mai Quế Lộ về phía mình rót uống khan. Ông nhấp nhấp từ từ cái nổi chua xót của một vương tử bị bỏ quên. Chẳng mấy chốc chai rượu cạn. Ông đứng lên, không thềm chào hỏi ai, rũ áo ra đi. Ông ra tới Ngõ Môn kêu xe bảo kéo dọc bờ sông Hương hóng gió. Tới Phú Vân Lâu ông quay nhìn về phía hoàng cung. Giờ đó nóc điện Cần Chính, nơi đăng Kim Thượng ngự trên ngai vàng cho bá quan tung hô vạn tuế. Nóc điện sáng lên trong thứ lửa đỏ rực mây hoàng hôn.

Ông bảo thằng xe kéo về rạp. Ông xuống xe ném cho nó dác (hào) bạc con đầm xòe. Thằng xe mừng quỳnh áp ứng: “Dạ thưa...”. Ông quát:

- Cho luôn! Không thôi, cặp dò chạy khỏe lắm... Ngẫm nghĩ sao đó, ông nói tiếp, khẩu khí đế vương: “Tao mà lên ngôi cho mày cái bát phẩm...”. Thằng xe tưởng gặp lão già say, sợ lão đòi

tiền lại, vội kéo xe bỏ đi. Ông lưng thưng vào rạp . Giờ đó rạp đầy người ,vừa xong màn một, Khương hoàng hậu vén cánh gà bước vào hậu trường.

Đêm nay con đào chính bị đau răng không hát được, mụ Soa sắm vai Khương hoàng hậu . Mụ Soa đã bốn mươi chín, đi hát từ ngày mười lăm. Mụ con nhà nghèo, nhà quê, cha mẹ cho vào đoàn để nấu cơm, quét rạp sau leo dần lên làm đào non, đào lẫn, đào thương , có khi cũng thủ vai đào võ như Đào Tam Xuân , Thoại Ba công chúa , Phần Lê Huê. Mấy năm sau này mụ béo quá, lên sân khấu múa may nặng nề, được cái giọng hát còn tốt, son phấn vào cũng còn “sáng sân khấu”. Mấy lão nhà quê sồn sồn nhìn cái tướng tá núng nính cả thịt, mỡ to như cái thúng, mặt mày đầy đặn, trông sừng con mắt lăm, nên tuy nhan sắc chẳng còn mặn mà, tiếng hát chẳng còn trong trẻo cũng được khán giả quăng tiền lên thưởng.

Đêm nay mụ sắm vai Khương hoàng hậu , đẹp đẽ, uy nghi xứng đáng người đứng đầu tam cung lục viện . Mụ khoác tấm xiêm may bằng gấm Thượng Hải màu cánh trả, lấp lánh kim tuyến thêu loan phượng . Dưới lai áo hoàng hậu treo mấy viên bi ve chai xanh đỏ làm ngọc bội hoàn. Mụ bước đi ngọc bội hoàn va vào nhau kêu lanh canh. Đầu mụ đội cái mào triều thiên làm rất cầu kì , kết bằng dây sắt xâu kim tuyến giả kim cương, nhiều cái lò xo gắn mấy miếng gương tròn như đồng xu rung rinh , lấp lánh trông rất đẹp. Chân hoàng hậu mang hài vân lí màu tím thêu hoa bông cúc trắng. Mụ kẻ cặp mắt phượng mày ngài , đuôi mắt chẽ hình đuôi cá. Sống mũi bôi vệt phấn trắng, hai bên tô đen mờ, trông như mũi tây đầm . Cặp môi mụ Soa ngày thường vốn đã dày, như miếng thịt trâu tái giờ tô son hình quả tim, đỏ chót ướt rượt như thoa mỡ. Mặt hoàng hậu tô lớp phấn trắng dày quá trông như cái mặt nạ Nhật Bản, hai gò má màu cánh sen rất đậm. Mụ bước ra sân khấu, nói lời vài ba câu, hát nam hát khách, liếc mắt đưa tình làm cho mấy thằng đàn ông nhìn sững, đứng tròng.

*

Ông Hoàng đứng trong cánh gà nhìn ra thấy vị “chánh cung hoàng hậu” rực rỡ xiêm y, nhan sắc ngư trầm nhận lạc, thực đúng là câu : “ *Đóa lê ngon mắt cữu trùng* ” . Lúc này chất rượu Mai Quế Lộ chảy rần rật trong máu làm cho ông khó phân biệt được thực hay là ảo. Mộng bá vương chất ngất trong hồn. Hoàng hậu thoái trào, ông liền bước tới âu yếm cầm tay mụ Soa, nghe ngan ngát mùi nước hoa Rêve d’or. Ngài phán :

- Trẫm đợi ái khanh đã lâu. Hãy lui vào hậu cung với trẫm.

Mụ soa lúc đầu ngỡ ngác chưa biết chuyện gì . Mụ thấy ông Hoàng mặt mày đỏ gay, đầy mùi rượu, ngập ngụa hơi đàn ông, mụ sợ mà cũng thấy động lòng . Mụ biết ông Hoàng đang say. Mụ theo ông vào hậu trường . Lúc này hậu trường rạp hát vắng tanh. Một số đào kép còn đang diễn. Số khác ra trước cửa rạp mua bắp tươi , mới héo râu, nướng trên lửa than, rưới nước mắm mỡ, dầm ớt xiêm, thi nhau cặp. Số nữa ra bờ sông hóng mát, ghẹo gái bắt bô. Trong rạp hát giờ đó chỉ có một người, ngủ hay thức không biết, quần chiếc chiếu rách nằm im . Mụ Soa được ông chủ rạp, ngày thường nghiêm nghị, nắm tay, xưng là “trẫm”, gọi bằng “hậu” , mụ sung sướng lắm . Ông Hoàng tuy ngoài sáu mươi vẫn khỏe mạnh quắc thước, uy nghi phảng phất nét vương giả. Mụ Soa về rạp hát này đã lâu có nghe phong thanh tâm sự ông Hoàng bị thất sủng , nay thấy lão xưng là hoàng đế không lấy gì làm lạ.

Trong góc hậu trường có đặt cái long sán để diễn tuồng tích cung đình. Long sán là giường của vua nằm . Đó là tấm phản xấu xí, mốc meo, trên mặt ván đã nứt, đầy bụi bặm , chỉ được một cạnh , ấy là cạnh hướng về phía khán gián giả , sơn son thiếp vàng , chạm hình rồng năm móng . Ông Hoàng kéo mụ Soa gần long sán nói :

- Đêm nay nhằm tết Nguyên Tiêu, trời trong, trăng sáng. Bá tánh kéo nhau đi xem hội hoa đăng. Trẫm vừa ngự yến trên điện Thái Hòa, dùng ngự tửu quỳnh tương. Đêm xuân trăng sáng, đất nước thanh bình, dân cư an lạc , trẫm với hậu vầy duyên loan phụng

Mụ Soa vừa sợ lại vừa cảm động nói :

- Thần thiếp xin đội ơn mưa móc nhưng đêm nay chỗ này không tiện - mụ xô giọng nhà quê - làm rúa ột dột (mắc cỡ) chết!

Vua phán :

- Một năm mới có một giờ hoàng đạo . Hậu chớ có diên trì, trễ nãi mất giờ tốt . Loạn phòng bảo điện đã sẵn sàng, hãy cùng ta chung giấc vu sơn !

Nhà vua xô Khương hoàng hậu ngã ngựa trên long sán. Mụ Soa bị đàn ông chạm vào người, nhột, cười rúc rích : “ Chu choa, không được mô. Mai thiếp dẫn tới chỗ ni tiện lắm ”. Mụ Soa vốn người Huế, sành mấy chỗ chứa bài , tiệm hút, ổ điểm, phòng trọ . Mụ nói: “ gần cửa Thượng Tứ có phòng ngủ mụ Ròn, mỗi giờ năm dắc bạc tha hồ...” Nằm ngựa trên “long sán” mụ nói :

- Bệ hạ không ưng trên cạn thì xuống ngủ dò . Muốn kín đáo thì thuê xe kéo lên miệt Long Thọ thuê dò dọc thả trôi trên Sông Hương , dưới nước trên trăng phong lưu ai bằng. Đói bụng ăn cháo lòng, cơm hến . Mà nếu bệ hạ không ưng nữa thì thuê xe kéo lên miệt rừng thông Nam Giao, chui vào bụi, tha hồ tâm sự, ai biết ?

Ông Hoàng nâng niu bộ mặt đầy thịt , cái đầu nhiều ngày không gội hôi mùi chua đội mào hoàng hậu trâm cài lược giắt vào đôi bàn tay hộ pháp nói :

- Còn đi đâu nữa , nơi nào bằng chốn này giường rồng, gối phụng, chăn loan...

Mụ Soa cổ ngóc dậy, bị ông Hoàng đè xuống. Ông cầm cái mép xiêm có đính ngọc bội hoàn toan vén lên . Mụ Soa hốt hoảng : “ Khoan đã ! Để tui cởi đồ hát tuồng ra cái đã mặc quần lãnh, áo phin cho tiện” Ông Hoàng mê mụ Soa là mê cái chánh cung hoàng hậu . Hoàng hậu thì phải xiêm y lộng lẫy, quần lĩnh, áo phin sao được . Ông quát :

- Chánh cung hoàng hậu nghi trang phải cho tề chỉnh, đúng lễ nghi triều đình theo luật lệ tiên đế . Làm bậy, trẫm “phê” ngôi hoàng hậu , “biếm” vào lãnh cung bây chừ!

Mụ Soa lẫn lộn kháng cự , lâu lâu đưa mắt nhìn con người quần chiếu nằm trong xó . Mụ tau :

- Xiêm y thế này làm sao bệ hạ “ngự” cho tiện?

Ông Hoàng :

- Lễ nghi y phục chỉnh tề mới đáng bậc mẫu nghi thiên hạ .

Mụ Soa đang biết ông Hoàng đang say. Sợ lão ta mắc chứng “thượng mã phong” thì nguy to . Mụ thưa :

- bệ hạ đang lúc ngọc thể bất an, lỡ khi mây mưa gặp gió máy, nguy to cho sơn hà xã tắc.

Ông Hoàng cười :

- Trẫm đây dạn dày trận mạc, có lo cái thứ “ gió trên lưng ngựa”, với lại đã là bực chon mạng đế vương như trẫm , lúc nào cũng có thánh thần phù trợ . Thôi chẳng nhiều lời . Để trẫm “ngự dụng”.

Mụ Soa biết lão già say chẳng biết trời đất gì nữa , mụ tìm cách dọa :

- Bữa nay thiếp thần đã tới kì ... vóc ngọc chẳng được tinh khiết... sợ e ô trược mình rồng !

Nhà vua phán :

- Không sao, trẫm xá cho tất cả...

*

Người nằm như xác chết trong xó bỗng cựa mình , tung chiếc chiếu rách ra, ngáp, chép miệng mấy cái, kêu to :

- Má thằng Vịt ơi, rót dùm tui miếng nước . Nghỉ một lúc hần nói tiếp, giọng nhừ nhự, thuốc hành khổ quá . Giờ này còn tiệm nào mở cửa mua giùm tui mấy chỉ.

Ông Hoàng giật mình quát :

- Thằng nào dám làm kinh động thánh giá !

Mụ Soa nghe thất kinh nói nhỏ : “Lão Nhòng, cha thằng Vịt , chồng tui đó ” . Rồi mụ đổi giọng gắt với chồng :

- Ho lao, ho tổn mấy năm rồi , tổn biết bao nhiêu tiền ông lang với đốc tờ , lại còn thêm bệnh nghiện . Rồi mụ vừa khóc vừa hỉ mũi, than, có ai khổ như thân tui không ? Nuôi báo cô biết chừng nào thoát nợ.

Mụ Soa hiện nguyên là con đàn bà tâm thường, đánh ác với người chồng ho lao gần chết nằm trong xó nhà như thằng ăn mày . Ôi ! cuộc đời thực đã lộ cái mặt xấu xí tro trên không son phấn của nó ra đúng lúc, đập tan cái cảnh tượng hoang đường có đấng kim thượng mặt rồng phơi phới, có hoàng hậu xiêm y rõ ràng, sắc nước hương trời nơi chốn hậu cung màn treo trướng rủ trong đêm Nguyên Tiêu gió xuân trăng sáng. Phút chốc cái mộng quân vương của ông Hoàng thất thế bị cuộc đời thực đập tan tành.

Ông giật mình tỉnh ngộ, hổ thẹn, than thầm :“bậy quá!”.

Đúng lúc ấy, ngoài kia sân khấu hạ màn . Chỉ có vài tiếng vỗ tay lẹt đẹt. Khán giả chen lấn nhau về . Ông Hoàng đi ra trước cửa rạp, chống nạnh đứng xem. Hơi nóng, hơi người hơi hám tuôn ra . Ông nghe tiếng bình : “ Con đào già, to như cái bồ, đóng vai hoàng hậu, ông ẹo như khi mắc phong!” Ông Hoàng hỏi thằng thằng bán vé được bao nhiêu, hần đáp, đầu hôm mưa lác nhắc mấy hột, đêm nay ít khách lắm, chẳng được mấy xu. Ông nói, mấy thì mấy, lấy ra hai dắc bạc đưa cho thằng Nhòng chồng con mụ Soa mua thuốc phiện. Hần sắp chết rồi . Cho hần chết sướng, chết ngay giữa cơn say thuốc , tưởng mình là vua. Thằng nhòng chuyên đóng vai hoàng đế, cái vai dễ đóng nhất, chỉ cần mang râu . đội mũ ngời cho người ta tung hô vạn tuế . Vai này thường cho mấy thằng kếp hết thời đóng. Tiền hát mỗi đêm chỉ bằng đĩa chạy hiệu.

Ông Hoàng chấp tay sau lưng, lững thững tản bộ . Khuya lắm rồi. Mặt trăng lạnh lẽo sắc như mảnh gương treo lơ lững trên hoàng cung. Bóng mấy cái đầu dao nhọn cong vút đâm lên trời như mũi kiếm.

Ông Hoàng đứng lại trên cầu , nhìn cái bóng của mình lẫn trong bóng hoàng thành chờn vờn trên mặt nước Sông Hương. ông bỗng thấy lợm giọng . Ông cúi đầu nhổ một bãi nước bọt. Bóng hoàng thành và bóng ông rung rinh rồi tan đi.

(Nhân vật này có thật ở Huế những năm đầu thế kỷ 20)

QUÝ THỂ

Quý Thể tên thực là Hồ Phước Quả.

Sinh năm 1940, Hội An, Quảng Nam .

Tiến sĩ luật khoa, thẩm phán V.N.C.H.

Đã công bố hơn 300 tác phẩm văn học nhiều thể loại.

Đã nhận khoảng 50 giải thưởng văn học lớn nhỏ trong và ngoài nước.

Hiện sống “thanh bần lạc đạo” tại NhaTrang.





PHÚT MẶC KHẢI

ELENA PUCILLO TRƯƠNG

Nguyên tác : La Rivelazione
Bản dịch của Trương Văn Dân

“Đồ chết tiệt! ”

Ngồi trong gian bếp, tôi giả bộ đang may để lên quan sát con búp bê rỗng tuếch đang xoay người nghiêng qua nghiêng lại trước gương trong phòng ngủ.

Mảnh mai như một vũ nữ, cô ta đưa tay lên cao để duỗi thẳng tóc rồi sau đó thoa một chút son lên môi trông như những giọt sương trên hai cánh hoa hồng.

“Ui chao! Lại bị kim đâm rồi!”. Quá tập trung vào nó tôi đã lơ đãng để kim chích vào ngón tay. Cố tạo vẻ lãnh đạm, tôi làm như không quan tâm khi cô ta bước vào nhà bếp.

“Thưa mẹ trẻ rồi, con phải đi làm bây giờ đây. Con sẽ tranh thủ về nhà sớm. Các món ăn con đã chuẩn bị xong, không biết mẹ còn cần gì nữa không?”

“Thôi, cứ đi đi, đừng có bận tâm.”

Cô gái bối rối nhìn tôi, như thể còn muốn nói thêm một điều gì nữa nhưng cuối cùng im lặng, cầm lấy chiếc xách tay và xâu chìa khoá, lặng lẽ bước ra khỏi nhà.

Bây giờ thì tôi mới thực sự là bà chủ. Kể từ khi cô ta bước vào sống trong căn nhà này, tôi thực sự thấy mình chỉ là một người khách lạ hay thậm chí là một kẻ đột nhập, giữa cô ta và đứa con trai.

“Ngốc thật!” Chính tôi đã là người khẳng khái nài nỉ con trai mình. Nhìn thấy nó ăn chơi lêu lổng và hoang phí thời gian, chỉ thích chơi đùa và không muốn lập gia đình. Chính tôi đã khẳng khái đòi hỏi nó phải quyết định. Ba nó mất đến nay đã nhiều năm và tôi cũng đã già. Tôi không

muốn thấy con mình cô độc, nó cần phải tìm một người vợ, đã hơn ba mươi lăm tuổi rồi còn gì... nó đâu còn thời gian để chờ đợi nữa...

Và thế là một ngày cô gái ấy đã đến đây, núp sau lưng thẳng con trai, hai bàn tay căng thẳng và bối rối siết chặt chiếc dây đeo của túi xách. Chặt đến nỗi màu các khớp trên ngón tay biến thành màu trắng bệch. Không một sợi tóc nào nằm ngoài vị trí, trên má cô ửng một chút phấn hồng và đôi mắt chiếu sáng như một hòn than đang cháy trên tàn tro. Đúng rồi, chính nó đã hớp hồn con trai tôi!

Trước đây, từ ngày chồng mất, đứa con trai là tất cả với tôi và ngược lại. Tôi là người duy nhất mà nó quấn quít và ngưỡng mộ. Rồi khi cô gái bước vào nhà, tình yêu bị chia sẻ. Thứ gì cô ta cũng làm tốt hơn tôi. Tôi trở thành kẻ thừa thãi và vô dụng.

Và bây giờ cô ta trở thành bà chủ nhà. Chỉ mấy ngày sau đám cưới là mọi chuyện đã rõ ràng. Tôi bị gạt qua một bên. Cô ta đã trang hoàng nhà cửa theo một cách khác và thằng con tôi lại thích nghe theo. “Má thấy không, như vậy ngăn nắp hơn... nhà đẹp hơn. Vợ con thật giỏi...”

Bao nhiêu lần tôi muốn nói là tôi thích căn nhà được sắp xếp như xưa, đó là căn nhà của tôi... thế nhưng tôi chỉ biết nhếch mép, cười, lúc lắc cái đầu và tiếp tục giữ im lặng... dù ánh mắt thường ném một cái nhìn về phía cô ta. Cái nhìn toé lửa, muốn thiêu đốt, làm cô ta biến mất.

Đây rồi, cô ấy đã bước ra khỏi nhà. Một tiếng thở phào, giải thoát. Bây giờ thì tôi có thời gian dành cho mình. Nhưng thời gian ấy để làm gì đây? Trong nhà bếp tất cả đều ngăn nắp, phần ăn của tôi cũng đã được chuẩn bị xong xuôi, khi nào muốn tôi chỉ cần hâm nóng là xong.

Đã từ lâu tôi ít ra khỏi nhà, các bạn cũ đều ở xa, rất nhiều người đã dọn ra ngoài thành phố. Có những kẻ bất hạnh thì giờ đây không còn nữa, còn chẳng hoá là kỷ niệm... trường học, tuổi trẻ, hôn nhân...

Tôi bước loanh quanh giữa những gian phòng trống của căn nhà mà tôi không cảm thấy nó là của mình. Tôi là bà chủ. Ừ, thì là bà chủ, mà chủ...cái gì? Và, rồi sao nữa? Là bà chủ để được một mình. Lúc nào cũng cô độc. Tôi chưa xót nhìn đời bằng nửa nụ cười rồi lặng lẽ chôn kín tất cả những niềm đau vào bên trong.

Ngày giờ trôi qua trong sự quen thuộc đến độ nhàm chán. Chỉ còn vài giờ nữa thì bà chủ trẻ sẽ về nhà và tôi sẽ biến thành một bóng ma.

Thế nhưng có tiếng động trong ổ khoá. Nó! Nó đã về nhà !

Sao sớm thế nhỉ?

Làm bộ lãnh đạm tôi trở về phòng mình. Tôi nghe tiếng nó đặt xâu chìa khoá và chiếc xách tay lên bàn. Tôi chẳng muốn nghĩ đến nó chút nào... phải rồi, nó chiếm hữu căn nhà của tôi, chiếm hữu đứa con trai của tôi...nên tôi chẳng muốn phí thời giờ để nghĩ về nó! Đó đâu phải là việc của tôi!

Cầm lên tay vuông vải nhỏ vừa mới bắt đầu thêu, đó chỉ là cái có để cầm một vật gì, nhưng đầu óc tôi trống rỗng. Chỉ có đôi tai là căng lên, sẵn sàng nắm bắt những tiếng động rất nhỏ. Cái gì vậy? Có điều gì bất thường. Tôi không thể ngồi yên được nữa.

Đứng dậy để xem. Phòng ngủ bên kia trống rỗng. Trong gian bếp chẳng có ai. Thế nhưng trong sự im ắng này tôi lại nghe có tiếng nấc, tiếng rên rỉ, rất khẽ, đến từ phòng tắm. Cửa phòng chỉ khép hờ và trong lúc đẩy vào, tôi thấy nó đang đứng, khom người trên nền nhà, nước mắt nước mũi chảy ròng trong nỗ lực ngăn chặn một cơn nôn mửa. Chân trần, chiếc áo đẹp mặc đi làm bị ướt một quãng lớn ở vạt trước, hai cánh tay yếu ớt buông thõng.

Một tia chớp loé lên trong đầu tôi!

Ui chao, tôi chính là một con mụ ngốc! Quá đần độn và chẳng hiểu gì!

Bây giờ thì tôi nhớ ra rồi... cái cách mà nó đưa tay lên che trước bụng, như thể muốn bảo vệ cái mầm sống đang bắt đầu lớn lên ở bên trong. Khuôn mặt tái mét nhưng đường nét dịu dàng, các cử động đều chậm rãi khác với cách cuống cuống lúc trước.

Rồi tôi chợt nhìn lại, nhớ lúc mình cô độc và sợ hãi khi mang thai lần đầu mà hoàn toàn không nhận được sự giúp đỡ nào của mẹ chồng. Thời đó tôi chỉ cảm nhận sự ghét bỏ, về cái cách bà ấy mắng nhiếc bằng những lời thô bạo, làm tôi còn đau hơn những trận đòn roi!

Sao mà mình lại không thể nhận ra? Tôi đã tự đóng khung, đã đóng cửa trái tim trong chiếc lồng ích kỷ và lãnh đạm của mình! Bao nhiêu thời gian đã mất, cho những điều phù phiếm là quan trọng, và sống bằng thành kiến ngu xuẩn để đời mình như tấm độc?

Liếc nhìn cô gái nhỏ, tôi thấy đôi mắt đầy sợ hãi và ươn ướt như vừa khóc.

“Bình tĩnh đi con. Mẹ hiểu rồi. Đợi một chút, mẹ sẽ giúp con!”

Chạy đi lấy chiếc khăn bông, tôi đắp nước và lau mặt cho con dâu, chùi mấy đóm bày nhầy thốc tháo còn dính xung quanh miệng. Rồi tôi tiếp tục nói, bao nhiêu lời lẽ mà lâu nay tôi đã giữ kín trong lòng mình. Ngay cả chính tôi cũng không thể ngờ là mình có thể nói được những lời dịu dàng đó.

“Con sợ”... giữa những tiếng nấc đứa con dâu gắng gượng nói. “Con thấy mệt. Thức ăn trong bụng như cứ muốn trào ra...”

Tôi dìu con dâu vào phòng ngủ, giúp nó thay đồ. Cô nhỏ quá yếu, tôi cảm giác như mình đang cõng đồ cho búp bê.

“Con gái yêu, đừng lo nữa. Mẹ sẽ giúp đỡ con. Chờ một chút nhé, đây, chiếc gối nhỏ đây, bây giờ mẹ đi lấy chai dầu xanh, thoa chỗ này nè, trên cổ tay, một chút lên màng tang nữa...đấy, thấy chưa, con có vẻ đỡ hơn rồi đấy. À, mà đợi mẹ đi lấy cho con vài lát gừng, nhấm một chút sẽ hết buồn nôn. Cố gắng nhé, chỉ vài tháng đầu thôi...sau đó con sẽ khỏe...”

Tôi trở lại với một tách trà nóng và mấy lát gừng trên tay. Tôi nhìn thấy khuôn mặt con dâu đã bớt tái và đang nằm áp đầu vào chiếc gối con, đôi mắt vẫn còn ướt vì nước mắt.

Nhưng mắt tôi cũng đang ẩm ướt. Chúng tôi sẽ có thời gian để làm lại...và trong chính phút ấy lại có tiếng chìa khoá tra vào ổ... thằng con trai của tôi cũng đang bước vào nhà.

“Sao im lặng quá vậy...có gì ăn chưa?” lời chưa dứt đã thấy nó đứng trước phòng ngủ, ngơ ngàng nhìn chúng tôi.

“Bây giờ mẹ đi nấu cái gì để ăn đây. À, từ rày về sau con cần phải kiên nhẫn hơn đó. Trong lúc mẹ đi nấu ăn, con phải ngồi đây để canh chừng và chăm sóc vợ. Vợ con sẽ thông báo cho con một tin quan trọng, nó sẽ làm thay đổi cuộc đời chúng ta...và là một tin rất vui!”

Saigon 2-2012

ELENA PUCILLO TRƯƠNG

. Elena Pucillo Truong là người Ý Đại Lợi .

. Tiến sĩ ngôn ngữ và văn học nước ngoài tại Đại học Milano Italia. .

. Dạy tiếng Pháp và Văn Minh Pháp tại Milano từ năm 1982 đến 2010.

. Từng dạy tiếng Ý tại Nhạc Viện tpHCM , tại phòng lãnh sự danh dự Ý và đang dạy tại Trường Đại học KH và XH nhân văn tại tp HCM.

. Bà rất yêu Việt Nam.

. Đã tổ chức nhiều hội thảo ở Ý về việt nam về các đề tài “Vai trò phụ nữ và tầm quan trọng của họ trong gia đình Việt Nam” “ Tết Việt Nam, phong tục và truyền thống” “ Đổi mới, Phát triển kinh tế Việt Nam sau khi chiến tranh chấm dứt”...

. Viết và cộng tác với các báo La Compagnia dei viaggiatori (Ý) và nhiều tập san văn học nghệ thuật ở Việt Nam.





TÌNH THÙ

VŨ ANH TUẤN
và ĐẶNG MINH QUYÊN

Đó là buổi chiều của một ngày ngọt ngào. Tất cả đều im lặng, kể cả chim chóc và ve sầu. Không có một tiếng động nào, dù nhỏ, ở trong khắp cánh đồng. Y như là cả trái đất đang ở trong trạng thái chờ đợi, dưới một bầu trời tối sầm và thấp. Không một gợn gió. Tuy nhiên, người ta vẫn cảm nhận được là gió đang ẩn nấp ở đâu đó, đang tự cuộn mình lại, để rồi sẵn sàng bùng ra để đánh tan một cách thô bạo các đám mây đang chồng chất lên nhau trên bầu trời Haute-Roche.

Và Pascaline, đứng giữa bầu không gian, mặt ngẩng lên trời, đang chờ đợi trận gió nổi lên, chờ đợi những giọt nước mưa lạnh đầu tiên nhỏ xuống khuôn mặt ẩm ướt bởi mồ hôi của nàng.

Cứ y như là cả trái đất đang ở trạng thái chờ đợi. Chờ đợi điều gì? Ngay cả nàng nữa, chẳng phải nàng cũng đang chờ đợi điều gì đó hay sao? Nàng nhắm mắt lại một lúc, và gương mặt của Mathieu lại hiện ra, thật chi tiết, đến mức nàng phải rùng mình. Nếu gương mặt đó luôn hiện ra trong trí nàng, nếu chỉ cần chớp mắt một cái là nàng lại có thể nhìn thấy chàng, y như chàng đang đứng trước mặt nàng, thì có phải nàng đã yêu chàng rồi chăng? Từ một dạo gần đây, nàng thường nằm mơ thấy chàng đã thật sự ở đây, cặp mắt đen láy của chàng nhìn sâu thẳm vào mắt nàng... "Mathieu Quérusat, em yêu anh, và anh rụt rè đến mức em không thể biết được anh có yêu em không..."

Ngay sau những rung động đột ngột của các cành cây dưới tác động của một làn gió mà chính bản thân nàng cũng chưa kịp nhận biết, Pascaline liền trở vào nhà. Một tiếng sấm vang lên, liền theo đó có tiếng thứ hai to hơn, và mưa bắt đầu trút xuống những hạt to, mạnh. Trên lầu các cánh cửa đập mạnh, Pascaline chạy lên đóng các cửa lại. Đứng trước cửa sổ của phòng mình, nàng chần chừ một lúc để ngắm cánh đồng tối đen đang bị những tia chớp xẻ ngang xẻ dọc thành những vết thương lớn ánh vàng và hồng. Và một lần nữa, nàng lại có cái cảm giác đang chờ đợi. Ở đằng kia, giữa những lùm cây mà ánh chớp của cơn giông vẽ lên, lúc ẩn, lúc hiện, những đường viền không đều đặn, là ngôi nhà cổ của giòng họ Roustan. Không hề có một chút ánh sáng nào trong ngôi nhà rộng lớn đó. Nàng tự hỏi không biết chủ nhân của ngôi nhà đang có mặt ở đó không. Vừa đúng lúc nàng định cài cánh cửa sổ lại thì có một tia chớp khổng lồ từ dưới đất phóng lên bầu trời dường như rất thấp, chiếu sáng rực ngôi nhà cổ Roustan trong một tiếng sét thật khủng khiếp. Ngay lúc đó điện bị cúp, nàng phải mò mẫm bước dọc theo cầu thang để xuống nhà. Rồi nàng châm sáng cái đèn dầu đã được chuẩn bị sẵn từ khi cơn giông mới bắt đầu đe dọa, và ngồi vào chiếc ghế bành, tay cầm quyển sách. Mỗi khi có một trận giông mạnh như trận giông này, thì trong cái vùng hoang vu và heo lánh này, việc bị cúp điện suốt đêm là chuyện không lạ gì.

Có phải là vì sấm sét, gió hay mưa không...? Pascaline không thể tập trung vào quyển sách của nàng được, nhiều lần, cái bề mặt tối om, nhấp nhót của ngôi nhà cổ Roustan lại hiện ra trong trí nàng. Đột nhiên hình như nàng nghe thấy tiếng máy nổ và tự nghĩ, lẽ ra trước khi có giông, nàng

đã phải cất xe của nàng vào nhà kho chứ không nên để nó ngoài sân phơi như bây giờ. Ai có thể đến thăm nàng vào lúc thời tiết như thế này nhỉ? Nàng ngóng chờ nhưng không thấy ai gõ vào cánh cửa gỗ hai lớp dày dặn của nàng. Tuy nhiên, nàng chắc chắn là: hoặc có cái xe nào đó đã đến rất gần đây, hoặc có ai đó đã nổ máy và xuất phát từ đây... Làm sao mà có thể biết chính xác được trong tiếng ồn ào của sấm sét, gió và nước này?... Nàng chân chừ muốn mở cửa, rồi lại thôi vì không còn nghe thấy gì nữa. Có lẽ ai đó đã đi lạc đường chẳng, rồi người đó đã rời khỏi đây rồi chẳng?... Có thể lắm chứ: vì Haute-Roche nằm ở cuối một con đường thuộc tư nhân và không có lối ra. Nàng mong sao sự suy luận của nàng là đúng. Hơn nữa, chẳng phải nàng đã mơ đó sao? Với tiếng ồn ào như vậy ở phía ngoài, nàng có thể lầm lẫn chứ. Và rồi nàng ngáp. Hai tay đặt trên quyển sách, nàng buông mình dựa vào lưng ghế, mắt lăm lăm nhìn vào ánh sáng đang nhảy nhót của ngọn đèn.

Ngôi nhà cổ Roustan... Tại sao Hubert lại hỏi nàng làm vợ nhỉ? Anh ta có còn yêu nàng không?

"Thật vô lý, nàng nghĩ, hai đứa đã cắt đứt quan hệ gần hai năm nay rồi. Mình đã những tưởng mình yêu anh ta, vào lúc đó, cũng có thể mình đã từng yêu anh ta... Và cũng chính khi càng hiểu anh ta hơn thì mình càng yêu anh ta ít hơn. Chính là vì cái lối suy nghĩ phải tìm cách xoay sở để giải quyết những áp-phe ít nhiều mờ ám và béo bở của anh ta... Anh ta không hề giống người anh của anh ta! Théotime là một anh chàng tỉnh lẻ ít nói, tốt bụng, hơi vụng về và là một con người tốt... Chính xác thì họ là những anh em cùng mẹ khác cha và mình nghĩ là Hubert thường xuyên sống bám vào ông anh của anh ta, vì anh Théotime lớn tuổi hơn anh ta nhiều. Chuyện gì đã khiến cho Hubert lại hỏi cưới mình sau hai năm không còn quan hệ? Hai đứa đã cắt đứt với nhau mà không làm lớn chuyện, anh ta cũng tỏ ra không cần có cách giải quyết nào khác, nhưng rồi đột nhiên, tuần trước đây thôi, khi mình đã khước từ lời đề nghị của anh ta thì anh ta đã nổi cơn lôi đình, và tỏ ra thật tình tiếc rẻ... thậm chí thất vọng, vì anh ta đã đề cập cả đến chuyện tự tử!..."

Phải xua đuổi cái kỷ niệm không vui này đi. Pascaline vừa lơ mơ ngủ vừa nghĩ đến Mathieu Quérusat. Nàng thường đến nhà chàng, rào qua khắp các nhà kính ẩm ướt và đầy hương thơm, mua ở nơi chàng những cây hồng, những bông hoa cẩm chướng hay những loại hoa khác. Mathieu, nhà trồng hoa, đã cho nàng những lời khuyên, những lời hướng dẫn, đã tặng nàng một đóa hoa tú cầu lớn hay những nhánh hoa đỗ quyên đầy nụ, đã tiễn nàng ra tận xe, tay ôm cẩn thận những cành cây dễ gãy, thậm chí không dám cả mím cười khi nói lời tiễn biệt và cảm ơn nàng. "Mathieu, anh chàng trồng hoa ơi, em yêu chàng, và thật sự em chẳng biết phải làm thế nào cho chàng hiểu được điều đó. Tính rụt rè của chàng đã làm cho em cũng nhút nhát theo. Ôi, chàng Mathieu của em ơi!..."

Một sự mơ màng thật dịu dàng... Mưa đã nhẹ hạt hơn, sấm cũng ít dữ tợn hơn. Con giông tắt dần như trong tiếng thì thầm của con suối lẫn với tiếng gió. Lại có tiếng xe... Mình đang rời khỏi nhà của Mathieu... Tiếng máy xe nổ đem mình ra xa khỏi Mathieu...

Pascaline được hai tia nắng vàng óng xuyên qua khe cửa sổ đánh thức dậy. Không còn giông, không còn những cảm giác chờ đợi của buổi tối hôm qua. Buổi tối hôm qua thật là kỳ lạ. Nàng nhớ lại những tiếng ồn của động cơ xe, và một lần nữa nàng lại cho rằng nàng đã nằm mơ, nàng mở toang cửa sổ. Căn phòng được ánh nắng tràn vào chiếu sáng lên. Ở phía xa xa, ngôi nhà cổ Roustan dường như vẫn còn đang ngủ giấc ngủ của tối hôm qua.

Pascaline xuống nhà dưới, mở ngăn kéo của cái bàn bu-rô lớn mà trên bề mặt có đầy những trang giấy của cuốn tiểu thuyết nàng đang viết dở. Trên máy chữ có một trang giấy đang được đánh máy dở dang. Nàng đọc câu cuối cùng: "Đây về bức tức, Eléonore nhân mạnh ga để chạy đến nhà Julien." Nàng sẽ có giết người thanh niên đó không? Hơi do dự, Pascaline từ từ thêm vào tiếp: "Nàng cảm thấy muốn giết, vì anh ta đã làm nàng quá tức giận, quá bị tổn thương, quá bị xúc phạm." Rồi nàng đi vào căn bếp rộng rãi, mở hai cánh cửa kính bên trong, chần chừ một giây trước khi mở hai cánh cửa gỗ phía ngoài. Đột nhiên một mùi lo thập thớm xâm chiếm lòng nàng, nàng phải ráng sức mới nâng được cái chốt cửa lên, rồi xô hai cánh cửa ra phía ngoài.

Có hai người đàn ông đứng sẵn ở bên ngoài. Một trong hai người hỏi:

- Cô là Pascaline Mauret phải không?
- Vâng...
- Tôi là cảnh sát trưởng Masselot, và đây là thanh tra Folenfant.

Nàng không nói lời nào, khiếp đảm, nhìn hết người này đến người kia, hai người đàn ông đứng đó y như tự bao giờ rồi vậy. Rồi ánh mắt của nàng lại chuyển sang cái sân phơi. Ở đằng đó có hai cái xe của cảnh sát, những người đàn ông mặc đồng phục đang quan sát tỉ mỉ chiếc xe của nàng.

- Théotime Roustan đã bị ám sát đêm qua trên một chiếc xe, rồi bị xô từ trong xe ra ngoài ở bãi đậu xe của siêu thị.

- Thế tôi có liên quan gì tới chuyện đó? - Pascaline nói lắp bắp - Théotime? Các ông nói là Théotime hả? Một con người thật tử tế...

- Hình như là xe của cô có liên quan... Cô đã làm gì vào tối hôm qua, vào lúc giữa hai mươi và hai mươi ba giờ, trong lúc cơn giông đang trút xuống ấy?

*

Mathieu Quérusat đang bước ngang bước dọc trong văn phòng của cảnh sát trưởng. Ông này đang nhìn anh ta đứng ngòai không yên.

- Cậu hãy thôi đừng có lo lắng quá vậy. - Cảnh sát trưởng Hervé Masselot nói.
- Đừng lo lắng sốt ruột à? Cô Mauret đang bị giam, thế mà cậu lại bảo mình đừng lo à?
- Cô ta đã bị giam đâu, cô ta chỉ đang bị tạm giữ đó chứ. Chúng tôi không thể làm cách nào khác được... Anh Théotime Roustan đã bị giết trong xe của cô ta kia mà, một nhát rìu vào đầu...
- Thật khủng khiếp! - Mathieu than - Cô ấy không thể nào làm được chuyện đó...
- Cô ta đã mô tả, trong quyển tiểu thuyết đầu tiên của cô ta, một vụ giết người tương tự... Và trên máy đánh chữ của cô ta, có một trang của quyển tiểu thuyết đang viết, trên đó có một câu đe dọa nói lên một dự định sẽ giết người...

- Chuyện đó là tất nhiên rồi, vì cô ta viết tiểu thuyết hình sự mà!

- Đúng vậy. Nhưng người ta đã tìm thấy cái rìu dính đầy máu, được chôn trong nhà kho của cô ta. Đất mới bị đào và bị dẫm còn dấu đã giúp chúng tôi dễ dàng tìm ra nơi cất dấu nó. Ghế của chiếc xe thì còn dính máu. Xe còn dính bùn, chứng tỏ là cô ta đã cho xe chạy trong cơn giông, hay ngay sau đó. Vẫn chưa hết: có một vết xước dài ở sườn bên phải của chiếc xe, và ở đó có dính một ít sơn. Sơn đó là loại sơn để sơn cổng của ngôi nhà cổ Roustan, đã để lại vết ở trên xe khi bị quẹt... Không có dấu vết nào khác ngoài dấu vết của chính Pascaline Mauret...

- Làm sao mà cậu có thể tin rằng Pascaline có thể làm được một việc tương tự... Cậu nhầm rồi đấy, Hervé!

- Ai đã nói với cậu là mình tin như vậy? Mình đang đợi người em trai của anh Théotime Roustan đang trên đường trở về từ Paris vào sáng hôm nay. Folenfant đang làm một cuộc điều tra mang lại nhiều tiết lộ mới về cậu ta. Cậu đừng nghĩ là mình chỉ dựa vào những ghi nhận đầu tiên đâu nhé... Này, hãy nói thật với mình đi, cái cô Pascaline ấy thật ra là gì đối với cậu vậy?

- Ô... không là gì cả, chỉ thuần túy là một khách hàng thôi...

- Ừ, chỉ vì một khách hàng thuần túy mà cậu phải chạy năm mươi cây số, bỏ bê nhà cửa, công việc của cậu để đến một thành phố mà cậu chẳng mấy khi đặt chân tới à?!

Vừa đúng lúc đó, người ta thông báo là Hubert Pérignac đã đến, và Mathieu Quérusat từ biệt ông bạn Cảnh sát trưởng của mình. Qua cửa sổ, Hervé Masselot nhìn anh ta đi qua đường. Hình như Mathieu đã đột nhiên bị già đi vậy. Anh ta bước đi, đầu cúi gằm. "Ông bạn của tôi ơi, Hervé tự nhủ, cô tiểu thuyết gia xinh đẹp của cậu đang ở trong hoàn cảnh khá bi đát đấy..."

Cảnh sát trưởng Hervé trở lại ngồi vào bàn làm việc của mình. Đây là lần đầu tiên mà Mathieu - người bạn từ hai mươi tám năm nay, từ khi hai người còn để chòm - mới biết yêu, thật trớ trêu thay! Tệ hơn là ông ta đã phải tạm bắt Pascaline Mauret trong khi trong tận thâm tâm ông ta cũng có cùng chung sự suy nghĩ với Mathieu. Các bằng chứng thật là quá... rõ ràng đối với một người mà trong những tác phẩm của mình đã đưa ra toàn những tình huống thật ác hiểm.

Cảnh sát trưởng Hervé cho gọi Hubert Pérignac - người em cùng mẹ khác cha với nạn nhân - vào văn phòng của ông ta. "Tiếc thật, ông ta nghĩ, lúc xảy ra án mạng, cậu ta ở Paris, nếu không thì mình thích nghi ngờ cậu ta là hung thủ hơn thay vì... Theo những tin mà Folenfant đã thu thập được về cậu ấy, thì cậu ấy thích hợp hơn trong vai của Pascaline Mauret..." Rồi ông ta thở dài.

*

Tối hôm đó, Cảnh sát trưởng Masselot thấy cần gặp lại Pascaline. Giờ đây ông ta đã rõ là Hubert đang bị ngập trong nợ nần, đã loan tin khắp nơi là anh của cậu ta đã đưa ra ý kiến sẽ bán ngôi nhà cổ Roustan để trang trải nợ cho cậu ta, nhưng chính Hubert, cậu ta đã khẳng khái từ chối cử chỉ nghĩa hiệp ấy của ông anh vì cậu ta đã có cách giải quyết. Cậu ta sắp cưới một thiếu nữ, chủ nhân của một trong các khu đất đẹp nhất vùng. Một phần của khu đất này lại nằm trong khu quy hoạch chung cho các công trình xây dựng, như vậy cô ta sẽ rất giàu, hơn nữa cô ta lại có một nghề mang lại thu nhập lớn.

- Nghe gì? - Cảnh sát trưởng hỏi - Và là ai vậy?

- Xin ông cho phép tôi không đưa cô ta vào chuyện này. - Hubert vừa nói vừa cúi đầu xuống. - Ông anh tội nghiệp của tôi... Thật là khủng khiếp! Thật vậy...

Thế rồi anh ta bật khóc, những tiếng nấc nức nở có thể làm cảm động bất kỳ ai ngoại trừ ông Cảnh sát trưởng Masselot. Ông ta xem kỹ toàn bộ sự việc, nghiên cứu cẩn thận các tài liệu mà thanh tra Folenfant đã thu thập được. Những người khách thường xuyên của một số casino, những người bán rượu của một số hộp đêm đã xác nhận những tin tức đó. Và theo bà Flers, một người có tiếng trong giới tư sản của Paris, người đã có yêu cầu đừng nêu tên bà ta ra, thì ngày đêm hôm án mạng xảy ra, Hubert đã qua đêm tại nhà của bà ta ở Neuilly. Người thanh tra ở Paris đã đến nhà bà ta cho rằng bà ta có vẻ thành thật, và rất sợ người ta bàn tán về bà ta, vì chồng bà ta đang có chuyến đi công tác ngoại giao... Cảnh sát trưởng Masselot gọi ông phó Lamarche của mình.

- Cậu hãy đi chuyến tàu cao tốc sắp tới đến Neuilly. Cậu hãy cố tìm hiểu xem thật ra bà ấy có yêu Hubert không. Cậu cứ nói là chúng ta bắt buộc phải nêu tên bà ta ra, với tư cách là người làm chứng... Cứ làm cho bà ta phải sợ khiếp lên đi!

- Bộ anh nghĩ rằng đó là một cái cớ giả, một bằng chứng ngoại phạm đã được dựng lên sao?

- Có thể lắm.

- Nếu vậy tay ấy chỉ cần nhờ một trong số gái điếm ở Paris mà tay ấy hay lui tới là được rồi!

- Thật tình mà nói, cậu sẽ tin ai hơn nào? Một bà lớn lo lắng cho danh giá của mình, hay một cô gái điếm hay chiều ý và không hề ngại ngùng?

- Tất nhiên... Trường hợp đầu làm cho vấn đề trở nên nghiêm túc hơn. Nhưng thật không dễ gì mà làm cho tay ấy chịu thua đâu, dù cho rằng đó là thủ phạm! Bởi vì ngay lúc này thì chính Pascaline mới là kẻ bị tình nghi mà lại không có chứng cứ ngoại phạm! Hơn nữa, tay Hubert lại nói rằng cô ấy có mâu thuẫn với ông anh của hắn vì chuyện giáp ranh của hai mảnh đất của họ, mà anh hắn lại từ chối không muốn giải quyết.

Cảnh sát trưởng Masselot còn nhiều việc khác phải làm nên đã khất lại cuộc gặp Pascaline qua sáng hôm sau. Rất kinh ngạc, Pascaline đã không ngần ngại kể lại quan hệ của nàng trước đây với Hubert Pérignac, gần đây thôi, việc Hubert đột nhiên hỏi nàng làm vợ. Tại sao nàng đã không nói gì về những chuyện này vào buổi ban đầu? Nhưng... Cảnh sát trưởng có hỏi nàng câu nào về những chuyện ấy đâu! Hơn nữa, ông ta lại cảm thấy không cần thiết phải đề cập đến những chi tiết thuộc về cuộc sống riêng tư ấy của nàng...

- Còn về Théotime? Và cả cái chuyện có liên quan đến ranh giới của các khu đất? Các người có mâu thuẫn với nhau phải không?

Mặc cho nỗi lo lắng của mình, Pascaline đã không khỏi mỉm cười. Đúng là có vấn đề về ranh giới, nhưng nàng đã liên hệ với người đo đạc địa hình và ông chương khế đã giải quyết xong việc tranh chấp nhỏ đó liên quan đến một mảnh đất không đáng kể. Chỉ cần hỏi ông chương khế thì sẽ rõ ngay thôi... Hơn nữa sự tranh chấp đó chưa bao giờ có ảnh hưởng gì xấu đến mối quan hệ với

người láng giềng của nàng. Nàng cảm thấy thật chán ngán với câu chuyện điên khùng đó và cảm thấy thật buồn vì cái chết quá thương tâm của anh Théotime tội nghiệp ấy...

Đúng ngay lúc đó ông phó Cảnh sát trưởng đã gọi điện thoại từ Paris. Trước sự gợi ý về tất cả những điều đang chờ đợi bà Flers với tư cách là người làm chứng, bà Flers đã khai lại. Bà ta không hề gặp Hubert đã hai tuần nay, lúc mà tay ấy tuyên bố là những khó khăn của tay ấy sẽ được giải quyết vì tay ấy sắp cưới một cô hàng xóm khá giả của tay ấy, và cô này thừa khả năng giải quyết nợ nần giúp cho tay ấy. và cũng nhờ vậy mà tay ấy có thể từ chối đề nghị hào hiệp của ông anh Théotime...

- Hơn nữa bà Flers rất khỗ sở vì cái đám cưới sắp tới, - Lamarche nói tiếp. - Tôi có đến nhà Hubert ở Paris. Tôi có tìm thấy một bức thư của ông anh gửi cho tay ấy, trong đó người anh đã từ chối thẳng thừng, không đồng ý bán bất cứ thứ gì và còn cấm không cho tay ấy được tiếp tục lai vãng đến ngôi nhà cổ Roustan nữa. Chuyện đó xảy ra cách đây ba tuần...

- Như vậy là vừa đúng lúc trước khi tay ấy hỏi cưới cô Pascaline Mauret, và tay ấy lại cũng đã bị từ chối... Tôi phải cho gọi hấn ngay lập tức. Tự gây án mạng, rồi đổ tội cho một người khác mà hấn thù ghét bằng cách sử dụng xe của người ấy, và để rồi trở thành một cách rất hợp pháp, người thừa kế của nạn nhân... Dàn cảnh cũng khá lắm!

Pascaline không còn nghe thấy gì cả. Đứng ở cửa sổ, nàng nhìn dáng người cao ráo của Mathieu Quérusat như đang đứng đợi. Sự có mặt của chàng làm lòng nàng tràn ngập sung sướng. Cảnh sát trưởng Masselot bỏ ống nghe xuống, và người bác sĩ pháp y bước vào, tay cầm bản báo cáo. Théotime Roustan đang ngủ khi bị ám sát. Anh ta đã uống một liều thuốc ngủ khá mạnh.

Khi người ta đưa Hubert vào để hấn gặp, để hấn được nghe nói về bà Flers và về bức thư của người anh mà hấn đã vô ý bỏ quên ở nhà hấn, hấn đã sụp xuống một cách thảm hại. hấn đã lấy chiếc xe của Pascaline để đến gặp Théotime và làm lạnh với anh ta, hấn nói. Tất nhiên là một lần nữa người anh đã mềm lòng trước em mình, anh ta đã lấy một chai rượu ra. Hubert đã cho thuốc ngủ vào ly của người anh trước khi kéo anh ta ra ngoài để khoe chiếc xe 205 mà hấn mới tậu được... Cho xe chạy, đi chơi dưới trời giông, Théotime ngủ thiếp đi rất nhanh...

- Chúng tôi đã rõ đoạn kể tiếp, - cảnh sát trưởng Masselot đứng bên cửa sổ nói. - Đây là một vụ án mạng được cậu tính toán từ trước... Nào, hãy dẫn cậu ta đi!

Cảnh sát trưởng quay sang phía Pascaline.

- Tôi nghĩ rằng có người đang đợi cô... Mathieu và tôi là những người bạn chí cốt lâu năm. Tôi đã báo cho cậu ta về việc cô được trả tự do... Cô có bỏ qua cho tôi không?

Nàng chìa tay cho ông ta, rồi chạy ào ra ngoài về phía Mathieu đang đứng yên chờ đợi. Thế rồi chàng giang rộng vòng tay, và thế là nàng bị nhốt vào một nhà tù khác, một nhà tù thật êm ái và dịu dàng mà nàng sẽ tình nguyện chịu ở lại đó suốt cuộc đời còn lại...

Dịch theo LUCIE REFLAW

VŨ ANH TUẤN và ĐẶNG MINH QUYÊN



MÂY HOÀNG HÔN

MANG VIÊN LONG

Qua khỏi khu trường Tiểu học nằm bên kia nương nước, Phúc bước lên cây cầu đá nhỏ đi dần vào khu chùa. Cỏ trước sân chùa mọc cao nghêu, xác lá mục, thân cây oằn cong gãy ngã bừa bộn. Con đường mòn nhỏ bao bọc ngôi chùa đã bị khuất lấp mất chẳng còn dấu vết. Màu rêu xanh, màu mốc bạc thếp trên vách tường, cánh cửa đóng hờ, những tấm ván dựng rải rác quanh ngôi chùa đã nói rõ với Phúc mọi đổi thay dồn dập đau lòng từ ngày anh dời làng ra đi. Lúc cỗ xe ngựa bắt đầu chạy lên nhịp cầu Phụ Ngọc đầu tiên, Phúc nhìn xuống dòng sông, con nước đang lớn, nghĩ nhớ tới lòng sông mùa khô bày trơ cát trắng những năm thuở nhỏ xa vời chiều nào cũng mang điều ra thả. Khi những cánh diều lồng lộng mơ ước đã rải cánh hoặc đứt dây bay bổng lên vòm trời xanh cao, cả bọn họp nhau lại bày đủ thứ trò chơi. U quạ mỗi miệng đến cướp cờ. Cướp cờ mỗi chân rồi ngồi quanh nói chuyện đời xưa ma quỷ hoang đường. Sau cùng, trước khi lững thững trở về nhà, bọn Phúc tìm tới một trũng sông sâu, dầm mình bơi lội. Dòng sông bây giờ đang ở mùa nước lũ, những bãi cát trắng, những cánh diều, những trũng nước sâu, những người bạn, những câu chuyện thần tiên ghê rợn thuở xưa đã cuốn trôi phăng theo dòng nước từ một đêm nào mưa gió. Cây cầu sắt chênh vênh xiêu vẹo sau lần bị phi cơ Pháp ném bom, nay đã được rút bỏ, để thế vào một cây cầu đúc rộng rãi kiên cố. Tuy vậy, những bờ đập cao bằng đá trắng phía trên cầu hình như không có gì thay đổi: Những ngọn nước chảy rào rào trắng phếu giống dạo nào. Và sự khoáng đãng, tươi mát, tĩnh mịch hình như cũng không mất khi ở giữa cầu nhìn về hai phía dòng sông bên kia Nhon Thọ bên này Kiên Mỹ. Gió, gió đầu đông nồm nọp gây lạnh trong ánh nắng se sắt, hanh vàng. Phúc chợt bắt gặp trong hơi gió và sắc nắng một sự quen thuộc thực thân thiết, thực nồng nàn. Cảm giác này đã xua đi được đôi phần lòng buồn nản đã có nơi Phúc khi anh bắt đầu nghĩ tới việc trở về. Anh bất giác mỉm cười như thể đang mở lòng đón nhận, mời mọc hết thảy mọi nỗi an ủi vỗ về, đang bàng bạc man mác trong ánh nắng thu đông.

Người lính gác bên này cầu mệt mỏi hạ thấp sợi dây kéo giăng qua đường cho chiếc xe chạy lên chợ. Con đường bị những vòng kẽm gai tua tủa ra hai bên nên hẹp khép lại, chiếc xe phải chạy chậm dần, lọc cọc, lắc lư trên quãng đường lồi lõm gồ ghề. Con ngựa cúi gập đầu chúi tới trước gắng kéo lê chiếc xe chở đầy người và quang gánh đồ đạc công kênh. Nhìn con ngựa lạng lẽ nhẩn nại với dáng gầy gò tuổi chắc đã già, còng lưng rướn kéo cỗ xe về phía trước- Phúc nghĩ tới người chủ gầy ốm đang ngồi ở gọng xe : Ông ta cũng không khác gì ngựa. Trên nhiều đoạn đường gập ghềnh, ông ta thường nhảy xuống bám đôi tay xương xẩu đen sạm lên gọng xe, cúi sát người xuống, hì hục cùng ngựa kéo chiếc xe nặng nề lăn bánh. Những lúc như vậy, Phúc thấy cuộc đời ông chẳng khác gì một con ngựa. Con ngựa kéo xe để được máng cỏ, xô nước đường đen ; ông kéo xe để được bát com. tấm áo. Trong cuộc sống này, Phúc nghĩ thêm, chẳng qua tất cả cũng đều là những con ngựa tuy rằng không kéo cùng một chiếc xe bánh sắt. Phúc bây giờ là một con ngựa

quê, anh sẽ không còn kéo theo bên mình chiếc xe trĩu nặng, nhưng chắc phải sống đời trơ vơ lang thang trên cánh đồng đã khô héo cỏ.

Phúc đoán ra khu nhà của người cô ở đầu xóm, tiếp giáp với đám ruộng- bên này là con đường ruộng hẹp, đắp cao. Vị trí của căn nhà khó có thể quên được. Phúc nghe như lòng cũng rộn rã vui mừng khi nghĩ rằng anh đã nhìn thấy, sống lại được, trong căn nhà thân yêu cũ. Sau hàng rào cây xanh cao kia, trong khu nhà vườn cây xum xuê đó, Phúc đã trải qua những tháng năm chưa xót nhưng thực êm đềm. Một nỗi êm đềm của lòng nhớ tưởng, thơ mộng tựa những cánh điều màu sắc lơ lửng vi vút trên vòm trời sông Phú Ngọc bao la.

Tại sao chiếc cổng gạch âm cúng dạo nào lại không còn ? Phúc nghĩ thầm, lợ ngợ bước sâu xuống mấy khu nhà kế tiếp, dòm ngó, bờ ngõ. Anh định đi tìm một chiếc cổng gạch, nhưng chẳng có căn nhà nào còn. Bờ giậu xanh cao rườm rà lá dúi, điểm đỏ hoa dâm bụt, hoa ỏ tàu. Chiếc cổng đâu ? Phúc đi ngược trở lại chú ý hơn vào các căn nhà. Không có căn nhà nào còn phảng phất nét quen thuộc trong cái tường nhớ cũ càng xa lắc của anh. Căn nhà ngói lớn, mái thấp, thềm cao, khoảng sân gạch xám của cô Cửu đâu? Dừng lại trước hàng giậu căn nhà đầu tiên tiếp giáp với bờ ruộng, Phúc nhớ tới chiếc cổng gạch những ngày mùa đông rét run đứng co ro trong khe cửa nhìn màn mưa dày đen kịt, mà ngậm ngùi thương nhớ mẹ. Chiếc cổng, những trưa hè ngồi dựa lưng lên vách, đọc truyện thơ “*Phạm Công Cúc Hoa*”, “*Lục Vân Tiên*”- gió mát ru mùi giắc ngủ đơn lẻ lúc nào cũng không hề hay biết. Chiếc cổng, những buổi chiều ngồi nhìn đám thợ gặt làm việc náo nức rộn rã phía dưới mấy đám ruộng trước nhà. Chiếc cổng, những đêm trăng sáng cùng lũ bạn đi bẻ trộm dưa gang chín về ngồi ăn với đường tán đen, cười nói ồn ào tới khuya mới tản mát. Chiếc cổng, những hôm buồn đau ra ngồi khóc thầm đã được chị Nữ ôm ấp dỗ dành an ủi. Chiếc cổng bây giờ đâu rồi? Căn nhà của cô Cửu đâu ?

Phúc bước vào sân, người đàn ông trạc bốn mươi tuổi ló đầu ra nhìn, cười gượng gạo :

-Chú hỏi thăm ai ?

Nhìn quan sát một vòng khu nhà, anh nói :

-Tôi tìm nhà bà Cửu, ông biết nhà bà Cửu không ?

Người đàn ông mừng rỡ:

-Đây rồi, có phải chú là cháu bà Cửu?

Phúc gật đầu, cúi nhìn tay nạng gỗ :

-Phải. Sao ông biết?

-Ồ, bà ấy nhắc tới chú hoài. Ông Cửu chết rồi chú hay chưa ?

-Chưa. Chết rồi à ?

-Chết rồi.

-Đã lâu chưa ?

-Cũng mấy tháng.

-À, còn cô tôi ?

-Bà ấy bây giờ không đi đứng được nữa, nằm căn nhà sau .

-Sao lạ vậy ?

-Phong. Tê liệt.

Người đàn ông chột kêu lên :

-Ấy, sao chân chú vậy ?

-Gãy.

-Bị thương chắc?

-Bị thương.

-Ồ...

Phúc theo người đàn ông bước vào nhà. Căn nhà lạ hoắc. Không còn một chút đồ vật, bóng dáng nào quen thuộc với trí nhớ anh. Quả thực thời gian đã dần dà đổi thay được hết cả: Căn nhà đã khác, người dượng không còn, bà cô nằm liệt, mấy người anh vắng bật, và Phúc khắp khiêng trở về cũng không giống xưa nữa. Ngày Phúc được mẹ dẫn tới gửi cho người cô, anh mới mười tuổi. Mười tuổi, cái tuổi ngây dại lơ lảo đó Phúc đã phải sống bơ vơ bên người cô xa lạ, cạnh ông dượng lèm nhèm mùi rượu, giữa những người anh buống binh, ngang ngạnh xác xược. Mẹ Phúc tái giá với một tên sờ khanh, đào mỏ. Bà ôm tất cả gia sản đi theo ông để lo “*khuếch trương làm ăn*”. Với tấm lòng rất dễ tin người, hảo ngọt, và tâm sự buồn bã cô độc- những lời lẽ gò gẫm hứa hẹn của người đàn ông nọ đã làm yếu mềm lòng dạ bà. Thế nhưng tình nghĩa chỉ được kết nối bằng tiền bạc thì tiền bạc cũng sẽ kết thúc nó một cách đau đớn: Mẹ Phúc sạch nhẵn vốn liếng, người đàn ông nọ đã để bà chết đi một cách dửng dưng. Trước khi biết không thể sống thêm được, bà cho gọi Phúc gần bà. Bà thường thở dài với hai dòng nước mắt lặng lẽ : “*Con à, con đừng bao giờ nghe lời quyến rũ của ai, nghe con?*”. Kinh nghiệm này, bà đã đổi được với một giá quá đắt bằng nửa cuộc đời cay đắng buồn thảm.

Phúc sống với bà cô như một bờ bến cuối, một nơi dừng nghỉ sau cùng, một trú nấp còn sót lại cho cuộc đời côi cút của anh. Bà con, họ hàng, bè bạn thực là xa cách, mịt mờ. Ngoài chỗ nương tựa vững chắc cho đời người là ông bà cha mẹ-có lẽ sẽ không có nơi nào yên ấm cho những cảnh đời bất hạnh như Phúc? Trước mặt Phúc bây giờ là một đời sống cô tịch, khép kín, ngơ ngác như ý nghĩa tương lai. Một tương lai tợ như những thân cây rừng hoang dại sừng sững trơ vơ giữa trời .

Người dượng Phúc thường nói: “ Tội nghiệp thằng nhỏ, cháu hãy sống với cô dượng. Dượng thương cháu lắm ”. Phúc đã ở lại trong tình thương yêu đó bằng cuộc sống của người ở đợ, tấm tối, cực nhọc. Ngày quần quật, vất vả, tới đêm phải thức đấm lưng, bóp chân cho người dượng nghiện rượu, có tấm lòng bao la ấy. Tuy vậy nỗi khổ tâm lớn nhất của Phúc chừng như là những sự ngang tàng, hống hách của những người anh đã ngó Phúc với đôi mắt tấm lòng dành cho kẻ thất

thể xin ăn. Cái buồn tủi này đã là nguồn lực quyết định chuyển ra đi xa của Phúc năm mười lăm tuổi. Và, anh chỉ còn mang theo được hình ảnh êm ái của những buổi chiều đầu tiên mãi mê trên những cồn cát trắng của dòng sông Phú Ngọc với những cánh diều chấp chới bay cao...

Phúc ngồi xuống giường bà cô đang nằm- khuất sau tấm màn :

-Cháu đây này, cô còn nhớ không ?

-Thằng Phúc đó hả ?

-Dạ.

-Trời ơi ...

Bà sụt sùi khóc. Đôi tay bà run rẩy nắm chặt cánh tay Phúc như sợ anh vượt mất. Tiếng khóc của bà khàn đục, nghẹn ngào trong cổ. Nghe tiếng khóc ray rức quặn quại đó, Phúc biết bà đã sống những ngày gần cuối cùng của đời bà thực cô độc và ảm đạm. Đứa con út của bà- anh Thung, mà người dựng thường khoe rằng nói tiếng Tây như gõ cây, nói tiếng Mỹ như gió, học hành được nhiều chứng chỉ, quen thân với ông lớn này, bà triệu phú nọ ở đất Sài Gòn hoa lệ, tương lai rực sáng như ánh đuốc, tài ba lỗi lạc nhất vùng nhất xứ; đã vào nằm trong Thủ Đức mấy tháng nhưng bị bại lộ chứng chỉ tú tài giả, đã bôn đào biệt tăm nhiều năm nay. Thung bỏ đi, câu chuyện của ông trở nên nhạt nhẽo và ông thường lặng lẽ thờ dài. Khác với lúc xưa, hễ mở miệng, việc trước tiên là ngợi ca cái tài xuất chúng của con, bĩm môi khinh bạc những người đồng lứa, nhất là những người trong họ hàng gần gũi. Ông thường nói: *“Ồi, cái thằng đó không bằng cái móng tay của thằng Thung tôi”*. Bây giờ, ông đã chết, dưới huyết sâu lạnh lẽo buồn bã, ông có biết chẳng Thung đã phiêu bạt lang thang như những cái móng tay đã cắt bỏ? Lòng kiêu ngạo mù quáng kia phải chăng là sự thất vọng lớn để ông đã sớm lìa cõi đời còn mang theo một ngọn đuốc tin tưởng trước khi nhìn thấy nó thực sự chỉ là một tia lửa le lói, âm u ? Dù sao, nghĩ tới Thung, Phúc cảm thấy xót thương ông như đã cay đắng bù ngùi cho lòng tin yêu của mẹ anh thuở trước. Mẹ cha nào lại chẳng nuôi nhiều kỳ vọng vào đàn con để được ấm lòng già nua, xế bóng ? Con cái bao giờ cũng là nơi tích chứa mọi mơ ước đã được nuôi nấng dạt dào trong lòng cha mẹ.

Người đàn ông ngồi ở sân nói chuyện với Phúc về căn nhà qua nhiều thay đổi. Lần chót, được trở về căn nhà không còn là căn nhà nữa: Cỏ cây, mối đất, rắn rết, đã biến cả căn nhà, khu vườn là một bãi hoang, ghê rợn. Nay chú, lũ tôi đã phải bỏ ra ngót một tháng để dọn dẹp, chặt chây, nhổ cỏ, ủi đất, phát rào, đổ nền, dựng nhà đó. Một tháng làm việc tay táy, vùi vãi, ngày đêm mới trông tạm như bây giờ. Chú à, nhiều lúc tôi nghĩ, giá mà phải bỏ chạy một bận nữa, chắc lũ tôi đuối sức hết chỗ nương tựa rồi. Bà Cửu có hứa với vợ chồng tôi rồi, khi bà chết, bà sẽ dành khu nhà này cho chúng tôi coi ngó. Phúc đứng dựa vào vách tường, mặt hướng ra ngõ, buổi chiều u ám mây lạnh, cánh đồng vắng vẻ ướt át, nghĩ tới những ngày kế tiếp phải sống lại nơi đây trong những biến đổi ngòm ngợp khắc khoải, Phúc tưởng mình cũng đã quá già nua khô héo. Như người cô tê liệt nằm mãi trong buồng tối, như người đàn ông quê mùa lỡ vận tản cư, như xóm làng thê lương...

Phúc mời người đàn ông một điếu thuốc, anh hỏi:

-Cây ổi bát quạt ở góc kia cũng chết rồi à ?

Người đàn ông cười :

-Người còn chết hưởng hồ là cây cỏ ...

Giọng Phúc chợt buồn:

-Tôi có khắc mấy chữ ở thân cây ổi đó, ngày tôi ra đi.

Người đàn ông do dự, im lặng. Hình như ông ta muốn nói gì nhưng lại quay mặt nhìn hồ qua bờ rào. Phúc cảm thấy không yên tâm khi biết ông ta cố lảng tránh cái nhắc nhở về cây ổi và hàng chữ cũ của mình. Thói quen im lặng của ông giống sự một nỗi cam chịu hay lạnh nhạt dửng dưng. Điều đó khiến Phúc cảm thấy khó chịu, buồn bã.

Tiếng người đàn bà hỏi từ bên kia bờ rào :

-Con Sáu đi chợ Bình Định về chưa ông Thứ ?

-Chưa, có chuyện gì vậy ?

-Không, hỏi thăm vậy mà.

Phúc để ý tới giọng nói của người đàn bà thực quen thuộc. Anh quay lại, nhìn qua bờ rào cao, thấy khuôn mặt của Nữ. Anh hỏi lớn, giọng bình thản :

-Có phải chị Nữ không ?

-Ai đó ?

-Tôi.

-Có phải cậu Phúc không?

-Đúng rồi.

-Ồ, cậu Phúc đó à ? Về khi nào vậy ?

-Mới về.

-Rảnh ghé lại đặng tôi chơi nhé ?

-Dạ, cảm ơn chị, tôi sẽ ghé mà...

Căn nhà của mẹ con Nữ đã dời lên giữa xóm, nằm cạnh đường, con đường từ nhà cô Phúc đi thẳng, dẫn lên dãy phố cũ, từ đó quẹo qua khu chợ mới được tái thiết ở bên kia hương lộ. Tối qua, nằm nói chuyện với ông Thứ, Phúc cũng đã hiểu được cảnh ngộ Nữ từ ngày anh bỏ đi tới nay. Trước khi anh dời làng này, Nữ đã có con với một gã cán bộ trong Ủy ban kháng chiến hành chính xã. Đám cưới gấp gáp giữa khoảng sân nhà hoang phế vào một buổi chiều cuối xuân. Hai dãy bàn kê nối nhau, hai dãy ghế đối diện dành cho hai đám trai, gái, bè bạn liên hệ trong xóm. Mấy đĩa đèn dầu leo lét chập chờn đặt rải rác trên mặt bàn. Họ uống nước trà, ăn kẹo đậu phụng, bánh ngọt, nói lợ nhợ đủ thứ chuyện nào thi đua diệt chuột, bắt sâu, thuế má, đào hầm trú ẩn liên lạc, canh

gác, hội họp, kiểm thảo, phê bình, công tác chuyên vận, dân công... Buổi tiệc cưới biến thành một cuộc thi đua thảo luận hăng hái hơn bất kỳ một buổi gặp gỡ nào bởi có mấy đĩa bánh và nước trà. Sau đêm đó, khi Nữ có thai sáu tháng, gã cán bộ xã phải xuống tàu tập kết. Theo lời ông Thứ kể, quãng sau này, nàng là vợ của một ông trung đội trưởng nghĩa quân. Gặp ông trung đội trưởng này đã có thêm hai đứa con, hai đứa con trai cả, nhưng rồi ông này đã chết... như vậy tính đến nay chồng Nữ đã mất được chẵn hai năm rồi. Nữ vẫn ở chỗ cũ ; nuôi ba đứa con. Một đứa là con của gã cán bộ tập kết, hai đứa là con của ông trung đội trưởng nghĩa quân tử trận. Ba đứa con, những mảnh tình chia sẻ, những oan nghiệt khắt khe đã bủa vây lấy cuộc đời hẩm hiu yếu đuối của Nữ. Trọn đêm qua, thấu rõ cảnh đời lận đận của Nữ, Phúc trần trọc nhớ lại những ngày sống gần gũi Nữ như một người chị lạc lõng yêu dấu đã vỗ về cơn trăn trở nỗi cô độc buồn phiền của anh những ngày sống bơ vơ trong tình thương ba hoa của người dượng. Nữ đã an ủi Phúc khi ôm anh vào lòng lau khô những giọt nước mắt thấm thiết. Nàng như chiếc cổng gạch trước nhà, sẵn sàng che chở anh, xoa dịu ngọt ngào, ôm ấp mến yêu. Phúc tưởng chừng đôi bàn tay mềm mại êm đềm kia vẫn còn phơn phớt in dấu trên khuôn mặt mình. Và hơi thở ấm, giọng nói trong, hơi hướm khác lạ Nữ đột nhiên trở lại như một quynn rũ ám ảnh Phúc cho tới lúc này.

Nữ lớn hơn Phúc bảy tuổi. Giờ thì đã có ba đứa con. Người cán bộ năm nào chắc cũng mờ mịt bóng dáng trong rừng núi Trường Sơn trùng điệp xa lắc, còn gã trung đội trưởng nghĩa quân đã yên rồi một kiếp- nhưng Nữ vẫn còn đó, lúi lúi như một chiếc bóng khôn khổ. Liệu nàng có còn phải hứng chịu thêm một tai họa buồn thảm nào khác ? Đôi bàn tay tình nghĩa bơ vơ kia chắc đã chai mòn, rồi rã sau bao bất hạnh dồn dập phũ phàng ? Phúc dừng lại một lúc trước cổng nhà Nữ, nhận biết rõ lòng mình thực bồi hồi, xúc động.

Tiếng Nữ ở phía dưới khu nhà nấu ăn mừng rỡ gọi lên :

-Cậu Phúc, cậu Phúc, trời lâu quá rồi phải không?

Nàng đã ra giữa sân, áy náy hỏi:

-Cái chân cậu thế nào ?

Phúc hơi cúi xuống nhìn vào bàn chân mình, cười:

-Gãy .

-Gãy à ?

-Gãy. Nhưng vẫn còn đi về được để tìm thăm chị kia mà.

Nữ cười gượng gạo. Có lẽ nàng nghĩ tới thuở cũ khi nghe câu nói nặng tình kia. Chợt ngược nhìn sững lên mặt Phúc một thoáng, Nữ ngó lảng tránh chỗ khác, bối rối mời Phúc vào nhà. Phúc, cậu bé dạo nào nàng thường lau giùm nước mắt, ve vuốt gương mặt hiền hậu thông minh, thỏ thẻ vỗ về đùa nghịch như với người em bé bỏng. Phúc, hình bóng người con trai đầu tiên đã ghi lại nhiều dấu vết êm ái quynn luyến nơi tâm hồn thơ ngây, mơ mộng nàng. Phúc, gã thanh niên phong trần dày dạn đang ngồi trước mặt Nữ thực khác lạ với mọi nhớ tưởng ôm ấp cũ. Phúc, có phải cậu vẫn còn nhớ chuỗi ngày hoang dại xa xưa đó ?

Nàng đột ngột hỏi :

-Cậu định ở chơi mấy hôm nữa ?

Phúc lấy điều thuốc ra khỏi môi, nhả khói bay lững đặng trên không, giọng nói chậm :

-Tôi ở lại luôn đây rồi, chị Nữ à.

-Cậu không nói giỡn chơi đó chứ ?

-Tôi không nói giỡn với chị đâu. Tôi ở luôn với cô tôi.

Im lặng một lát. Phúc ngẩng lên nhìn thẳng vào mặt Nữ:

-Có lẽ chị hiểu tôi nhiều rồi mà ?

Nữ hơi luống cuống vì ánh mắt nhìn thẳng đầy ấp yêu thương và câu hỏi ngầm ý nhắc nhở khơi dậy những nhung nhớ cũ. “*Có lẽ chị hiểu tôi nhiều rồi mà*”, Nữ ấp úng nói:

-Tôi hiểu cậu, nhưng tôi nghĩ cậu không thể sống mãi ở đây.

-Ý chị muốn nói ...

-Tôi muốn nói cậu sẽ buồn nản vì tất cả đã đổi thay một cách đau xót.

-Ngay cả chị nữa ?

-Đúng vậy, ngay cả tôi nữa.

Giọng Phúc bỗng thấp hẳn, xa vắng:

-Không hề gì, phải, không hề gì chị Nữ à.

Phúc nhìn thoáng lên mặt Nữ, khuôn mặt tuy đã gầy xanh đờ đẫn, nhưng nét dịu hiền tha thiết vẫn còn ẩn kín sau đôi mắt sáng ngời. Anh thấy cái dáng dấp yêu dấu cũ chừng như không hề phai mất nơi Nữ. Trái lại, được bồi đắp thêm bởi những lời lẽ phân vân, cử chỉ ngần ngại, nụ cười chiu chắt nồng nàn, vóc dáng nảy nở gợi cảm. Phúc hỏi :

-Chị thấy thế nào ?

Nữ bàng hoàng :

-Cậu nói thấy thế nào ?

Phúc cười mơ hồ :

-Tôi ở lại đây có được không ?

Nữ nhìn Phúc:

-Cái đó tùy cậu...

Bên ngoài, cơn mưa đã nặng hạt dần. Màn mưa dày, đen kịt. Căn nhà bỗng tối xầm xuống, lạnh lẽo. Phúc vội tay kéo ngọn đèn lại trước mặt, đánh đèn đốt sáng. Mầu sáng vàng bệch đậu trên gương mặt hiu hắt Nữ như một người vừa ngã bệnh, hay vừa choáng tỉnh một cơn mê?

Trước khi nghe lời cô đề nghị rằng anh phải cưới Sáu, theo bà, đó là một đứa con gái hiền khô, làm lụng buôn bán giỏi, biết chịu đựng lo lắng cho chồng con; Phúc đã có dịp gần gũi Sáu. Tại một góc nhà giữa, lúc Sáu đang bỗng đứa em út ngó mông ra khung cửa sổ, Phúc lại gần nàng. Sau mấy câu hỏi băng quơ, anh đã thử nắm vào cánh tay Sáu, nhưng nàng vẫn yên lặng. Phúc đưa tay xoa lên mái tóc, ve vuốt khoảng lưng nàng; Sáu vẫn lặng lẽ, không hề có chút phản ứng chống chọi. Từ đó, dầu rất thương Sáu ở cái hiền khô thơ dại, nhưng Phúc nghĩ anh không thể sống yên thắm hạnh phúc trong cái ngơ ngác, cục mịch đó. Đôi lúc, Phúc muốn cố gắng tạo nhiều sự cảm thông sâu sắc hơn, nhưng chưa có dịp bày tỏ.

Cô Phúc đã gọi anh ngồi cạnh bà, bằng một giọng ôn tồn, bà nói :

-Cháu à, cháu hãy ưng con Sáu đi. Cô muốn thấy cháu có vợ con đàn hoàng rồi cô chết cũng cam. Mẹ cháu có nói với cô...

-Thưa, mẹ cháu nói sao?

-Mẹ cháu lúc sống có gởi cháu cho cô, cô đã hứa sẽ lo cho cháu tươm tất.

-Cháu đã lớn rồi, cô đừng bận tâm tới chuyện đó, cháu có thể lo lấy được, cô à?

-Đừng. cháu không tự lo liệu được đâu, chuyện vợ con không phải dễ, vả lại cô đã nói với vợ chồng thằng Thứ rồi.

-Cô đã nói rồi?

-Nói xong rồi.

Đêm đó Phúc đã ngồi với Sáu trước hiên nhà, trên chiếc chõng tre, gần suốt đêm. Vẫn như lần trước, Sáu không mấy may phản ứng đôi tay ve vuốt, sờ soạn trên thân thể. Phúc đã dần dà tìm mọi cách uớ m thử, nhưng nàng cứ ngồi yên lặng lẽ, ngơ ngác quá đỗi. Nàng chỉ có một câu trả lời Phúc “ *Em không biết, anh nói với mẹ em...i*” rồi cúi đầu lảng tránh, im lặng chịu đựng.

Phúc hôn lên môi Sáu thực lâu, hỏi :

-Em nghĩ thế nào?

Nàng khẽ cử động, nghiêng mình xuống, giọng lạnh lùng:

-Anh hỏi cha em...

Phúc nghe tiếng mình cười :

-Anh không muốn hỏi cha, hỏi mẹ, anh hỏi em...

-Em không biết...

Phúc thấy Sáu thực tội nghiệp: Nàng như một cục đất. Sự nghèo khó lao đao đã lần hồi lấy mất ở nàng những xao xuyên rung cảm. Nàng ngồi đây, bên cạnh Phúc, co ro lặng thinh như một bóng cây ủ rũ phiền muộn. Tuổi con gái mới lớn với những mơ tưởng tình ái hoang đường không hề ảnh lên trong tia nhìn nàng, không lộ ra nơi nụ cười khô héo hiềm hoi. Anh nghĩ biết rằng mình đã thương Sáu vô vàn - lòng xót xa cho số phận khốn đốn lạc lõng của nàng nhưng đồng thời cũng thấy khó bề mà gần gũi tha thiết với tình nghĩa trăm năm như người cô đã sắp đặt. Phúc nghĩ tới Nữ và những bạn lui tới : Mỗi lúc, Phúc càng nhận ra anh không thể rời xa Nữ được. Hình ảnh êm đềm khó nguôi cũ được sưởi ấm soi sáng thêm bằng những nụ hôn ngây ngất mới mẻ đã xuôi anh nhớ thương Nữ như một mối tình cuồng quít tinh khiết đầu đời. Ở Nữ, Phúc tìm được thực nhiều an ủi cho cái quá khứ đen tối và đời sống hiện tại bấp bênh tật nguyên của mình. Trong tận cùng mong ước , anh đã muốn được dừng lại yên tĩnh bên Nữ, người con gái đầu tiên đem tới nhiều cảm xúc lạ, sâu thẳm trong đời sống anh. Và bây giờ, đang tiếp tục dẫn dắt triu mến những bước chân khập khiễng tìm về, như đôi cánh tay thân ái đã mở rộng để đón anh vào lòng buổi sáng nào.

Bước lên hiên nhà Nữ, Phúc đã bị cơn mưa bất chợt đổ ướt sũng. Nhìn vào trong ngọn đèn dầu lay lắt vàng vổ, căn nhà chập chờn bóng tối, Nữ đã đi đâu ? Phúc bước vào nhà, ngó quanh quất khắp căn nhà trống, tất cả im lìm. Tiếng mưa đổ hung tợn bên ngoài. Gió rung động hàng tre kèn kẹt, xạc xào phía sau nhà. Nữ, Phúc gọi lớn. Nữ, có ở nhà không ? Phúc ngó dáo dác ra phía nhà sau.

Tấm màn che nơi cửa buồng khẽ xao động: Nữ mệt mỏi luống cuống bước ra. Dưới ánh đèn chập chờn khuôn mặt Nữ chùng như nhợt nhạt, đỏ dần hơn. Những trũng tối dưới sống mũi, đôi mắt, phía cằm không che khuất hẳn một nét mặt buồn bã. Phúc để ý thấy dưới trũng mắt, trên gò má cao, màu da láng ướt, ánh rõ lên. Anh nắm bàn tay Nữ, lay mạnh :

-Tại sao Nữ lại khóc ?

- ...

-Tôi đã làm cho Nữ khổ ?

-...

Bất giác, nàng ngược lên, lặng lẽ nhìn Phúc thực lâu. Nàng gượng cười :

-Không , Phúc đừng nghĩ thế.

-Tôi buộc phải nghĩ thế.

-Tốt hơn Phúc nghe theo lời cô đi.

-Bây giờ, Nữ đừng nên khuyên tôi như hồi còn thơ trẻ, có lẽ Nữ đã hiểu rõ tôi hơn ai hết rồi.

Gió thổi tắt phụt ngọn đèn ở bàn. Phúc dìu Nữ ra phía ngoài cửa. Trời một màu sáng đục nước mưa. Hai người đứng dựa lưng vào vách, tất cả im lặng. Phúc chú ý tới bờ tre lá ngọn rạp rình lay lắt cuối xóm. Thân tre ngã cong về phía dãy núi, ngẩng lên cúi xuống, đều đặn theo từng cơn gió cuốn. Nhìn lâu, anh nghĩ đó là những con người không lồ áo quần lòa xòa, đang di chuyển âm

thầm trong màn mưa đục. Đoàn người lũ lượt lay động đi trong mưa trấu hạt giữa những đám mây chiều u ám, buồn tênh. Phúc tưởng tới những câu chuyện hoang đường mà Nữ vẫn thường kể cho anh nghe lúc trước: Những toán người triều đình phục sức dềnh dàng vòng lọng xênh xang đi rước một hoàng hậu là cô gái rừng núi nghèo khó về cho thỏa lòng mơ ước của một ông vua lãng mạn si tình.

Mắt vẫn không rời hàng tre xa mờ sau màn nước mưa dày, Phúc hỏi :

-Thằng Việt chiều nay không về sao ?

Tiếng Nữ trả lời :

-Không. Nó ở nhà trọ, ít khi về.

-Hôm nay là thứ bảy.

-Tôi thường xuống dưới đó thăm nó.

- Hai đứa nhỏ chắc đã về bên nội ?

- Về bên nội .

Gió thổi dạt những giọt nước mưa vào chỗ hai người . Tấm áo ướt rũ của Phúc đã dần khô , tuy vậy , anh đã bắt đầu cảm thấy lạnh . Một nỗi rét mướt âm ỉ ray rức bốc lên từ trong lòng anh ; trong lúc đó ngoài đường không một bóng người qua lại - mưa vẫn mờ mịt dũ tọn phủ xuống một lớp dày đục .Phúc bỗng thấy căn nhà Nữ như nhỏ sụp xuống , tách biệt hẳn , trở vơ lạc lõng như đáng dấp nằng . Anh quay lại nhìn sững lên khuôn mặt Nữ - nàng gương lớn đôi mắt ngó lên . Trong đôi mắt đó , Phúc như đọc thấy những rung cảm say đắm , thiết tha . Và anh xoay hẳn người , ôm lấy khuôn mặt Nữ- hôn lên đôi mắt nồng nàn mời gọi nóng bỏng ấy thật lâu .

Phúc nói :

- Trời tối rồi , chúng ta vào nhà kẻo lạnh ...

Tiếng Nữ hỏi phía sau :

- Trời mưa quá , làm sao Phúc về ?

- Tôi không về.. .

Phúc quay lại ôm choàng Nữ trong đôi tay siết chặt :

- Tôi không về , được không ?

Nữ rạo rực cúi đầu -nhìn bóng tối dưới chân mình :

- Chuyện đó tùy Phúc ...

Có tiếng Phúc cười rất khẽ trong bóng tối lạnh lẽo , kín bưng . Dù tiếng cười rất nhỏ , cả Phúc và Nữ cũng nghe rõ được trong tiếng cười tất cả niềm xao xuyến , khát khao hạnh phúc đang đến rất gần....

Tháng 10/1970

MANG VIÊN LONG

Thơ

biệt hồ chiều

Rồi dòng nước xưa đã chia hai
bên hồ mịt mù hơi thở
về đâu nỗi nhớ
hồ chiều ngậm sương .

Em đi lâu rồi phải không
bỏ chiếc bóng cô đơn ở lại .

Còn có ai trong chiều
đứng ngậm ngùi mong đợi
mưa cũng không buồn tới
nằm ngủ dưới chân đồi .

Đám con gái cuối dốc xa lạ
tiếc chi một giọng cười
dễ mãi thu vàng màu lá .

Phải chi rồi có lúc em quay về
đất trời bão dông trùng điệp
tiếng ai gọi chiều tha thiết .

Biệt hồ chiều.

HUY UYÊN



TRĂNG LẼ

TỪ KẺ TƯỜNG

Chuyến xe chật kín người, Đăng và Trinh phải đứng lắt lẻo hai người ở hai đầu, không có cái gì để níu lấy, Trinh phải bám tay vào thành ghế có người ngồi. Đăng cũng thế, anh không lo cho mình mà lo cho Trinh. Cô ấy là con gái thành phố, không quen đi xe theo kiểu này. Nhưng Đăng cũng không làm sao hơn được, Trinh đang ở mãi tít đầu kia, sau những cái đầu người lố nhố, lắt lư.

Buổi chiều sắp tắt, những sợi nắng muộn vắt ngang cánh đồng lúa chín một màu vàng rực. Một vài cánh cò trắng bay tít ở rặng cây xa, những cánh cò hối hả về trú đêm ở vạt rừng nào đó. Đăng và Trinh cũng hối hả về một ngôi nhà nhỏ trong vườn cây, một nơi rất quen thuộc với Đăng nhưng hoàn toàn xa lạ với Trinh. Cô ấy đã quyết định nghỉ việc, để cùng với Đăng về quê anh một cách bất ngờ.

Mới đêm hôm qua hai người còn ngồi bên bờ sông, nơi có những bụi chuối xòe những tàu lá rộng dài che ánh trăng đang thả sắc vàng lờ mờ xuống mặt sông đầy nước.

Trinh ngả đầu lên vai Đăng, giọng mơ hồ:

-Sáng sớm mai anh chờ em ở đầu con hẻm gần cơ quan lúc năm giờ, em sẽ tới và chúng ta về quê anh.

-Sao bất ngờ thế, anh không nghĩ tới điều này?- Đăng ngạc nhiên thắc mắc.

Trinh mở to mắt nhìn Đăng dưới bóng trăng:

-Không lẽ anh chẳng mong điều ấy sao?

-Mong, rất mong, nhưng anh không ngờ nó đến nhanh chóng như vậy.

-Nếu em không quyết định bây giờ thì sẽ chẳng bao giờ có điều ấy xảy ra nữa- Trinh thở dài.

Đêm ấy sóng vỗ vào bờ đá những âm thanh âm ào. Vầng trăng thăm thẳm trôi như một giấc mơ xa. Nếu không có mùi hương quen thuộc của loại dầu gội đầu Trinh thường sử dụng từ mái tóc xõa dài ngả trên vai Đăng, anh cũng nghĩ đó là một giấc mơ.

Chuyến xe dừng lại trong tiếng máy rì rầm và mùi xăng hăng hắc trong khoảng không gian lồng bóng chiều đã nhạt. Đăng và Trinh bước xuống xe, trước mặt hai người là ngã ba làng, một con lộ đất hung hút giữa những mái nhà ám khói. Hầu hết là nhà mái lá, ẩn khuất trong vườn cây hay quay cửa ra lộ, thỉnh thoảng Đăng và Trinh đi lầm lũi qua những ngôi nhà đốt lửa ung muối cho trâu, bò, khói bay nồng, lẫn với mùi phân bò như đuôi theo sau lưng.

Trinh lột đôi guốc cao, thả những bước chân trần trên cát. Cô nhìn Đăng cười vô tư:

-Lâu lắm rồi em mới được đi chân trần trên đất cát. Ở đây cát mịn và mát quá anh nhỉ?

-Bây giờ là chiều tối, nếu em đi giữa trưa nắng thì cát sẽ nóng khủng khiếp. Ngày nhỏ anh đã đi chân trần trên cát nóng từ trường về nhà hơn hai cây số.

Trinh ngạc nhiên:

-Làm sao anh đi được?

-Anh có cách đi của trẻ con thôn quê, bằng kinh nghiệm...nhảy lò cò. Đường lộ đầy cát búng, nhưng cũng có những vạt cỏ khô. Cứ nhảy lò cò rồi đổi chân. Nóng quá thì nhảy lên vạt cỏ một chốc rồi lại nhảy tiếp. Cứ thế mà đi hết con đường dài về tới nhà.

-Nhà sắp tới chưa anh?

Đăng giật mình. Nhà thì sắp tới, nhưng đó không phải là căn nhà như trí Trinh tưởng tượng hay không thể tưởng tượng ra. Nó là một cái chòi thì đúng hơn, những năm tháng khốn khó của thời kỳ

bao cấp, người nhà quê cũng phải ăn độn, nhưng có khi không đủ gạo để độn củ mì, khoai lang, chính Đăng đã giở bán căn nhà trên, chỉ giữ lại cái chái bếp làm thành một căn nhà chòi như hiện tại. Mẹ Đăng sau khi hưu trí đã về đây sống một thời gian, rồi lại phải đi làm hợp đồng với vai trò bếp trưởng cho một xưởng cơ khí ở Bình Đức, Tiền Giang. Đăng lúc ấy chưa vào làm việc ở cơ quan. Căn chòi lá này là nơi nương tựa suốt chuỗi ngày thất nghiệp cho đến khi Đăng được gọi vào làm việc lại. Căn chòi chỉ được cất lên trên cái nền đất cũ trong vườn cây của chính ngôi nhà bà nội Đăng để lại đã sập, mà phần hương quả chung quanh đã bị một người bà con chiếm lấy trong những năm tháng chiến tranh.

Tới nhà mình rồi đây.

Con ngõ vào nhà Đăng phải đi nhờ qua khoảng sân của người bà con ấy. Nhà này luôn đóng cửa trước và không ai chú ý khi Đăng trở về. Anh nắm tay Trinh bước đi chậm chậm như sợ làm gãy vỡ những lớp lá rụng trải dài theo con ngõ chẳng ai buồn quét. Qua một bụi tre tầm vông um tùm, căn chòi lá hiện ra nhờ nhờ với sự tồi tàn xiêu vẹo và im lìm như một cái tổ chim hoang.

Đăng buông tay Trinh ra, căn dặn như sợ cô gái biến mất:

-Em đứng yên nhé, để anh mở cửa.

Đăng lòn tay vào rút cây cài cửa, hai tay vịn hai mép cửa xê dịch qua một bên. Bên trong tối mịt, mùi đất ẩm mốc lâu ngày xông lên sức mũi. Những con dơi đi ăn muộn nghe tiếng động đập cánh bay tủa ra. Đăng lần túi quần móc cái bật lửa gaz ra quẹt xạch xạch mấy tiếng, anh giữ ngọn lửa nhỏ leo lét đi tìm cây đèn. Và rồi ánh sáng ngọn đèn dầu được thắp lên, bay múa soi rõ ngôi nhà ẩm thấp, vồn vện một chiếc giường, cái bàn nước và cái bếp lò nguội lạnh chỉ còn một mớ tro than.

Đăng nói như chuộc lỗi:

- Nhà nghèo quá, gần như không ai ở đã một năm rồi. Anh cũng bỏ đi và mẹ anh cũng bỏ đi. Em có tưởng tượng nổi nhà anh như vậy không?

Trinh không trả lời mà nắm chặt tay Đăng như chia sẻ. Cô mở cửa sau và bước ra hè tìm cây chổi. Trong lúc trinh quét dọn trên mặt đất, Đăng xách thùng ra giếng nước. Anh hí hục xách những thùng nước đổ đầy hai cái lu lớn, nhà tắm đã sập.

Đăng đứng trong bóng tối bên ngoài nói lớn:

-Em có dám tắm theo kiểu...nhà quê không?

-Nghĩa là sao?- Trinh dừng chổi hỏi.

-Không có nhà tắm, cứ mặc nguyên quần áo đứng tắm ngoài trời.

Trinh cười khúc khích:

-Biết làm sao được, ở quê phải theo quê. Nhưng anh phải đứng canh bên cạnh thì em mới dám.

Sau khi tắm xong, Đăng và Trinh ra ngồi trên đồng lá khô trước sân. Một vầng trăng tuyệt đẹp đang lên và trải sắc vàng xuống khu vườn nhỏ thỉnh thoảng vẫn vang lên tiếng đập cánh của những con chim bay về tổ.

Đăng ôm vai Trinh hỏi:

-Em thấy thế nào?

-Đêm có trăng đẹp quá. Ở thành phố em chưa thấy trăng đẹp như thế này bao giờ.

-Anh không nói về trăng, anh hỏi em chuyện khác. Liệu em có thể sống ở đây được không?

Trinh ngập ngừng:

-Một mình em à?

-Cuối tuần anh lại về. Bỏ em ở đây một mình anh không yên lòng, nhưng anh chưa thể bỏ công việc được.

-Em chưa biết, ở đây em không quen với ai.

Đăng nắm tay Trinh, động viên:

-Ngày mai, ngày kia, rồi em sẽ quen. Anh còn mấy bà dì, mấy cô em bà con. Thế nào rồi em cũng quen.

Bữa cơm đầu tiên trong căn nhà nhỏ thật hạnh phúc. Trinh đã đi chợ quê và hí hục với cái bếp lò nấu củi. Không có củi, Đăng đã bung thúng đi nhặt nhạnh trong vườn những thứ có thể dùng làm củi được như cành cây khô, vỏ dừa, những chiếc mo nang, kể cả những trái dừa chuột khọt... chẳng bao lâu anh khệ nệ mang về cho Trinh một thúng củi.

Đặng cười trong hạnh phúc:

-Chùng này đủ chưa bà chủ? Tha hồ cho em đốt cả cái chòi lá này nhé.

Mặt Trinh đỏ hồng vì ánh lửa, những giọt mồ hôi rịn ướt chân tóc mai, nhưng cô cười thật hồn nhiên. Nụ cười long lanh hạnh phúc.

Chiều nay cũng trên một chuyến xe như thế Đặng trở về một mình. Chuyến xe không chật cứng người như lúc đi với Trinh và như thế Đặng có một chỗ ngồi bên cửa để nhìn ra cánh đồng chạy dài với thảm lúa chín vàng tươi. Không có cánh cò nào hồi hải trở về, những vật nặng xuống chậm như nỗi buồn đang gặm nhấm tâm hồn Đặng.

Chuyến xe dừng lại ở ngã ba Phú Vang bỏ Đặng xuống rồi vội vã chạy về hướng thị trấn Bình Đại. Con đường mở ra trước mặt Đặng với những mái nhà âm khói xưa cũ ẩn hiện trong những vạt cây xanh.

Khi lòn tay rút dây cài cửa, Đặng chợt nghe giọng nói ở sau lưng:

-Ừa, anh Đặng về một mình à? Còn chị Trinh đâu?

Giọng nói của Oanh, cô em họ đã từng thân thiết với Trinh trong những ngày cô ấy ở đây. Đặng thờ dãi:

-Chị Trinh không về nữa.

-Em tưởng chị ấy trở lên thành phố rồi về lại với anh chứ?

-Không, cô ấy đi nước ngoài rồi.

Oanh ngạc nhiên:

-Đi với gia đình à?

-Không, đi một mình...à, mà hình như cô ấy đi với bạn trai.

-Sao lạ vậy, em không hiểu?

-Chính anh cũng không hiểu thì em làm sao hiểu được chuyện gì. Thôi, em vào nhà chơi, để anh đi thấp đèn.

Oanh không bước vào nhà mà đứng trên bậc thềm. Đặng đi tìm cây đèn dầu. Ngạc nhiên vì cây đèn được ai châm dầu đầy, cầm nặng tay. Đặng hỏi:

-Bộ mẹ anh có về nhà hả Oanh?

-Có, mợ Tư về ít hôm rồi đi.

-Mẹ anh có nói gì không?

-Mợ Tư nói chị Trinh dễ thương, nhưng con gái thành phố không thể ở quê lâu được. Mà anh cũng kỳ, sao lại bỏ chị Trinh ở đây một mình? Em ở đây từ nhỏ mà cũng thấy buồn, chị Trinh làm sao chịu nổi chứ?

Đặng cầm cây đèn đi loang quanh như để tìm một vật dụng quen thuộc theo quán tính. Cuối cùng anh mới biết rằng có thể trong tâm thức anh đã đi tìm hình bóng của Trinh, ít ra là một vật dụng Trinh để quên nhưng tuyệt Đặng không tìm kiếm được gì ngoài tiếng dế mèn gáy vu vơ trong kẹt vách.

Oanh bỗng nói từ ngoài thềm cửa:

-Thôi em về đây, có trăng lên rồi.

Oanh đi khuất sau bụi tre um tùm. Đặng không biết làm gì với căn nhà trống đến lạnh người. Đặng tự hỏi tại sao anh lại trở về đây? Có cái gì thúc giục khiến Đặng phải hồi hải về đây trong buổi chiều cuối năm khi đêm trăng cuối cùng sáng bừng lên cho một mùa tàn tạ? Có phải là hình bóng Trinh vẫn còn đâu đây trong căn nhà này? Những kỷ niệm chưa kịp vùi lấp trong tro than của cái bếp lửa mà Đặng đã từng bung thúng đi nhặt nhanh cho Trinh từng cành cây khô làm củi nấu cơm như đã nhặt nhanh một thứ hạnh phúc mà anh biết rằng mình không ôm giữ được?

Đặng bước ra sân, ngồi trên đồng lá khô mà dường như nó đã được phủ dày thêm từ ngày Trinh đi. Anh ngược nhìn lên vầng trăng tròn đầy, màu vàng sương khói thả xuống vườn cây đẹp một cách nào nùng. Một vầng trăng lẻ.

TỪ KỂ TƯỜNG

SAPA, THÀNH PHỐ TRONG MÂY THÀNH PHỐ TRONG SƯƠNG

MINH NGUYỄN

Tôi có nhiều dịp ra miền Bắc. Ở Hà Nội. Đi chơi chùa Thầy, chùa Tây Phương. Thăm cố đô Hoa Lư có đền vua Đinh vua Lê. Đi ghe vào Tam Cốc, chui dưới chân ba ngọn núi đá vôi trong mùa hè mát rượi. Đến bến Đục. Đi đò trên suối Yên, ghé lại đền Trình trước khi lên Thiên Trù vượt qua đoạn đường dài có nhiều dốc cao, vào động Hương Tích thăm chùa Hương. Đi thuyền gỗ quanh vịnh Hạ Long, ngắm từng hình thù kỳ vĩ nổi lên giữa biển khơi, do được bàn tay tạo hoá nhào nặn . . . tuy nhiên, có lẽ chỉ có Sapa là vùng đất miền cao, luôn có khí hậu vừa mang sắc thái ôn đới vừa nhiệt đới nên có nhiều cảnh sắc thiên nhiên thơ mộng, hấp dẫn; khiến bất kỳ ai đã một lần ghé lên đều cảm thấy lưu luyến không muốn rời.

Thật vậy. Lần đầu tiên nghe kể. Sapa đẹp trong từng buổi sáng thức dậy, khiến tôi không khỏi ngạc nhiên, muốn khám phá cho bằng được cái thành phố treo trên tận trời cao bởi mây và sương mù. Khiến thành phố trông chẳng khác chi một chiếc vườn treo thiên nhiên khổng lồ, lúc ẩn lúc hiện, đẹp một cách huyền ảo đến lạ lùng. Hơn nữa, Sapa không chỉ có mây và sương mù; mà còn có nhiều nơi khác cần đặt chân tới như: Đến bản Cát Cát xem kỹ thuật nhuộm trầm, chế tác đồ trang sức, trồng bông dệt vải của người H' Mông. Đến Hàm Rồng ngắm vườn Châu Âu, vườn lan. Cổng Trời, Sân Mây, nóc nhà Đông Dương. Đến Lao Chải ngắm thung lũng Mường Hoa, ngắm ruộng bậc thang vàng rực trong mùa thu. hoặc có thể ngủ đêm ở bản Tả Van của dân tộc người Giáy, để sáng ra đi chơi Cầu Mây. Và muốn chứng tỏ sức bền bỉ của một thời trai trẻ. Leo 3143 mét lên đỉnh Fanxipăng vào những ngày sau Tết ; ngoài việc ngắm ngọn cờ chiến thắng ra, bạn còn được dịp tham dự cuộc triển lãm nghệ thuật sắp đặt của băng tuyết, trông chẳng khác chi ngày hội pha lê giữa thiên nhiên. Chắc hẳn sau chuyến đi ấy, bạn sẽ có những trải nghiệm mới lạ, mà chỉ nghe nói qua thôi e rằng chẳng thấy hết được.

Chính vì lẽ đó. Tôi quyết định làm một chuyến đi Sapa bằng tàu hỏa du lịch. Khởi hành lúc hai mươi một giờ ba mươi phút từ ga đường Trần quý Cáp. Đến Lào Cai sáu giờ sáng hôm sau. Ăn điểm tâm vừa xong đã có xe đón đưa ngay ra đường 4D, trực chỉ Sapa. Con đường dài ba mươi tám kí-lô-mét quyến rũ với mưa phùn, với núi cao, vực sâu, với từng đám trai gái người H' Mông, người Dao đen, Dao đỏ vai mang gùi, đầu trùm những chiếc khăn màu sắc. Gùi từng mớ lá dong, cành đào kiếm được từ núi rừng mùa xuân mang ra chợ bán kiếm tiền tiêu Tết. Họ đi từng đôi hay họp nhau lại thành từng nhóm nhỏ, đi lẩn ra cả đường xe chạy, cười đùa vui vẻ. Sở dĩ tôi biết được điều này là nhờ vào người tài xế trẻ ngồi liền bên. Chỉ cho thấy các trang phục, cách ăn mặc, cách trùm khăn, đội mũ màu gì để phân biệt được họ thuộc dân tộc Tày, Dao, H' Mông, Giáy. . . tiện thể, tôi được nghe kể về chợ phiên Sapa rất đặc trưng, chỉ họp mỗi tuần một lần vào ngày chủ nhật. Để đến cho kịp buổi hẹn, những người ở xa phải đi từ ngày thứ bảy, hy vọng đến tối có mặt tham dự " chợ tình " bằng những bài hát dân ca của từng đôi trai gái người dân tộc, qua thanh âm của sáo, của đàn môi, của khèn cùng với những chén rượu tràn đầy, say khướt. Tới lúc đó, ai có tình thì hẹn hò. Ai quá chén cứ

thể ngủ ngay tại chỗ hay trên đường trở về bản; mặc kệ chị vợ tội nghiệp đứng chờ chồng cho đến sáng. Bởi trong từng câu hát đêm qua hai người chẳng đã thể hiện qua từng lời hát ?

*Đã lên ngựa là không sợ sấm.
Đã lên ngựa là không sợ gió.
Đã đi là suốt đường vui.
Đã hát là hát lời hay.
Đôi ta không hát thì thôi.
Đã hát thì hát như cây nứa, cây vầu thì nhau mọc . . .*

Vì mãi vui câu chuyện. Xe chạy lên tới dốc cầu có cột mốc 32 kí-lô-mét từ lúc nào. Người tài xế cho xe chạy chậm lại; đồng thời chỉ tay sang hướng có bãi cát rộng giải thích : Ngày người Pháp xâm chiếm nước ta. Tìm ra vùng đất này làm điểm nghỉ mát lý tưởng, nên gọi Sa Pả theo cách không bỏ dấu Chapa. Đến cách mạng thành công. Miền bắc hoàn toàn độc lập, Chapa được gọi Sapa như ngày nay.

Chuyện kể về Sapa tới đây tưởng đâu còn dài. Nào dè vừa kịp quay đầu nhìn lại, đã thấy một thành phố tuyệt đẹp băng lãng trong mây, mịt mờ trong sương; bất ngờ hiện ra ngay trước mắt.Ồ ! Sapa là đây, Và, kia là con đường Cầu Mây nổi tiếng với quán bar, nhà hàng, khách sạn, quầy bán hàng lưu niệm đan xen vào nhau, tạo cho bộ mặt phố núi lộng lẫy bên mùa xuân đang về. Con đường không dài, nhưng lại thể hiện phong cách sống hiện đại, nửa Châu Âu nửa vùng miền sơn cước. Cho nên Sapa đẹp. Sapa thơ mộng. Sapa huyền ảo bên cạnh những cảnh sắc thiên nhiên hãy còn mang đậm chất hoang sơ; mặc dù sức tàn phá của con người trong thời đại kinh tế thị trường quả không nhỏ. Xin được cảm ơn những gì tôi còn nhìn thấy ở thành phố núi hiện tại. Cảm ơn cái quảng trường rộng như sân giác đấu La Mã hãy còn phủ xanh rừng cây pơ-mu, vút ngọn vươn cao giữa bầu trời. Cảm ơn ngôi nhà thờ đá cổ luôn mới trong mọi thời đại. Cảm ơn và cảm ơn . . .

Cũng may. Chuyến đi tới Sapa của tôi hôm nay, trời quang mây tạnh. Mọi ngõ đường dẫn đến khu trung tâm đã ấm lên với từng vạt nắng vàng ươm. Vào mùa giáp Tết Sapa, thường nhiều mưa hay ít nắng. Nếu là khách du lịch ngắn ngày, ai đó khuyên tôi nhanh tay chụp vài bức hình kỷ niệm hoặc đi ngay tới địa danh nào mình đã chọn trong hành trình. Kéo đợi tới sáng hôm sau, e rằng sẽ muộn. Bởi thời tiết Sapa một ngày có thể có đến bốn mùa, chưa kể lúc mưa lúc nắng thất thường.

Quả đúng như lời khuyên. Sáng hôm sau khi tôi vừa mở cửa ra. Một luồng không khí ẩm ướt mang theo hơi lạnh giá buốt ập đến. Vốn quen sống với cái nóng ở phương Nam. Tôi đành phải đứng chôn chân bên hành lang. Nhìn sương mù tan chảy thành nước, rơi xuống từ các mái ngói, đọng thành vũng. Thật vụng. Tôi gọi điện thoại cho Mây, cô hướng dẫn viên người H' Mông xinh đẹp, cầu cứu. Bên kia đầu giây, tiếng Mây trong trẻo như tiếng đàn môi ở phiên chợ tình cuối tuần." - Anh hả ! Tối qua anh ngủ ngon không ? - Ủ ! Anh đây. Chúc một buổi sáng tốt lành. - Cảm ơn anh. - Thời tiết như thế này mình có thể đi chơi đâu ? - Nguy hiểm lắm vì đường xá rất trơn trượt. - Không lẽ cứ ngồi bó gối trong nhà nhìn mưa ? - Ý anh thế nào ? - Mình đi ăn, đi chat, đi hát karaoke. - Trời ơi ! Nghe lãng mạn chưa. Ok."

Tôi khoác thêm áo ấm, trước khi bước ra khỏi phòng. Mây ngồi chờ tôi dưới sảnh tầng trệt. Trời rét run trong khi Mây chỉ mặc phong phanh bộ đồ đen truyền thống. Thoáng trông thấy tôi vừa xuống tới bên dưới chân thang. Mây vội đứng lên để sẵn sàng cùng tôi bước ra đường. Tôi nhớ, sở dĩ tôi kết thân với Mây một cách mau chóng là nhờ vào chuyến đi chơi bản Giàng Tà Cháy vào ngày hôm

qua. Mây vui vẻ cười nói hồn nhiên, coi như không biết mệt là gì. Vốn tiếng Anh của Mây khá phong phú khi tôi chứng kiến cô trao đổi, hướng dẫn đoàn khách gồm toàn người nước ngoài, trừ tôi. Vì thế tôi ngưỡng mộ Mây hết sức. Hỏi cô học tiếng Anh ở đâu? Mây vừa đưa tay chỉ mấy người khách Tây, vừa cười hờ hững cả đôi hàm răng trắng đều; ngoại trừ hai chiếc răng bít vàng làm duyên, do mấy ông khách người Trung Quốc bọc với giá ba chục ngàn đồng. Tôi khen rẻ. Lợi dụng lúc đám đông đang mãi xem thác thủy điện do Pháp xây dựng năm 1925, tôi ghé sát tai Mây. Hỏi cô có thể hát cho nghe một bản nhạc thuộc dân tộc cô? Mây liếc nhìn tôi với đôi mắt "Đừng nhìn em như thế cháy lòng em còn gì". (*) Rồi như có ý làm hài lòng tôi. Mây hát khe khẽ, chỉ vừa đủ cho tôi nghe, bài hát ca ngợi xứ sở lắm sương nhiều mây quê mình. Anh chỉ nghe em hát vang lên trong biển mây/ Anh chỉ nghe tiếng cười vang lên giữa rừng cây/ Mà người đâu chẳng thấy/ Một người thương chẳng thấy/ Oi, Sapa mù sương/ Oi, Sapa mù sương/ Ta gặp nhau vườn thơm quả chín . . . (**) Giọng ca hoang dã giữa núi rừng ban sơ của Mây nghe ngọt lịm thứ men rượu táo mèo, khiến cho người nghe có cảm giác chơi vơi bên một Sapa đang khoác lên mình chiếc áo mùa xuân rực rỡ hoa đào, hoa lê, hoa mận . . .

Bên ngoài trời đang mưa. Chút mưa xuân mỏng hạt lay bay đủ làm ướt mặt đường Cầu Mây. Các cô gái Dao, cô gái H' Mông được dịp xòe những chiếc ô màu sắc, tung tăng qua lại, tô điểm bức tranh phố núi thêm phần sinh động. Mây chẳng có gì phải ngại ngùng. Cứ thế, cô nắm tay, lôi tôi đi dưới những mái hiên mưa một cách thích thú. Kịp lúc đi ngang qua chợ Sapa. Mây chỉ vào chiếc quán bên trong chợ, nơi có cái chảo lớn đang sôi sùng sục trên bếp lửa, hỏi tôi có muốn ăn "thắng cố" ? À ! Ra món thắng cố mà tôi từng nghe kể chính là thịt, lòng, phèo, phổi chi đó, nấu chung với nước màu vàng như cà ri kia. Thấy tôi không trả lời, Mây tỏ ra thông minh, đưa tôi sang khu quảng trường dày đặc sương mù, leo các bậc thang lên nhà thờ đá. Trên đó có món khoai nướng, trứng nướng lễ đường ngon, bổ, trẻ, khỏe, rẻ. Được thôi ! Trời đang mưa mà. Thay vì ăn "thắng cố", đi ăn khoai, trứng nướng cũng hạnh phúc như nhau. Mây giữ lấy tay tôi, trông như nếu buông tay ra, không chừng chúng tôi có thể lạc mất nhau trong sương mù. Hạnh phúc len nhẹ qua trái tim yếu đuối nơi gã đàn ông trung niên. Tôi nghĩ mình có thể yêu người con gái, nhưng Mây thì cho rằng đàn ông con trai miền xuôi chỉ nói cho vui vậy thôi.

Nhờ có được kinh nghiệm nhiều hơn thế. Mây vững tin ăn nói, cười giỡn giữa phố xá một cách hồn nhiên. Có lẽ do sợ tôi không chịu nổi giá rét khắc nghiệt miền cao hay sao, nên khi vừa bước tới hàng khoai nướng, trứng nướng, nằm đối diện ngôi nhà thờ đá nhìn sang. Mây hỏi ngay bà chủ hàng. "Hôm nay có rượu táo mèo?". Nhìn ra khách quen, người đàn bà đơn đả lơ từ quang gánh ra chai rượu có màu nâu sồng sẫm. Luôn miệng giới thiệu rượu táo mèo là sản phẩm đặc trưng chỉ có ở núi rừng Sapa. Được ngậm ử từ những trái táo mèo kết tinh từ hương rừng, gió núi đại ngàn, không những thế trái táo còn hấp thu bao khí trời đất để có đủ vị chua, ngọt, chát, đắng. Chỉ nghe qua thôi đủ biết rượu ngon cỡ nào. Mây cười nhẹ, trước khi cùng tôi ngồi xuống chiếc ghế con con, đặt cạnh vĩ nướng tự chế mà bên dưới là chiếc thau nhôm đổ lửa than củi. Mây giữ lấy chai rượu từ tay chủ hàng. Rót cho mỗi người một cốc. Rượu có mùi thơm, vị ngọt dễ uống. Thật chẳng hổ danh rượu đặc sản. Chỉ tiếc có mỗi một điều. Rượu tai mèo ngon thế này mà ăn với trứng vịt lộn nướng, sao ngon bằng ăn với thịt "lợn cắp nách" (***).

Ngồi ăn uống, trò chuyện với nhau tới quá trưa. Mây dợm đứng lên, nói cần phải về sớm dọn dẹp nhà cửa. Vì ngày kia là Tết. Tôi cố nói để Mây ngồi lại. Dù sao, chỉ còn có vài giờ nữa tôi cũng sẽ rời khỏi đây về lại Hà Nội. Mây lưỡng lự trong giây lát rồi, quyết định cùng đám con gái ở chung bản, đang í ới gọi nhau ra về. Tội nghiệp, trước khi chia tay ra đi, không hiểu có phải do trời mưa hay vì đàn ông con trai miền xuôi chỉ nói cho vui vậy thôi; mà trong hai mắt Mây có màu nước ươn

ướt?.

Tạm biệt. Mây vừa nói lời tạm biệt vừa trao vào tay tôi địa chỉ email, hẹn gặp nhau trên mạng. Tôi không buồn để ý đến điều gì khác; ngoại trừ việc chỉ biết đứng chôn chân, nhìn theo bóng Mây khuất dần trong mưa, trong màn mây mù dày đặc. Mây ! Mây ! Mây.

Ơi ! Sapa. Thành phố trong mây - thành phố trong sương. Chỉ một lần ghé qua cũng đủ để lại trong tôi ít nhiều kỷ niệm. Buồn. Tôi tự hỏi với chính mình .Điều gì đang xảy ra với tôi, với Sapa ?

(*) *Thơ của Lê thị Kim.*

(**) *Sapa thành phố trong sương - nhạc và lời (chưa biết tác giả)*

(***) *Đây là món nướng bằng thịt lợn do người Mường nuôi .*

Sau khi đủ lớn, họ cấp ngang nách mang xuống miền xuôi bán.

MINH NGUYỄN

THƠ

HỒ CHÍ BỮU

KHI VỀ NGANG TRẮNG BOM

Ừ, thì người cứ cạ ly
Rút cây kiếm gỗ xuống đi một đường
Biết người đâu phải người thường ?!
Cũng như ta rặt một phường túi cơm
Bỗng rung thương quá Trắng Bom
Cưu mang một nửa linh hồn. Bạn tôi..

TỤNG

Thắp một nén nhang hồng
Soi thấu đời trống không
Thắp một nén nhang lòng
Mang đi vào hư không

HỒ CHÍ BỮU



Nước Hồ Gươm Nở Hoa

Tinh Hoa Hà Nội Còn Mãi

MAI THỤC

Nước Hồ Gươm nở hoa. Câu chữ cô đọng, đầy hình tượng này tưởng như được thốt ra từ một nhà thơ, nhà văn, hiền triết nhưng... nhưng đây lại là một kết luận khoa học.

Kết luận này giải thích tại sao cả ngàn năm, nước Hồ Gươm mãi xanh màu Lục Thủy, đúng như tên khai sinh cụ kỵ ta đã đặt “ hồ Lục Thủy”.

Tại sao nước Hồ Gươm có màu Lục Thủy?

Để trả lời chính xác câu hỏi này, năm 2002, các nhà khoa học thuộc Trung tâm công nghệ sinh học phục vụ sản xuất và đời sống (BIOLAP) đã nghiên cứu dự án “ Bảo vệ nguồn gen vi tảo, đặc hữu quý hiếm ở hồ Hoàn Kiếm ”.

Sau quá trình nghiên cứu với phương pháp: thu các mẫu tảo trên nhiều địa điểm khác nhau của Hồ Gươm; nuôi cấy và phân lập vi tảo; nuôi cấy tảo thuần khiết; thảo luận, định loại và kết luận... các nhà khoa học phát biểu:

“Nước hồ Hoàn Kiếm luôn luôn có màu xanh lam. Đó là sự nở hoa của nước. Phân tích các mẫu nước nở hoa dưới kính hiển vi cho thấy chúng rất phong phú về thành phần loài vi tảo, bao gồm tám mươi một các taxon, trong đó có mười tám loài vi khuẩn lam hay tảo lam(chiếm 22%), sáu mươi loài tảo lục(74%), một loài tảo mắt... Tảo lục và tảo lam chiếm đa số tuyệt đối trong thành phần nước nở hoa.”

Hồ Hoàn Kiếm đứng vị trí thứ năm về diện tích so với các hồ ở Hà Nội(hồ Tây, hồ Trúc Bạch, hồ Bảy Mẫu, hồ Thanh Nhàn), chu vi khoảng gần hai cây số. Là một hồ tự nhiên, xa xưa có nối với sông Hồng, nhưng nay hoàn toàn bị cô lập, nằm giữa Trung tâm thành phố Hà Nội, là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam.

Người Hà Nội bao đời nay ngày càng làm cho hồ đẹp thêm về cảnh quan, thêm huyền thoại **Rùa thần đòi gươm** chở nặng khát vọng hòa bình của người Thăng Long- Hà Nội, mang đậm giá trị lịch sử, về những cụ rùa đã sống trường kỳ cùng thăng trầm thế sự.

- Nước Hồ Gươm nở hoa.

Hồ Gươm còn cả sự sống bất diệt của những vi sinh vật quang tự dưỡng, có kích thước nhỏ cỡ hiển vi, sống phù phiêu hoặc bám trên những vật thể nằm trong nước.

Chính sự sống ngàn đời của những loài vi tảo này đã làm cho nước hồ Gươm luôn xanh màu Lục Thủy như tên khai sinh thuở trước.

Nhà khoa học soi tận đáy Hồ Gươm, thấy thành phần tảo ở đáy nhiều hơn so với thành phần nước nở hoa. Tảo nở hoa sinh sống dưới đáy hồ và các thực vật ở đáy có thể dễ dàng chuyển lên mặt hồ do tác động của sóng và sự xáo trộn của các động vật ở trong nước. Họ tìm ra trong số các loài vi tảo sống ở Hồ Gươm có ba mươi ba taxon (đơn vị khoa học) là mới đối với khoa học và mang tính đặc thù của Hồ Gươm. Chúng thuộc bốn loài, gồm mười ba thứ và mười sáu dạng, trong số đó có ba mươi ba taxon thuộc về chi *Scenedesmus*. Cho đến hiện nay, chưa có công trình nghiên cứu nào tiến hành phân lập, nuôi dưỡng và bảo quản các chủng *Scenedesmus* Hồ Gươm, cũng như chưa có công trình nghiên cứu nào xác định sự sai khác giữa các taxon của *Scenedesmus* bằng ADN.

Để bảo vệ nguồn gen vi tảo, các nước trên thế giới đã thiết lập các bảo tàng vi tảo sống để nuôi dưỡng trở thành nguồn gen mang tính chất ổn định, bảo quản được cùng năm tháng, tránh được sự mất mát nguồn gen do tác động của ngoại cảnh.

Còn việc bảo vệ nguồn gen vi tảo đặc hữu quý hiếm ở Hồ Gươm thì sao? Các nhà khoa học đã tiến hành phân lập vi tảo nước Hồ Gươm, đã thu được mười mẫu tảo thuần khiết thuộc chi *Scenedesmus* và phân lập, bảo quản hai mươi chủng khác từ Hồ Gươm, được lưu giữ tại bảo tàng quốc gia vi tảo Việt Nam- Đại học Quốc gia Hà Nội và phòng thí nghiệm BIOLAP. Các chủng này hiện đang được tiến hành thực nghiệm xác định ADN tại phòng sinh học Hàn Quốc và Nhật Bản.

Nhờ nghiên cứu khoa học, chúng ta biết Hồ Hoàn Kiếm không chỉ là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam, với huyền thoại **Rùa thần đòi gươm**, và hình ảnh cụ Rùa có thật, được ướp hồn Thăng Long linh thiêng đang sống vui cùng dân chúng, mà Hồ Gươm còn là nơi lưu giữ những nguồn gen vi tảo quý hiếm, những vi sinh vật quang tự dưỡng có kích thước cỡ nhỏ hiển vi, sống phù phiêu hoặc bám trên những vật thể nằm sâu dưới nước.

Sự sống mãnh liệt, âm thầm của những vi tảo này đã làm cho nước Hồ Gươm hơn nghìn tuổi vẫn giữ mãi một màu xanh Lục Thủy, để muôn đời, muôn kiếp con người say đắm màu xanh nước biếc.

Nếu bạn được bước chân đến Hồ Gươm, hãy thành kính ngắm nhìn nước hồ nở hoa từng tích tắc, toả màu xanh ngọc biếc, mà nâng niu sự sống của muôn loài.

Sự phát triển với tốc độ xô bồ của Hà Nội những năm gần đây đã làm cho nước Hồ Gươm bị ô nhiễm, dẫn tới sự thay đổi về thành phần các loài vi tảo. Một số loài vi tảo đặc hữu của hồ đã chết. Một số loài vi tảo độc hại sinh sôi. Từ sâu thẳm tâm linh, nhà thơ Lê Hoài Nguyên thốt lên nỗi lo âu thẳng thốt:

*Nếu như một ngày
Loài tảo xanh ngắt kia chết đi
Những con rùa của tổ tiên để lại chết đi
Hồ Gươm chết.*

Nhà thơ thấu thị thấy sự sống vi diệu, chẳng khác một nhà khoa học nhìn kính hiển vi, mà viết nên những câu thơ báo động tận tầng tâm linh.

Hồ Gươm trong tâm linh Hà Nội là Mắt Ngọc của kinh thành, là huyết chính linh diệu của vùng đất Kinh kỳ- Kẻ Chợ, đáy Hồ Gươm có mạch nước vàng, kho báu trong lòng của đất trời ban tặng.

- Hồ Gươm không chết.

Bởi nếu ai vì tham tiền mà phá hoại Hồ Gươm, sẽ có hàng trăm tiếng nói vang lên, bảo vệ “mắt ngọc” lung linh giữa mây trời.

Giờ đây nghĩ lại chuyện cũ quanh hồ Gươm mà kinh! Người ta định xây khách sạn Hà Nội Vàng nuốt chửng hồ Gươm, mong kiếm đô- la, chẳng khác gì nhà Trịnh đặt ly cung trên đảo Ngọc giữa hồ Gươm, nên cả triều đại sớm băng hà. Kinh hoàng hơn họ còn định thay nước Hồ Hoàn Kiếm, nạo vét lòng hồ, mà không biết rằng nơi đó là sự sống nguyên sinh của thủy cung, vương quốc của Rùa thần và thế giới của các loài vi tảo phát sáng... bằng một dự án ngoạn mục trị giá bốn mươi tư tỉ đồng (tương đương với bốn triệu đô- la thời điểm đó).

Sợ cụ Rùa sẽ chết, những Người Hà Nội Yêu Hà Nội chịu không nổi, ăn không ngon, ngủ không yên, đã lên tiếng. Cuối cùng dự án ngon xoi, béo bở của đám người bất tài, tham lam bị ngừng, nên Hồ Gươm được giữ lại vẻ đẹp của nó, dành tặng cho thế kỷ XXI.

Kẻ sĩ Bắc Hà thời nào cũng tinh anh và tràn đầy khí phách. Họ nhìn rõ bóng tối đen ngòm sau cái vung tay khoác loác của những kẻ không biết gì về văn hóa, tâm linh, sẵn sàng đập lên nhân cách con người Thăng Long- Hà Nội, chỉ vì tham tiền đến mờ mắt.

Hàng trăm tờ báo đồng thanh đưa tiếng nói của kẻ sĩ lên công luận, nên mộng xây “Khách sạn Hà Nội Vàng” che lấp Hồ Gươm đã không thành.

Thương thay, ai đó hợm mình nghênh ngang ngồi trên chiếc ghế của Nhân Dân mà không biết lắng nghe lời nhà khoa học nói về nước Hồ Gươm nở hoa; mà không biết rằng xây “Khách sạn Hà Nội Vàng” bên Hồ Gươm- Mắt Ngọc Tâm linh nòi giống là phạm đạo làm người, phạm tội với nhân quần, với vũ trụ Âm Dương... kiếp nào mới rửa hết bản nhơ mà siêu thoát?

Hỡi những kẻ hám tiền, hám gái, chẳng nhẽ cuộc sống của cộng đồng người Thăng Long- Hà Nội chỉ có hai thứ: tiền và nhà lầu, khách sạn hay sao?

Không!

Giữa bụi lùm đường. Giữa ồn ào nhốn nháo. Người Hà Nội âm thầm nâng niu cái đẹp trong đời sống, hiện qua cách ứng xử với con người và thiên nhiên từng ngày, từng giờ, từng phút giây được sống làm Người.

Mấy ai chịu khó đưa cây cỏ, hoa lá vào trong ngôi nhà ở nhỏ bé của mình như người Hà Nội? Chỉ một nét ấy thôi cũng đủ kết thành

- Tinh Hoa Hà Nội.

Và trong khi các nhà khoa học nâng niu sự sống của loài vi sinh cho nước Hồ Gươm nở hoa, thì các nhà khoa học nhân văn, kẻ sĩ Bắc Hà nâng niu gìn vàng, giữ ngọc cho nhân cách con người Hà Nội.

Họ cũng âm thầm cất giữ và nuôi cấy nguồn gen nhân cách cho nó nhân lên gấp bội và tỏa sáng Tinh Hoa Hà Nội bằng con đường giáo dục.

Tinh hoa là đỉnh cao nhân cách con người tỏa hương, phát sáng. Nó là một dòng chảy xuyên suốt cả nghìn năm nay. Người Thăng Long- Hà Nội chỉ lựa chọn các giá trị Tinh hoa để tôn thờ.

Họ không mù mờ nhằm tưởng cứ thấy ai có tiền nhiều, chức lớn mà vô vấp mền yêu. Họ im lặng, bình thân quay lưng lại kẻ khoe của, khoe chức, khoe danh, khoe vị, khoe giải thưởng, công lao...

Cái im lặng “rất Hà Nội” ấy, ít ai hiểu được.

Người Hà Nội im lặng đi tìm Tinh hoa từ các bà bán bún, bán phở, từ bác xích lô, em bé đánh giày, bà mẹ già liêu xiêu bên phố cổ mỗi sáng, mỗi chiều tìm chồng, tìm con... đã khuất vào các cuộc chiến tranh; những thầy giáo, cô giáo vượt lên đọa đầy mà vẫn dịu dàng truyền sức sống Tinh hoa; từ nhà khoa học đêm ngày chăm sóc cụ Rùa hồ Gươm, người bác sĩ, y tá yêu thương người bệnh thực lòng; người họa sĩ già lang thang đi tìm ánh sáng sắc màu Thăng Long- Hà Nội ... đến

những sĩ phu ẩn mình truyền tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái cho “Rồng” bay lên, hay những bác nông dân ngoại thành trồng hoa, ươm quả, trồng lúa, nuôi thịt sạch, rau sạch...

Người Hà Nội sành điệu, đầy ắp trí tuệ và lương tri, họ không bao giờ nhảm cái giả dối được che đậy màu mè với những giá trị thật sù sì, gai góc. Vậy nên chẳng những ai đã tốn công, tốn của vô ích cho sự phù phiếm, hoa hòe, hoa sói, hỏi có ích gì?

Người Hà Nội tôn vinh các ông vua hiền sáng như Lý Công Uẩn khai sáng kinh thành Thăng Long nghìn tuổi, Trần Nhân Tông đi tu, học Phật truyền dạy dân sống có đạo đức và tâm linh, tu thập thiện, không hung hăng, không trộm cắp tà dâm, không chém giết người, không cả sát sinh, không dối trá, lọc lừa... Và còn rất nhiều những danh nhân khác đã thấp sáng trái tim Người Hà Nội, kể làm sao cho hết.

Người Hà Nội tôn vinh các ông quan thanh liêm, các bậc trí thức, văn nhân dám sống, chết vì dân như Nguyễn Trãi, Chu Văn An...

Biết vậy nên khi ai đó có quyền đặt tên người cho các đường phố Hà Nội hôm nay, hãy cảnh giác! Chi sợ sang đời sau, sự chà sát các giá trị đích thực sẽ triệt tiêu các giá trị giả, những cái tên cũng mất.

- Tinh hoa Hà Nội còn mãi.

Bạn hỏi Hà Nội bây giờ đang mở rộng. Người tứ xứ đổ về nhiều quá. Phố hẹp. Người đông. Cái sự ăn, ở của người Hà Nội trở nên lộn xộn, xô bồ.

Vậy **Tinh hoa Hà Nội** có còn không?

Tinh hoa Hà Nội còn mãi mãi.

Đồng tiền không hủy diệt nổi Tinh hoa.

Tinh hoa Hà Nội là đỉnh cao sức sống mãnh liệt của muôn kiếp con người đã từng sinh sống trên mảnh đất này một nghìn năm nay, được chưng cất, kết hình chóp nón. Càng lên cao, nó càng nhỏ, càng sạch, càng thơm, càng cô đọng giá trị tư tưởng lớn: Thiện- Địa- Nhân hợp nhất. Và Tinh hoa trở thành một dòng chảy xuyên suốt thời gian, không gian...

Vấn đề là ta có tiếp cận được dòng chảy tinh túy trên cao đó không? Khó đấy. Đôi khi người có rất nhiều tiền, chức rất lớn, bằng rất cấp cao... lại suốt đời không vươn tới được Tinh hoa.

Tinh Hoa Hà Nội ẩn chứa trong đồng rác cuộc đời. Chỉ những ai biết nâng niu giá trị làm người thì mới chắt lọc được Tinh hoa.

Con người sinh ra thì dễ. Nhưng làm người cực khó. Phải học làm người. Ông bà ta dạy làm người xoay quanh mấy chữ **“Học ăn. Học nói. Học gói. Học mở.”**

Ai khôn sớm còn biết phải **“Học thở”**.

Tuổi càng cao càng phải **“Học ăn. Học thở”**.

Năm chữ **“Học”** ấy, nằm trong kho báu **Tinh hoa Hà Nội**.

Bạn hãy tìm chiếc chìa khóa vàng- tự mình mở kho báu ấy ra- học cách sống làm người.

“Học ăn. Học nói. Học gói. Học mở. Học thở” suốt đời, là cách giúp bạn chạm tới Tinh hoa.

Học ăn- tưởng dễ, nhưng không phải dễ:

*“Có làm mới có mà ăn
Dung không ai dễ đem phần đến cho”
“Đàn ông may vá giần sàng
Đến khi vợ đẻ thì làm mà ăn”.*

“Ăn không nên đợi/ Nói không nên lời” đi, đứng ngả nghiêng làm sao có thể thành Người?

Học nói- đi liền với **Học ăn** và cách ứng xử, và nhân cách con người:

“Ăn thì bớt bát, nói năng ít lời”

“Tám thân giá trọng ngàn vàng/ Dầu rằng chết đói, quê làng vẫn hơn”

“Đói lòng miệng vẫn còn tươi/ Nào ai đem nét nói cười đi đâu”

“Khéo thay canh cải nấu gừng/ Không ăn thì chớ, xin đừng mĩa mai”

“Bữa ăn không biết mùi ngon/ Đắng cay mẹ chịu vì con đêm ngày.”

“Mảng vui cơm tấm, ổ rom/ Tuy rằng cũ kỹ, mà thơm sạch lòng/ Hơn ai gạo tám lâu hồng/ Đem thân luôn cúi vào vòng lợi danh”

“Tay bưng đĩa muối chấm gừng/ Gừng cay muối mặn, xin đừng bỏ nhau/ Tay bưng đĩa muối sàng rau/ Muối rau có nghĩa, sang giàu đừng ham.”...

“Muốn ăn cơm tấm với giò/ Ra đây mà đẩy xe bò với anh”

Học gói, Học mở bao gồm nghĩa đen và nghĩa bóng. Đôi bàn tay “Gói mở” khéo léo và “Gói mở” những công việc, sự việc trong đời sống, để làm Người:

“Làm người ăn tối, lo mai/ Việc mình hồ dễ để ai lo lường”

“Làm người suy chín xét xa/ Cho tường gốc ngọn, cho ra vắn dài”...

“Ở hiền thì lại gặp lành/ Ở ác gặp dữ, tan tành ra tro”...

Những người Hà Nội hiểu đạo làm người, dạy con “học ăn, học nói, học gói, học mở” từ tấm bé. Nhà trường không dạy, về nhà, ông bà, cha mẹ, anh em, cô, dì chú bác dạy. Người hàng phố dạy. Bé có nền, có gốc xanh tốt, lớn lên, nó tự học Tinh hoa trong cách “ăn, nói, gói, mở” và ngày càng tiến hóa tới đỉnh Tinh hoa, sống trọn một kiếp làm người.

Cuộc sống Hà Nội hiện đại chạy sông sộc. Không ai ngăn được nó. Song ai muốn vươn tới Tinh hoa Hà Nội thì hãy chậm chậm xoay lại tìm mình, **“học ăn, học nói, học gói, học mở, học thờ”**. Bạn sẽ tìm thấy Tinh hoa, hưởng thụ Tinh hoa và sáng tạo Tinh hoa.

Và nếu có phút giây nhẹ gót bên Tháp Bút- Đài Nghiên, bạn hãy soi lòng mình xuống nước Hồ Gươm đang nở hoa từng tích tắc, bạn sẽ cảm nhận được **Tinh hoa Hà Nội** cũng lặng thầm nở hoa như vậy.

Hãy nhẹ nhẹ bước chân. Chớ coi thường!

Nước Hồ Gươm nở hoa.

Tinh hoa văn hóa Thăng Long- Hà Nội cũng nở hoa như nước Hồ Gươm vậy.

Những tinh túy của cuộc sống hằng ngày nổi chìm như loài vi tảo, nhờ sóng, nhờ gió nó nổi lên, kết lại, cùng nhau phát sáng, tỏa sự sống màu xanh linh diệu.

Cảm thức về sự sống muôn loài, đa dạng, đa sinh học, đa chiều lan tỏa, giao thoa, tràn đầy đó khắp đất trời Hà Nội mùa lại sang mùa, mặc cho cơn bão chuyển hướng, xoay dòng. Các nhà khoa học, kẻ sĩ Bắc Hà sát cánh cùng nhau phát hiện, nuôi cấy nguồn gen, bảo vệ và nhân giống nguồn gen quý hiếm của Tinh hoa Thăng Long- Hà Nội cho nước hồ Gươm nở hoa sóng biếc xanh mãi mãi.

Hồ Gươm Thiêng

Mùa hè 2006- 2010

MAI THỤC



HOÀNG HẠC LÂU :

3 Bản Dịch Độc Đáo

NGUYỄN KHÔI

Trong " Toàn Đường Thi" (gồm 42.863 bài thơ của 2520 Thi sĩ đời Đường) - Nếu chỉ lấy 1 bài thơ tiêu biểu thì chắc là ai cũng chọn đó là "Hoàng Hạc Lâu" của Thôi Hiệu ?

"Hoàng Hạc Lâu" thuộc hàng đệ nhất luật thi đời Đường. Tác giả của thiên kỳ thi tuyệt hảo này là Thôi Hiệu (?-754) người Biện Châu (Khai Phong-Hà nam) đỗ Tiến sĩ năm Khai nguyên 13 (725) làm Quan tới chức Tư huân viên ngoại lang, hàm tứ phẩm (cỡ Vụ phó ngày nay). Ông tính lãng mạn, ham đánh bạc, rượu chè "của lạ" (thay vợ đến 4 lần). Hồi trẻ thơ ông diễm lệ bóng bẩy, đến cuối đời phong thái cốt cách mạnh mẽ rắn rỏi, sáng tạo tân kỳ có thể theo kịp Giang Yêm ,Bão Chiếu... Ông khổ vì ngâm vịnh đến trở bệnh xanh xao hốc hác cả người (hết mình vì thơ là vậy); Bạn ông nói đùa " không phải Bác bệnh đến như vậy, bởi khổ vì ngâm thơ nên gây thôi" !

Lầu Hoàng Hạc xây dựng từ thời Tam Quốc, vốn là "tửu quán" -đó là 1 trong tam đại danh lầu của xứ " Giang Nam hảo "nơi hội tụ của các văn nhân tài tử đến đây uống rượu và làm thơ... Theo sách " Cổ đại thi tứ cổ sự" thì Thôi Hiệu đề thơ ở Lầu Hạc Vàng ở tư thế : thi sỹ nhìn Hán Dương ở bờ sông bên kia, "Tình Xuyên Các" bị che lấp trong ráng chiều tà, bãi Anh Vũ giữa sông phủ một lớp cỏ dày...Thầy giáo của NK đã từng giảng giải: cái diệu của Thôi Hiệu ở chỗ chỉ một câu tả "Lầu", còn 3 câu kia đều tả "người xưa"... trong đó câu 1 là tả "người xưa", câu 3 là nghĩ "người xưa", câu 4 là ngóng "người xưa", cứ như phớt lờ không nhắc gì đến "lầu". Câu 5-8 tiên giải là tả "người xưa", hậu giải tả "người nay", tuyệt nhiên không tả đến "lầu"... Thi sỹ chỉ nhất ý tựa cao trông xa, riêng thổ lộ hoài bão của mình. Rồi "hương quan hà xứ thị" (ở nơi này) với cây thì "lịch lịch" (in rõ), bãi thì "thê thê" (tươi tốt), riêng có mắt thì ngóng "hương quan" là không biết "hà xứ" (nơi nào). Rồi với hai chữ "nhật mộ" (chập tối lúc chim về tổ, gà vào chuồng) đặt ngang lên câu thơ làm cho 24 con chữ trong 4 câu tiên giải cùng nhảy múa tạo nên tuyệt tác để "đời sau đừng ai làm thơ về Hoàng Hạc Lâu nữa mà chuốc lấy hổ thẹn." Vâng, đúng là thế: cái diệu của Thôi Hiệu là trong 8 câu, chỉ có một câu nói đến Lầu (câu 2). Câu 3 "Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phản" là câu

rất đặc biệt: dùng liên tiếp 6 chữ "trắc" trong câu thơ 7 chữ, bất chấp luật bằng trắc, với bút pháp ấy khiến câu thơ mang sức mạnh (nội lực) khác thường. Để làm gì? - để nhấn mạnh cái ý "tiên bất kiến cổ nhân" - "nhất khứ" là một đi - "bất phục phản" là không trở lại... câu này nói lên cái lẽ vô thường của mọi người, mọi việc. Câu 3 đối câu 4: ý là thôi, đừng hoài niệm mãi nữa. Hoàng Hạc Lâu với cái ý tại ngôn ngoại đó là cái độc đáo của Đường thi mà nó là tiêu biểu số 1; và chính cũng vì lẽ đó mà xưa nay các nhà thơ ta đã bị Hoàng Hạc Lâu "thôi miên" ám ảnh, hết thế hệ này đến thế hệ khác lao tâm khổ tứ "dịch" nó, đến nay đã có ngót 100 bản dịch.

Theo thiên ý của NK thì có 3 bản dịch đáng lưu ý là:

1. Bản dịch của Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục (Nam Phong tạp chí - năm 1923) :

*Người tiên xưa cười Hạc vàng cút,
Ở đây chỉ những lầu hạc trơ.
Hạc Vàng đã cút chẳng về nữa,
Mây trắng nghìn năm còn phát phơ.
Sông bạc Hán Dương cây xát xát,
Cỏ lên Anh Vũ bãi xa xa.
Ngày chiều làng cũ đâu chẳng tá?
Mây nước trên sông khách thần thờ*

Đây là bản dịch khá chôi tai (rất trúc trắc) nhưng khá công phu, khá già tay (túc Nho) ; công phu ở chỗ : theo sát nhạc điệu của nguyên tác, sát cả ở những chỗ sai niêm, thất luật.

2. Bản dịch của Tản Đà : In ở tạp chí Ngày Nay số 80 , ngày 10-10-1937

*Hạc vàng ai cười đi đâu ?
Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ
Hạc Vàng đi mất từ xưa
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay
Hán Dương sông tạnh cây bày
Bãi xa Anh Vũ xanh đầy cỏ non
Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.*

Đây là một bản dịch tài hoa, bay bướm nhẹ nhàng, văn chương trầm bổng theo cung điệu lục bát (đượm hồn dân tộc). Ở nguyên tác đó là cái không khí mang mang day dứt nỗi bơ vơ hiu quạnh của thân phận con người, lạc lõng giữa trần gian trong một chiều nắng tắt. Mà thiên đường thì đã mù mịt lối về. Cái không khí Hán Lâm ấy đã bị Tản Đà thuần hóa trở nên nhu mì, mềm mại, nhẹ nhàng, trôi chảy trong dòng ca dao (lục bát). Cái HAY của Tản Đà là ở chỗ ấy, nó vào hồn người Việt là vì lẽ ấy, nhưng đó cũng là cái hụt hẫng khi dịch như thế?

3. Bản dịch của Vũ Hoàng Chương:

*Xưa Hạc Vàng bay vút bóng người,
Nay lâu Hoàng Hạc chút thơm rơi.
Vàng tung cánh hạc đi đi mãi,
Trắng một màu mây vạn vạn đời.
Cây bến Hán Dương còn nắng chiếu,
Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi.
Gần xa, chiều xuống, đâu quê quán?
Đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi!*

Như ta đã biết : Thôi Hiệu (con người phát ốm vì làm thơ đã vận dụng hết 10 phần công lực phá vỡ luật thơ thất ngôn, sử dụng 6 thanh "trắc" liên tiếp mới nói được:Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phảnBạch Vân thiên tải không du duĐến độ hùng tâm dừng khí như Đại thi hào Lý Bạch vẫn phải gác bút (đạo bất đắc) chịu thua, cúi đầu ra đi... Còn thi sỹ Vũ Hoàng Chương sau 1000 năm thì ung dung rút kiếm, giữa trời thơ, phóng con mắt nhìn đời dỗi theo cánh hạc đã mù khơi bay mất mà thông thả dụ dặt nó quay về trong cung bậc thất ngôn niêm luật (nói theo Tô Thâm Huy). Đó là hai câu thực của Vũ bay bổng giữa trời ảo diệu:Vàng tung cánh hạc đi đi mãiTrắng một màu mây vạn vạn đời Một màu vàng lóe lên giữa trời vụt tắt, một màu vàng tung lên rồi vĩnh viễn ra đi, không bao giờ trở lại, nhưng mãi mãi lấp lánh trong tâm tưởng và thâm phận con người (kiếp nhân sinh). Đọc đến câu cuối "đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi thì là cả một trời Đường thi bổng lay động". Giá Thôi Hiệu phục sinh đọc bản dịch của Vũ thì chắc cũng bái phục: "Sóng ơi, sầu đã chín, xin người thôi giục,đó là sóng của bể dâu, hưng phế."Ta thử đọc lại hai câu theo âm Hán/ Việt:- Yên ba giang thượng sử nhân sầu- Đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi!Thì sẽ thấy nội công thâm hậu của Vũ:- Vàng tung cánh hạc đi đi mãiNếu đưa chữ "hạc" lên đầu câu:- Hạc vàng tung cánh đi đi mãiThì cả một trời thơ lung linh tối sầm lại? Thi tài là thế - và có lẽ sau Vũ Hoàng Chương không ai nên dịch lại (Hoàng Hạc Lâu) nữa?

Góc thành nam Hà Nội ngày 27-3-2010

NGUYỄN KHÔI





THÂM TÂM VỚI DANH TÁC

“TỔNG BIỆT HÀNH”

HUYỀN VIÊM

*Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?*

Đó là bốn câu thơ mở đầu cho bài “Tổng biệt hành”, bài thơ đã làm nên sự nghiệp văn chương của Thâm Tâm.

Thâm Tâm tên thật là Nguyễn Tuấn Trình, sinh ngày 12.5.1917 tại Hải Dương, xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo và đông con. Sau khi học hết bậc tiểu học, ông phải ở nhà giúp gia đình đóng sách và nấu bánh kẹo. Khoảng năm 1938, ông cùng gia đình lên Hà Nội sống bằng nghề vẽ tranh Bờ Hồ, làm đồ gốm và bắt đầu viết văn. Ông cộng tác với Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Ngày nay, Bắc Hà.

Sau Cách mạng tháng tám, ông công tác ở Hội Văn hóa cứu quốc và làm biên tập viên cho tạp chí Tiên Phong. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông nhập ngũ, làm thư ký tòa soạn báo Vệ quốc quân (tiền thân của báo Quân đội nhân dân), cơ quan ngôn luận của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ông vừa làm thơ, viết tin, soạn kịch, vừa trình bày và vẽ tranh châm biếm.

Năm 1950, Thâm Tâm đi chiến dịch Cao Lạng để làm báo ngoài tiền tuyến. Ngày 18 tháng 8, một cơn sốt rét ác tính đã cướp mất đời ông ở tuổi 33 tại xã Phi Hải, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Lúc đầu, vì dùng văn chương để làm kế mưu sinh nên Thâm Tâm viết nhiều thể loại. Về truyện, ông có tiểu thuyết Thuốc mê (1943), Đại đội Kim Sơn (1948). Về kịch có các vở Sương tháng tám (1939), 19 tháng 8 (viết chung với Trần Huyền Trân), Lối sống, Nga Thiên Hương, Đầu quân vào Nam (1945), Lá cờ máu (1946). Về tiểu luận có Văn thơ bộ đội (1949). Nhưng chỉ có thơ mới làm cho Thâm Tâm nổi tiếng. Thơ của ông để lại không nhiều, khoảng 20 bài, trong đó có bài Tổng biệt hành đã mang lại cho ông vòng nguyệt quế. Bài thơ này thành công nhất, được Hoài Thanh, Hoài Chân tuyển vào cuốn Thi nhân Việt Nam và người yêu thơ nào cũng biết.

Trước Cách mạng tháng tám, thơ Thâm Tâm rất buồn. Nhà thơ Vũ Cao – tác giả bài thơ Núi đôi – cũng có nhận xét như thế :

-“Trước cách mạng, tôi chỉ đọc Thâm Tâm vài truyện ngắn, vài bài thơ. Thơ anh rất buồn, cái buồn của những người bất đắc chí, chỉ biết đi là đi, chia biệt, mong nhớ, đượm cái khí thế “trượng phu” thời cổ, hào hùng thì ít, u hoài thì nhiều :

Chim nhạn chim hồng rét mướt bay,
Vuốt cộp, chân voi còn lặn đạn...”
(Vọng nhân hành)

Thâm Tâm buồn vì nhiều lẽ : vì “sinh bất phùng thời”, vì hoàn cảnh khó khăn, vì bạn bè ly tán...

Tai hại bao nhiêu sự thực đời,
Trùng lên, đập hết mộng. Như người
Tưởng yên ổn sống trong khung cổ,
Vụt tiếng kèn vang nhắc... hiện thời.
(Mơ thuở thanh bình)

Trong khi đó, cuộc sống của tác giả và gia đình gặp biết bao nỗi khó khăn :

Sinh ta, cha ném bút rồi,
Rừng nho tàn rụng cho đời sang xuân.
Nuôi ta, mẹ héo từng năm,
Vắt bầu sữa cạn, tê chân máu gầy.
Dạy ta ba bảy ông thầy,
Gươm dài sách rộng, biển đầy núi voi.
Nhà ta cầm đợ tay người,
Kép bông đâu áo, ngọt bụi đâu cơm?
(Tráng ca)

Vì hoàn cảnh của đất nước, bạn bè của tác giả phải ra đi, mỗi người một phương trời, không hẹn ngày tái ngộ :

Ngươi chẳng thấy
Vì đời ta buồn như thế đây,
Cho nên tri kỷ tềch phương trời
Chén rượu ngồi sông vắng cả người !
(Can trường hành)

Nỗi buồn của Thâm Tâm bàng bạc qua các trang thơ. Nghĩ đến chuyện cũ (cố sự) thì nỗi buồn cao vời vợi :

Chán ngán nhân tình sâu chắt ngắt
(Ngậm ngùi cố sự)

Nghĩ đến cuộc đời mình rày đây mai đó, chẳng biết sẽ trôi giạt về đâu nên lại càng buồn :

Nước mạnh như thác một con thuyền,
Ta lênh đênh hoài, sâu biết mấy !
(Can trường hành)

Vì buồn nên đi vãng cảnh cho đỡ buồn, nhưng cảnh Hương sơn cũng không thể làm vui một tấm lòng sầu não :

Khói sương trời đã nhuộm sâu thời gian
(Chào Hương sơn)

Sống dưới thời Pháp thuộc, làm dân một nước nô lệ, thơ Thâm Tâm biểu lộ nỗi bất bình với thời cuộc, nỗi u uất của thời đại và tâm trạng bế tắc không lối thoát. Nỗi đau của Thâm Tâm cũng là nỗi đau của những người cùng thế hệ :

Bọn ta một lớp lìa nhà,
Cháo hàng cơm chợ, ngồi ca lúa đồng.
(Tráng ca)

Muốn làm được việc lớn nhưng sức chưa đủ, thời chưa thuận và “vuốt cạp chân voi còn lặn đận” nên :

Thằng thí cho nhảm sức võ sinh,
Thằng bó văn chương đôi gói hận.
Thằng thư trói buộc, thằng giả quê,
Thằng phấn son nhớ... chữa một về.
(Vọng nhân hành)

Nói như Bùi văn Trọng Cường : “gam màu chủ đạo của hồn thơ Thâm Tâm là trầm và lạnh” quả không sai.

Buồn và bế tắc như vậy thì chỉ còn một lối thoát : ra đi. Vì thế trong thơ, Thâm Tâm luôn nhắc đến những từ như : ra đi, chia tay, lên đường, những trường đình, khói tàu, hiệu còi xoáy lộng, thét roi, phiếm du, xách gói sang Nam v.v... Nhưng đi đâu?

Tôi sẽ đi và chưa biết đi đâu
(Bùi Giáng)

Thật vậy, đó là tâm trạng chung của thanh niên Việt Nam trước năm 1945. Họ muốn ra đi nhưng không có định hướng, chẳng biết đi đâu, về đâu, miễn là thoát ly khỏi cái bầu không khí ngột ngạt lúc bấy giờ .

Nhưng đi thì phải xa quê, xa bạn bè người thân, nỗi lưu luyến bùi ngùi làm se lòng người ly khách :

Trời hỡi ! Mai này tôi phải đi,
Thơ này rồi chẳng đọc ai nghe.
Đời nhiều nhưng có dăm người bạn
Thì viễn ly không hứa hẹn về.
(Ngược gió)

Nhưng chuyện ra đi vẫn thôi thúc hoài làm cho tác giả không yên nên mới quyết lòng dứt khoát :

Tiệc này đêm cuối, mai chia ly,
Anh cố lưu tôi có ích gì.
Đời người say tỉnh được bao dịp?
Xin cạn chén rượu để tôi đi.
(Lưu biệt)

Trong thơ Thâm Tâm, khung cảnh chia tay, lên đường như thế có thể thấy ở nhiều bài thơ :

Sáng mai qua bên Ninh Cơ lạnh,
Sẽ thấy se lòng trận gió tê.
Giọng đàn lưu luyến làm chi nữa,
Tôi quyết đi rồi, tôi phải đi.
(Lưu biệt)

Khi nghe cơn gió lên là lại muốn ra đi, không hẹn ngày về :

Hay đâu kẻ vũ đất Lương Yên
Một sớm nghe bùng cơn gió lên
Xách gói sang Nam không hẹn lại,
Chỉ hiềm chẳng đặng đến cung tên !
(Can trường hành)

Nhưng trong các văn thi phẩm của Thâm Tâm, chỉ có bài thơ “Tống biệt hành” là có thể đứng mãi được với đời. Bài thơ hay và lạ này “đượm chút băng khuâng khó hiểu của thời đại” (Hoài Thanh). Đã có rất nhiều bài viết về Tống biệt hành (nên ở đây chúng tôi không đi sâu vào chi tiết), hầu hết đều khen nhưng vẫn có chỗ bất đồng ở ba câu cuối. Có người đã viết : “Nếu kể tên mười nhà thơ Việt Nam lớn nhất, không chắc có Thâm Tâm, nhưng chọn mười bài thơ mới hay nhất khó có thể bỏ qua Tống biệt hành”. Điều ấy đúng. Bài thơ mở đầu bằng bốn câu rất lạ :

Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?

Lạ là ở chỗ ý tương phản : không đưa qua sông sao lại có tiếng sóng? Bóng chiều không thắm cũng không vàng vọt sao trong mắt lại có bóng hoàng hôn? lạ và hay cũng là ở đó.

Những câu tiếp theo nói về chí khí của người ra đi : nếu không thành công thì sẽ không có ngày “qui cố hương” :

Chí lớn chưa về bàn tay không
Thì không bao giờ nói trở lại,
Ba năm mẹ già cũng đừng mong.

Tuy vậy, người ra đi làm sao tránh khỏi nỗi buồn vì còn mẹ già, hai chị và em thơ, những người chân yếu tay mềm rất cần một đấng nam nhi để làm nơi nương tựa :

Ta biết người buồn chiều hôm trước,
.... Ta biết người buồn sáng hôm nay.

Và đoạn kết, lời lẽ cứng rắn, cương quyết, ly khách quyết lòng dứt áo ra đi :

Người đi ! Ừ nhỉ, người đi thực !
Mẹ thà coi như chiếc lá bay.
Chị thà coi như là hạt bụi,
Em thà coi như hơi rượu say !

Có hai ý kiến trái ngược nhau về khổ thơ này. Ý kiến thứ nhất cho rằng người ra đi coi mẹ như chiếc lá bay, coi chị như hạt bụi và coi em như hơi rượu say. Như thế có vẻ dừng dừng, tàn nhẫn quá.

Ý kiến thứ hai cho rằng : thà mẹ coi con (ly khách) như lá bay, chị coi em như hạt bụi và em gái coi anh như hơi rượu say. Ý là người ly khách muốn mẹ, chị và em coi mình như vậy để đỡ nhớ nhung, thương tiếc, bận lòng. Ý này dành cho người ra đi một sự thiệt thòi nhưng có thể chấp nhận được nên phần đông ngả về ý kiến này.

“Ta hãy chú ý cách ví von : “chiếc lá bay, hạt bụi, hơi rượu say” đều là những hình ảnh động (vì hạt bụi cũng bay, càng bay mạnh, còn rượu thì tất nhiên bốc hơi và biến đi đâu mất) như vậy sẽ không ứng với những người ở lại nhà, tiếp tục sống một cuộc đời tĩnh tại, tù túng. Nếu các hình ảnh ấy vận vào người ra đi, người sắp dần thân vào một cuộc phiêu lưu vô định, dễ thương hợp hơn chẳng?” (Đỗ Lai Thúy). Ý kiến này nghe ra rất có lý.

Vậy còn người ly khách trong bài là ai? Có hai nhân vật được nêu lên.

Theo ông Ngọc Giao, một nhà văn viết cho Tiểu Thuyết Thứ Bảy cùng với Thâm Tâm thì bài thơ “Tống biệt hành” bất tử của Thâm Tâm chính là tác giả gửi tâm sự vào đó trong bữa rượu tại nhà Lê Văn Trương chia tay một người bạn tên là Viễn sắp đi xa... Thâm Tâm ứng khẩu đọc bài thơ ấy trên chum rượu bên hồ. Cũng theo ông Ngọc Giao thì “anh chàng Viễn - một tay đồ tể khét tiếng ở lò sát sinh Lò Đức - làm nghề chộc tiết lợn nhưng Viễn rất yêu mến, hiểu biết về văn học, hào hiệp như một hảo hán thời Đông Chu liệt quốc” (Hoài Việt) (1).

“Nhưng theo ông Phạm Quang Hòa, nguyên Giám đốc sở Thông Tin Liên khu X (Việt Bắc) thì Thâm Tâm viết bài thơ này là để tặng ông ngày ông tìm lên chiến khu. Trước lúc ra đi, ông có mời ba người bạn thân là Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính và Thâm Tâm đến uống rượu tiễn. Mỗi người làm một bài thơ tặng ông. Thâm Tâm làm bài thơ Tống biệt hành, Nguyễn Bính có bài Chia tay, còn bài thơ của Trần Huyền Trân thì ông không nhớ.

Trong bài Tống biệt hành có một số người phụ nữ được nhắc đến, đó là hai người chị của ông (một chị dâu, một người bạn gái của chị dâu) và cô em gái chính là người yêu của ông lúc đó mới 16 tuổi” (Hoài Việt).

Ba người này khiến cho ta thấy có chỗ không ổn. Từ trước tới nay, đọc Tống biệt hành, ai cũng hiểu là hai chị và em gái nói trong bài đều là chị em ruột của người ly khách. Trường hợp của ông Phạm Quang Hòa thì một là chị dâu, một là bạn của chị dâu (xa lắc), một là người yêu (chưa cưới) thì dâu phải là người trong gia đình (trừ chị dâu), dâu phải là ruột thịt để mà có một mối tình thâm sâu như thế? Điều này rất đáng ngờ và ly khách vẫn mãi mãi là ẩn số như T.T.Kh. vậy. Nếu ta biết rõ một T.T.Kh. bằng xương bằng thịt có lẽ ta sẽ thất vọng biết bao !

Theo nhà thơ Vũ Cao thì Thâm Tâm có nước da đen sạm, người gầy gò, nét mặt lạnh lùng đến khắc khổ. Trong sinh hoạt thường ngày, ông là người kín đáo, ít nói. Chỉ đôi khi có món “cải thiện”, anh em tổ chức bữa ăn tươi, kiếm thêm chút rượu uống và chuyện trò vui vẻ thì ông mới góp đôi ba câu chuyện, nhưng cũng không dài. Thường những khi đó, ông hay lấy giấy bút ra ngồi im lặng ký họa khuôn mặt các cô gái, cô nào cũng béo và đề thơ kèm bên cạnh. Anh em đùa rằng : Anh gầy thế mà sao cô nào cũng béo? Thâm Tâm chỉ cười không nói (Tư Bích Hoàng).

Vậy con người lạnh lùng khắc khổ ấy có biết yêu không? Có đấy. Bài thơ đầu tiên của Thâm Tâm

là một bài thơ tình nhan đề “Đây cảnh cũ, đâu người xưa?” (1941) do bà Oanh, chị của Thâm Tâm đọc lại. Bài thơ này ông ký bút hiệu Trăm Năm. Theo đó thì Thâm Tâm gửi gắm mối tình đầu cho một thiếu nữ tên Trinh :

Gặp Trinh trong bóng xuân đào,
Đang khi quăng gió dạt dào chim ca.
Má hồng, hồng đượm hương hoa,
Rung rinh đọng giọt phấn nhòa sương rơi....(2)

Bài thơ cứ thế kéo dài đến 22 câu lục bát. Chắc chắn mối tình này không thành nhưng cũng không ai biết cô Trinh nói trong bài là ai. Năm 1939, Tiểu Thuyết Thứ Bảy đăng ba bài thơ Hai sắc hoa ti-gôn, Bài thơ thứ nhất và Bài thơ cuối cùng ký bút hiệu T.T.Kh. khiến dư luận xôn xao trong làng văn. Mọi người đồn đãi rằng T.T.Kh. là người yêu của Thâm Tâm. Nhưng bà Kim Chi, một người bạn cố tri của Thâm Tâm cho hay thơ T.T.Kh. là do Thâm Tâm làm. Rồi một người khác, trên đường hành quân cùng Thâm Tâm đã hỏi ông và người này cũng khẳng định mấy bài thơ ký T.T.Kh. là một cái tên không có thật. Nhà nghiên cứu văn học Hoài Anh, trong một bài báo, cũng cho là những bài thơ ký T.T.Kh. là thơ của Thâm Tâm (Hoài Việt). Như thế là đã rõ. Thơ Thâm Tâm buổi đầu chịu ảnh hưởng của xu hướng lãng mạn trong phong trào thơ mới nên có tư tưởng thoát ly như Thế Lữ với Giây phút chạnh lòng hay Nguyễn Bính với Hành phương Nam. Thơ ông lại có vẻ bi tráng, mang hơi hướng cổ phong và hào hùng như các tráng sĩ thời xưa. Sau Cách mạng, thơ ông có chuyển hướng, sát thời cuộc hơn như bài “Chiều mưa đường số 5” được nhiều người khen ngợi.

Theo nhà báo lão thành Trúc Kỳ, người đồng đội của Thâm Tâm, cùng làm báo Vệ quốc quân ngày đó, thì năm 1950, khi ở Trung Quốc về, ông nhận được điện phải đến gấp cơ quan ở một bản nhỏ dưới chân đèo Mã Phục, gần thị trấn An Lai, cách thị xã Cao Bằng khoảng 18 cây số về phía Bắc. Ông được lệnh về thay Thâm Tâm đang bị ốm nặng.

Sáng hôm sau, ông lên đường đến chỗ Thâm Tâm, cách đó hơn 30 cây số nữa. Chiến dịch Cao Lạng đang được chuẩn bị rất khẩn trương. Thâm Tâm nằm giữa một cái lán, bốn bề trống huếch trống hoác, lộng gió như ở ngoài đồng. Thâm Tâm hoàn toàn khác hẳn. Ông sốt rất cao, đôi má lồm sồm, da mặt vàng khè, mắt càng vàng hơn dưới đôi quầng thâm xít. Trúc Kỳ ôm choàng lấy Thâm Tâm mà khóc.

Thấy không thể để Thâm Tâm như vậy được, Trúc Kỳ liên hệ với địa phương xin hai dân quân tới cáng Thâm Tâm về An Lai để có phương tiện chữa chạy hơn. Đoàn rời bản Piêng lúc hơn 5 giờ chiều. Họ đi suốt đêm, gần sáng thì đến An Lai. Bỗng một người dân quân hốt hoảng gọi to :

- Mân thai gia lô ! (Nó đã chết rồi !).

Trúc Kỳ rụng rời tay chân. Biết làm thế nào bây giờ? Đồng bào thiếu số có tục không cho mang người chết vào nhà. Biết người bí thư chi bộ là người tiến bộ, ông Võ Bá Tãi phụ trách Hành chánh Quản trị đến thăm dò ý kiến rồi tươi tỉnh chạy về nói :“Đồng chí bí thư đúng là người rất hiếm thấy. Đồng chí bảo cứ đưa anh Thâm Tâm vào nhà, đặt nằm trên sàn và buông màn xuống coi như đang ngủ, đến sáng rõ mới loan tin chết”.

Lát sau, người chủ nhà lặng lẽ hạ tất cả bộ cửa gỗ xuống rồi một mình hi hục đục đục cửa cửa : anh đóng cổ áo quan cho Thâm Tâm !

Trúc Kỳ và các bạn mặc quần áo cho Thâm Tâm, nhìn mặt ông lần cuối, bó chặt ông bằng tấm chăn mới, khênh ông đặt vào quan tài rồi đẩy nắp ván lên. Thân nhân không có ở đây, chỉ có đồng chí, bạn bè tiễn đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng ở chân đèo Mã Phục (3).

Ngày 17-8-2000, gia đình anh Nguyễn Tuấn Khoa – con trai của nhà thơ Thâm Tâm – cùng với đoàn làm phim đài Truyền hình VN về thăm Cao Bằng, nơi đã an táng Thâm Tâm gần 50 năm về trước. Nhưng mộ của Thâm Tâm đã được UBND huyện Quảng Hòa qui tập về nghĩa trang liệt sĩ của huyện từ những năm sáu mươi. Nghĩa trang đã thay đổi địa điểm đến bốn lần. Ông chủ tịch huyện Quảng Hòa Nông Vĩnh Trung cho biết : lúc qui tập phần mộ các liệt sĩ về nghĩa trang thì cũng chỉ đánh số và vẽ lại sơ đồ. Nào ngờ tháng 2-1979, kho tài liệu lưu trữ của huyện đặt tại một hang đá đã bị đốt phá sạch, trong đó có sơ đồ mộ liệt sĩ. Bây giờ ở nghĩa trang, riêng khu mộ liệt sĩ chống Pháp gồm 151 ngôi, chỉ một ngôi duy nhất có tên, còn lại đồng loạt là ghi dòng chữ : Liệt sĩ chống Pháp. Phần mộ Thâm Tâm cũng “vô danh” trong số 150 ngôi còn lại.

Đoàn tìm đến nhà người bí thư năm xưa đã giấu vợ con cho phép đưa thi hài Thâm Tâm vào nhà và tháo cửa gỗ để đóng quan tài cho Thâm Tâm. Ông đã mất từ lâu, chỉ còn người cháu nội giúp phát hiện ra vùng đất trũng vốn là ngôi mộ của nhà thơ Thâm Tâm, nay cỏ mọc xanh um vẫn được bà con hương khói giữ gìn chu đáo.

Sau khi đặt mâm lễ hoa quả thắp hương xong, vợ chồng anh Nguyễn Tuấn Khoa xin phép bà con dân bản lấy một nắm đất gói vào vuông vải điều để mang về thờ. Bầu không khí lặng lẽ, trang nghiêm và cảm động (4).

(1) Trích trong “Hồi ức về Thâm Tâm”, tạp chí Văn học số 3-1991.

(2) Tư liệu của Phương Thảo.

(3) Tóm tắt bài “Những phút cuối cùng của Thâm Tâm” của Trúc Kỳ.

(4) Văn Giá – Về Việt Bắc tảo mộ nhà thơ Thâm Tâm.

HUYỀN VIÊM

- . Nguyên quán: làng La Thọ, xã Điện Hòa, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- . Tốt nghiệp Đại học Văn khoa Sài Gòn
- . Nguyên Hiệu trưởng trường Trung học Nguyễn Công Trứ Phan Rang (Ninh Thuận)
- . Nguyên Giáo sư các trường Hưng Đạo, Lê Bảo Tịnh, Quang Minh Sài Gòn
- . Hiện sống và viết tại Sài Gòn, Nam Việt Nam





HIỆN HỮU VÀ HƯ KHÔNG **(L'ÊTRE Et NÉANT / BEING and NOTHINGNESS)**

VÕ CÔNG LIÊM

*To: Ms. Katherine Jenkins
(University of Calgary Ab.Ca)*

Trong số những tác phẩm của Jean-Paul Sartre* để lại; *Hiện Hữu Và Hư Không* cho ra đời 1953 được xem là một luận đề (essay) quan trọng nhất đối với thuyết hiện sinh (existentialism) của Sartre mà được ông chủ xướng như một lý luận hiện thể và đích thực về tư tưởng nhân bản. Một tiến trình về tư duy đáng kể nhất để giảm thiểu sự hiện diện của tồn lưu và đồng loạt xuất hiện những học thuyết mà điều ấy được coi như một xác quyết minh bạch cho bộ phận triết học của ông. Đó là cú cánh vượt qua một cách chắc chắn giữa vô số dạng thức của những yếu tố như sự kết hợp của tồn lưu trong vũ trụ, cụ thể nhất về mặt tinh thần để phân chia giữa tốt và xấu như một ngăn cách về trạng thái nghi ngờ của hiện hữu. Chính cái lưỡng tính giữa hai bề mặt đó tạo nên sự bối rối về triết học và được thay vào đó một học thuyết triết học khác, hầu tìm ra một giải pháp thích hợp hơn của khoa hiện tượng dù là những đơn phương chính yếu nào đi nữa.

Dù rằng sự xuất hiện chủ thuyết là rõ ràng minh bạch cho sự hiện hữu; không những ở nội tại hay ngoại tại đều được xem như đồng thể ngang nhau, sự hiện diện đó không còn tính cách độc quyền. Ở đây Sartre hệ thống hóa để giới thiệu phần cốt tủy của triết học hiện hữu (philosophy of Being). Ông nói đến cái gọi là tri thức của con người và tri thức của thế-giới-như-nhiên mà hai vị trí đó được gắn liền vào nhau. Để giới thiệu đầy đủ về nhãn quang của Sartre như một tương quan giữa xã hội và con người.

Chủ thuyết hiện sinh của Jean-Paul Sartre là giải phóng con người ra khỏi những ràng buộc cố hữu để tìm đến với tự do và khai phá những tồn tại bức xúc, bày tỏ sự hiện hữu của con người trên mặt đất này và được xem như khoa phân tâm học chủ lực. Một “sine qua non” để lãnh hội về chủ nghĩa hiện sinh và đó cũng là điều quan trọng được coi như kẻ đưa đường về khoa triết học hiện đại của thế kỷ XX.

L'Être et le Néant là một tuyển tập luận đề triết học về hiện tượng thuộc khoa siêu hình học (A Essay On Phenomenological Ontology); bao gồm 5 phần chính:

- Vấn đề của Hư Không (The Problem of Nothingness)
- Hiện-Hữu-Cho-Tự-Nó (Being-For-Itself)
- Hiện-Hữu-Cho-Cõi-Khác (Being-For-Others)
- Nhận Có, Thực Hành Và Hiện Hữu (Having, Doing And Being)
- Kết Thúc (Conclusion)

Ở đây chúng ta chỉ đưa lên một vài khía cạnh đặc biệt trong *Being And Nothingness/L'Être et Neant* với cái nhìn riêng tư về thuyết hiện sinh của Sartre. Trong bài viết được nêu ra ‘la transcendence de l'Ego. Esquisse d'une description phénoménologique’ 1936. Sartre vẫn cho toàn vùng của hiện tượng học chuyển thể từ Ego/Self và được miêu tả một cách khái quát về hiện tượng mà Ego chính là bản ngã tự tại, đưa tới cái vị lợi ‘Selfishness’ của con người, một ý niệm như thách đố của Husserl về sự chuyển hóa của Ego.

Sartre đối kháng thể thức của Descartes. – “ Tôi suy nghĩ ; do đó tôi hiện hữu “ (I think ; therefore I am). Ý thức nói ở đây “I am” (Tôi là; tức tôi hiện hữu) chưa hẳn là một ý thức tuyệt đối mà đó chỉ là suy tư mà thôi.

(The consciousness which says “I am” is not actually the consciousness which thinks) (P.92).

Descartes từ chối về cái đột khởi của ý thức mà phải do chính từ ý thức mà ra với một phương pháp hết sức nghi ngờ mà vẫn được coi như một đạo luật. Trong lúc đó chúng ta chỉ mới bắt chụp cái thoáng nhìn của sự phản đối đó, có thể là do nghi ngờ của ý thức, như thể là một hành động không mấy vững chắc. Nhưng cái gọi là ‘Descartes Cogito’ như một tư thế riêng biệt dành cho ý thức tự nó và được xem như một đối kháng, nhưng ở đây là một đối kháng khách quan. Trong những lời lẽ của ‘Cogito’ không phải là điều đưa Descartes nghi ngờ; đó là sự phản ánh của Descartes lên sự nghi ngờ “ Tôi nghi ngờ; do đó tôi hiện hữu “ (I doubt; therefore I am) Thật ra là: “ Tôi ý thức điều mà làm tôi nghi ngờ; do đó tôi hiện hữu” (I am aware that I doubt; therefore I am).

Thuyết gia Cartesian Cogito (Descartes) phản ánh là chính sự thể đó không còn tự nó nhưng nguyên thủy sự có ấy là ý thức do từ sự nghi ngờ mà ra. Chính sự khai phá đó giữa tư tưởng của Descartes về sau này Sartre đã tìm ra được những bước khởi đầu trong học thuyết của ông...

Sartre thường hay sử dụng ngôn ngữ ‘nhận thức’ như một lý trí riêng tư “non-positionelle (de soi”); chữ ‘de’ được nằm trong dấu ngoặc đơn, để chứng tỏ rằng không có sự phân chia đẳng cấp hay ngôi vị, không phân biệt vị trí của bản ngã như một đối tượng của ý thức. Sartre đề cập đến một thứ ý thức trong sáng (néant/nothingness) một trạng từ chưa tỏ rõ bằng một sự nhấn mạnh rõ ràng trong cái không, cõi không trống rỗng, không dính dáng vào cái không của không. Sartre đưa cái ý thức trong sáng của hiện hữu cũng như hư không; có thể là một luận án có tính cách võ đoán (non-thetic) cho tự-thức (self-consciousness) hoặc đưa vào một vị trí của tự-thức cái đó là tâm-thức của ‘soi’ tức là ‘tự’ cái tự-có (soi-même/one-self) trong ý thức mà ý thức đó như một ý thức suy xét phản ánh được sự nhìn nhận về hành động và trạng thái của ý thức trong sáng đó và hầu như dành cho một vị trí tự-nó. Cùng một trạng huống đó Sartre đặc ra hai nền móng chính yếu cho vấn đề ý thức như quan tâm tới sự phản ánh của ý thức; điều ấy chính là cơ bản trong những tác phẩm sau này của Sartre.

Trước hết theo quan niệm của Husserl là nắm được toàn bộ ý thức có nghĩa là ý thức từ mọi hướng, từ mọi sự vật thì điều đó như một ý thức có chủ đích và trực diện, chủ điểm đưa tới một chủ thể siêu nhiên khác hơn tự-nó. Nơi đây chính là mầm thai nghén của Sartre về cái nhìn sau này giữa hiện-hữu-con-người và hiện- hữu-thể-giới-như-nhiên ngày nay là bằng chứng của Sartre về khoa siêu hình học và sự tồn lưu của hiện sinh, gọi là hiện-hữu-tự-nó mà sự cố chính là cõi-ngoài-kia của ý thức.

Thứ hai về phản ánh ‘cogito’ là không cá tính. Ấy là điều không thực vì đó là điều chúng ta có thể bắt đầu với một vài vấn đề như “tôi nhận thức được cái ghế” Những yếu tố đó cho chúng ta một cảm nhận đích thực của ý thức (il y a / there is / Cái đó là) tức là nhận thức về cái ghế một cách cụ thể trong ý thức trong sáng.

Theo ý Sartre; tự-nó của Ego là không phải ý thức mà đó chỉ là lời lẽ phát biểu một cách mơ hồ. Dĩ nhiên đây không phải là điều để nói rằng Ego là chất liệu của ý thức; bởi Ego theo Descartes là ‘tự’ tức ngã, tự nhận của ý thức mà ở đây không còn đề mục đưa ra mà là khả năng phán đoán do từ sự vận dụng của ý thức lương tri hoặc ý thức trực tiếp xảy ra.

Sartre nói: “ Sự dâng trào của ý thức trong sáng là sự xếp đặt kiên cố tự-nó một liên hiệp nhất trí tự-nó”

(Plux of consciousness constituting itself as the unity of itself).(P.100)

Ông nói tiếp: “ Như thế thì Ego/Tự-nó là một tổng hợp nội quan và có tính cách siêu lý trù tượng”.

(Thus the Ego is a sythesis of interiority and transcendence) (p.101).

Năm 1940 sau khi cho ra đời luận án Tâm Lý Và Hình Tượng (The Psychology Of The Imagination) như một hiện tượng tâm lý; chính vì thế mà Sartre dựa vào đó như thử dựa trên căn bản để giới thiệu về Hư-Không (Nothingness); trọng tâm của luận án là nhìn thấy những khác biệt giữa trí tưởng và tri giác đó là ý thức của nhận thức.

Sartre đưa ra hai vấn đề :

1- Chức năng của trí tưởng do từ sự tình cờ xảy ra và thể hiện được tính siêu hình của thể chất ý thức hoặc có thể đó là điều được mô tả như một cơ cấu thiết yếu của thể chất ?

2- Điều kiện này là một sự cần thiết cho sự nhận thức về hình tượng của ý thức. Hay là điều kiện được xem là có thể giống nhau hay khác nhau trong cùng một ý thức ?

Ý thức trong sáng phải được tôi luyện, bồi đắp với một cá tính riêng biệt của ý thức đó là tiềm năng của Hư-Vô (Nihilation / Néantisation). Sartre nhấn mạnh ở đây Hư-Vô và Hư-Không nghe gần gũi nhưng là khác biệt của trí năng và ý thức. Ở đây Sartre nhìn Hư-Không là sự trống không, trống không một cách hoàn toàn (emptiness) của Hư-Không (Nothingness) rõ ràng như xác định vị trí của nó chứ không có tính mơ hồ của Hư-Vô (Nil (d.từ)). Sartre đi xa về điều này và cho rằng trong mọi hành động của hình tượng thì điều đó không còn nghi ngờ gì cả giữa Hư-Vô và Hư-Không. Nếu sự thể của vấn đề đặc ra ở đây như sự vắng mặt hoặc không hiện hữu tồn lưu hoặc như là mất khả năng trung hòa (neutralized) ở đây được coi như khả năng do từ một cơ cấu tạo thành. Có nghĩa rằng ý thức là điều không thể tránh được mà tương quan với thế giới quan; bởi chúng ta có thân xác hữu thể là một xác quyết rõ ràng giữa ý thức và ý thức trong sáng của vấn đề siêu nhiên. Vì ý thức nằm trong qui thức đầu tiên là không có tính không-sắp-đặt-tự-thức. Đó là lý lẽ cho ý thức mà ý thức đó được coi như ý thức trong sáng (ness). Ở đây ý thức có thể không còn là hình tượng của ý thức cũng có thể thiếu đi năng lực phủ nhận và triệt thoái nó ra khỏi ý thức mà Sartre gọi là “Hư-Vô” đó là kết quả tìm thấy cái KHÔNG nó nằm trong sự chìm lắng của ý thức của thế giới quan mà đó là ý thức sâu lắng trong ý thức tồn lưu; đó cũng không phải là một khả năng chiếm cứ bất luận từ một hướng nào, nhưng phải hiện hữu của sinh tồn.

It would have to be conceived as completely engulfed in the existent and without the possibility of grasping anything but the existent (P.271)

Trong Hiện Hữu và Hư Không Sartre thật sự nối liền lý tưởng của Hư-Không và Tự-Do. Có nghĩa rằng ý thức là điều có thể có hiệu năng như một sự xuất hiện của cái gọi là không thực (unreal) không thực để sản sinh ra từ thế giới bên ngoài; bởi vì tự-do hết sức siêu nhiên điều mà nhân loại có thể hình dung ra được nghĩa lý của nó.

Hiện Hữu và Hư Không là tiếng vọng, là thông điệp mà Sartre miêu tả như một hiện-hữu-tự-nó (Being-in-itself) không những có thể hoặc không thể. Mà ‘nó-đã-là’ như một nhấn mạnh của ý thức trong tính nhân bản.

Quan trọng khác; luận cứ của tiểu thuyết là ý niệm về sự ‘buồn-nôn-tự-nó’. Buồn Nôn là điều quan tâm tiên khởi của Sartre với xúc cảm triền miên trong con người của Roquentin là một tri thức mà tri thức đó như một chiếm cứ, một sự chia xẻ có dự phần của những sự vật hiện hữu (existence of things). Giữa Hiện Hữu và Hư Không Sartre mở rộng tư tưởng về bản năng ý thức, một biểu lộ cơ chế như thể một hiện hữu chối bỏ, bắt nguồn từ nội giới, nhưng chối bỏ ngoại giới thì giản đơn như một sự khác biệt rõ rệt giữa hai sự thể cùng một cảm giới không hơn không kém. Thí dụ nói rằng: - “ cái chén là không có ở trên cái bàn” Thì đó là một chối bỏ trên bình diện nội giới; mà điều đó chỉ có thể hữu thể trong ý thức. Hiện hữu tạo sự chối từ ảnh hưởng trong hiện hữu.

Sartre tóm lược lại vị trí của ý thức như sau: “đối với ý thức là không có hiện hữu ngoại trừ có một điều kiện bắt buộc để được phát hiện bằng trực giác của sự vật”

For consciousness there is no being except for this precise obligation to be a revealing in intuition of something. (P.618).

Chỉ có cách làm cho ta có thể hiện hữu như một ý thức khác của một hiện hữu khác mà thôi. Hẳn nhiên Sartre đã nắm chắc cho-cái-tự-nó (For-itself) là tính chất phiêu lưu mà ông đã nói lên lời cứng chắc về hiện hữu và một đời sống có ý thức.

Sartre thường phát biểu về Hư Không như một sự hiện diện, như một chi tiết trung thực, thẳng thắn để phê nhận cả hai ý niệm của Hegel và Heidegger. Đối với lời phê nhận của Hegel cho rằng; “ Không bao giờ có cái cỗi ngoài mà đó chỉ là hình thức luân lý của cái gọi là không-hiện-hữu (non-being). Như vậy sự tương quan của con người là hiện thực. Sartre cho sự thể đó làm cho quan niệm của Hegel về hiện-hữu và không-hiện-hữu là một điều đúng lúc, đúng thì thay vào một nhãn quang

không-hiện-hữu như một tùy thuộc vào luân lý của hiện hữu. Ông cho sự thể đó mà Hegel hết sức thờ ơ một cách vô tình giữa hiện-hữu với không-hiện-hữu.

Heidegger phù hợp với Sartre coi đó là một sự cân nhắc đúng đắn đưa tới một tiến trình bởi sự hoán chuyển từ Hiện-hữu đến Hư-không và nhận ra cả hai bề mặt của hiện-hữu và không-hiện-hữu là dấu hiệu căng thẳng cho việc chống đối. Heidegger cũng ca ngợi lời phát biểu của Sartre về Hư-không như một dự phần của con người đầy đủ kinh nghiệm, ở đây không phải việc làm đơn thuần như một việc trừu tượng. Sartre cảm nhận được ý thức của Heidegger; bởi những nguyên nhân bên ngoài đã làm đình trệ trong cái duy lý về Hư-không mà lấy đi tất cả những khả tính có thể tính toán, chọn lọc một nguyên lý của sự Hư-Vô (nihilations). Đây là điều mà Sartre đã nói; không còn cách gì hơn để giải thích cái vô cùng trong 'đáy giếng' của Hư-không mà những điều đó dự phần trong đời sống hằng ngày của chúng ta.

Cả hai Hegel và Heidegger đưa ra vấn đề giữa hiện-hữu và không-hiện-hữu đó là vấn đề mà Sartre đã nói đến về Hư-không mà không phải qua Hiện-hữu. Hư-Không đã tìm thấy và có thể thiết lập được để rồi chối bỏ cái thực thi đi vào Hư-Vô. Nói chung hai ông đã thờ ơ sự cấu trúc và trí tuệ của con người hoặc là ý thức của con người. Sartre tránh những đối tượng đó mà ông cảm thấy cần phải mạnh dạn đứng lên chống lại những chủ thuyết của Plato, Hegel và Heidegger, sự cảm nhận đó có thể nói rằng đó là một phương án trị liệu của tri giác, trí tưởng và nhận thức, tất cả như dính chùm vào nhau trong một luân lý cổ hủ giữa một xác định cụ thể và sự chối từ. Cái đó gọi là chối bỏ nội tại; tự-nó như một luân lý khác biệt.

Sartre hoàn toàn không hạn chế mà thường coi Hư-Không như một ý niệm có tương quan. Ông dùng nó như để phát biểu về một nỗi đau, để lột trần những gì đáng kể nhất và như thế có mắc phải vào những lo âu mà Heidegger đã đề ra.

Hư-Không là nằm giữa cái lý sự vô cơ và hành động. Đó là nguyên cơ để trở nên cái sự lý vô cơ; chỉ khi nào thật sự tự do. Bởi tự do của Hư-Không thực sự từ ý thức. Cuối cùng Sartre chỉ dùng nó như là tiếng nói của tự do. Ý thức tự do là cái tự-nó vẫn 'chưa đủ' để nhận ra sự hiện hữu.

Như vậy; cái gì Cho-tự-nó (For-itself) là được phơi bày một cách rõ ràng về Hiện-hữu, một nội tại Hư-Không của Hiện-hữu, một tương quan với Hiện-hữu, một mong muốn của Hiện-hữu và một chọn lựa của Hiện-hữu.

Trong phần thuyết trình về Hư-Không, đặc biệt về phần tiếp nối của tri giác và trí tưởng. Sartre đã thận trọng dùng khoa tâm lý học của Gestalt như một tương quan bổ sung cho trí năng về 'hình tượng' (figure) và 'cứ địa' (ground).

Chúng ta nhận thấy rằng Hư-Không là Cho-tự-nó, không những chỉ vào sự chối bỏ nội tại và lột trần Hiện-Hữu. Nhưng đó cũng là dục vọng của Hiện-Hữu và chọn lựa của Hiện-Hữu.

Cái nhìn của Sartre là từ khi khởi ra cái Cho-tự-nó (For-itself) trong sự tương quan với chạm trán Trong-cái-tự-nó (In-itself). Có nghĩa là sự ao ước, lòng ham muốn thì sự ham muốn dục vọng đó được thích hợp Trong-cái-tự-nó. Trái lại lòng ham muốn dục vọng đưa cảm giác như để đồng hóa hay đã đồng hóa với Hiện Hữu và rồi trở thành một trong hai cái Cho-tự-nó và Trong-tự-nó hoặc gián tiếp bởi lần chiếm cứ đầu tiên. Hiện Hữu là thể thức của thể giới quan.

Trong cùng một phương cách đó; những điều mà nhận ra được là những điều không tương hợp hoặc đột nhiên 'biến dạng' đúng lúc để đi tới một ý thức chọn lựa, đó là một chọn lựa phù hợp với những điều mà trước đây hầu như người ta đã phớt lờ về phần tâm lý hoặc xem đó như một tổng thể của siêu nhiên về Ego (It-self) và nhờ đó tạo nên được sự chọn lựa của hiện hữu. Điều mà rất hiếm thấy về sau này; nhưng với danh nhân lịch sử hay bộ môn tiểu thuyết thì lại xem như một thứ văn chương đích thực, một xác quyết về mặt bí truyền xảy ra như sự cố.

Có hai vị trí khác biệt của khoa tâm lý học; đối với Sartre là một tiếp nối quan trọng qua lăng kính của ông đó là Cho-tự-nó chính vị trí đó là mạch liên đới với con người. Đây là ý tưởng của Sartre nói về như nhiên của thân tâm, của dục tính xác thịt. Lẽ đương nhiên cảm giác đó là thể chất đứng ra như một sự kiện của con người.

Chúng ta suy xét về một phần của ý thức mà ý thức đó chính là Cho-tự-nó (For-itself) được coi như Hư-Không là mãi mãi mâu thuẫn nội tại. Thực tế sự ấy nằm trong lãnh vực của Cái-trong-tự-nó (In-itself) như đã được tồn lưu (existed) bởi cái gọi là Cho-tự-nó (For-itself) thì đó là vấn đề tâm lý. Trên thực tế chúng ta phải có nhiều xác quyết cụ thể về cái Cho-tự-nó là chính thân tâm của

mình. Vì Cho-tự-nó là ý thức của vật thể như đã thấy. Cho-tự-nó không có ý thức phán đoán mà chỉ hiện diện để xuyên qua cảm thức của Trong-tự-nó.

Chúng ta đã thấy điều quan trọng ấy trong “ La transcendence de l’Ego “ Sartre tin là Ego chỉ một phần tâm lý và từ đó được xem như vật thể của thế giới quan. Sartre bắt bẻ sự sai lệch đó về Hiện Hữu và Hư Không mà Sartre đã bày tỏ trước đây và ông rất vững tâm và lạc quan về điều đó. Sartre đã phân tích kỹ năng về thể xác của con người mà ông đã chia ra làm hai phần : -Thể-xác-cho-một-cõi-khác (Body-for-the-Other) và Thể-xác-thấy-bởi-một-cõi-khác (Body-seen-by-the-Other). Đó là dây chuyền kết nối của tâm-thân. Mỗi khi Hiện Hữu với tâm-thân trong cùng một tiến trình của thành quả thì đó là Thân-xác-thuộc-về-tôi (Body-for-me) thuộc về Hiện Hữu dù hiện diện trong cõi Hư-Không để ý thức về những điều ‘tự-nó’ như hiện thể với thế giới quan.

Với bài viết này còn thiếu những dữ kiện để xác minh cái đích thực phản ánh sự trong sáng của J.P. Sartre. Ở đây chúng ta chỉ có cái nhìn thẩm quan về những gì Sartre đã làm ra trong phần kết thúc luận án triết học trong tư thế phân tích văn chương (Literary analyses) . Sartre đã vẽ lên ở đây một cuộc Cách Mạng Mới đặt xuống một đề cương cho xã hội mà trong đó cho phép chúng ta một tiếp nối tồn tại với cái tự vươn lên ‘self-transcendence’ một cách siêu đẳng trên con đường đi tới tự do thật sự và được coi như bước tiến dẫn đến con đường hiện sinh của ông. Đó là những gì Sartre đã làm ra trong phần kết thúc tập tiểu luận triết học này.

Jean-Paul Sartre muốn khởi hành một mình để tìm đến một lối rẽ mới, một lối rẽ đi tới hành động cho nhân loại. Có lẽ; không còn bao lâu để khám phá hướng đi của ông với cái nhìn riêng tư của ông như một phần hoạch định tự nhiên.

Cuối cùng Sartre chấp nhận mọi sự căng thẳng về tự do cũng như mọi trách nhiệm và bổn phận mà Sartre đã thực hiện. Những điều nhận định ở đây cũng giống như Sartre đã miêu tả là một đúc cứng dự án của con người, như một tổng thể liên hợp từ ngoại giới đến nội giới của ý thức nhân bản và được coi như chúng ta ‘phải là’.

Tóm lại Hiện Hữu là điều kiện giản đơn như vạch trần hết thấy. Hiện-Hữu-vạch-trần (Being-for-revealing / Être-pour-dévoiler) thì cũng như lột-trần-hiện-hữu (revealed-being / être dévoilé) giữa hai dạng thức đó không có gì khác biệt giữa Hiện Hữu; nói cách khác giữa CÓ và KHÔNG là RÕNG, tất cả đều nằm trong qui trình vũ trụ giới với con người. Sartre giải phóng toàn bộ tính không trong ý thức Hiện Hữu và Hư Không như một gạch nối cho lý thuyết hiện sinh mà Sartre đã bày tỏ và hết lòng nâng cao giá trị nhân bản một cách trọng yếu trong triết thuyết của Sartre đề ra. Nếu hiện hữu của hiện tượng thì nó không còn phân tích về hiện tượng của hiện hữu. Cụ thể hơn hết từ khi xuất bản tiểu luận Hiện Hữu và Hư Không Sartre luôn luôn quan tâm hạnh phúc hay bất hạnh của con người, đó là vấn đề luân thường đạo lý (Ethical) mà mục đích và tính nét đã được biểu lộ một cách sâu đậm trong những tác phẩm của ông để lại; nhất là những tác phẩm triết học phong phú và hiệu năng, một luận án đầy đủ , là phạm trù triết học mang tính triết thuyết hơn là triết học. Dầu sao; dù dưới lý luận nào chống đối hay phủ nhận chân lý hiện sinh là một đánh dấu vô cùng qua mọi thời đại mà con người đang trực diện với hiện hữu trong hay ngoài của cái ‘tự-nó’ mà chúng ta đương đầu hằng ngày với thế giới quan và sự sống còn giữa cõi tồn lưu.

Tất cả những vấn đề đã được đề cập với chúng ta hôm nay là một điều hết sức trong sáng, không một phản ảnh phụ thuộc nào; điều đó chỉ tìm thấy câu trả lời trên mặt phẳng của cái gì thuộc về tâm lý và ý thức mà thôi.

Chúng ta đang nhìn tới một thế giới mới trong tương lai ./.

*Jean-Paul Satre (1905-1980) Sinh và chết tại Pháp quốc.

SÁCH ĐỌC :

Jean-Paul Sartre In Existentialism. (Citadel Press, 1980 USA)

Being and Nothingness by Jean-Paul Sartre. Traslated by Hazel E. Barnes.(Philosophical Library, NY USA 1958)

Jean-Paul Sartre Với BuồnNôn. Bài viết của vcl. 7/2010

(ca.ab. vulanbôn 8/2011)

VỖ CÔNG LIÊM



NGUYỄN DU

TIẾNG LÒNG THIÊN THU

TÂM NHIÊN

Thơ và Thiên là đôi cánh đại bàng tung bay trên bầu trời Đông phương và Tây phương suốt từ nghìn xưa cho đến ngày nay.

Từ đỉnh ngàn cao tuyết mù Hy Mã Lạp Sơn, thiên nghiêng cánh xuống bay lượn khắp các tông lâm, thiên viện, am cốc và thơ cũng tung lướt một cách ngoạn mục từ bến sông Hằng, nơi Đức Phật đã khơi nguồn cảm hứng Chân Thiện Mỹ.

Thi sĩ và thiên sư cùng gặp nhau giữa con đường phong quang sáng tạo, thể hiện qua đạo và thơ, nhưng thi sĩ là ai, thiên sư là kẻ nào vậy ? Phải chăng đó là những tâm hồn đồn ngộ lẽ đời sinh tử đạo đầy, thống khổ điều linh, đã vượt qua chính mình để cất lên tiếng hát bất sinh bất diệt, thiên thu vĩnh cửu như Chứng đạo ca của thiên sư Huyền Giác và truyện Thúy Kiều của thi sĩ Nguyễn Du ? Truyện Kiều, không ai mà không biết, không ai mà không thuộc lòng một vài câu, một vài đoạn trong toàn bộ tập trường ca dài hơn ba nghìn câu thơ lục bát tuyệt hảo vô song của bậc tài hoa đại thi hào dân tộc.

Bồng bênh giữa biển đời chập chùng ba đào bão táp, trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, Nguyễn Du đã phiêu bạt giang hồ suốt 10 năm long đong ròng rã, từng ngao du sơn cùng thủy tận khắp 99 ngọn núi cao đầy mây trắng sương mù Hồng Lĩnh ở quê nhà và đã chứng kiến biết bao nỗi đời tang thương thảm thiết, biết bao vô thường khổ lụy của bi đát sinh linh quần quai trong biển khổ trần ai.

Trải qua quá trình lịch nghiệm, chiêm nghiệm tự thân rồi thấu triệt, thông suốt và lãnh hội vô tự Chân kinh ngay giữa lòng mình, nên Nguyễn Du đã sáng tác tự thành Đoạn trường tân thanh một cách diễm lệ, diệu thường như thế.

Thi phẩm độc đáo vô tiền khoáng hậu này là tiếng lòng của Nguyễn Du vẫn còn ngân nga đồng vọng giữa vạn đại miên trường. Một tiếng lòng yêu thương cõi người ta vô biên vô lượng, thương cho nỗi đoạn trường dâu bể xót xa :

*Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*

Lòng thi nhân chìm sâu đau đớn rợn ngẩn trong hồ thẳm tâm can, vẫn rung ngân bất tuyệt tận cõi nào vô vi rực ngời ngọn lửa tâm thức, đốt cháy tập khí lâu đời và cặn bã của ngôn ngữ loài người để mở rộng khai thông những tinh lực dữ dội đọng lại trong âm thanh vũ trụ cần khôn lồng lộng. Tiếng lòng ấy đã ứng vào cõi hồn thực nữ thù mị Thúy Kiều giữa một chiều du xuân xuất thần kỳ lạ, gặp nắm mộ Đạm Tiên trong một niềm cảm xúc, rung động sâu xa :

*Đã lòng hiển hiện cho xem
Tạ lòng nàng lại nổi thêm vài lời
Lòng thơ lai láng bồi hồi
Gốc cây lại vạch một bài cổ thi*

Bồi hồi lai láng tận đáy hồn vốn đã cưu mang, dung chứa sẵn rồi bao nỗi niềm tha thiết bao dung. Nào nùng biết mấy, chạnh lòng xót xa cho hồng nhan bạc mệnh, cho thân phận kiếp người, cho nỗi đời máu lệ thê lương mà Thúy Kiều (hay Nguyễn Du) dạt dào vô lường thương cảm trong da diết âm thầm :

*Lòng đau sẵn mối thương tâm
Thoắt nghe Kiều đã đầm đầm châu sa :
Đau đớn thay ! Phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung
Phũ phàng chi bấy hóa công
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha*

Lạ lùng sao, những giọt lệ rung rung nghẹn ngào cứ mãi long lanh, thánh thót rơi xuống ướt đầm tâm hồn đa cảm trầm tư. Từ đó nghe ra xiết bao tiếng lòng Thúy Kiều dịu dàng chơn chất mà vô cùng rung ngân rạo rạo vô tận, trên cung bậc tình yêu thâm thiết ngay buổi đầu sơ ngộ với chàng hào hoa phong nhã Kim Trọng, trong một niềm chi đồng thanh tương ứng trọn vẹn, tràn đầy, gây nên một nguồn giao cảm thâm sâu, tâm đầu ý hợp quá đổi mặn nồng. Rồi run run chàng trao tay tặng vật mảnh khăn hồng, rồi thề non hẹn biển, ngàn đời vĩnh viễn thiên thu :

*Lặng nghe lời nói như ru
Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng
Rằng : “Trong buổi mới lạ lòng
Nể lòng có lẽ cầm lòng cho đang
Đã lòng quân tử đa mang
Một lời vàng tạc đá vàng thủy chung”
Được lời như cởi tấm lòng
Giở kim thoa với khăn hồng trao tay
Rằng : “Trăm năm cũng từ đây
Của tin gọi một chút này làm ghi”*

Thúy Kiều, gái thuyền duyên gặp Kim Trọng, trai anh hùng, quân tử như một nếp duyên tiền kiếp gặp lại, cho nên ngay lập tức họ liền trở thành đôi bạn chân tình, gắn bó tri âm tri kỷ khăng khít sâu dày. Tình yêu muôn thuở là vậy, những kẻ yêu nhau, luôn luôn muốn tiếp xúc cận kề, tìm cách gần gũi bên nhau để tha hồ hàn huyên tâm sự suốt đêm ngày :

*Thời trâm thức thức sẵn bày
Gót chân thoăn thoắt dạo ngay mé tường
Cách hoa sẽ dựng tiếng vàng
Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông :
“Trách lòng hờ hững với lòng
Lửa hương chốc để lạnh lòng bấy lâu*

*Những là đắp nhớ đôi sầu
Tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa râu”
Nàng rằng : “Gió bắt mưa cầm
Đã cam tộ với tri âm bấy chầy
Vắng nhà được buổi hôm nay
Lấy lòng gọi chút sang đây tạ lòng*

Thúy Kiều lấy tấm lòng trong veo, thuần hạnh, thanh khiết của mình để cảm tạ, đáp tạ tấm lòng quân tử Kim Trọng rất mực tương kính lễ nghi, trân trọng theo thể lệ thời xưa. Thật là cảm động, làm sao không xao xuyến, bồi hồi khi hai tiếng lòng thiêng liêng, huyền mộng cùng hòa âm thấm thía, chia sẻ từng đường tơ kẽ tóc dưới ánh trăng ngát ngào hương hoa bùng rộ vô ngần :

*Vầng trăng vằng vặc giữa trời
Đinh ninh hai miệng một lời song song
Tóc tơ căn dặn tấc lòng
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương*

Nói thì dốc hết ruột rà ra nói thế, nghìn năm khắc cốt ghi tâm cùng một lòng một dạ thủy chung, không có gì có thể chia cắt được, nhưng rồi “Ngày vui ngắn chẳng đầy gang. Chưa vui sum họp đã ngàn chia phôi...” Ôi chao ! Vô thường chợt đổ trút xuống bất thành linh những tai ương, thảm họa hoành sinh, nổi đời tàn bạo, khắc khe chi hồi trời xanh tàn nhẫn, bất công đã xô đẩy Thúy Kiều rơi vào cảnh bị đọa đầy suốt mười lăm năm trời luân lạc đoạn trường, rời rã tha phương, làm kiếp hoa trôi bèo dạt, lạc loài, lênh đênh giữa dòng đời bão loạn, náo nê, lê thê lệ đầm buốt u sầu :

*Đau lòng kẻ ở người đi
Lệ rơi thấm đá tơ chia rũ tằm
Trời hôm mây kéo tối sầm
Dầu dầu ngọn cỏ đầm đầm cảnh sương
Lối mòn cỏ lợt màu sương
Lòng quê đi một bước đường ruột đau*

Đau lòng đứt ruột, buồn thảm ròn rợn trong đêm dài sinh tử mịt mù u tối, thổi về từng cơn gió lạnh căm căm :

*Ngập ngừng thẹn lức e hồng
Nghĩ lòng lại xót xa lòng đòi phen
Vì ai ngăn đón gió đông
Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi*

Đi về đâu hồi nhật nguyệt thiên địa mang mang ? Chỉ còn văng nghe vang vọng rã rời những tiếng lòng tan nát qua cung đàn chết lặng tê điếng khúc ly tan :

*Bốn dây như khóc như than
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng
Cùng trong một tiếng tơ đồng
Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm*

Đó là tiếng lòng trầm thống, khổ lụy, bi ai của nhân gian ngàn thu sầu thảm u hoài. Phải chăng, đó cũng là tâm lượng thương yêu dồi dào vô hạn mà thi hào Tố Như muốn nhắc nhở chúng ta, hãy chiêm nghiệm, quán chiếu, trầm tư về khổ đế, để rồi trao tặng, gởi gắm tấm chân tình linh diệu cho hậu thế phải không ?

**Lỡ làng gạn đục khơi trong
Trăm năm để một tấm lòng từ đây**

Tấm lòng thi nhân gởi lại cho trần gian cát bụi đường như muốn nhấn nhủ điều chi hay trao một thông điệp tối thượng mà đơn sơ giản dị khôn dè :

**Tẻ vui bởi tại lòng này
Hay là khổ tận đến ngày cam lai ?**

Ồ ! Thì ra chung quy hết thảy mọi sự trên cõi đời này xảy ra cũng đều do tự nơi lòng mình, từ tâm mình đẩy thôi. Vâng “Tất cả do tâm tạo” như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Tất cả muôn loài vạn vật, đất trời, vũ trụ cần khôn... đến những buồn vui, sướng khổ, được mất, hơn thua, đúng sai, phải trái... của con người cũng đều khởi sinh từ lòng sâu kín ruột rà của chính mình như lời sư cô Tam Hợp mở phôi :

**Sư rằng : “Phúc họa đạo trời
Cõi nguồn cũng ở lòng người mà ra
Có trời mà cũng tại ta
Tu là cội phúc tình là dây oan
Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành
Lại mang lấy một chữ tình
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong
Vạy nên những chốn thông dong
Ở không yên ổn ngồi không vững vàng”**

“Cõi nguồn cũng ở lòng người mà ra.” Đúng rồi, tất cả đạo lý, triết lý, khoa học, văn minh nhân loại từ ngàn xưa đến nay cũng đều phát xuất từ lòng người, từ tâm tư, trí tuệ tỏa sáng chan hòa và nhà thơ nhấn mạnh, mạch nguồn cuộc sống của chúng ta là tấm lòng thiên lương, thiện đức, là cõi Tâm Như thanh tịnh trình tuyền vốn hằng hữu phong quang, rạng rỡ tuyệt trần :

**Đã mang lấy nghiệp vào thân
Thì đừng trách lẫn trời gần trời xa
Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài**

Chữ tâm là chỉ cho tâm người, lòng người. Lòng người, tâm người quả thật là bất khả tư nghì. Muốn nói về cái tâm, muốn hiểu cho đầy đủ ý nghĩa thì không khác gì mình phải đọc lại toàn bộ thiên kinh vạn quyển Nguyên thủy và Đại thừa liễu nghĩa do Phật thuyết. Ở đây chúng ta chỉ có thể lai rai hiểu sơ lược đại khái : Cái tâm là những ý nghĩ, suy tư, tư tưởng, niệm tưởng, thường xuyên dấy khởi liên tục mãi hoài. Cái tâm có tác dụng ý niệm hóa, cái tâm chứa đựng kiến thức, cái so sánh biện biệt, lý trí phán xét, cái trực giác nhận thức, sự tự lãnh hội, cái tri nhận về bản thân, cái ý tưởng, vọng tưởng, suy tưởng, tưởng tượng, những cảm xúc, cảm giác, tư duy, tinh thần, tâm hồn, tâm linh, tâm trạng, những thần thức, linh thức, thông minh, thông tuệ... Tất cả những gì mình có thể trầm tư, uyên tư, uyên mặc, lặn sâu thấu suốt, thấu đạt, hiểu biết, ý thức, vô thức, tiềm thức.. Tất cả những điều vừa kể trên đều thuộc về tâm, hiểu theo nghĩa tục đế thông thường.

Còn hiểu theo nghĩa chân đế thì tâm là Diệu Tâm, Chân Tâm, là Phật Tánh, Tánh Không, là Tánh Giác, Bát Nhã, là Chân Như, Tự Tánh vô sanh bất diệt. Cho nên, Thiên tông với chủ trương : “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức” phủ nhận mọi sức mạnh tự nhiên và siêu nhiên ở bên ngoài. Thiên quy định mọi khía cạnh, mọi giá trị cuộc đời về cho sức mạnh của tự tâm.

***“Tâm là căn pháp là trần
Thấy đều ngấn bụi ám gương trong
Bao giờ bụi hết gương trong lại
Tâm pháp cùng quên tánh rõ chân...”***

Thiền sư Huyền Giác phát biểu như thế trong Chứng đạo ca, cũng như Tuệ Trung Thượng Sĩ tuyên bố về tâm tự tại vô quái ngại :

***“Muốn cầu tâm
Chớ tìm ngoài
Bản thể như nhiên vốn vắng lặng
Niết bàn sinh tử chẳng buộc ràng
Phiền não bỏ để không đối nghịch
Tâm tức Phật
Phật tức tâm
Diệu chỉ sáng ngời khắp cổ kim
Xuân đến hoa xuân tự nhiên nở
Thu về đâu khỏi nước thu xanh ...”***

Như vậy, tâm có thể tạo ra Phật và chúng sinh, tâm tạo ra Niết bàn và sinh tử, thiên đường và địa ngục, hạnh phúc và khổ đau... Tâm tạo ra muôn loài vạn vật, tâm sinh ra tất cả vì tâm là chủ động của đời sống mỗi một người trong chúng ta vậy. Điều đó đã được thể hiện vô cùng ngoạn mục qua Ma Ha Ca Diếp niêm hoa vi tiếu trên tuyệt đỉnh Linh Sơn, Duy Ma Cật thông tay vào chợ, Long Thọ tự do tự tại phá chấp, Bồ Đề Đạt Ma im lặng sấm sét, Huệ Năng khai thị bản lai vô nhất vật, Lâm Tế, Đức Sơn, Không Lộ, Quảng Nghiêm gầm hét nổ bùng xung thiên chí, Tuệ Trung Thượng Sĩ ngêu ngao khúc Phóng cuồng ca, Tế Diên, Hàn San, Thập Đắc, Bùi Giáng nhảy múa điệu du hý tam muội xênh xang, hoan hỷ địa vui vầy...

“Người hiểu tâm này, người tự độ. Linh Sơn chính là lòng ta đó.” Nguyễn Du đã thấy rõ tận tường như thế. Thấy tâm, trực tâm, liễu tâm để lắng nghe lại tiếng lòng tha thiết miên man vang dội giữa thiên địa tuần hoàn, khiến chúng ta có nghe ra được tiếng gì vi diệu hay trông thấy được điều chi kỳ tuyệt hiện hữu nhiệm mầu, ngay trong tâm hồn, trong tận đáy lòng sâu thẳm của chính mình hay không ? Có bùng vỡ, trực ngộ ngay lập tức “đương xứ tức chân” ngay ở đây và bây giờ, chớ không chờ đợi vô lượng kiếp sau xa xăm nào nữa ?

***Một nhà chung chạ sớm trưa
Gió trắng mát mặt muối dưa chay lòng
Bốn bề bát ngát mênh mông
Triều dâng hôm sớm mây lồng trước sau
Nạn xưa trút sạch lau lau
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này***

Trong Văn tế thập loại chúng sinh, nhà thơ cũng nhắc đi nhắc lại nhiều lần chữ lòng thuần nhiên, thuần phác mà suốt thấu sâu sắc đậm đà :

Lòng nào lòng chẳng thiết tha

Chỉ một câu thơ đơn giản thôi, Nguyễn Du cũng đủ thần lực gây chấn động, nhói buốt khắp ruột rà xương xẩu máu me của chúng ta. Quá cùng xúc cảm, bàng hoàng trước cảnh phù sinh bèo bọt, có ai không muốn thoát khỏi bọt bèo phù du ? Chỉ cần tỉnh thức, trực thấy ngay nơi lòng trong xanh thanh tịnh của chính mình vốn là Phật đầy thôi :

**Kiếp phù sinh như hình bào ảnh
Có câu rằng : Vạn cảnh giai không
Ai ơi ! Lấy Phật làm lòng
Tự nhiên siêu thoát ở trong luân hồi**

Oi chào ! Thanh âm trầm hùng, bùng vỡ từ lòng thi nhân vẫn còn rung chuyển, rung động cực kỳ như tuệ kiếm Kim Cang vung lên, chặt đứt hết mọi xích xiềng, phiền não, mê ám thăm thương :

**Mãn cảnh giai không hà hữu tướng ?
Thử tâm thường định bất ly thiền
(Khấp côi là không tánh thì đâu có tướng ?
Tâm này thường định chẳng lìa thiền)**

Nguyễn Du đã viết hai vắn thơ xuất thần nhập diệu trên trong bài Đề Nhị Thanh động ở Lạng Sơn, chứng tỏ cái thấy của thi sĩ không khác gì của một thiền sư đã đốn ngộ đạo Thiền. Tiếng lòng, côi tâm hay lòng Bồ đề, tâm Đại bi vô lượng thương yêu hết tất cả thập loại chúng sinh như trong bài Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu đã được thi nhân viết từ khi còn rất trẻ, lúc tuổi thanh xuân :

**Tiếp đãi mấy đêm một mực
Lòng Bồ đề hỷ xả từ bi
Xôn xao một khắc ngàn vàng
Đàn chầu tế Ba la Bát nhã**

Bát nhã Ba la là Trí tuệ siêu việt, là tâm quang minh đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, là bản thể Chân Như. Như thế, bằng Trí tuệ siêu việt, bằng tâm Đại bi, lòng Bồ đề sâu rộng bao la mà nhà thơ đã thể hiện thiết tha nhất quán đối với bao nhiêu thống khổ trăm kha của kiếp người qua các tác phẩm thi ca bất hủ của bậc thiên tài vĩ đại Tố Như.

Chính “Lòng thơ lai láng bồi hồi” ấy đã chảy rạt rào trong tư tưởng thượng thừa và cảm thức thấu thị tử sinh của thi nhân. Từ đó tuôn chảy trong veo dào dạt vào tận đáy lòng trong trẻo tinh khôi của chúng ta, của toàn thể dân tộc Việt, một dân tộc thi sĩ nhất trên mặt đất thân yêu này.

TÂM NHIÊN





CỬA CHỢ VÀ NGƯỜI

biên luận

THIỀU KHANH

Chợ Trong Tâm Thức Người Việt Nam

Các kết quả khảo cổ học cho thấy người Việt cổ đã biết trồng trọt từ hàng vạn năm trước, và là một dân tộc chuyên về nông nghiệp từ rất sớm. Tuy về sau chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc với tư tưởng trọng nông khinh thương của Nho giáo, nhưng trong tâm hồn mỗi người Việt hầu như đều có khắc sâu một định hướng về địa bàn cư trú: Nhất cận thị nhị cận giang.

Giang, nói rộng ra là những thủy lộ giao thông hoặc sông hoặc biển đã góp phần quan trọng phát triển các nền văn minh nhân loại. Will Durant nhận thấy rằng "Văn minh này mầm trong căn chồi của nông dân nhưng chỉ phát triển và khai hoa trong các thành thị" (1). Mà thành thị thường được hình thành và phát triển bên cạnh các trục giao thông, trong đó những thủy lộ đóng một vai trò quan yếu.

Cho đến thời đại ngày nay, các thủy lộ vẫn là các mạch giao thông thuận tiện cho sự giao lưu và phát triển của bất cứ xã hội nào. Từ xưa, khi giao thông đường bộ chưa phát triển, hầu như tất cả các thành phố lớn trên thế giới đều hình thành trên bờ các thủy lộ. Các thành phố, đô thị, làng mạc Việt Nam ngày trước càng không nằm ngoài quy luật đó. Có thể thấy rằng ý hướng cận giang đã thể hiện trong cuộc sống định cư nông nghiệp của người Việt ngay từ thừa sơ khai. Cận giang là cách tốt nhất thời xưa để tiến đến cận thị, nghĩa là tiến đến cuộc sống xã hội có tổ chức.

Nước là yếu tố thứ nhất không thể thiếu của nông nghiệp. Người Việt cổ đã quần tụ sinh sống bên những bờ nước, và dùng tên của những bờ nước đó làm địa danh phân định mỗi tập thể quần cư.

Đến nay nhìn lên bản đồ các vùng đất cổ của người Việt ta vẫn còn thấy sót lại rải rác đây đó những địa danh đứng sau từ Nước hoặc dak - một từ cổ của nước. Đó là di tích những điểm sinh cư từ hàng vạn năm xưa.

Theo nhịp phát triển của các tập thể sinh tụ, xã hội lớn dần dần hình thành. Từ Nước, dần dà mở rộng nghĩa nguyên thủy và mang thêm một khái niệm mới chỉ quốc gia. Có lẽ không có một quốc gia nào khác trên thế giới gọi đất nước của họ bằng chính cái từ chỉ chất lỏng thiên nhiên thân thiết và diệu kỳ ấy.

Theo các bài mo "Đẻ Đất Đẻ Nước" của người Mường, một dân tộc anh em cùng ngôn ngữ với người Việt, thì

***Dạ Kịt đẻ ra đức vua Dịt Dàng
Ăn đất đồng kỳ tam quan kẻ chợ.(2)***

Người Việt cổ định cư từ rất sớm trên các bờ thủy lộ. Điều đó có nghĩa là họ đã sớm có những điều kiện để tập hợp cuộc sống có tổ chức, thuận tiện cho sự phát triển văn hoá và văn minh. Từ đó hình thành khái niệm kẻ chợ.

Trong truyền thuyết Mường, Dạ Kịt, hay nàng Kịt, là một trong những con người đầu tiên của nhân loại nở ra từ một trong những quả trứng do chim Ấy Cái Úa đẻ ra. Dạ Kịt lấy lang cun Cản, cũng từ trứng nở ra, (lang cun là người đứng đầu một mường hay một thị tộc), đẻ ra Dịt Dàng, tức Vua Việt, theo cách nói của người Mường, lập nên kẻ chợ. Dân tộc Việt đã sớm hình thành cuộc sống kẻ chợ ở vùng đồng bằng ngay từ thời sơ khai đó.

***Dịt Dàng đưa dân mường trở lại
Đưa dân mường trái chân trở về
Về đất đồng kỳ kẻ chợ lữ lượt
Về đất đồng kỳ kẻ chợ đông đông.***

(Đẻ Đất Đẻ Nước)

Lịch sử của chúng ta cũng nói rằng các vua Hùng lập nước Văn Lang trên một địa bàn gồm vùng trung du và đồng bằng rộng lớn, và đóng đô ở Phong Châu.

Kẻ chợ - về sau trở thành Kẻ Chợ, để chỉ kinh đô Thăng Long thời ban sơ - có lẽ thoát đầu, kẻ chợ, mới chỉ là một khái niệm chỉ trạng thái quần cư có tổ chức của một cộng đồng người ở miền xuôi. Trong đó, từ cổ kẻ có nghĩa là làng.

***Hôm qua anh đến chơi nhà
Thấy mẹ nằm võng thấy cha nằm giường
Thấy em nằm đất anh thương
Chạy ra kẻ chợ đóng giường tám thang***

(Ca dao)

Ý nghĩa nguyên thủy của chợ còn được thấy thể hiện trong một câu thơ trong bài Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan:

***Lom khom dưới núi tiều vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.***

Từ chợ trong câu thơ nên được hiểu là xóm làng. Không thể chỉ có lác đác mấy quán chợ buôn bán mà không có dân cư.(3) Khái niệm chợ = vùng cư trú, hoặc chợ (thị) gắn liền với đơn vị dân cư là rất tự nhiên và phổ biến trong ngôn ngữ Việt Nam: phố thị, thành thị, cảng thị, đô thị, thị xã, thị trấn, vv...

Nhiều chợ như thế hiện nay vẫn còn tồn tại mà không nhất thiết là địa điểm buôn bán. Trái lại chúng vẫn là những đơn vị dân cư (dĩ nhiên là có các địa điểm buôn bán) - những hình thái phát triển của xã hội có tổ chức, trong đó, mọi sinh hoạt giao tiếp đều thể hiện tính văn hóa cộng đồng ở một chừng mực nhất định. Chợ Bến nguyên là một mỏ vàng sa khoáng ở xã Long Sơn, huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình. Chợ Bờ vốn là tỉnh lỵ tỉnh Hòa Bình (Có thời là tỉnh lỵ của tỉnh Chợ Bờ (4)). Khu du kích Chợ Cháy thuộc huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây rất nổi tiếng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Chợ Điền là một mỏ kẽm ở huyện Chợ Đồn (trước kia là Châu Chợ Đồn, lập năm 1916), tỉnh Bắc Cạn. Chợ Lách là tên một huyện của tỉnh Bến Tre. Huyện Chợ Mới hiện nay thuộc tỉnh An Giang. Huyện Ba Bể của tỉnh Bắc Cạn ngày nay, trước năm 1996 là huyện Chợ Rã thuộc tỉnh Bắc Thái (trước đó là của tỉnh Cao Bằng). Chợ Giầu (5) là tên nôm của làng Phù Lưu, huyện Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh. Những Chợ Chu, Chợ Mới ở Thái Nguyên là tên các đơn vị hành chính. Chợ Lầu là một thị trấn của huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận (không có cái chợ nào có lầu cả). Tại Tp Hồ Chí Minh có ít nhất là ba tên chợ đã biến thành tên khu vực dân cư. Đó là Chợ Lớn, Chợ Rẫy và Chợ Quán.

Cho đến nay, khi mà chợ đã được thu hẹp ý nghĩa, cụ thể hoá thành một địa điểm mua bán đổi chác hàng hoá, cái nghĩa cổ rất thâm mật của chợ vẫn còn ăn sâu trong tiềm thức của người Việt. Trong một đoạn thơ sau đây của nhà thơ Huy Cận, từ chợ bộc lộ rõ nghĩa xã hội, xóm làng:

*Chú tôi người thấp, béo tròn vai
Học đủ xem thư, thực giỏi cày
Ít nói, khi vui ưa hóm hỉnh
Trong làng ngoài chợ bậc tài trai.*

(Huy Cận - Chú Tôi)

Từ chợ của cô gái trong câu ca dao quen thuộc này cũng mang một nghĩa như thế:

*Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.*

"Ông sầm chợ" trong một bài thơ khác của Huy Cận, chẳng nói gì về chợ cả, mà chỉ cho thấy hình ảnh một góc nhỏ cuộc đời:

*Cuối phố gốc cây chiều chủ nhật
Là ông sầm chợ với hai con
"Kinh đô thất thủ" về quen thuộc
Lớn nhỏ ngồi nghe nặng trĩu hồn.*

(Huy Cận - Phố Đông Ba Của Tôi Ngày Bé)

Nếu Nguyễn Công Trứ có câu ca trù: Thị tại môn tiền nào (chợ ở trước nhà thì ồn ào - Chũ nào [鬧] có nghĩa ồn ào nào nhiệt được viết với chữ thị [市 - chợ] ở trong chữ môn [門 - cửa]), là ông chỉ đề cập mặt ngoài, hình thức tiêu cực của chợ. Trong tinh thần văn hoá Việt Nam, nội dung của chợ có vai trò tích cực nhiều lắm. Đó là hình ảnh sinh động của cuộc sống, môi trường thuận lợi giúp đào luyện bản lĩnh và nhân cách con người. Chẳng thế mà ông cha ta xưa đã phát biểu một kinh nghiệm như quy luật: Trai khôn tìm vợ chợ đông! Thời xưa, khi các phương tiện thông tin đại chúng chưa phát triển, chợ (= xã hội, xóm làng / nơi buôn bán) là nơi vừa có thể cung cấp nhiều

thông tin cần thiết trong cuộc sống, vừa là nơi chọn lọc, hoàn thiện và biểu hiện năng lực và tính cách mỗi người qua giao tiếp. Ý thức như thế thì mới hiểu được hết câu "định lý" của nhân gian:

*Thứ nhất là tu tại gia
Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.*

Và mới thấu nhận được ý nghĩa của kinh nghiệm này:

*Chưa đi đến chợ thì ngây
Đã đi đến chợ thì hay mọi điều.*

(ca dao)

"Hay" vừa có nghĩa là tinh thông lại vừa có nghĩa là giỏi giang nữa. Thế thì không phải là điều gì khó hiểu khi một dân tộc "dĩ nông vi bản" (6) như dân tộc Việt Nam lại mang trong tâm thức một định hướng tưởng như nặng tính trọng thương: nhất cận thị nhị cận giang. Cận thị bày tỏ khuynh hướng hướng đến những đơn vị xã hội có tổ chức (cũng là có tính văn hóa văn minh cao như thành thị, phố thị...) chứ không nhất thiết có nghĩa là gần địa điểm buôn bán. Buôn bán dường như vốn không phải là sở trường của người Việt, một dân tộc sống nặng về tình cảm.(7)

Tuy vậy, buôn bán trao đổi vật chất là sinh hoạt tự nhiên của mỗi cộng đồng người, và hầu như là một thuộc tính của thành thị: có thành thì có thị. Còn thành thì còn thị. Thành và thị, đô và thị, xã và thị... là một thể thống nhất. Có lúc thị phát triển thành thành một cách tự nhiên, như trường hợp những địa danh mang từ chợ đã đề cập trên. "Có dân thì có chợ," một lời dụ trong điều lệ mở chợ thời Hồng Đức, thời mà tinh thần trọng nông khinh thương được thể hiện rất cao với sự quản lý chặt chẽ của triều đình, coi việc buôn bán là làm điều bất hảo,(8) càng nói lên đặc tính căn bản đó của quá trình phát triển xã hội, không thể phủ nhận được.

Tuy nhiên, do tính thống nhất của hai hai yếu tố cư dân tập trung có tổ chức (đô, thành, xã) và giao tiếp kinh tế xã hội (thị), nếu một trong hai yếu tố này ngưng phát triển hay thoái hóa thì yếu tố còn lại cũng ngưng đọng, hoặc thoái hóa theo. Khi các kinh đô Cổ Loa, Hoa Lư, Tây Đô, Lam Kinh không còn giữ vai trò lãnh đạo trong hệ thống tổ chức hành chính quốc gia, phần thị theo đó cũng mất các điều kiện thuận lợi, tự co hẹp lại ở mức độ tương ứng. Cũng như thế, khi yếu tố thị không còn, thì thành, đô, xã, trấn cũng ngưng phát triển, hoặc thậm chí thoái hóa dần phù hợp với thực trạng của thị. Và đó cũng là tình trạng của những đô thị cổ như Phố Hiến, Thanh Hà, Hội An... Vốn là một dân tộc nông nghiệp hướng đến cơ cấu xã hội có tổ chức, chứ không hề có ý hướng thoát ly khỏi căn bản nông nghiệp để xây dựng một cấu trúc xã hội duy lý như ở phương tây (9) - hoặc chưa dễ thực hiện được điều đó - cho nên yếu tố thành trong các đô thị, thành thị, thị xã của ta vẫn cứ đậm đà tính nông nghiệp. Nhất là khi yếu tố thị giảm cường lực, thì thành bộc lộ rõ bản chất nông nghiệp truyền thống. Có lẽ đây là đặc tính riêng biệt cho thấy các đô thị, thành thị... của Việt Nam hiện nay chưa có nhiều tính chất như những đô thị, thành thị ở các nước Tây phương.

Có một thời chưa xa lắm, người ta muốn dùng ý chí điều chỉnh lại dòng chảy tự nhiên của xã hội, làm giảm sút sự hoà hợp bện xoắn của hai yếu tố phát triển thành và thị. Chợ búa và các hoạt động thương nghiệp tư nhân không được hoan nghênh. Các hoạt động phân phối trao đổi hàng hóa sản vật trong nước đều bị hạn chế và được đặt dưới sự quản lý tập trung của nhà nước. Các nhà chợ biến thành Trung Tâm Thương Nghiệp, hoặc Hợp Tác Xã Mua Bán do một nhóm người có đặc quyền điều hành. Hoạt động mua bán của tư thương bị xem như một biểu hiện thoái hóa nhân cách, một tội lỗi đáng xấu hổ, như quan niệm dưới thời nhà Hậu Lê từ năm trăm năm trước. Bên trong và bên ngoài mỗi chiếc xe đò chở khách thời ấy đều mang những dòng chữ "Xe tôi không chở con buôn", như thể con buôn là một thứ dịch nguy hiểm làm băng hoại xã hội. Người ta gọi đó là thời "cấm chợ ngăn sông". Cấm chợ, nhưng không thể triệt tiêu được các nhu cầu và hoạt động buôn bán đổi chác của người dân. Nó vẫn tiếp tục tồn tại "chui" dưới muôn ngàn hình thức phong phú bên cạnh dòng "thương nghiệp chính thống" ban phát ân huệ quan liêu và kém hiệu quả. Sinh hoạt

xã hội lập tức trầm xuống, chững lại. Quy luật "đồng tiến, đồng thoái" của cơ cấu thành + thị phát huy ngay tác động, mà có người cho là "một cuộc 'nông thôn hoá đô thị' triệt để." (10) "Trong thành phố Việt Nam, hễ có mảnh đất nào trống là người ta cuốc lên để trồng rau. Trên các tầng lầu, nhiều gia đình thu hẹp khu vệ sinh, bếp núc lại để nuôi gà, nuôi lợn." (11) Vào những năm cuối 70 - 80, "lầm phố chiều chiều giống như một ngõ xóm, người người tắm giặt, rửa rau, vo gạo, làm thịt, làm cá bên cạnh cái bể nước ngay trên hè đường. Trẻ con thả diều và đánh khăng... Buổi trưa vang lên tiếng rao của anh chàng hoạn lợn. Nửa đêm chó sủa ông ông." (12) Vậy mà không lâu sau "đổi mới", các mặt kinh tế, nhất là thương mại đã phát triển trở lại (thực ra có lẽ là quay lại nếp sinh hoạt kinh tế cũ), bộ mặt các thành phố, đô thị, thành thị, thị trấn, thị xã... đã trở lại sinh động hẳn lên.

Khi nói đến chợ, người Việt mặc nhận những sinh hoạt trao đổi có tính phân công, thúc đẩy phát triển và điều hoà sản xuất hết sức thiết thân của chúng trong xã hội, mà không hề bị phiền hà, áy ngại vì tính tiêu cực có thể có, hoặc nghi ngờ tính đạo đức hay tính "phi sản xuất và ăn bám xã hội" của giới thương nghiệp. Chính vì vậy, dù chịu ảnh hưởng tư tưởng trọng nông khinh thương nặng nề của nho giáo, các nhà nho ta ngày trước không thấy có gì trái khoáy khi đề cập đến đời sống sinh hoạt kẻ chợ một cách tự nhiên và gần gũi (13).

*Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đông
Năm nay chợ họp có đông không?*

...

*Hàng quán người về nghe xáo xác
Nợ nần năm hết hỏi lung tung...*

(Nguyễn Khuyến)

*Họp chợ xuân nhiều khách vãng lai
Đạo điểm nguyệt phải khi kinh quá.*

...

*Sang chợ Vịnh, rắp than cùng dì Út,
đường đông ắp ắp thấy mà kinh khản nhiều quần điều.*

(Nguyễn Du, Văn Tế Sống Hai Cô Gái Trường Lưu)

*Thần thờ gói chiếc màn sông,
Rối lòng như sợi ai giường cho xong
Phiên nào chợ Vịnh ra trông
Mông ba chẳng thấy lại hồng mười ba.*

(Nguyễn Du, Thác Lờ Trai Phường Nón)

Cụ Tam Nguyên thấy chợ là phần thiết yếu trong cuộc sống. Ở xa chợ là điều bất tiện, có lúc gây khó khăn bối rối:

*Đã bấy lâu nay bác đến nhà
Trẻ thì đi vắng chợ thì xa...*

Có trường hợp vì xa chợ mà nảy sinh một tâm gương hiếu tử (tuy rằng hơi quá đáng)

*Tới đây lỡ chợ lỡ đồ
Xẻo cẳng tay nuôi mẹ, tưởng thịt bò mẹ xơi.*

Nhà thơ Huy Cận còn đem cả câu hát kẻ chợ vào thơ nữa kia:

**Anh tặng em cả những ưu phiền
Trong câu hát cũ nghe bên Chợ Cầu.**

(Huy Cận - Tặng Em Buổi Sáng Hôm Nay)

Người Việt ở nước ngoài, nhất là ở các nước phát triển, có thể thỏa mãn những nhu cầu mua sắm tại các siêu thị hiện đại, ở đó hàng hóa thừa mứa, sự phục vụ lịch sự và chu đáo. Trừ những người sinh ra và lớn lên tại chỗ, đã hoàn toàn hoà nhập vào văn hoá và phong cách sống trong các xã hội đó, những người mới gia nhập có thể vẫn cảm thấy thiếu vắng một thứ gì trong các siêu thị lộng lẫy trù phú nhưng xa lạ kia. Những cái "siêu chợ" siêu sạch, siêu ngăn nắp, đầy ắp hàng hoá mà dường như vẫn thấy thiếu. Thực ra họ cảm thấy trong hồn mình thiếu chợ. Hoặc những cái chợ cao cấp sang trọng kia thiếu cái hồn chợ Việt thân quen. Thế là ở những nơi mà cộng đồng người Việt đủ đông, những cái chợ riêng của người Việt được hình thành. Từ khu "Little Saigon", "giang sơn riêng" của người Việt ở bang Caliphornia (Hoa Kỳ), đến những khu bán-chợ-trời ở các nước Đông Âu bày bán quần áo may sẵn, giày dép đủ oai, nước hoa, thuốc lá, hàng điện tử, (14)... hay những trung tâm thương nghiệp bẽ thế ở Moscow (15). Một phần là do nhu cầu sinh sống. Phần khác, người ta cần được gặp gỡ giao tiếp với người đồng bào, được nói được nghe tiếng nói quê hương, được thoát khỏi gian nhà hoặc căn hộ khép kín, tách biệt, để nhập lại với khung cảnh thân mật trong cộng đồng ruột thịt.

Trong bài viết "Chợ Việt Nam ở Sofia", trên tuần báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật, (số 25/98, tr. 9.) tác giả Nguyễn Lê Bách thuật lại cảm tưởng của mình nhân đi thăm chợ của người Việt ở thủ đô nước Bungary: "Tôi đã có dịp lang thang trong chợ 1, chợ 2, và chợ 3 ở Sofia, thăm một số quầy hàng của bà con mình kinh doanh ở đó. Nếu không có các khách hàng và một số quầy hàng đan xen của người Á rập, người Bun, người Thổ Nhĩ Kỳ... thì tôi hoàn toàn có cảm giác mình đang đi dạo trong chợ Bến Thành ở Tp. HCM, hoặc chợ Hàng Da ở Hà Nội. Cũng đủ các ngữ điệu của tiếng Việt mình từ các miền quê trong nước, cũng đủ các sắc màu quần áo giày dép "made in Vietnam". Cũng một dãy quán gồm đủ cả phở, bún chả, nem rán, cơm bụi... vắng vắng đâu đó tiếng hát karaoke của bà con mình".

Nhịp sống cấp bách cộng với những thay đổi trong lối sống hiện đại khiến hầu hết người Việt ngày nay quên mất thói quen đi chơi chợ mà ông cha ta xưa đã từng coi là một cái thú.

**Mong một chơi cửa chơi nhà
Mong hai chơi điểm mong ba chơi đình.
Mong bốn chơi chợ Qua Ninh
Mong năm chơi Trình, mong sáu Non Côi.
Nghỉ ngày mong bảy mà thôi
Bước sang mong tám đi chơi chợ Viềng.**

(ca dao)

Trước kia, chợ không chỉ là chỗ buôn bán. Nó còn là chỗ để dạo chơi, và gặp gỡ bạn bè hay người quen. Nhu cầu gặp gỡ giao tiếp ở chợ như thế còn thấy rất phổ biến nơi các dân tộc ít người ở Việt Nam hiện nay. Dù cuộc sống còn giản dị, ít nhu cầu, người dân tộc vùng cao vẫn rất cần có chợ. Ở các chợ phiên vùng cao, chuyện mua bán là không quan trọng mấy. Chẳng qua một vài sự đổi chác đơn giản. Người ta đến chợ là để dạo chơi, như đi dự lễ hội. Vì vậy già trẻ trai gái đi chợ đều ăn mặc đẹp. Nhiều người mang theo cả nhạc cụ - thường là những chiếc khèn - vừa tấu nhạc vừa đi suốt trên đường đến chợ. Người ta sung sướng đến chợ để gặp gỡ bạn bè, để trò chuyện. Đàn ông thì thù tạc chén chú chén anh cho đến say khướt rồi về (16).

Còn đối với thanh niên nam nữ, chợ thực sự là nơi nắm giữ phần quyết định vận mệnh tình duyên của đời họ. Đó là nơi và dịp trai gái gặp nhau, tìm hiểu, hẹn hò và gắn bó. Từ đó có một loại chợ của người các dân tộc vùng cao họp đều đặn hàng tuần mà không ai bán buôn gì: chợ tình. Một lần

nữa, chợ minh chứng nghĩa giao tiếp xã hội của nó. Chính vì ý nghĩa này mà hai tiếng chợ tình không hề bị hiểu sai một cách thông tục hay bị ô nhiễm. Mặc những xáo trộn xô bồ của cuộc sống, và mặc những soi mói phạm tục của của đám du khách đến từ những nền văn hóa khác, các phiên chợ tình cứ vẫn ngọt ngào và trong veo trong lòng những người trẻ tuổi miền cao đi đến chợ.

Chợ Việt Nam Xưa và Nay

Chợ - theo nghĩa hiện đại, là địa điểm tập trung dịch vụ mua bán đổi chác hàng hoá thanh toán bằng tiền- tại Việt Nam đã có từ bao giờ?

Truyện thơ Mường "Đẻ Đất Đẻ Nước" kể, sau một "trận hồng thủy",

*Vua Dịt Dàng
Bảo muông gấu ở lại một phía
Muông hùm ở lại một bên
Đức vua Dịt Dàng ở giữa
Một nửa để mở chợ làm hàng.(17)*

Thực ra, chợ theo nghĩa hiện đại đã không thể xuất hiện vào thời lập quốc sơ khai. Bấy giờ xã hội chưa phát triển, nhu cầu trao đổi hàng hoá qua trung gian tiền tệ chưa có. Chỉ có thể đã tồn tại rất lâu một hệ thống đổi chác vật dụng trực tiếp (a barter system) giữa người thừa và kẻ thiếu. Sử liệu trực tiếp về chợ thì mãi đến thời nhà Lý mới thấy ghi nhận lần đầu tiên, và rất đại lược: Vào năm 1035, vua Lý Thái Tông cho "mở chợ Tây Nhai có hành lang dài." (18) Phải đến thế kỷ XVI mới lại thấy có một tư liệu viết hiếm hoi liên quan đến chợ. Đó là một bài văn bia do một vị tiền sĩ họ Đặng viết và được khắc trên "Nguyễn Kiều thị bi" (bia chợ Nguyễn Kiều), ghi việc xây dựng lại chợ Nguyễn Kiều ở xã Phúc Hải huyện Ngự Thiện (tỉnh Thái Bình) vào năm Tân Mão, niên hiệu Đại Chính 2 (1531) đời vua Thái Tông nhà Mạc, tức Mạc Đăng Doanh (1530 - 1540).(19)

Tuy nhiên, theo nghiên cứu của các nhà sử học Việt Nam, chợ đã xuất hiện trong nền kinh tế hàng hoá Việt Nam rất sớm, ít ra cũng từ những thế kỷ đầu công nguyên. Nhiều mảnh đồng tiền cổ Trung quốc niên hiệu Cảnh Nguyên đời Hán (263 - 265), và niên hiệu Khai Nguyên đời Đường (722 - 766), được phát hiện tại cố đô Hoa Lư cho thấy sự trao đổi hàng hoá qua hình thức buôn bán có lẽ đã thịnh hành ở đây từ rất lâu trước thế kỷ X, nghĩa là trước khi Ngô Quyền giành lại độc lập về vang cho nước ta, chấm dứt một ngàn năm mười năm nô lệ.

Đẹp xong 12 sứ quân, thống nhất đất nước, Đinh Tiên Hoàng Đế đã cho đúc tiền "Thái Bình Thông Bảo", loại tiền đầu tiên của ta. Điều này càng khẳng định sự hiện hữu của chợ búa vào thời đó. "Xung quanh Hoa Lư còn có nhiều chợ như Chợ Diêm, Chợ Rịa, Chợ Nu, Chợ Nội Lâm. Tương truyền trong vùng kể rằng những chợ đó một số có từ đời Đinh, một số có thể có từ trước". (20)

Sau khi vua Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long (Hà Nội ngày nay), Hoa Lư mất yếu tố phát triển của (kinh) thành, sinh hoạt ở các chợ cổ đó đã dần dần sa sút, và trở thành những chợ nhỏ địa phương.

Từ đời Lý nền kinh tế nước ta đã khá phồn thịnh. Nhiều ngành sản xuất thủ công nghiệp khá phát triển như nghề gốm, nghề dệt, nghề làm giấy, làm muối. Sản vật trong nước dồi dào. Nhu cầu mua bán đổi chác của nhân dân cũng tăng lên. Kinh đô Thăng Long đã giữ vai trò một trung tâm kinh tế quan trọng bậc nhất trong nước, với các chợ lần lượt xuất hiện ở cả ba mặt Đông, Tây và Nam của kinh thành.(21)

Nhưng phải đến đời Trần, sinh hoạt của chợ búa mới được đề cập thêm vài nét nữa trong các tư liệu viết. Và đến khoảng nửa sau thế kỷ XIX, tên chợ lớn nhỏ trong nước mới được liệt kê khá rành mạch trong bộ sách địa lý chính thức của triều Nguyễn, bộ Đại Nam Nhất Thống Chí.

Hình thức chợ búa ở nước ta vào thế kỷ XIII được Trần Cương Trung ghi lại bằng vài nét đại lược trong quyển "An Nam Túc Sự", một loại "hồi ký chiến tranh". Trần Cương Trung, tức Trần Phu, một viên quan trong đội quân Nguyên Mông sang xâm lược nước ta vào đời Trần. Sau khi bị quân dân Đại Việt đánh cho tơi tả, đội quân hung hãn nhất của mọi thời đại đó đành tháo chạy thoát thân về nước. Trần Phu sống sót trong đám bại quân. Trong "An Nam Túc Sự", Trần Phu kể lại những

điều y tai nghe mắt thấy ở Đại Việt trong đó có tình hình chợ búa của nước ta lúc bấy giờ: Trong nước cứ 5 dặm thì dựng một cái nhà 4 mặt đều đặt chõng làm nơi họp chợ. Mỗi hai tháng chợ họp một lần. Trăm thứ hàng hoá đều tụ họp lại đây.

Đặc biệt, từ thế kỷ XIII (hoặc có thể từ trước nữa), tại Việt Nam đã tồn tại một hình thức "chợ quốc tế" nổi trên mặt biển như các chợ nổi ở miền Tây ngày nay.

Trong "An Nam Túc Sự", Trần Cương Trung viết về chợ nổi ở Đại Việt như sau: "Phủ Tĩnh Hoa (Thanh Hóa) cách thành Giao Châu hơn 200 dặm, các phiên thuyền ở hải ngoại tụ tập ở đây, họp chợ ngay trên thuyền rất đông... Thật là một thị trấn lớn." (22)

Do nền ngoại thương phát triển, trong nước hình thành nhiều cảng thị, phố thị buôn bán phồn thịnh. Cảng Vân Đồn được vua Lý Anh Tông thiết lập năm 1149,(23) là một cảng thị quan trọng. Dần dần về sau xuất hiện thêm các trung tâm ngoại thương nổi tiếng khác: Phố Hiến, Thanh Hà và Hội An.

Phố Hiến, khu chợ quốc tế sầm uất cạnh tỉnh lỵ tỉnh Hưng Yên, một thời từng được xưng tụng "Nhất kinh kỳ, nhì Phố Hiến". Những người nước ngoài đến buôn bán ở Phố Hiến gồm người Hoa, người Nhật, người Xiêm (Thái Lan), và đến thế kỷ thứ XVII có cả người Âu châu từ Hoà Lan, Bồ Đào Nha, Anh và Pháp.

Thanh Hà ở Thuận Hóa (Huế), nằm phía đông huyện Hương Trà là một cảng thị phồn thịnh vào thế kỷ XVI, XVII. Tuy nhiên, về sau do các trục giao thông tiếp cận với khu vực Huế ngày càng bộc lộ nhiều nhược điểm (24) nên từ khoảng đầu thế kỷ XVIII, Thanh Hà suy tàn dần, để sau đó chỉ còn được nhắc lại có vài dòng đơn sơ trong Đại Nam Nhất Thống Chí "xưa là nơi đô hội có tiếng". Dù sao, sự suy tàn của cảng thị Thanh Hà đã đưa đến sự ra đời của một chợ khác cũng lớn nhất ở cố đô Huế. Đó là chợ Đông Ba. Tương truyền tên chợ trước kia là Đông Hoa vì chợ tọa lạc trên phố Đông Hoa, gần cửa Đông Hoa. Do một sự kỵ húy gì đó trong hoàng gia mà Đông Hoa được đổi thành Đông Ba.(25) Về sau chợ dời ra bờ sông gần cầu Gia Hội và vẫn giữ tên Đông Ba đó. Ngày nay tên chợ Đông Ba hầu như được cả nước biết đến, có lẽ do tên Đông Ba đã đi vào thi ca và các điệu hò để thương xứ Huế.

*Thuyền từ Đông Ba thuyền qua Đập Đá, thuyền về Vĩ Dạ, thẳng ngả ba Sinh
Lờ đờ bóng ngả chênh vênh, giọng hò xa vọng nhẩn tình nước non.
Bến chợ Đông Ba tiếng gà eo óc
Bến chùa Thọ Lộc tiếng trống sang canh
Giữa sông Hương rợn sóng khuynh thành
Đêm khuya một chiếc thuyền mảnh giữa nghiêng.*

Hội An hiện nay trở thành một trong những di sản văn hóa của Việt Nam và thế giới, một trung tâm du lịch đặc sắc, và không còn vai trò một thương cảng trong nền nội ngoại thương của đất nước. Tuy nhiên, chợ Hội An xưa từng trải qua một thời phát triển vô cùng rực rỡ, còn được thấy ghi lại trong mục Chợ và Quán tỉnh Quảng Nam trong sách Đại Nam Nhất Thống Chí của Quốc Sử Quán triều Nguyễn:

"Chợ Hội An: ở xã Hội An về phía đông huyện Diên Phước tục gọi phố Hội An, phía nam liền sông cái, trên bờ hai bên phố ngói liền tiếp chừng hai dặm, bến sông thuyền ghe tấp nập đi lại như mắc cửi; có nhiều khách buôn người Thanh trú ngụ, có 4 bang là Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu và Hải Nam, buôn bán hàng hoá phương Bắc, có đình chợ và hội quán, buôn bán tấp nập, là nơi đô hội lớn xưa nay. Lại ở phía nam sông là đầm Trà Nhiêu, chỗ thuyền buôn các nước dừng đậu." (26)

Nên biết rằng Hội An không những từng là một trung tâm ngoại thương quan trọng của cả xứ Đàng Trong mà còn được giới doanh nhân quốc tế thời bấy giờ coi như một trung tâm thương mại của cả vùng Đông Nam Á.

Trong Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn dẫn lời một khách buôn họ Trần người Quảng Đông (Trung Quốc) nói về sự phồn thịnh của Hội An như sau: "Thuyền từ Sơn Nam về thì chỉ mua được một thứ củ nâu, thuyền từ Thuận Hóa về cũng chỉ có một thứ hồ tiêu; còn từ Quảng Nam (tức Hội An) về thì các hàng không món gì không có, các nước phiên không (bị) kịp được. Phàm hóa vật

sản xuất ở các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Bình Khang và dinh Nha Trang, đường thủy, đường bộ, đi thuyền, đi ngựa, đều hội tập ở phố Hội An, vì thế người khách phương Bắc đều tụ tập ở đây để mua về nước. Trước đây hàng hoá nhiều lắm, dù trăm chiếc tàu to chở cùng một lúc cũng không hết được."(27)

Thế nhưng, vào thế kỷ XIX, do chính sách bế quan tỏa cảng của triều Nguyễn, nền kinh tế nước ta lâm cảnh sa sút. "Sự buôn bán với ngoại quốc rất ít đã đành, mà ở trong nước thì xứ này qua xứ khác đường giao thông không tiện, cho nên sự buôn bán thường hạn trong phạm vi địa phương (...) Giá trị của những cuộc giao hoán ấy chẳng là bao nhiêu."(28)

Trong Nam, từ trước năm 1698 (là năm Chương dinh Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh lập dinh Phiên Trấn ở Gia Định), khu vực Sài-Gòn đã có đông cư dân, việc buôn bán trao đổi hàng hoá trong nhân dân ắt hẳn đã thành nề nếp, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển trong tinh thần tự chủ của chợ búa sau này, trong thời kỳ Pháp chiếm đóng. "Du khách phương Tây đến Sài-Gòn vào những thế kỷ trước ngạc nhiên về cách tổ chức ngăn nắp, trật tự của các chợ ở thành phố Sài-Gòn. Hàng hóa phương Tây không bày bán trên các quây (...). Du khách phương Tây cho rằng chỉ riêng phố chợ Sài-Gòn (gồm cả Chợ Lớn) đã bằng kinh đô Băng Cốc của Xiêm (Thái Lan)"(29). Thành phố Sài Gòn có thời nổi tiếng "Hòn Ngọc Viễn Đông" là không lạ.

Theo nhận xét của những lái buôn nước ngoài đến giao thương với Việt Nam, từ khoảng giữa thế kỷ XVII, các khu chợ ở Thăng Long đã phát triển đến mức có thể so sánh ngang ngửa với nhiều đô thị ở châu Á!(30)

Không biết từ thời nào đã xuất hiện quan niệm "buôn có bạn bán có phường" dẫn đến việc hình thành tại kinh đô Thăng Long những phố chợ chuyên kinh doanh một loại mặt hàng, tạo nên nét độc đáo riêng biệt của "Hà Nội 36 phố phường" làm sững sốt cả những du khách tây phương đến từ những quốc gia có nền kinh tế thương mại phát triển. Năm 1884, một du khách châu Âu đến Thăng Long đã ghi nhận một cách thú vị: "Mỗi loại hàng hoá đều có một phố riêng. Ở phố Bát Sứ, tất cả đều xanh. Tiếp đến phố Bát Đàn, tất cả đều đỏ. Rồi đến phố Hàng Đồng lấp lánh ánh kim vàng chói. Phố Hàng Thêu và phố Hàng Tranh màu sắc tươi vui sặc sỡ". Năm 1889, một người khác nhận xét: "Tôi đã trông thấy nhiều phố. Điều đặc biệt là những phố này do những nhà công nghệ hoạt động trong cùng một nghề cư trú... Điều đó thoát nhìn hình như có vẻ vô lý về phương diện thương mại. Cứ như vậy, trên một quãng dài độ chừng 100 - 200 mét không có gì khác ngoài các cửa hàng đồ khảm. Xa hơn không có gì khác ngoài các cửa hàng mây đan. Xa hơn nữa không có gì khác ngoài cửa hàng bán gạo..." (31)

Khuynh hướng chuyên doanh đó hiện nay cũng được thấy khá phổ biến tại TP HCM. Trên một đoạn đường dài người ta chỉ cùng bán một mặt hàng, hoặc một chủng loại hàng. Ngoài ra còn có các chợ chuyên doanh:

- Chợ Kim Biên, Phường 13 quận 6, chợ xưa nhất thành phố, buôn bán 4 mặt hàng chính: Bách hóa mỹ phẩm, dụng cụ gia đình, bột màu thực phẩm, hoá chất, dụng cụ cầm tay.
- Chợ Bình Tây chuyên hàng tiểu thủ công nghiệp nội địa.
- Chợ Bến Thành: quần áo may sẵn, giày dép, bánh mứt.
- Chợ Cầu Muối, chợ Cầu Ông Lãnh, chợ Hòa Bình: đầu mối cá biển, rau quả.
- Chợ Soái Kình Lâm: chuyên vải sợi.
- Chợ Tôn Thất Đạm: chuyên đồ hộp, bánh kẹo.
- Chợ Nhựt Tảo: chuyên linh kiện điện tử.
- Chợ Tân Thành: chuyên phụ tùng xe các loại.
- Chợ Trần Chánh Chiêu: chuyên nông sản thực phẩm.
- Chợ Hà Tôn Quyền: chuyên sắt thép, phế liệu.
- Chợ Đại Quang Minh: chuyên phụ liệu ngành may (33).
- Chợ hoa tươi ở đường Hồ Thị Kỷ, Phường 1 Quận 10.

Và một chợ hoa tươi khác ở thành phố Hồ Chí Minh mới mở gần đây là Chợ Đêm Hoa tươi Đà Lạt ở Đầm Sen, hoạt động từ 10 giờ đêm đến 3 giờ sáng.

Ở Cần Thơ cũng có một loại "chợ chuyên" đặc biệt. Đó là Chợ rùa rắn Phụng Hiệp, ở huyện Phụng Hiệp, bán đủ thứ chim chóc, rùa rắn, chồn chuột...

Chợ Bò ở Ba Đồn (Quảng Bình), đúng như tên gọi, là một "chợ chuyên" khác dành cho nông dân các vùng chung quanh bán và mua bò dùng trong việc cày, kéo hoặc giết thịt. Chợ họp ba lần mỗi tháng vào các ngày 6, 16, 26 âm lịch.

Ở Huế có khu quán ăn mang tên "Cơm Âm phủ", nhưng không thành chợ. Trái lại Chợ Âm Phủ ở thành phố Đà Lạt họp từ 5 giờ chiều đến 7 giờ sáng hôm sau ven hồ Hồ Xuân Hương phục vụ thực khách - du khách dạo phố ban đêm. Một chợ Âm phủ khác nữa họp từ khoảng nửa đêm về sáng, quanh khu vực bến Ninh Kiều thành phố Cần Thơ là một chợ chuyên hàng bông, bán sỉ các loại rau quả.

Một chợ khác cũng sinh hoạt vào giờ đó hằng đêm là chợ bán chiếu ở xã Định Yên, huyện Lập Vò tỉnh Đồng Tháp, thường gọi tắt là chợ chiếu Định Yên. Cũng có người gọi là Chợ Ma. Ban ngày nhân dân trong xã dệt chiếu. Cứ đến sau nửa đêm, người ta đem sản phẩm của mình ra khoảng đất trống trước một ngôi chùa trên bờ một con kênh, tụ họp ở đó để bán. Mỗi người bán chiếu cầm một ngọn đèn dầu leo lét như đèn ma. Và tất cả người trong chợ đều đứng mà mua bán với nhau. Chẳng ai ngồi cả!

Ngoài ra còn có những khu chợ chuyên độc đáo do tính chất hoạt động của chúng. Đó là các chợ Hoa ngày Tết, và, từ vài mươi năm nay, chợ Báo Xuân mỗi năm chỉ đông đảo nhộn nhịp có một lần vào dịp Tết.

Có lẽ có thể kể thêm một loại "chợ chuyên" bất thường trong những thập niên 1980 - 90, mà thực ra là một "hệ quả" nảy sinh từ những biến động nhất thời trong quản lý kinh tế, đó là "chợ tiền". Hoạt động chủ yếu của loại chợ này là mua bán hoặc đổi chác ngoại tệ. Thông thường chợ tiền không có điểm họp công khai và nhất định. Dường như đây là loại chợ duy nhất thường bị coi là hoạt động bất hợp pháp, và chỉ xuất hiện tại các đô thị có nhiều hoạt động xuất nhập khẩu lớn, như ở thành phố HCM hoặc Hà Nội.(34)

Từ xưa các khu chợ nói chung thường hình thành dần dà một cách tự phát theo nhu cầu mua bán đổi chác tự nhiên của một vùng dân cư. Sự thay đổi địa điểm hoặc cách tổ chức quản lý do chính quyền địa phương hoặc trung ương, nếu có, là xảy ra về sau. Tuy nhiên sử sách cũng đề cập một số chợ ngay từ ban đầu do một cá nhân tạo lập. Sách Đại Nam Nhất Thống Chí ghi nhận Chợ Hội Xuyên ở huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương tương truyền do Đoàn Nhữ Hài, quan Ngự Sử Trung Tán đời Trần Anh Tông lập. Có thuyết lại nói chợ do phò mã đô úy triều Trần là Nguyễn Chế Nghĩa lập.

Một chợ khác, có tính hội xuân mỗi năm chỉ họp một lần. Đó là chợ Tết Gia Lạc ở làng Nam Phổ cách trung tâm thành phố Huế chừng 7 cây số về phía Vỹ Dạ. Chợ họp từ chiều 29 đến hết ngày mùng 2 Tết. Chợ do Nguyễn Phước Bình, con thứ tư của vua Gia Long lập nên. Chợ Gia Lạc là một thứ chợ Tết văn hoá, nhằm thưởng xuân vui Tết hơn là mua bán. Người ta trình diễn ở chợ các tiết mục dân gian như hát bài chòi, bài vè, hò giã gạo... và nhiều trò vui khác. Tuy vậy, hàng hóa bán mua ở chợ Gia Lạc cũng phong phú như một loại chợ trời trong các ngày Tết khi các chợ phố đóng cửa (35).

Chợ Bình Tây tại TP. HCM do một người Tàu là Quách Đàm (thường được gọi theo tên hiệu buôn là ông Thông Hiệp) tự bỏ ra một số tiền rất lớn xây tặng cho chánh quyền Pháp thời đó (khoảng những năm 20 của thế kỷ 20). Quách Đàm mua vùng đất ruộng Bình Tây với giá rẻ. Để biến vùng đất ruộng thành đất thổ cư thành phố kiếm một món lời to, ông ta xây tặng nhà nước (Pháp) ngôi nhà chợ, chiêu dụ giới kinh doanh buôn bán tập trung đến khu chợ mới khang trang. Chung quanh chợ, Quách Đàm xây hàng dãy phố lầu làm cửa hàng buôn bán để cho thuê. Theo lời kể của cụ Vương Hồng Sển trong "Sài-Gòn Năm Xưa", đương thời kế hoạch làm ăn lớn của Quách Đàm đã không thành công như ý. Ngày nay chợ Bình Tây là chợ đầu mối lớn nhất trong cả nước. Vào khoảng đầu thế kỷ 20, hầu như người dân Nam bộ nào cũng thuộc lòng câu hát hò thường nghe vang lên lãnh lớt từ những con thuyền lênh đênh trên vùng sông nước ở đây:

Hồ... ơ...

Đền Sài gòn ngọn xanh ngọn đỏ

Đền chợ Mỹ ngọn tổ ngọn lu (hồ... ơ...)

Anh về học lấy chữ nhu (chữ nho)

Chín trăng em cũng đợi, (hồ... ơ...) mười thu em cũng chờ...

Hoặc "câu hát huê tình":

*Cúc mọc bờ ao kêu bằng cúc thủy
Chợ Saigon xa chợ Mỹ cũng xa,
Viết thư thăm hết nội nhà
Trước thăm phụ mẫu, sau là thăm em.*

Chợ Mỹ là chợ Mỹ Tho. Thời đó, do vị trí thuận tiện trên trục giao thông đường thủy, chợ Mỹ Tho có vai trò một chợ đầu mối quan trọng, nổi tiếng trong cả Nam kỳ lục tỉnh. "Trên Sài Gòn, dưới Mỹ Tho." Ngày nay, tình hình đã thay đổi, chợ Mỹ Tho trở lại là một ngôi chợ tỉnh trung bình như mọi chợ tỉnh khác. Về sự "thay bậc đổi ngôi" này, từ gần nửa thế kỷ trước cụ Vương Hồng Sển đã đưa ra những lời giải thích xác đáng, vừa nhân đó tiên báo sự tàn lụi của khu vực buôn bán hai bên bến phà Mỹ Thuận cũ:

"Từ Chợ Lớn xuống xa một đôi thì có chợ Mỹ-Tho là giáp mỗi các con đường thủy vận về miền Nam lục tỉnh, và lên thẳng Nam-Vang. (Ngày nào sự chuyên chở còn "ăn chịu" vào đường nước thì chợ Mỹ-Tho sung túc phồn thịnh ngày ấy). Ngày nay khách bộ hành và hàng hoá xoay qua dùng nhiều xe hơi chạy ét-xăng hơn dùng tàu bè, cho nên chợ Mỹ đã "xuống chũn". Câu thi xưa "Trên Sài Gòn dưới Mỹ-tho, đâu đâu thiên hạ cũng nhường cho..." nay không còn đúng sự thật! Trái lại các chợ búa không nằm trên đường nước nhưng vẫn nằm trên đường lộ cái, như chợ Cai-Lậy, bến phà Mỹ-Thuận, chợ Cần-Thơ, chợ Sóc-Trăng, vẫn tấn phát như thường nhờ xe qua lại hằng bữa. Riêng bến phà Mỹ-thuận, ngày nào cầu bê tông cốt sắt xây cất xong, xe khởi xuống bắc, thì chợ nhóm nơi đây sẽ mất phồn thịnh." (36)

Do nhu cầu vận chuyển, các chợ đều chọn địa điểm gần trục giao thông, nếu không ở bên đường bộ thì cũng phải "bên dưới có sông bên trên có chợ" thì mới thuận tiện cho sự phát triển:

*Đồn rằng Kể Lạng vui thay
Đi ba bốn ngày kể đã lắm công
Bên dưới có sông, bên trên có chợ
Anh lấy em về làm vợ nên chăng?
Tre già để gốc cho măng...*

(Ca dao)

Từ xưa trong Nam đã có nhiều khu chợ với phong cách sông nước nam bộ rất riêng được Trịnh Hoài Đức miêu tả trong sách Gia Định Thành Thông Chí:

"Chợ Hưng Lợi (tục gọi Vụng Cầu) ở phía nam sông Bảo Định, nhà san sát như vẩy cá. Chợ trông xuống sông lớn, người đi lại thường đợi nước thủy triều để theo giòng nước mà đi xuôi đi ngược... cho nên sông này nhiều thuyền nhỏ bán thức ăn quý, cũng có khi bán thịt chín gọi là thịt Bãi Đáp. Bởi vì xã Bãi Đáp huyện Quảng Điền, kinh Phú Xuân làm nghề mổ lợn, bán nước luộc thịt có cách riêng ăn rất ngon lành. Người ở đây bắt chước cũng gọi là thịt Bãi Đáp.(37)

- Chợ Long Hồ ở phía đông trấn thực cách 1 dặm, hai mặt trông xuống sông. Chợ này lập từ năm Nhâm tý Túc Tông thứ 8 (1732); phố xá nối liền, bách hoá tụ tập, dăng dài 5 dặm, thuyền ghe suốt bến, đền thần, đình làng, đàn hát náo nhiệt, là chợ phố lớn của trấn.

- Chợ Sa Đéc ở phía đông huyện lỵ Vĩnh Am. Chợ ở ven sông. Nhà phố nối liền đối nhau san sát như vẩy cá, dăng dài 5 dặm. Bè tre ở dưới sông cũng dựng nhà buồng san sát thành hàng. Chỗ thì bán lụa đoạn, đồ dùng nam bắc; chỗ thì bán các thứ dầu rái, than gỗ, mây tre, muối mắm. Trên bờ dưới sông, hàng hoá choáng mắt say lòng, thực là đất phồn hoa" (38)

Tùy theo thời gian, không gian và hoàn cảnh mà chợ tồn tại dưới những hình thức khác nhau. Hoặc những kiến trúc khang trang bề thế ở các thành phố hoặc đô thị lớn, như Chợ Đồng Xuân (là chợ cổ phần đầu tiên và duy nhất trong cả nước) của thủ đô Hà Nội, Chợ Bến Thành, chợ Bình Tây ở thành phố HCM, chợ Đông Ba ở Huế, Chợ Cồn Đà Nẵng, chợ Đầm Nha Trang..., Chợ Đà Lạt ở

thành phố du lịch Đà Lạt; hoặc siêu thị, một thứ chợ hiện đại như một cửa hàng lớn, gần như bán đủ các chủng loại hàng. (Tại Việt Nam hiện nay hầu như phần lớn - nếu không phải là hầu hết - các siêu thị tập trung tại các đô thị hoặc thành phố tương đối lớn. Một số do người nước ngoài đầu tư). Hoặc chợ họp lê la chòm hóm trên mảnh đất nhếch nhác đâu đó trong làng, hay "trên bãi đất trống trênh như nghĩa địa. Người ta cắm mấy que tre, gác lên một tấm phen lợp bằng lá mía khô... thế là thành quán chợ." (39)

Có những khu chợ không cần được xây dựng hoặc che chắn, và hoàn toàn phản ánh đặc tính của vùng đất địa phương. Chợ Nổi Ngã Bảy Phụng Hiệp, và Chợ Nổi Cái Răng (huyện Châu thành, Cần Thơ), Chợ Nổi Cái Bè (huyện Cái Bè Tiền Giang) và Chợ Nổi Gành Hào (Cà Mau), chẳng hạn. Đó là những khu chợ họp trên những chiếc thuyền nhỏ, đan xen vào nhau, bán các loại trái cây nông thổ sản trong vùng và hoạt động suốt đêm ngày bập bềnh trên sông nước. Mỗi chiếc ghe bán hàng treo món hàng mình bán lên một cây sào. Bầu, bí, rau, củ, quả,... và cả cá tươi, gà, vịt... Người mua tự biết mà bơi thuyền đến. Người ta có thể bước đi liên tiếp trên thuyền, từ thuyền này sang thuyền khác, từ đầu này đến đầu kia của chợ có khi dài hàng cây số, giữa những âm thanh nhộn nhịp của tiếng chèo khua, tiếng máy nổ, tiếng người nói vang động trên mặt sông.

Ở các vùng biên giới thì có chợ biên giới. Chợ ở đây thường chỉ là khu vực trao đổi hàng hoá giữa nhân dân hai nước chứ không có kiến trúc chợ búa gì quan trọng. Chợ biên giới ở vùng cửa khẩu Tịnh Biên (An Giang) vang bóng một thời những năm trước đây là một ví dụ. "Ở đó không có gì có vẻ gì là chợ cả, bởi không có nơi tập trung nhóm họp để thành cái chợ, mà phân tán rải rác ở nhiều khu vực... Vì vậy cái gọi là chợ có thể là một dãy nhà, một bến xuống hàng, một chỗ đậu ghe xuống... tứ tán mỗi chỗ một kiểu không theo thông lệ nào cả. Chỉ cần giấy tờ hợp lệ, hàng hoá được cho phép là cứ trao đổi mua bán." (40). Một lượng lớn hàng nông sản, chủ yếu là trái cây, từng được xuất qua nước bạn Campuchia qua khu vực cửa khẩu này.

Ở vùng biên giới Việt - Lào thì có chợ phiên Cam Lộ gần cửa khẩu Lao Bảo. Tên chợ Cam Lộ đã có từ nhiều thế kỷ trước. Thời Pháp, chợ được gọi là chợ Đông Dương, là khu vực buôn bán nhộn nhịp của nhân dân vùng ba biên giới Việt Nam, Campuchia và Lào (cho nên cũng từng có tên Chợ Vùng Ba Biên Giới). Hiện nay chợ phiên Cam Lộ vẫn họp mỗi tháng sáu phiên vào các ngày âm lịch 3, 8, 13, 18, 23, và 28.

Đặc biệt ngày trước ở vùng Tây Bắc đây đó thỉnh thoảng có những "chợ không người bán". "Ở đó người ta treo những món hàng thổ sản của mình làm ra, trên những cành cây ven đường. Khách qua đường cứ tự tiện lấy xài, tùy ý để lại tiền bạc hay vật trao đổi, một cách hoàn toàn tự giác." (41)

Các nhóm dân tộc vùng cao miền Bắc nước ta còn có một loại chợ rất độc đáo và đậm tính nhân bản gọi là chợ tình, như đã đề cập ở phần trên. Gọi là chợ thực ra chẳng có người mua kẻ bán gì. Đó là dịp trai gái người các dân tộc gặp gỡ, hẹn hò, tìm hiểu và đính ước với nhau. Người các dân tộc vốn thừa thớt lại sống rải rác heo hút trên các vùng núi cao, trai gái hiếm khi có dịp gặp gỡ. Mỗi tuần một lần các cô gái chàng trai từ các vùng núi xa xôi, có khi phải đi suốt một ngày đường, về một điểm tập trung nhất định để tìm bạn tình, hoặc để bày tỏ tình cảm với nhau, chỉ vào một tối thứ Bảy. Nếu tâm đầu ý hợp họ sẽ đi đến hôn nhân. Có nhiều điểm chợ tình rải rác trên các tỉnh cực Bắc, nhưng chợ tình Sapa trên dãy Hoàng Liên Sơn (huyện Sapa tỉnh Lào Cai) được nói đến nhiều hơn cả. Gần đây do thường xuyên bị du khách quấy rầy, các chợ tình, nhất là chợ tình Sapa mất đi phần nào chất thơ hồn nhiên vốn là vẻ đẹp truyền thống riêng biệt của nó. Các chợ tình thường phải dời đổi địa điểm hoặc giờ giấc để tránh những những cặp mắt thô lỗ dòm ngó. "Đêm đêm, giờ tí, bao giờ cho Tây du lịch lui về khách sạn, chui vào chăn ngủ thì chợ tình lại họp. Chợ tình Sapa giờ đây trải rộng ra, phân tán đi, diễn suốt dọc suối Tà Vàn, men thăm cỏ Tá Phìn, và trên rừng đá Hàm Rồng" (42)

Một loại chợ tình khác không kém độc đáo là "Phiên chợ Gặp Lại Người Yêu." Hàng năm các đồng bào dân tộc sinh sống ở vùng Mèo Vạc, Đồng Văn, Quảng Bạ, Cốc Lếu, Mường Khương, dành một phiên chợ cho những đôi trai gái của những mối tình dang dở được gặp lại nhau. Họ yêu nhau từ thuở vào đời, nhưng vì những éo le ngang trái nào đó mà không lấy được nhau.

Đến ngày phiên chợ đặc biệt này, những cặp tình nhân cũ tái hợp với nhau, và được sống với nhau như vợ chồng - đúng nghĩa - trọn một ngày của phiên chợ, để được ôn lại thuở yêu đương xưa cho thỏa lòng mong nhớ, mà không hề bị mang điều tiếng hay tội lỗi gì với vợ hay chồng mình. Hôm sau họ chia tay nhau về với nghĩa vụ đời thường của họ.

Phiên chợ này phần nào làm vơi nỗi đau của các cuộc tình tan vỡ vì nghịch cảnh, và chứng tỏ rằng họ vẫn là người tình ban đầu tha thiết của nhau. Tất nhiên không phải cặp tình nhân tan vỡ nào cũng tìm về phiên chợ, vì có những cuộc tình phải chia tay mà không vương mắc gì, thậm chí còn thù ghét nhau.(43)

Chợ Trong Thơ Ca và Truyền Thuyết Việt Nam

Trong tác phẩm "Tang Thương Ngẫu Lục" Phạm Đình Hồ kể chuyện Thám hoa Nguyễn Đăng Cảo, người làng Hoài Bảo huyện Tiên Du (Bắc Ninh) vì ăn một bữa thịt chó ở chợ Cầu Lim mà mất dịp thành tiên. Nguyễn Đăng Cảo đỗ Thám Hoa đời Lê Hy Tông (1676 - 1705), vốn là người rất mê thịt chó. Nhân một hôm đi chơi trên núi Lạn Kha, Nguyễn gặp được vị tiên Trần Đoàn. Nguyễn xin theo tu tiên và được vị đại tiên nhận lời. Trên đường đi cùng tiên ông, tình cờ qua chợ Cầu Lim (làng Nội Duệ), nghe mùi thịt chó từ hàng cơm trong chợ thơm nức mũi, Nguyễn không nhịn được, xin tiên ông cho được ăn một bữa thịt chó cuối cùng. Tiên ông đồng ý. Sau khi Nguyễn ăn xong, Trần Đoàn cho Nguyễn biết Nguyễn không có mệnh thành tiên, nên không nhận Nguyễn nữa.

Cũng trong "Tang Thương Ngẫu Lục", Nguyễn Án kể chuyện chúa Trịnh cũng thích dạo chơi chợ búa. "Chúa ngự ra chơi Bắc cung. Cung có ao gọi là Long trì, rộng nửa dặm, trong ao trồng rất nhiều hoa sen, hoa súng. Ven ao đắp đất chồng đá làm núi, chỗ cao chỗ thấp, dàn đặt có hình thế. (...). Nội thị từ tam phẩm trở lên, chít khăn mặc áo như đàn bà, bày hàng ở rìa đường, bán những tạp hóa cùng các đồ hoa quả, chả, rượu, thức gì cũng có, chồng chất như núi. Các cung nhân qua lại mua bán, vừa mua vừa cướp, không cần hỏi giá bao nhiêu, đua nhau đem những câu hát quê ra đối đáp với nhau, tiếng cười đùa vang cả trong ngoài" (44).

Về chuyện này, trong "Vũ Trung Tùy Bút", Phạm Đình Hồ ghi đích xác là chúa Trịnh Vương Trịnh Sâm, và chuyện xảy ra mỗi tháng ba bốn lần ở cung Thụy Liên trên bờ Hồ Tây vào năm Ất Mùi (1774 - 1775).

Với quan niệm của người Việt Nam, khi chợ là khung cảnh sinh hoạt giao tiếp xã hội có tổ chức thì người trần hay thần tiên cũng có chung nhu cầu họp chợ. Có chợ nhân gian thì cũng có chợ trời.

*Ai đi Hương Tích chợ trời đi
Chợ họp quanh năm cả bốn thì
Đổi chác người tiên cùng khách bụi
Bán buôn gió chị lai trăng dì
Yến anh chào khách nhà mây tỏa
Hoa quả bày hàng điểm cỏ che
Giá áo, lợn, tằm, tiền, gạo đủ
Bán mua mặc ý muốn chi chi.*

(Nguyễn Khuyến - Chợ Trời Hương Tích)

Nhà thơ Tản Đà của chúng ta cũng đã từng gánh văn lên bán chợ trời.

*Văn đã giàu thay lại lắm lời
Trời nghe Trời cũng bật buồn cười
Chư tiên ao ước tranh nhau dạn:
"Anh gánh lên đây bán chợ Trời"*

(Tản-Đà - Hầu Trời)

Trong bài Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, thi hào Nguyễn Du nghĩ thương đến những cô hồn không nơi nương tựa, vất vưởng đầu chợ cuối sông thật cảm động:

*Hoặc là bụi cỏ bóng cây
Hoặc là quán nợ cầu này bơ vơ
Hoặc là nương thân từ Phật tự
Hoặc là nhờ đầu chợ cuối sông
Hoặc là trong quãng đồng không,
Hoặc nơi gò đồng hoặc vùng lau tre ...*

Với Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu và bài phú Gia Định Thất Thủ (khuyết danh), những tên chợ xưa nay vẫn còn thân thuộc với mỗi người dân Nam bộ.

*Đoái sông Cần Giuộc cỏ cây mấy dặm sầu giăng,
Nhìn chợ Trường Bình già trẻ hai hàng lụy nhỏ.*

(Nguyễn Đình Chiểu, Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc)

Chợ Trường Bình xưa ở vùng Cần Giuộc, Chợ Lớn.

*Từ Bến Thành trải qua Chợ Sỏi, mùi tình chiên xí xố biết bao nhiêu
Nơi Chợ Lớn trải tới Cầu Thương, quân mọi rợ lấy lòng nên quá lắm.
Cầu Bà Nghè cùng nơi Chợ Quán, lũ tham tàn đắc ý vênh râu,
Chùa Cẩm Thảo trải tới Cây Mai, Phật Bồ Tát chịu nghèo ôm bụng.*

(Phú Gia Định Thất Thủ)

Chợ Sỏi về sau là chợ Cầu Ông Lãnh (tên của Lãnh Binh Nguyễn Ngọc Thăng thời chúa Nguyễn) ở thành phố HCM ([1]).

Trong số những chợ phiên nổi tiếng ở miền Bắc nước ta có Chợ Ó, một chợ đặc biệt ở làng Ó (tên chữ là Xuân Ổ, thuộc huyện Tiên Sơn, Hà Bắc). Mỗi năm chợ Ó chỉ họp một phiên vào tối mùng 4 đến sáng mùng 5 Tết. Người ta tin rằng đến chợ phiên hàng năm này có người dương gian và ma quỷ từ cõi âm lên. Không ai nhận rõ mặt ai. Người ta mua bán với nhau những con gà đen. Gà đen là con vật mua bán truyền thống ở chợ. Người ta tin tưởng gà đen có khả năng nhập vào cõi âm, dò xét tình hình ở đó để về bẩm báo lại với thành hoàng làng, theo đó thành hoàng liệu bề phù hộ cho làng. (45)

Cũng mỗi năm họp một lần như chợ Ó và chợ Gia Lạc trên đây, còn có Chợ Đình làng Bích La ở xã Triệu Đông, Quảng Trị, mỗi năm chỉ họp một lần vào ngày mùng ba Tết. Theo truyền thuyết kể lại, thì xưa kia hồ nước nơi khu đình làng có một con rùa vàng rất lớn sống. Vào dịp Tết và ngày mùng một hàng tháng rùa thường nổi lên vờn quanh hồ. Dân làng tin rùa vàng là hiện thân của vị thủy tổ của làng, phù hộ cho dân làng hưng thịnh và học hành đỗ đạt. Gần hồ có giếng Mộc Bài. Hàng năm vào dịp tế Đình thì dân làng lại vét giếng. Nếu nước giếng trong vắt là điềm báo một năm thịnh vượng cho nhân dân trong làng. Nếu nước đục phèn là làng gặp chuyện bất an. Vào ngày mùng ba Tết một năm nọ, giếng Mộc Bài bỗng ứa phèn. Cùng lúc ấy ở hồ Đình con rùa vàng hoá thạch. Lo sợ tai họa, dân làng tập trung quanh hồ gõ trống khua chiêng, la hét đánh thức rùa dậy vì ngỡ rùa ngủ quên. Từ đó dân làng lập bàn thờ, xây Đình, và hàng năm cứ vào mùng ba Tết lại họp chợ đánh thức rùa vàng, dần dần thành ra phiên chợ đầu năm rất độc đáo. (46)

Người miền Trung có câu hát ru em:

*Ru tam tam théc cho muối [2]
Để mạ đi chợ mua vôi ăn trầu...
Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu
Mua cau Nam Phổ, mua trầu chợ Đình.*

Riêng cái chợ Dinh này không biết xưa kia (và bây giờ) tọa lạc tại đâu ở Huế, mà thấy Đại Nam Nhất Thống Chí ghi rằng ở các tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà cũng có những ngôi chợ cùng tên. Một Chợ Dinh ở huyện Tuy An tỉnh Phú Yên. Một chợ khác ở huyện Tân Định (nay không rõ còn không) tỉnh Khánh Hòa. Chợ Dinh Tân Định Khánh Hòa vốn có tên là Chợ Mỹ Thịnh, nhưng do vào đầu đời Nguyễn ba dinh Trấn Thủ, Cai Bạ và Ký Lục đóng ở đó nên người ta quen gọi là chợ Dinh. Rồi thêm chợ Phú Thịnh ở huyện Vĩnh Xương (cũng tỉnh Khánh Hoà) cũng gọi là chợ Dinh nữa! Nếu ở Huế cũng có chợ Dinh, thì chắc đó là cái chợ trong câu hát sau đây:

***Chợ Dinh bán áo con trai
Chợ trong bán chỉ, chợ ngoài bán kim. (47)***

"Chuyện rằng vùng chợ Dinh có ông Hoàng Mười, (tức ông Hoàng Tùng Đệ, con thứ mười của vua Gia Long) khao khát có một đứa con trai nối dõi tông đường, bèn sai người may hàng loạt áo con trai mang ra chợ Dinh bán. Áo bán rẻ như cho, thành ra dân nghèo đổ xô đến mua. Lương dân bất kể trai gái, từ đó đều diện chung một kiểu áo. Còn ông hoàng Mười ngồi trong dinh nhìn thiên hạ ngoài đường mà tưởng tượng ra toàn là con trai mình cả" (48)

Một chợ nhỏ "của người nghèo và học trò" ở Huế nhờ may mắn ăn theo tình cảm của một cô gái bán rau si tình một anh học trò ở trọ học gần đó mà thoát khỏi tình trạng một ngôi chợ vô danh, nghiêm nhiên ghi tên vào văn học dân gian. Đó là chợ Cống bên giòng sông Như Ý thuộc phường Xuân Phú bây giờ. Hàng ngày các cô gái Xuân Hòa gánh rau ra chợ Cống bán. Trong số đó có người chỉ mượn cơ bán rau:

***Giả đồ buôn hẹ bán hành,
Vô ra chợ Cống thăm anh kẻ buồn. (49)***

Cũng tình trạng tương tự như chợ Cống là chợ Phố và chợ Kênh Đào, không biết ở đâu, nay còn hay mất. Dù sao Tình Yêu - vẫn được xem là có sức mạnh vạn năng - cũng giúp những ngôi chợ lưu danh, bất kể bản thân ngôi chợ còn tồn tại hay đã biến mất trong dâu bể cuộc đời.

***Em buôn chỉ rồi lại bán chỉ
Mười phiên chợ Phố em đi cả mười
-Em buôn bắc rồi lại buôn vàng
Mười phiên chợ Phố gặp chàng chín phen
Quý hồ gặp bạn cho liền
Mười quan bán được chín tiền cũng đi.***

(ca dao)

***Em là con gái khuê phòng
Em đi bán chỉ phải lòng đồ thao
Anh đưa em đến chợ Kênh đào
Trở ra Tuần Quán trở vào Tuần Danh***

(Ca dao)

Một số ngôi chợ có đủ nội lực để tự khẳng định mình, mà không phải nhờ Tình Yêu công vào văn chương, trái lại cung cấp cho văn chương một cái "móc" hứng giúp cho lời tình có sức lay động, nhờ vào tên chợ mà ai cũng biết. Chợ Bến Thành và chợ Hà Đông trong những câu hát sau đây là trong những chợ như vậy:

***Chợ Bến Thành dòi dòi Người sao khỏi hợp tan
Xa gần giữ nghĩa tao khang
Chớ ham nơi quyền quý mà đá vàng xa nhau.***

Có lẽ hai chữ "tao khang" (tầm cảm) cũng đủ cho biết đây là một câu hát xưa. Ít ra câu hát cũng đã ra đời vào khoảng đầu thế kỷ XX, sau khi "Chợ Bến Thành dòi dòi" lần thứ nhì. "Khi Pháp đến, chợ Bến Thành có chức năng là cảng Sài Gòn, là bến ở ngay cửa thành Phiên An thời Lê Văn Duyệt, vị trí ở đầu đường Hai Bà Trưng hiện nay. Pháp giải tỏa mé sông dành làm khu quân sự, cảng biển dòi qua phía Bến Nhà Rồng, và cái chợ theo đúng nghĩa buổi đầu, là nơi buôn bán lương thực và thực phẩm bị dòi qua Kinh Chợ Vải, đường Nguyễn Huệ ngày nay. Ban đầu là trên bến dưới thuyền, hàng hoá đưa bằng thuyền vào con kinh, đến nhà lồng chợ..." (50) Chợ Bến Thành dòi đến vị trí ngày nay vào năm 1914. Trước đó khu vực này còn là ao vũng sinh lầy mới được san lấp. Chợ mới vẫn giữ tên Bến Thành mặc dù tại địa điểm mới không có bến cũng chẳng có thành nào nữa.

Và

***Cô kia đi chợ Hà Đông
Để anh kết nghĩa vợ chồng cùng đi.
Anh đi chưa biết mua gì
Hay mua con lợn phòng khi cheo làng.***

(Ca dao)

Tỉnh Hà Đông nổi tiếng khắp nước về hai thứ "đặc sản": lụa và... sư tử. Lụa Hà Đông thì không cần phải bàn gì thêm, vì sản phẩm này từng có thời làm... mát cả nắng Sài-gòn: Nắng Sài-gòn anh đi mà chột mát, Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông! (thơ Nguyên Sa). Nhưng về sư tử thì e là... oan lắm. Câu "Hốt văn Hà Đông sư tử hồng; Trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên" (Bổng nghe sư tử Hà Đông rống, Rụng rời rơi cả gậy trên tay) là của thi hào Tô Đông Pha bốn một người bạn. Tô là người thời Tống, cho nên con sư tử Hà Đông này là ở bên... Tàu! Nó không ăn nhập gì với các cô gái Hà Đông dệt lụa đáng yêu của ta. Còn cô gái chợ Đơ (tức chợ Hà Đông) tội nghiệp trong câu ca dao đang hái một loại rau thật lạ:

***Em là con gái chợ Đơ
Hái rau lủ bú ngấn ngơ bên đường***

Ngày trước chợ là lãnh vực hoạt động dành riêng cho nữ giới. Cho nên trong nhiều lời ca tiếng hát về chợ, ta gặp nhiều hình ảnh về họ, hoặc ít nhiều liên hệ đến họ. Từ một cô gái bị chú cai nào đó chọc ghẹo

***Cậu cai buông áo em ra
Để em đi chợ kéo mà chợ trưa***

Đến một bà già muốn "cưa sừng làm nghé"

***Bà già đi chợ Cầu Đông
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng***

Từ một cô vợ đi chợ ăn quà, về nhà đánh con ,

***Ruộng gần bỏ cỏ không cày
Chợ xa quà rẻ mấy ngày cũng đi***

nhưng lại được đức lang quân thương

***Đi chợ thì hay ăn quà
Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm***

Đến một cô nàng chanh chua đánh đá

***Gái này là gái chả non
Gái lường chợ Quán, gái buôn chợ Cầu***

Hoặc một câu thơ chơi chữ cũng được người ta ghép vào một phụ nữ

***Chị Hươu đi chợ Đồng Nai
Bước qua Bến Nghé ngồi nhai thịt bò***

Lời khuyên nhủ này không nói rõ cũng biết là dành cho phái nữ:

***Đi chợ thì chớ ăn quà
Về chợ thì chớ rề rà ở trưa***

Và khi mô tả tình yêu nồng nhiệt của người vợ đối với chồng mình, người ta cũng liên tưởng đến cảnh náo nức sôi nổi của buổi chợ đông để so sánh:

Gái thương chồng đương đông buổi chợ.

Ngày trước vì chất tẩy rửa chưa phổ biến, người ta thường nhuộm vải bằng nước củ nâu cho đỡ bám bẩn. Thấy người yêu mặc áo để nguyên màu vải không nhuộm, nàng tỏ ra quan tâm với tình cảm dạt dào cảm động:

***Ở chợ năm bảy hàng nâu
Sao anh mặc trắng cho râu lòng em!***

(ca dao)

Để tỏ ý rằng sự có hay không có mặt của ai đó cũng không là gì quan trọng đủ để có thể thay đổi hoàn cảnh, hoặc đủ để cho ai chú ý, người ta thường nói:

***Có chợ thì chợ cũng đông
Vắng chợ thì chợ cũng không thiếu người***

Thế nhưng đã có lần chợ suýt không đông vì thiếu "mợ". Tương truyền vào thời Minh Mạng, không rõ vì sao triều đình có chỉ dụ cấm phụ nữ mặc váy ra đường. Vào thời đó, tất cả phụ nữ già trẻ trong nước đều mặc váy. Lệnh cấm này quả là một cú sốc nặng

***Tháng Tám có chiếu vua ra
Cấm quần không đáy người ta hãi hùng
Không đi thì chợ không đông
Đi thì bóc lột quần chồng sao đang.***

Một số chợ ngày xưa thường họp theo phiên. Phiên này chợ họp nơi này, nhưng phiên sau có thể họp ở làng xa, tỉnh khác. Nhà thơ Nguyễn Bính nắm bắt hình ảnh những người phụ nữ "chạy chợ" đường xa với mấy nắm lá hương nhu đơn sơ giắt đầu cho thơm tóc thôi mà bức tranh thật sinh động:

*Đường lên chợ tỉnh xa tắm tấp
Nắng mới ôi chao cát bụi mù
Các chị nhà bên đi bán lụa
Giắt đầu từng nắm lá hương nhu.*

(Nguyễn Bính - Cuối Tháng Ba)

Cho đến giờ, có vẻ như chợ vẫn cứ là vùng đất riêng của phụ nữ. Trong xã hội nông nghiệp nguyên thủy, việc giao dịch buôn bán đổi chác qui mô nhỏ và không mang tính mưu lợi dường như đã được phân công cho người phụ nữ từ thời còn hái lượm. Và việc đó tỏ ra thích hợp với họ hơn là với nam giới. Mua bán là môi trường thuận lợi cho họ thi thố tài năng. Chính trong khung cảnh giao dịch bán mua ấy một cô gái dễ dàng bộc lộ bản chất nét hạnh và khả năng ứng xử. Chả thế mà giữa chợ đông người được coi là nơi thích hợp cho các chàng trai khôn muốn tìm vợ đảm. Có thể đường xa chợ vắng khiến nàng không được trắng trẻo lắm như những tiểu thư khuê các. Nàng có thể phân bua, không dấu vẻ tự hào.

*Trắng da vì bởi phấn giời
Đen da vì bởi em ngồi chợ trưa*

(ca dao)

Cho nên đâu phải là ngẫu nhiên mà khi nhớ lại cô bạn gái tên Nhi thuở ấu thơ không biết giờ phiêu bạt nơi nào, Nguyễn Bính đã liên tưởng đến chợ, đặt cô bạn vào khung cảnh chợ: Ngày xưa còn nhỏ Nhi còn đẹp Huống nữa giờ Nhi đã đến thì

*Tháng tháng mười mười lăm buổi chợ
Cho người thiên hạ phải say Nhi.
Xóm chị em Nhi ở mấy nhà
Bến đò đông vắng? chợ gần xa?
Nhà Nhi thuê có vườn không nhỉ?
Vườn có trồng cam có nở hoa?*

(Nguyễn Bính - Hoa Với Rượu)

Nhưng khi bản thân nhà thơ đi tới chợ thì lập tức thấy mình lạc lõng ngay. Chợ dường như không phải là khung cảnh thích hợp với nam giới, nhất là với khách làm thơ.

*Nón lá áo tơi ra quán chợ
Trơ vơ trên bến nước sông đầy
Sầu nghiêng mái lá mưa tong tả
Chén ỉa men lành lạnh ngón tay*

(Nguyễn Bính - Trời Mưa Xứ Huế)

Chợ càng đông thì càng làm cho nhà thơ thêm thảng thốt nhận thức rõ nỗi thua kém của mình, và cảm giác xa lạ bơ vơ giữa chợ.

*Gạo nếp nơi đây sao trắng quá
Mỗi ngày phiên chợ một thêm đông
Thiên hạ đua nhau mà sắm Tết
Một mình em vẫn cứ tay không.*

(Nguyễn Bính - Xuân Tha Hương)

Xưa kia, hình ảnh một anh đàn ông giữa chợ luôn gợi cảm giác không phù hợp, huớng hồ một ông quan thượng (thượng thơ?), "dân chi phụ mẫu" gói bánh chưng đi bán dạo ngoài chợ thì thật là vừa khôi hài vừa rẻ rúng "hết biết". Một nhà thơ khuyết danh thương hại vị quan to nhưng bon chen nhỏ mọn ấy, đã không ngần ngại gọi tuột ra cả tên lẫn họ:

*Nghĩ thương quan thượng Nguyễn Kim Trì
Khôn khéo không ai dám sánh bì
Gói bánh bon chen chưng dưới chợ
Trồng trâu tấy mót bán trong ty...*

Thật khó tưởng tượng bản thân quan thượng chưng bánh bán rao ngoài chợ. Chắc là do người nhà quan làm mà quan mang tiếng. Nhưng nếu vì làm quan thanh liêm nên gia cảnh chật vật, quan buộc lòng phải để người nhà, vợ con xoay sở kiếm thêm thu nhập như thế thì cũng lương thiện và chính đáng thôi mà.

Bây giờ đàn ông đứng bán hàng ngoài chợ không còn lạ mắt nữa. Ở chợ Đồng Xuân trước đây đã từng có ít nhất một "anh hàng dừa":

*Vui nhất là chợ Đồng Xuân
Thứ gì cũng có xa gần bán mua
Giữa chợ có anh hàng dừa
Hàng cam hàng quýt hàng dưa hàng hồng...*

Hóa ra, anh "hàng dừa" mà ngày nay có thể nhìn thấy trên mọi con đường ở thành phố Hồ Chí Minh vốn đã có mặt rất sớm trong chợ Đồng Xuân ở Hà Nội, và đã đi vào ca dao từ đời nảo đời nao rồi! Chợ Đồng Xuân vốn là hai chợ Bạch Mã và Cầu Đông xưa (Bà già đi chợ... này đây!), khánh thành lần đầu vào năm 1890. Sau trận cháy chợ nghiêm trọng năm 1994, chợ được xây mới, đưa vào sử dụng năm 1996, và là một chợ cổ phần.

Và ai biết được trong quang cảnh đông đúc "đủ người gần xa", "dập dìu" ở Chợ Đồng (tức chợ Đồng Nương ở Cẩm Khê) lại cũng có nhiều bóng dáng đàn ông trong đó:

*Chợ Đồng vui vẻ ai ơi
Sáu phiên một tháng đủ người gần xa.
Trước cửa đình trông ra đường cái
Dưới dòng sông một dải trong veo
Thuyền buôn tay lái tay chèo
Bộ hành kẻ gánh người đeo dập dìu*

Vậy mà, lạ thay, dường như chợ đêm Hòa Bình (ngày trước) lại dành cho đàn ông (và là đàn ông bẹp tai) thì phải. Thi sĩ Tản Đà từng đi chơi chợ Hòa Bình và ghi nhận:

*Mỗi tháng chợ đêm ba buổi họp
Ngọn đèn nha phiến đốt linh tinh!*

(Tản Đà - Chơi Chợ Hòa Bình)

Một vài chợ huyện, chợ tỉnh ở miền Bắc ngày xưa có lẽ cũng phần nào có tính chợ chuyên như các phố phường ở Hà-Nội.

*Chợ Giàu bán sáo bán sàng
Bắc Ninh bán những nhẫn vàng trao tay
Đình Bảng bán ẩm bán khay...
Phù lưu họp chợ mỗi ngày mỗi đông...*

Ở miền Nam "thời cộ", người từ lục tỉnh lên Sài Gòn buôn bán làm ăn là chuyện bình thường. Trong giao tiếp qua lại, nhiều mối tình nảy nở giữa hai bên. Do những biến động của thời cuộc, hay do làm ăn thất bát sao đó mà một bên đã hát lời chia tay thống thiết này: Chợ Sài Gòn cần đá, Chợ Rạch giá cần xi-moong

*Giã em ở lại vương tròn
Anh về xứ sở không còn xuống lên*

Ngày nay với đề án giảm bớt số chợ truyền thống trong thành phố để phát triển siêu thị, có lẽ đến một lúc nào đó con số trên hai trăm chợ lớn nhỏ có mặt xưa nay tại các quận huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh sẽ chỉ còn để lại vài di tích hoặc hình bóng trong ca dao hay trong tác phẩm văn học mà thôi. Và với kỹ thuật và vật liệu xây dựng hiện đại, có lẽ khó tìm ra được một ngôi chợ mới nào còn được "cần xi-moong".

Saigon 2001

(Bổ chú: 2010)

GHI CHÚ :

(1) Will Durant, Nguồn Gốc Văn Minh, Nguyễn Hiến Lê dịch, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1991, trang 8.

(2) Đê Đất Đê Nước, Nxb Văn Học, Hà Nội, 1976.

(3) Trước năm 1975 có một tác giả (ở miền Nam) có lẽ không hiểu ý nghĩa của từ chợ này nên trong một cuốn sách giáo khoa bình giảng thơ văn của mình đã tự ý sửa từ chợ trong câu thơ trên của bà Huyện Thanh Quan thành ra rợ, nhưng không thấy nói căn cứ theo chữ viết trong một bản Nôm nào.

(4) Nguyễn Văn Tân, Từ Điển Địa Danh Lịch sử Văn Hóa Việt Nam, Nxb Văn Hóa - Thông Tin, Hà Nội, 1998.

(5) Có chỗ gọi sai là chợ Giàu (đối nghĩa với Nghèo). "Phù Lưu" là âm cổ (phlu, tlâu) của từ "trầu". Nhiều địa phương ở miền Bắc gọi "trầu" là "giầu". Chợ Giàu một tháng sáu phiên, Ai ơi nhớ lấy đừng quên chợ Giầu. (ca dao).

(6) Lầy nông nghiệp làm gốc.

(7) Có một thời kỳ thật lâu, các hoạt động buôn bán lớn nhỏ trong nước đều có mặt người Hoa tham dự. Và họ thường tỏ ra xuất sắc hơn người Việt trong lãnh vực này. Những ngành thương nghiệp quan trọng ở Việt Nam ngày trước hầu như tập trung trong tay người Hoa.

(8) Năm 1461, vua Lê Thánh Tông ra sắc chỉ: "Từ nay về sau trong việc làm ruộng, phải khuyến khích quân dân đều chăm nghề nghiệp sinh nhai để đủ ăn mặc, không được bỏ gốc theo ngọn, hoặc kiếm chuyện buôn bán làm trò du thủ du thực. Người nào có ruộng đất mà không chăm cấy cấy thì quan cai trị bắt trình trị tội." Đại Việt Sử ký Toàn Thư - [Sau đây sẽ gọi tắt là 'Toàn thư'] - tập 2, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội. 1985, trang 296 - 297.

(9) "Người nước ta xưa kia chỉ chăm nông nghiệp và sĩ nghiệp mà để sự buôn bán lại cho Hoa-kiều". Đào Duy Anh, Việt Nam Văn Hóa Sử Cương, Nxb Bốn Phương, Sài Gòn, 1951, trang 72.

(10) Trần Ngọc Thêm, Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 1997. Trang 254.

(11) Trần Ngọc Thêm, sđd. 254.

(12) Mai Ngữ, Tuổi Trẻ Xuân 1993. Dẫn theo Trần Ngọc Thêm, sđd. 255.

(13) Trong thời phong kiến, vì không có cùng quan điểm xã hội về chợ như chúng ta nên người Trung Quốc đã không thể nào hiểu được trong các buổi chợ Việt Nam hầu như chỉ gồm toàn phụ nữ. Họ cho như thế là "vô luân". Phát xuất từ cội nguồn du mục trong tiềm thức xa

xưa, người Trung Quốc coi chợ chỉ thuần là môi trường hoạt động mưu lợi và thuần lý trí phù hợp với nam giới. Hoạt động chợ búa buôn bán thường do đàn ông đảm trách và họ tỏ ra xuất sắc trong lãnh vực này. Thế nhưng, và do đó, cũng chính họ cố tình xem nhẹ vai trò thương nghiệp vì tính "phi đạo đức" của nó, không đáng cho kẻ sĩ quan tâm. Có lẽ đó là một phản ứng tự cân bằng trong tâm thức dân tộc.

(14) Ví dụ chợ của người VN ở Cộng Hòa Séc: "Một người Séc hoặc VN thuê một khu đất trống, dựng lên các lều lán tạm, dùng sơn phân chia các ô rồi cho thuê. Có hai hình thức hợp chợ: Chợ bán đồ (bán buôn) như các chợ đồ Petys, 22 giờ HKH ở Praha, ở Teplice, Ostrava, Brno... Chợ Teplice mỗi tuần chỉ họp một phiên từ 16.30 giờ... ngày Thứ Sáu. Chợ đồ Ostrava mỗi tuần họp liên tục ba buổi sáng thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật. Chợ bán lẻ thường xuyên hầu như có ở tất cả các thành phố... Phần đông người VN buôn bán quần áo may sẵn, hàng thực phẩm châu Á, hàng giấy dép, hàng điện tử... Một số mở các tiệm ăn, có cả các quán bán phở, lòng heo, tiết canh, tái dê... "Tạ Hữu Trâm, "Chợ đồ VN và Vợ Chồng Hữu Nghị", Tuổi Trẻ Chủ Nhật số 21/97, tr.12.

(15) "Matscova ngày nay có nhiều trung tâm thương mại do người Việt cai quản, những khu chợ đúng nghĩa, đường hoàng trên luật pháp, trên cả tên gọi, (...)Hàng chục ô tô lớn nhỏ của người Việt đậu san sát nơi cổng. Các "cửu vạn" Nga còng lưng vác những tải hàng to tướng ngang qua các bà chủ Việt Nam nhô thó tay vung về quyền sở, miệng liên tục la quát..." Việt Linh, "Chợ Việt Trên Đất Nga," Saigon Tiếp Thị Xuân 2000, trang 28.

(16) -"Chợ Mường Hum (biên giới cực bắc Lào Cai) nằm dưới thung lũng nhỏ, ven suối Mường Hum, chung quanh là những dãy núi cao ngất trùng mây. Cái chợ phiên cuối tuần ven suối Mường Hum này là nơi gặp gỡ, giao lưu mua bán và vui chơi của bà con các dân tộc Hà Nhì, H'mông, Hoa, Giáy, Dao Đỏ, Dao Tuyển, Hán.....Những cô gái chàng trai ở bản làng đi chợ đâu chỉ để mua bán mà còn đi để vui chơi tìm bạn tình. Vì thế ai cũng làm đẹp chẳng khác gì đi dự ngày hội". - Tấn Vịnh, Đi Chợ Mường Hum, Tuổi Trẻ Chủ Nhật số 36/99, tr. 28.

(17) Đẻ Đất Đẻ Nước, sdd. Trang 141.

(18) Toàn Thư, Tập I, Bản dịch của Ngô Đức Thọ, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1983, tr. 264.

(19) Trung Tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Quốc Gia, Văn Bia Triều Mạc, Nxb Khoa Học Xã Hội HN, 1996. trang 40 - 41.

(20) Nguyễn Hồng Mao, "Bước Đầu Tìm Hiểu Thương Nghiệp Thế Kỷ X", in chung nhiều tác giả trong tập "Thế Kỷ X Những Vấn Đề Lịch Sử" Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1984, tr. 81.

(21) Phạm Văn Kính, "Vài Nét Về Bộ Mặt Thương Nghiệp Việt Nam Thời Lý Trần" in chung nhiều tác giả trong "Tìm Hiểu Xã Hội Việt Nam Thời Lý Trần", Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội. 1981. trang 191.

(22) Dẫn theo Phạm Văn Kính , sdd. tr.195.

(23) "Năm Kỷ Ty, niên hiệu Đại Định thứ 10 (1149) mùa xuân, tháng hai, đoàn thuyền buôn nước Trao Oa, Lộ Lạc, Xiêm La vào Hải Đông xin cư trú buôn bán, (vua Lý Anh Tông) bèn cho lập trang trại ở nơi hải đảo gọi là Vân Đồn, để mua bán hàng hóa quý, dâng tiến sản vật địa phương." (Toàn Thư 2, Hoàng Văn Lâu dịch, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1985, trang 338.)

(24) "Về phương diện kinh tế thì Huế là nơi bất tiện. Thủy thì chỉ có một đường theo sông Hương thông ra biển, mà cửa Thuận An lại hay bị tắc; về đường bộ thì chỉ một đường thiên lý thông với các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình và Quảng Nam, mà lại phải qua sông qua đèo khó khăn, cho nên kinh thành (tức Huế) không phải là nơi trung tâm về kinh tế." Đào Duy Anh, Việt Nam Văn Hóa Sử Cương, sdd, trang 75 - 76.

(25) Đến nay người đất Thuận - Quảng vẫn còn gọi Hoa là Ba, như trong câu ca dao xứ Quảng: Thùng thỉnh lượm bông ba rơi; lượm cho có cách hơn người trèo cao." Theo ĐNNTC, Ở xã Đông Ba huyện Diên Phước tỉnh Quảng Nam cũng có chợ tên Đông Ba. Tên cũ của tỉnh Thanh Hoá là Thanh Hoa. Tại TP. HCM có cây cầu tên Cầu Bông mà trong quyển sách biên khảo "Sài-gòn Năm Xưa" cụ Vương Hồng Sên nói ngày trước tên là Cầu Hoa, sau đổi ra Cầu Bông vì một sự kỵ húy. Không biết có trùng hợp gì với chợ Đông Hoa và tỉnh Thanh Hóa?

(26) Đại Nam Nhất Thống Chí, bản dịch của Phạm Trọng Diễm, Nxb. Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1970. Tập II, trang 330 - 331.

(27) Lê Quý Đôn Toàn Tập, Tập 1 - Phụ Biên Tập Lục, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1977, trang 234.

(28) Đào Duy Anh, Việt Nam Văn Hóa Sử Cương, sdd. trang 69 - 70.

(29) Trịnh Tri Tấn, Nguyễn Minh Nhựt, Phạm Tuấn - "Saigon Từ Khi Thành Lập Đến Giữa Thế Kỷ XIX", Nxb Tp. HCM, 1998. trang 19.

(30) "Các chợ với diện tích của nó có thể so sánh với rất nhiều đô thị ở châu Á. Nó lại còn to hơn nhiều đô thị về mặt dân số, đặc biệt là những ngày phiên chợ vào ngày mùng 1 và 15 âm lịch, khi dân các làng lân cận đổ về với hàng hóa của họ đông không tưởng được. Rất nhiều phố tuy rộng rãi, lúc đó đông đến nỗi là nếu trong nửa tiếng đồng hồ mà có thể lách qua đám đông đi được trăm bước cũng là giới rồi." (Baron White, lái buôn người Anh mô tả chợ ở kinh thành Thăng Long năm 1659, dẫn theo Phạm Văn Kính, "Vài Nét Về Bộ Mặt Thương Nghiệp Việt Nam Thời Lý Trần", trong "Tìm Hiểu Xã Hội Việt Nam Thời Lý Trần", Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà-nội, 1981, tr. 192)

(31) Văn Tạo (chủ biên), Đô Thị Cổ Việt Nam, Viện Sử Học, Hà Nội 1989. Dẫn theo Trần Ngọc Thêm, Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam, sdd, trang 251. Hiện nay các chợ này không còn nữa.

(32) Theo Nguyễn Thế Truật - Hồi Đáp 300 năm Sài Gòn Tp. HCM, Nxb Trẻ, Tp. HCM, 1998.

(33) Chợ tiền Hà Nội những năm trước, theo một bài báo ghi nhận, "nằm trên đoạn phố ngắn Đinh Tiên Hoàng, ngay bờ hồ Hoàn Kiếm, khoảng từ đầu phố Lê Lai đến đầu phố Tràng Tiền, dài quãng 50 mét. Chợ có cỡ từ 35-45 vị chuyên buôn bán ngoại tệ, cả đàn ông lẫn đàn bà... Mỗi người một bọc kè kè bên nách, hoặc cầm trên tay, toàn loại tiền mệnh giá lớn 50.000 và 20.000 đồng, với số lượng độ chục triệu đồng tiền Việt. Ai đi qua ta tây đều được chào mời. Mua và bán ngoại tệ, nhưng chủ yếu ở đây họ mua gom tiền là chính. Theo Trọng Huân, "Chợ Tiền Giữa Trung Tâm Thủ Đô", Tuổi Trẻ Chủ Nhật số 14/98, trang 38.

(35) Bùi Thiết, Tự điển Hội lễ Việt Nam, Nxb Văn Hóa, 1993, trang 181 - 182.

(36) Vương Hồng Sển, Sài-gòn Năm Xưa, nxb Tự Do, Sài-gòn 1960, tr.59. Chợ Bến Phà Mỹ Thuận thì sau khi cầu Mỹ Thuận hình thành, chợ này cũng không còn tồn tại nữa.

(37) Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, chợ Bãi Đắp ở kinh sư về sau đổi tên là chợ Phú Lễ.

(38) Dẫn theo Saigon Tiếp Thị, số Xuân 2000, trang 25.

(39) Trần Đăng Khoa, Chợ làng người Quê, Saigon Tiếp Thị Xuân 2000, trang 15.

(40) Dương Thế Hùng, Chợ Biên Giới Mùa Nước Nổi, TTCN, 40/97, tr. 38.

(41) Tam Thái, "Chợ Cùng Trời Cuối Đất", Saigon Tiếp Thị Xuân 2000, trang 28.

(42) Phạm Hồng, Chợ Tình và Quyền Tỏ Tình, Saigon Tiếp Thị, xuân 2000, trang 7.

(43) Theo Bùi Thiết, Tự Điển Hội Lễ Việt Nam, Nxb Văn Hoá, 1993. trang 179 – 180.

(44) Nguyễn Án - Phạm Đình Hồ, Tàng Thương Ngẫu Lục, NXB Văn Học, 1972, Tr. 19. [1] nay không còn nữa.

(45) Theo Bùi Thiết, Tự Điển Hội Lễ Việt Nam, Nxb Văn Hoá, 1993.

(46) Lê Nữ Yên Thương, Hương Hỏa Đồi Làng, Saigon Tiếp Thị, số Xuân 2000, tr. 19.

[2] Tam, théc, tiếng Nghệ Tĩnh: Ru em em ngủ cho muỗi.

(47) Có dị bản : "Triều Sơn bán nón, Mậu Tài bán kim"

(48) Trần Thanh Hà, Vui Chơi chợ Huế, Saigon Tiếp Thị Xuân 2000, trang 20.

(49) Trần Thanh Hà, đã dẫn.

(50) Sơn Nam, "Chợ Lớn - Sài Gòn", Saigon Tiếp Thị Xuân 2000, trang 30.

THIỆU KHANH



mục lục

- . lời mở đầu - trang 04
- . bên sông hoa - tùy bút – nguyên ngọc tuyết - trang 05-07
- . mệnh mộng chiều vàng – truyện ngắn – đàm lan – trang 08-13
 - . lửa hè - truyện phỏng dịch - từ vũ - trang 14-17
- . trương chi my nương - truyện ngắn - vũ lưu xuân – trang 18-26
 - . nhớ những ngày - thơ - đình hương – trang 27
- . giấc mơ có khuôn mặt đàn ông - truyện ngắn - nguyên thị tuyết mai – trang 28-29
 - . nắng cuối ngày - truyện ngắn - vương hoài uyên – trang 30-34
- . con gái người xưa - truyện ngắn - hà nguyên tường – trang 35-37
 - . lục bát viết tại pháp - thơ - chu trầm nguyên minh - trang 38-39
 - . hoài hương - thơ - lê văn trung - trang 40
- . viên ngọc bali - truyện ngắn - nguyên văn sâm - trang 41-45
 - . mùa hoa cúc bên sông - truyện ngắn - lý thị minh châu - trang 46-48
- . dưới bóng thùy dương - truyện ngắn - nguyên đoan tuyết - trang 49-52
 - . đà lạt của tôi ơi – thơ – búi đức long – trang 53
- . một ngày tôi đã gặp - truyện ngắn - lê nam phương - trang 54-59
 - . thư từ tuy hòa - truyện ngắn - cảnh cửu - trang 60-64
 - . gửi bạn xứ đoài xa xứ - thơ - nguyên khôi - trang 65
 - . vũ nữ kỳ nữ - thơ - triệu từ truyền - trang 66
 - . nguyệt cầm - thơ - trần văn lệ - trang 67
 - . ông lão xe bò - thơ – vũ quang tần - trang 68
- . canh rau quê hương - truyện ngắn - nguyên thị dị - trang 69-73
 - . đồng làng - truyện ngắn - nguyên lệ uyên - trang 74-78
 - . mộng bá vương - truyện ngắn - quý thể - trang 79-83
- . phút mặc khải – truyện ngắn – elena pucillo trương – trang 84-87
- . tình thù – truyện dịch – vũ anh tuần & đặng minh quyền – trang 88-94
 - . mây hoàng hôn – truyện ngắn – mang viên long – trang 95-104
 - . biệt hồ chiều – thơ – huy uyên – trang 104
 - . trăng lẻ – truyện ngắn – từ kế tường – trang 105-107
- . sapa thành phố trong mây thành phố trong sương... - bút ký – minh nguyên - trang 108-111
 - . khi về ngang trăng bom - thơ – hồ chí bửu - trang 111
 - . nước hồ gươm nở hoa ... - bút ký - mai thực - trang 112-116
 - . hoàng hạc lâu - tiểu luận - nguyên khôi - trang 117-119
- . thâm tâm với danh tác "tổng biệt hành" - biên luận - huyền viêm - trang 120-126
 - . hiện hữu và hư không - biên luận - võ công liêm - trang 127-131
- . nguyên du và tiếng lòng thiên thu - biên luận - tâm nhiên - trang 132-137
 - . của chợ và người – biên luận – thiếu khanh – trang 138-159

NGUYỆT SAN VIỆT VĂN MỚI

nguyệt san việt văn mới số 1

phát hành ngày 15 tháng 7 năm 2013

tủ sách việt văn mới newvietart xuất bản

chủ trương :

từ vũ

newvietart@gmail.com

biên tập : từ vũ & nguyễn thị dị

bìa và trình bày : emily carlier

trong chủ trương bảo vệ – củng cố và phát triển văn hoá truyền thống việt nam tuyển tập việt văn mới được phổ biến miễn phí – người đọc có thể ghi thu về máy vi tính hoặc ebook cá nhân của mình hay tự in ấn để lưu trữ .

Tuyển đối không được phổ biến với tính cách thương mại.



tủ sách việt văn mới

văn học nghệ thuật

việt văn mới

số 1 tháng 7 năm 2013

nguyễn khôi . đàm lan . nguyễn ngọc tuyết . vũ lưu xuân
đình hương . nguyễn thị tuyết mai . vương hoài yên . hà
nguyên tường . chu trầm nguyên minh . lê văn trung
nguyễn văn sâm . lý thị minh châu . nguyễn đoan tuyết
lê nam phương . cảnh cứu . triệu từ truyền . trần văn lệ
vũ quang tần . nguyễn thị dị . từ vũ . nguyễn lệ yên
quý thể . mai thực . huyền viêm . võ công liêm . tâm nhiên
đặng minh quyền . vũ anh tuần . thiếu khanh . mang viên
long . từ kế tường . huy yên . nguyễn minh . hồ chí bửu
bùi đức long . elena pucillo trương . emily carlier .

tủ sách việt văn mới xuất bản
2013